

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT THEO
QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN
VIỆT NAM, SỐ 208-QĐ/TW, NGÀY 1
THÁNG 11 NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

LÊ HỒNG ANH	Chủ tịch Hội đồng
ĐÌNH THẾ HUYNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	"
BÙI VĂN NAM	"
MAI QUANG PHẤN	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
LÊ QUANG VĨNH	"
PHẠM VĂN LINH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
HOÀNG PHONG HÀ	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

TRẦN QUỐC VƯỢNG	Trưởng ban
HOÀNG PHONG HÀ	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG QUỐC TUẤN	"
NGUYỄN MẠNH HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 62

NGUYỄN NGỌC HÀ (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HẰNG PHƯƠNG
MAI THỊ SOA

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP

TẬP 62
2003

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 62

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 62 phản ánh hoạt động lãnh đạo của Đảng trong năm 2003. Đây là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đây cũng là năm Trung ương Đảng đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ ở một số cơ quan trung ương, quân đội và một số doanh nghiệp nhà nước. Năm 2003 diễn ra hai hội nghị Ban Chấp hành Trung ương: Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (tháng 1-2003) thảo luận và thông qua nhiều quyết định quan trọng, trong đó có bốn nghị quyết: Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; Nghị quyết về công tác dân tộc; Nghị quyết về công tác tôn giáo và Nghị quyết về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (tháng 7-2003) thảo luận một số vấn đề quan trọng của đất nước, đặc biệt là Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Hội nghị xác định nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện

đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, Hội nghị cũng thảo luận các quan điểm, nguyên tắc và những nội dung chủ yếu của việc tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công, đồng thời thông qua Kết luận về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công.

Với mong muốn giới thiệu đến bạn đọc một cách đầy đủ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại..., *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 62 tập hợp 96 tài liệu gồm nhiều thể loại như nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, thông báo, kết luận,... của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các bài phát biểu của Tổng Bí thư... được ban hành trong năm 2003. Các tài liệu được sắp xếp theo trật tự thời gian. Riêng tài liệu Hội nghị Trung ương 7 và Hội nghị Trung ương 8 được sắp xếp theo trình tự Hội nghị để bạn đọc tiện theo dõi và tra cứu.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, xuất bản song *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 62 khó tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY (PHẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA IX*

Ngày 13 tháng 1 năm 2003

Thưa các đồng chí,

Tiếp tục Chương trình làm việc của mình, Hội nghị Trung ương 7 lần này sẽ bàn và ra quyết định về các vấn đề: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; công tác dân tộc và tôn giáo trong tình hình mới; đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và một số vấn đề quan trọng khác.

Các vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân tộc và tôn giáo đều là những vấn đề chính trị lớn, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng của nước ta. Bàn và quyết định các vấn đề đó là cụ thể hóa tư tưởng

* Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa IX họp từ ngày 13 đến ngày 21-1-2003 (B.T).

chiến lược của Đảng về phát huy sức mạnh toàn dân tộc đã ghi trong Nghị quyết Đại hội IX, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, bảo vệ và phát triển những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là trực tiếp bàn việc tiếp tục đổi mới và nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác dân vận của Đảng.

Từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết và chỉ thị về các vấn đề nêu trên: Nghị quyết 8B, ngày 27-3-1990 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI *“Về đổi mới công tác quần chúng”*, Nghị quyết 07 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII *“Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”*, các nghị quyết và chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư về các vấn đề dân tộc, tôn giáo, về công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ cùng nhiều đối tượng quần chúng khác. Điều cần thiết đối với Trung ương lần này là trong bối cảnh mới, sau hơn 16 năm đổi mới nhìn lại việc thực hiện các nghị quyết ấy, đánh giá đầy đủ và đúng đắn về tình hình thực hiện chủ trương đại đoàn kết toàn dân, trong đó, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo là bộ phận rất quan trọng, chỉ rõ những việc làm tốt, làm được và chưa làm tốt, chưa làm được, phân tích những nguyên nhân thành công và chưa thành công, rút ra những bài học cần thiết, trên cơ sở đó, đề ra những chủ trương và giải pháp có hiệu lực cho việc tiếp tục chỉ đạo mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc và các tôn giáo, động viên mạnh mẽ mọi tầng lớp nhân dân, mọi giai cấp, mọi dân tộc và tôn giáo

tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tạo ra động lực mới đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, giữ vững quốc phòng và an ninh. Đây là nhân tố bảo đảm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong vấn đề đại đoàn kết toàn dân, các vấn đề dân tộc và tôn giáo lại có tính đặc thù quan trọng. Nước ta có 54 dân tộc anh em, trong đó có nhiều dân tộc thiểu số sống xen kẽ nhau trên nhiều vùng rộng lớn và là địa bàn trọng yếu. Nước ta cũng có nhiều tôn giáo, trong đó có 6 tôn giáo lớn, với khoảng gần 1/4 số dân theo đạo. Giải quyết tốt và có chính sách đúng đắn về các vấn đề dân tộc và tôn giáo sẽ là một đóng góp to lớn vào việc mở rộng và tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới.

Cùng với các vấn đề nêu trên, **chính sách đất đai** là chính sách lớn, hệ trọng, mang tính tổng hợp cả về kinh tế và chính trị - xã hội, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta rất quan tâm. Giải quyết đúng đắn chính sách đất đai sẽ tạo thêm động lực, góp phần quan trọng để đạt được những thành tựu to lớn của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Yêu cầu đối với Trung ương lần này là đánh giá toàn diện và đúng đắn tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai trong thời gian vừa qua, cả về nội dung các chính sách, pháp luật, việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và tình hình thực tế quan hệ đất đai diễn ra trong xã hội. Cần tập trung phân tích, đánh giá tình hình từ năm 1993 đến nay, vừa khẳng định những quy định đúng đắn trong chính sách, pháp luật hiện hành, vừa nêu lên được những

vấn đề cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình hiện nay, làm cơ sở cho việc Quốc hội tiến hành xây dựng, sửa đổi, bổ sung Luật đất đai mới.

Thưa các đồng chí,

Những vấn đề mà Hội nghị Trung ương lần này bàn, không chỉ là những vấn đề có ý nghĩa chiến lược hệ trọng, được nhân dân đặc biệt quan tâm, không thể trì hoãn, mà còn là những vấn đề nhạy cảm, đòi hỏi sự giải quyết rất tinh tế và chuẩn xác. Thời gian dành cho Hội nghị không nhiều và lại vào thời điểm có nhiều việc phải làm. Tôi đề nghị các đồng chí Trung ương tập trung trí tuệ, với tinh thần dân chủ, thẳng thắn và trách nhiệm cao, tự phê bình và phê bình, thảo luận và tranh luận cặn kẽ, nói hết ý kiến của mình, cả trong đánh giá tình hình cũng như trong việc đề ra các chủ trương và giải pháp, tạo sự nhất trí cao, làm chuyển nhanh và chuyển tốt tình hình, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi mục tiêu chung là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị, chúc Hội nghị chúng ta thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 124/TLHN, ngày 20 tháng 1 năm 2003

**Giải trình tiếp thu ý kiến của Trung ương
về Đề án “Tình hình thực hiện và kiến nghị
tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai
trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước”**

1. Về đánh giá chung bản Đề án và dự thảo Nghị quyết

Đề án chính sách đất đai đã được Trung ương thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, có 120 đồng chí phát biểu ý kiến ở tổ và 12 đồng chí phát biểu ở hội trường.

Nhiều ý kiến cho rằng kỳ này Ban Chấp hành Trung ương bàn về vấn đề đất đai là rất cần thiết, phù hợp với đòi hỏi của cuộc sống, là vấn đề có ý nghĩa rất lớn và hệ trọng cả về kinh tế, chính trị, xã hội và đang có nhiều bức xúc, là để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về lĩnh vực này.

Nhiều ý kiến đánh giá cao việc chuẩn bị Đề án, cho rằng Đề án được chuẩn bị công phu, huy động được nhiều cơ quan tham gia, bám sát tình hình thực tiễn, có nhiều vấn đề đánh

giá sâu, rõ ràng, nêu được nhiều vấn đề lớn, nhiều vấn đề mới; cơ bản đồng tình với Đề án về các kiến nghị tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật đất đai.

Các ý kiến đều đồng tình với Đề án: cần đề cập đến tất cả các loại đất; các chính sách, pháp luật đất đai; tập trung phân tích đánh giá tình hình từ 1993 đến nay; đề xuất kiến nghị tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai cho khoảng 10 năm tới.

Các ý kiến đều nhất trí khẳng định quyết tâm trong toàn Đảng, toàn dân lập lại trật tự về đất đai phù hợp với đường lối chính trị của Đảng, nhằm quản lý chặt chẽ đất đai, khai thác sử dụng đất đai có hiệu quả.

Nhiều ý kiến đánh giá bản Đề án đã cung cấp cho Trung ương nhiều tư liệu rất cụ thể, chi tiết, tạo điều kiện để rút ngắn thời gian chuẩn bị sửa đổi, ban hành Luật đất đai mới sau này.

Có một số ý kiến nhấn mạnh, bổ sung làm rõ thêm, hoặc còn khác nhau trên một số vấn đề như về chế độ sở hữu đất đai và quyền của Nhà nước với tư cách chủ sở hữu và quyền thống nhất quản lý đất đai, về giải quyết tranh chấp và khiếu kiện có liên quan đến đất đai, về một số quyền của người sử dụng đất (như quyền chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp...), vấn đề tích tụ ruộng đất và bảo đảm đất đai cho người sản xuất nông nghiệp, về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, về thời hạn giao đất, cho thuê đất, về giá đất và cơ chế xác định giá đất, về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất... Một số ý kiến cho rằng dự thảo Nghị quyết quá dài, đề cập đến nhiều vấn đề quá cụ thể, nên chưa làm nổi bật những chủ trương, chính sách lớn.

Bộ Chính trị thấy do đặc điểm của chính sách đất đai, nếu chỉ trình bày khái quát thì cũng khó hình dung được thực chất tình hình và hướng đổi mới sắp tới như thế nào. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị trình Trung ương bản dự thảo Nghị quyết đã được sửa theo hướng gọn lại, tập trung vào đánh giá khái quát tình hình và nguyên nhân, nêu lên những quan điểm chỉ đạo, những chủ trương, định hướng lớn về cơ chế, chính sách, giải pháp, để tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng, toàn dân, đồng thời làm cơ sở để xây dựng Luật đất đai mới.

Dưới đây xin giải trình, làm rõ thêm về một số vấn đề.

2. Về đánh giá tình hình và nguyên nhân

Các ý kiến phát biểu đều nhất trí với đánh giá tình hình trong Đề án, khẳng định những thành tựu và những yếu kém, hạn chế.

Bộ Chính trị tán thành nhiều ý kiến nhấn mạnh về những thành tựu quan trọng đạt được thời gian qua: trên cơ sở tổng kết thực tiễn của đất nước và tư duy đổi mới của Đảng, chính sách và pháp luật về đất đai đã đi vào thực tiễn và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, góp phần ổn định chính trị - xã hội; đất đai đã được sử dụng tốt hơn trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất gắn với phát triển nông nghiệp và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, người dân gắn bó hơn với đất đai; đất sử dụng cho xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng đô thị tăng tương đối nhanh, bộ mặt đô thị thay đổi một bước theo hướng văn minh, hiện đại; điều kiện nhà ở của người dân được cải thiện đáng kể, nhất là ở khu vực

đô thị; chính sách đất đai đã tạo động lực đột phá giải phóng sức sản xuất, phát triển nông nghiệp toàn diện, là thành công rất lớn; thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất bước đầu hình thành, đất ngày càng có giá và dần trở thành một nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển của Nhà nước và xã hội; quản lý nhà nước về đất đai đã có nhiều chuyển biến tích cực, ban hành được nhiều văn bản pháp luật, làm được nhiều việc cụ thể và tích lũy được nhiều kinh nghiệm.

Bộ Chính trị tán thành với nhiều ý kiến bổ sung của Trung ương làm rõ thêm những hạn chế về hiệu quả sử dụng đất và tình trạng tùy tiện trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất; những yếu kém trong quản lý của Nhà nước về đất đai với tư cách là đại diện chủ sở hữu toàn dân và tư cách thống nhất quản lý nhà nước về đất đai, để kéo dài tình trạng vi phạm nghiêm trọng pháp luật đất đai; những tác động tiêu cực của thị trường bất động sản do chưa có cơ chế, chính sách phù hợp và sự buông lỏng quản lý; tình trạng chuyển nhượng ngầm và sốt nhà đất gây nhiều khó khăn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của cả Nhà nước và nhân dân cũng như trong giải quyết nhà ở tại đô thị; tình trạng đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng về đất đai; sự bức xúc của việc tranh chấp, khiếu kiện về đất đai ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội; và đặc biệt là chưa phát huy được tốt nguồn nội lực to lớn và quý giá về đất đai vào việc phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước phải đầu tư lớn vào đất đai nhưng không thu lợi được bao nhiêu từ đất đai, trong khi những người đầu cơ, trục lợi về đất giàu lên nhanh chóng, gây bất bình trong xã hội.

Về nguyên nhân những hạn chế, yếu kém của tình hình, Bộ Chính trị tán thành một số ý kiến của Trung ương nhấn mạnh tính chất phức tạp trong quan hệ đất đai, có nguyên nhân do lịch sử để lại, đất đai có nguồn gốc rất phức tạp, chính sách đất đai thay đổi nhiều qua các thời kỳ. Nhưng mặt chủ quan là việc quán triệt chủ trương, chính sách đất đai trong Đảng và trong xã hội còn chưa đầy đủ, việc thể chế hóa chậm, lại không đồng bộ, tổ chức thực hiện kém hiệu quả ở các cấp, các ngành, buông lỏng quản lý đất đai, nhất là ở cấp cơ sở; chưa nhận thức đúng mức đất đai là nguồn nội lực cực kỳ quan trọng và là nguồn vốn to lớn của đất nước; một số vấn đề về quan điểm còn chưa rõ và dứt khoát, nên chưa cụ thể hóa được quyền của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu toàn dân và quyền thống nhất quản lý đất đai; chưa xác định đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của người sử dụng đất; chưa khẳng định rõ quyền sử dụng đất là hàng hóa đặc biệt và cần có sự quản lý đặc biệt, chưa thể chế hóa được chủ trương của Đảng về thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất, tư tưởng thương mại hóa đất đai một cách giản đơn có chiều hướng phát triển; còn thiếu sự chỉ đạo tập trung, kiên quyết trong giải quyết các vấn đề tồn tại về đất đai kéo dài trong nhiều năm...

Bộ Chính trị đề nghị khẳng định rõ thêm một số nguyên nhân quan trọng của tình hình là chính sách và pháp luật đất đai hiện hành còn những chỗ bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước những năm tới. Cụ thể là: Luật đất đai ban hành năm 1993 và hai lần sửa đổi, bổ sung (1998, 2001), nói chung mới tập trung chủ yếu vào đất sản xuất nông nghiệp

(và ngay với đất sản xuất nông nghiệp cũng chưa đề cập đến những quy định đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn); đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất phi nông nghiệp (làm hạ tầng, nhà ở, phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ...), nói chung còn thiếu nhiều quy định; vấn đề thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất về cơ bản chưa được đề cập đến.

3. Về chế độ sở hữu đất đai, quyền của Nhà nước với tư cách đại diện chủ sở hữu và quyền thống nhất quản lý đất đai

Đại bộ phận các ý kiến phát biểu đều nhất trí với Đề án, khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Cũng có một số ý kiến đề nghị thừa nhận sự đa dạng về sở hữu đất đai, có sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể (cộng đồng) và sở hữu tư nhân về đất đai. Có ý kiến đề nghị không gọi là sở hữu toàn dân mà gọi là sở hữu nhà nước về đất đai.

Bộ Chính trị đề nghị khẳng định: đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Quy định này phù hợp với bản chất của đất đai là lãnh thổ, là tài nguyên và tài sản chung vô cùng quý giá của quốc gia, được tạo lập nên bởi công sức và xương máu của toàn dân tộc qua nhiều thế hệ. Đa dạng hóa, tư nhân hóa sở hữu đất đai có thể gây ra những rối ren về chính trị - xã hội khó lường trước hậu quả, đe dọa mục tiêu phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bộ Chính trị nhất trí với các ý kiến của Trung ương cho rằng vừa qua thực tế có mâu thuẫn: quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, nhưng quyền của chủ sở hữu, nhất là về quyền định đoạt và quyền hưởng lợi từ đất đai chưa được định rõ, trong khi đó người được giao đất tự coi như người chủ sở hữu, tùy tiện mua bán, trên thực tế Nhà nước phải mặc cả với người sử dụng đất khi thu hồi đất sử dụng vào các mục đích công cộng và phát triển kinh tế - xã hội.

Thực tế cho thấy, để thực hiện có hiệu quả chế độ sở hữu toàn dân về đất đai do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, phải quy định đầy đủ hơn về quyền của Nhà nước, đặc biệt là quyền định đoạt và quyền hưởng lợi từ đất đai. Với tư cách là đại diện chủ sở hữu, Nhà nước phải có đầy đủ các quyền: quyền quyết định và quản lý mục đích sử dụng đất (quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên cả nước và trên từng địa bàn); quyết định giao đất, cho thuê đất, đấu thầu quyền sử dụng đất, thu hồi đất và thực hiện quyền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức việc xây dựng và quy định giá quyền sử dụng đất; thực hiện quyền hưởng lợi từ đất đai, định chính sách thu thuế từ đất đai và điều tiết phần giá trị tăng thêm từ đất đai do đầu tư vào đất mang lại; quản lý, giám sát việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất và xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai.

4. Về quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Hầu hết các ý kiến phát biểu đều nhất trí với Tờ trình: Cùng với việc khẳng định chế độ sở hữu toàn dân về đất đai,

tăng cường quyền của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu toàn dân và thống nhất quản lý nhà nước về đất đai, khẳng định đất đai phải có chủ sử dụng cụ thể, cần mở rộng và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện quyền của người sử dụng đất phù hợp với cơ chế thị trường, để tạo động lực nâng cao hiệu quả sử dụng đất, gắn bó hơn nữa người sử dụng với đất đai, cũng cần phải quy định rõ thêm và có chế tài đủ nghiêm để người sử dụng đất thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ với Nhà nước. Cần tiếp tục khẳng định các quyền của người sử dụng đất, bao gồm: quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại và thừa kế đối với quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất để cầm cố, thế chấp vay vốn và góp vốn hợp tác, liên doanh.

Về một số ý kiến còn khác nhau đối với quyền của người sử dụng đất, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Về quyền chuyển nhượng, quyền sử dụng đất, đa số các ý kiến của Trung ương nhất trí như Tờ trình; cũng có ý kiến đề nghị không nên để người sử dụng đất có quyền chuyển nhượng, vì đất đai thuộc sở hữu toàn dân; một số ý kiến đề nghị thủ tục cần đơn giản, người sử dụng đất khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ cần đăng ký giao dịch dân sự tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không cần xin phép.

Bộ Chính trị đề nghị khẳng định tiếp tục cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất, coi đây là một quyền hết sức quan trọng của người sử dụng đất. Có quy định để Nhà nước quản lý, giám sát được các giao dịch trong chuyển nhượng, quyền sử dụng đất, nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi để việc chuyển nhượng phù hợp với phương hướng chuyển

dịch cơ cấu kinh tế trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong cả nước và trên từng địa bàn. Đối với đất sản xuất nông nghiệp, cần có chính sách và quy định để giữ được diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch nhằm bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Có quy định chung về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất; nhưng đối với những vùng, miền đặc thù, Nhà nước cần có quy định phù hợp trong từng thời kỳ. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, cần có chính sách và biện pháp phù hợp với phong tục, tập quán trên từng địa bàn trong từng thời kỳ để đồng bào giữ được đất sản xuất, bảo đảm đời sống không ngừng cải thiện, phát triển bền vững.

- Về quyền thừa kế quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, một số ý kiến đề nghị giữ như quy định hiện nay trong Luật đất đai và Bộ luật dân sự; một số ý kiến phân vân về việc những người đã thoát ly đi làm nghề khác và ở địa phương khác có nên cho hưởng quyền thừa kế đất nông nghiệp hay không; nhiều ý kiến đề nghị cho thực hiện quyền thừa kế đối với đất như đối với mọi tài sản khác.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị như sau:

Theo quy định hiện hành, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, khi chết có quyền để thừa kế cho những người có đủ các điều kiện: có nhu cầu sử dụng đất, có điều kiện trực tiếp sử dụng đất đúng mục đích; chưa có đất hoặc đang sử dụng đất dưới hạn mức theo quy định của pháp luật. Hộ gia đình được Nhà nước giao đất nông nghiệp để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, nếu trong hộ có thành viên chết, thì các thành viên khác trong hộ được quyền tiếp tục sử dụng. Cá nhân và hộ

gia đình được Nhà nước giao đất nông nghiệp để trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp để trồng rừng, đất ở, khi chết có quyền cho người khác thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Bộ Chính trị thấy rằng quy định như hiện nay tuy nhằm mục đích bảo đảm giữ đất sản xuất nông nghiệp cho những người có nhu cầu sản xuất nông nghiệp, nhưng không phù hợp với tập quán chung và thực tế không có tính khả thi; trường hợp không được thừa kế theo luật định, thì người nông dân sẽ dùng quyền chuyển nhượng để thực hiện quyền thừa kế bằng tiền (bán lấy tiền để chia cho con cháu). Do đó cần đổi mới theo hướng cho thực hiện quyền thừa kế đối với cả đất trồng cây lâu năm và cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản theo pháp luật thừa kế.

- Một số ý kiến bản khoản về đề nghị cho phép các tổ chức, cá nhân dùng giá trị quyền sử dụng đất để cầm cố, thế chấp vay vốn các tổ chức tín dụng nước ngoài, cho rằng nếu không trả được nợ thì việc giải quyết hậu quả sẽ rất phức tạp. Một số ý kiến đề nghị nên tính toán thận trọng khi quy định cho các nhà đầu tư nước ngoài được thuê đất trực tiếp của hộ gia đình và hộ gia đình được góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất để liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, có một số ý kiến bản khoản về đề nghị áp dụng hình thức giao đất thu tiền một lần.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho nghiên cứu, làm thí điểm.

- Đối với đất sản xuất giao cho các nông, lâm trường, một số ý kiến Trung ương đề nghị cần quan tâm đến hiệu quả sử

dụng đất và cần có biện pháp xử lý tích cực những trường hợp sử dụng đất kém hiệu quả; đề nghị chỉ giao cho các hộ nông, lâm trường theo hạn mức diện tích bình quân tương đương như các hộ nông dân trên cùng địa bàn.

Bộ Chính trị đề nghị sắp tới cần tiến hành tổng kết đánh giá và kiên quyết sắp xếp lại các nông, lâm trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, đi liền với đổi mới quản lý nông, lâm trường, tạo sự chuyển biến tích cực về hiệu quả kinh tế - xã hội của từng nông, lâm trường; tổ chức lại cho phù hợp và giải thể những nông, lâm trường không cần thiết, không hiệu quả.

Đối với đất sản xuất giao cho các hộ nông, lâm trường có ý kiến Trung ương đề nghị nên cấp sổ đỏ với đầy đủ các quyền như hộ nông dân; có ý kiến đề nghị không cấp sổ đỏ.

Bộ Chính trị thấy rằng đất đai giao cho nông, lâm trường phải gắn với chức năng, nhiệm vụ của nông, lâm trường, Nhà nước giao đất cho nông, lâm trường tức là giao đất cho các tổ chức kinh tế; các hộ được nông, lâm trường giao khoán phải sử dụng đất đúng mục đích do nông, lâm trường giao, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nông, lâm trường; đồng thời bổ sung một số quyền nhất định cho các hộ được giao khoán để các hộ gắn bó với đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất (được dùng hợp đồng giao khoán và phân tài sản trên đất tăng thêm do người nhận khoán đầu tư tạo ra để thế chấp vay vốn ngân hàng, được thừa kế quyền lợi và nghĩa vụ trong hợp đồng nhận khoán). Không thể giao cho hộ nông, lâm trường đầy đủ các quyền như đối với hộ nông dân khác (vì như thế sẽ không còn là nông, lâm trường).

Theo tinh thần này, đề nghị Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo nghiên cứu xây dựng Đề án cụ thể và tổ chức chỉ đạo thực hiện về vấn đề này.

5. Về vấn đề tích tụ đất sản xuất nông nghiệp và bảo đảm điều kiện đất đai cho người sản xuất nông nghiệp

- Nhiều ý kiến đồng tình với chủ trương tích tụ đất sản xuất nông nghiệp để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đi lên sản xuất lớn, nhưng phải có bước đi phù hợp, có chính sách đồng bộ để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Nhiều ý kiến cho là cần có hạn mức giao đất sản xuất nông nghiệp không thu tiền, nhưng cần mở rộng thêm diện tích đất canh tác của mỗi hộ phù hợp với điều kiện đất đai của từng địa phương, trên cơ sở có quy hoạch và có chính sách điều tiết xã hội. Cũng có ý kiến lo ngại nếu tiến hành việc tích tụ đất không thận trọng sẽ nảy sinh vấn đề xã hội.

Bộ Chính trị thấy rằng cần khuyến khích quá trình tích tụ đất đai, sớm khắc phục tình trạng đất sản xuất nông nghiệp manh mún, nhưng không thể để quá trình tích tụ đất đai trong sản xuất nông nghiệp diễn ra một cách tự phát, mà phải có sự chỉ đạo và quản lý của Nhà nước, phải có quy hoạch, kế hoạch, có bước đi vững chắc trên từng địa bàn, lĩnh vực, gắn với phát triển ngành nghề, tạo việc làm; tích tụ đất đai không chỉ thông qua việc chuyển nhượng, mà còn phải áp dụng nhiều biện pháp (như thuê đất, góp cổ phần bằng quyền sử dụng đất để hình thành các tổ chức hợp tác, các công ty cổ phần...). Với tinh thần đó, hạn mức đất giao cho hộ nông dân không thu tiền sử dụng đất nên giữ như hiện hành; phần đất vượt hạn mức thì chuyển sang thuê và mức tối đa

là bao nhiêu thì giao cho các tỉnh, thành phố quy định phù hợp với điều kiện đất đai và lao động ở địa phương trong từng thời gian; Nhà nước áp dụng chính sách thuế để thúc đẩy sử dụng đất có hiệu quả và điều tiết thu nhập của người sử dụng nhiều đất. Theo hướng này, tạo điều kiện để phát triển có hiệu quả kinh tế trang trại.

- Về vấn đề bảo đảm đất đai cho người sản xuất nông nghiệp, nhiều ý kiến Trung ương nhất trí với Tờ trình; một số ý kiến cho rằng giải pháp địa phương xây dựng quỹ đất dự trữ hoặc cho các hộ thiếu đất thuê đất 5% là không có tính khả thi.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị: Tiếp tục thực hiện chính sách bảo đảm đất đai cho những người sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đồng thời có chính sách phát triển ngành nghề và đào tạo nghề để tạo điều kiện cho một bộ phận lao động nông nghiệp chuyển sang hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

6. Về thời hạn giao đất

Đi liền với vấn đề tích tụ đất sản xuất nông nghiệp là vấn đề thời hạn giao đất. Có ý kiến đề nghị giữ như hiện nay; có ý kiến đề nghị nên thống nhất cả là 20 năm hoặc 50 năm không phân biệt cây dài ngày hay ngắn ngày; có ý kiến đề nghị đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp trong hạn mức thì giao ổn định lâu dài như đất ở, kèm theo có quy định về việc người sử dụng phải trả lại đất khi Nhà nước thu hồi.

Bộ Chính trị đề nghị như sau: Tiếp tục ổn định thời hạn giao đất đối với diện tích ruộng đất đã giao hay cho thuê, vì

phần lớn đất giao đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã sản xuất ổn định. Khi hết thời hạn giao đất, cho thuê đất hiện nay, Nhà nước sẽ xem xét thống nhất thời hạn giao đất, cho thuê các loại đất sản xuất nông nghiệp (có thể giữ thời hạn như hiện nay hoặc có thể tới 50 năm).

7. Về việc đòi lại đất cũ và xử lý khiếu kiện có liên quan đến đất đai

- Các ý kiến của Trung ương đều nhất trí với Tờ trình, khẳng định giữ như quy định của Luật đất đai hiện hành: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Một số ý kiến đề nghị nếu đất trước đây Nhà nước mượn, có đầy đủ giấy tờ thì trả lại, nhưng không nhất thiết là trả lại đất cũ, mà có thể trả bằng tiền hoặc đất tại nơi khác. Bộ Chính trị đồng ý với ý kiến này.

- Về vấn đề giải quyết các tranh chấp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đất đai, hầu hết các ý kiến của Trung ương đều nhất trí ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cấp giải quyết cuối cùng, nếu không nhất trí thì đưa ra tòa án giải quyết; không khiếu kiện tiếp lên Quốc hội. Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến này.

8. Về vấn đề thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất

- Các ý kiến của Trung ương đều nhất trí với Tờ trình về

chủ trương, định hướng phát triển thị trường bất động sản và đề nghị nhấn mạnh: quyền sử dụng đất là một bộ phận quan trọng của thị trường bất động sản, nhưng quyền sử dụng đất là một hàng hóa đặc biệt, cần phải có cơ chế, chính sách phù hợp. Bộ Chính trị thấy những ý kiến đó là xác đáng.

- Về giá quyền sử dụng đất: Một số ý kiến Trung ương đề nghị thực hiện cơ chế một giá quyền sử dụng đất dựa trên quan hệ thị trường có sự quản lý của Nhà nước; giao đất cho các dự án trên cơ sở đấu giá, đấu thầu; Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá, ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá quyền sử dụng đất ở địa phương. Một số ý kiến đề nghị theo phương án: Thực hiện cơ chế xác định giá quyền sử dụng đất theo khung giá do Nhà nước quy định thống nhất, nhưng bổ sung thêm là phải trên cơ sở thị trường. Có ý kiến đề nghị Chính phủ cần có quy định giá đất thống nhất cho cả nước.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho thực hiện như sau: Nhà nước phải định giá đất và công bố công khai giá đất cụ thể trên từng địa bàn và trong từng thời gian nhất định để làm căn cứ thực hiện chính sách thu tài chính trong giao đất, cho thuê đất, thu thuế về đất, bồi thường khi thu hồi đất. Đất đai thực sự là một nguồn lực tài chính của Nhà nước và bảo đảm công bằng xã hội, hạn chế những tác động tiêu cực của việc đầu cơ đất đai, cần thu hẹp khoảng cách giữa giá đất do Nhà nước định và giá chuyển nhượng đất đai trên thị trường. Giá đất Nhà nước định phải bảo đảm không gây thất thu cho Ngân sách Nhà nước do thấp hơn giá chuyển nhượng đất đai trên thị trường; nhưng cũng không được tác động kích thích làm

tăng giá đất trong xã hội do chạy theo giá chuyển nhượng đất đai thực tế, không phát huy được vai trò điều tiết của Nhà nước đối với thị trường quyền sử dụng đất. *Chính phủ cần quy định khung giá đất để hướng dẫn và quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất; các tỉnh, thành phố xác định giá đất cụ thể trên địa bàn, phù hợp với thực tế của địa phương trong từng thời gian.* Đây là vấn đề chúng ta còn ít kinh nghiệm, cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý giá đất và xây dựng hệ thống định giá và thẩm định giá đất phù hợp với sự phát triển của thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất.

- Về chính sách tài chính đối với đất đai, các ý kiến Trung ương đều nhất trí như Tờ trình là phải thay đổi cơ bản chính sách thu để phát huy đầy đủ nguồn lực tài chính từ đất đai, đặc biệt là phải có chính sách điều tiết thông qua thuế thu nhập từ đất đai.

9. Về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

- Về người có trách nhiệm đứng ra bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, có ý kiến đề nghị nhà đầu tư phải có trách nhiệm bồi thường, Nhà nước chỉ hướng dẫn. Có ý kiến đề nghị Nhà nước đứng ra tổ chức bồi thường với các công trình lớn; còn với các công trình nhỏ thì nhà đầu tư tự đứng ra bồi thường và khuyến khích họ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ để làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ như Tờ trình: Nhà nước là người quyết định thu hồi đất, về nguyên tắc, Nhà nước phải tổ chức việc thu hồi, bồi thường và hỗ trợ tái

định cư, sau đó giao hoặc cho thuê đất đối với các dự án. Nhà nước có quy định chung để thực hiện việc bồi thường về đất đai và tài sản trên đất, hỗ trợ tạo việc làm và tổ chức tái định cư; đối với các dự án lớn, Nhà nước (công ty đầu tư xây dựng hạ tầng) đứng ra làm rồi giao, hoặc đấu thầu giao, cho thuê quyền sử dụng đất; đối với các dự án nhỏ thì chủ đầu tư tự tiến hành theo quy định chung.

- Các ý kiến Trung ương đều nhất trí với các nguyên tắc về chế độ bồi thường và hỗ trợ tái định cư như trong Tờ trình; nhưng có một số ý kiến băn khoăn về nguyên tắc “bảo đảm cho người bị thu hồi đất có chỗ ở mới bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ”; cho rằng ở những thành phố lớn khó có thể thực hiện được điều này.

Bộ Chính trị thấy cần phải quan tâm trước hết đến vấn đề tổ chức tái định cư và đào tạo nghề, tạo việc làm cho những người bị thu hồi đất, không nên chỉ bồi thường bằng tiền. Cần giữ nguyên tắc “bảo đảm cho người bị thu hồi đất đến chỗ ở mới có điều kiện phát triển bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ” để bảo đảm công bằng xã hội trong việc thu hồi đất sử dụng vào các mục đích công cộng và phát triển kinh tế - xã hội; theo nguyên tắc này, những người bị thu hồi đất cũng được thụ hưởng chung những thành quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; việc đánh giá “bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ” phải nhìn toàn diện, tổng hợp cả về điều kiện sản xuất, kinh doanh, khả năng có nghề nghiệp mới và điều kiện sinh hoạt về vật chất, văn hóa, tinh thần.

Ngoài những vấn đề lớn đã nêu ở trên, một số đồng chí Trung ương có ý kiến về một số điểm có tính chất khái niệm khoa học, Bộ Chính trị đề nghị những vấn đề như vậy cần

được quan tâm tiếp tục làm rõ trong quá trình nghiên cứu xây dựng Luật đất đai mới.

Bộ Chính trị kính trình Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY (PHẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Số 22-NQ/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2003

Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp tại Hà Nội từ ngày 13 đến ngày 21-1-2003, sau khi xem xét và thảo luận các báo cáo và tờ trình của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Thông qua các dự thảo nghị quyết sau đây của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX:

- Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”;

- Nghị quyết về công tác dân tộc;

- Nghị quyết về công tác tôn giáo;

- Nghị quyết về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào kết quả biểu quyết và ý

kiến đóng góp thảo luận của Trung ương tại Hội nghị để bổ sung, hoàn chỉnh các dự thảo nghị quyết, lấy ý kiến các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng trước khi ban hành chính thức và tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết nói trên của Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

2. Thông qua báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2002.

Giao Bộ Chính trị, Ban Bí thư căn cứ vào báo cáo kiểm điểm và ý kiến đóng góp, thảo luận của Trung ương tại Hội nghị để nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong thời gian tới.

3. Thông qua các quyết định về vấn đề nhân sự:

a) Bầu bổ sung 6 đồng chí giữ chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX:

- Đồng chí Nguyễn Văn Chi
- Đồng chí Lê Văn Giảng
- Đồng chí Trần Hòa
- Đồng chí Phạm Thị Hòe
- Đồng chí Lê Hồng Liêm
- Đồng chí Trần Văn Truyền.

b) Bầu đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương thay đồng chí Lê Hồng Anh đã nhận công tác khác.

c) Bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương,

Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương giữ chức Ủy viên
Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX...

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Số 23-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003
Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì
“Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng,
dân chủ, văn minh”

I- TÌNH HÌNH KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Từ sau Đại hội VI, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về dân tộc, tôn giáo, về Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thông qua việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó, quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội đã từng bước được phát huy, góp phần tích cực động viên nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Việc tập hợp nhân dân với các hình thức đa dạng có bước phát triển mới. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên

được mở rộng, vai trò và vị trí trong xã hội được nâng cao, nội dung hoạt động phong phú, thiết thực hơn, đã động viên, lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước.

Nhìn chung, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Đạt được thành tựu trên là do nhân dân ta có truyền thống yêu nước, thương nòi, đoàn kết trong quá trình dựng nước và giữ nước; từ ngày có Đảng, luôn gắn bó với Đảng, với cách mạng. Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng là ngọn cờ đoàn kết, tập hợp nhân dân trong thời kỳ phát triển mới của đất nước. Tổ chức đảng và chính quyền các cấp có bước chuyển biến về công tác dân vận. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân nỗ lực đổi mới công tác, hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn.

2. Tuy nhiên, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới.

Lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, phần vì đời sống còn nhiều khó khăn, phần vì bất bình trước những bất công xã hội và tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương phép nước nhiều lúc, nhiều nơi không nghiêm, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi rất gay gắt.

Việc tập hợp nhân dân vào Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội còn nhiều hạn chế, nhất là ở khu vực kinh tế tư nhân, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ở một số vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số...

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Đảng ta chưa phân tích và dự báo đầy đủ những biến đổi trong cơ cấu giai cấp - xã hội và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong nhân dân, trong một thời gian dài chưa có chủ trương khắc phục những mâu thuẫn ấy một cách đúng đắn, kịp thời. Nhiều tổ chức đảng, chính quyền còn coi nhẹ công tác dân vận. Hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu kém về nhiều mặt. Ở một số nơi, cấp ủy đảng còn mất đoàn kết; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, thậm chí thoái hóa, hư hỏng; một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên còn hẹp hòi, định kiến với những người ngoài Đảng, người làm kinh tế tư nhân, chức sắc tôn giáo... làm giảm sút vai trò hạt nhân lãnh đạo và đoàn kết của tổ chức đảng.

- Một số chủ trương, chính sách của Nhà nước chưa thể hiện đầy đủ quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc; việc thực hiện còn nhiều thiếu sót.

- Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn hình thức và nặng về hành chính, không sát dân.

- Sự suy thoái về lối sống và đạo đức, lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền làm xói mòn tình làng, nghĩa xóm. Ý thức công dân, ý thức chấp hành kỷ cương, chính sách, pháp luật của một bộ phận nhân dân còn yếu kém.

- Các thế lực thù địch ra sức phá hoại khối đoàn kết của nhân dân ta, luôn kích động những vấn đề “dân chủ, nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo... để gây ly gián, chia rẽ nội bộ Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1. Mục tiêu

Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Quan điểm

- Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

- Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng

lớp nhân dân; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước; xem đó là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

III- NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều thành phần, lấy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân là nhiệm vụ trung tâm; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái trong từng bước phát triển; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng. Tổ chức việc kết nghĩa, giúp đỡ nhau giữa các vùng, các địa phương có kinh tế phát triển với vùng nghèo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, phấn đấu nâng dần độ đồng đều về trình độ dân trí, văn hóa và mức độ hưởng thụ, chăm sóc sức khỏe của

nhân dân các vùng trong nước; gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của từng dân tộc; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc quyền, đặc lợi; thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, coi trọng vai trò của nhân dân trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Định hướng chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội:

Giai cấp công nhân: nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, bồi dưỡng tác phong công nghiệp, thực hiện “trí thức hóa công nhân”.

Giải quyết việc làm, giảm tối đa tỷ lệ công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt pháp luật lao động, bảo hộ lao động và việc chăm sóc, phục hồi sức khỏe cho công nhân. Sớm tổ chức thực hiện Quỹ trợ cấp thất nghiệp. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với công nhân, viên chức, lao động; chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao.

Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và phát triển đảng trong công nhân. Nghiên cứu việc giao cho tổ chức công đoàn giới thiệu những công nhân ưu tú để kết nạp vào Đảng.

Giai cấp nông dân: Nhà nước có chính sách điều tiết, hỗ trợ, tổ chức tốt việc tiêu thụ nông sản cho nông dân; đưa công nghệ sản xuất tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn; có chính sách điều chỉnh hợp lý việc sử dụng quỹ đất, vừa bảo đảm an

ninh lương thực, vừa thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; có chính sách khuyến khích nông dân chuyển sang các nghề phi nông nghiệp; thúc đẩy khôi phục làng nghề, phát triển ngành nghề mới ở nông thôn; mở rộng thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với nông dân hết tuổi lao động... Mở rộng các loại hình đào tạo nghề, chuyển giao khoa học - kỹ thuật và công nghệ thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, các trung tâm học tập cộng đồng và các điển hình nông dân sản xuất giỏi.

Hội Nông dân là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Đội ngũ trí thức: có cơ chế cụ thể phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; mở rộng dân chủ, khuyến khích sáng tạo, phát minh, sáng kiến và bảo vệ sở hữu trí tuệ; mở rộng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn và văn học, nghệ thuật chuyên ngành đối với các đề án phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Có chính sách động viên các nhà khoa học, kể cả những người đã nghỉ hưu và những người đang sinh sống ở nước ngoài tham gia các chương trình kinh tế - xã hội của quốc gia và xây dựng đường lối, chính sách, pháp luật. Đẩy mạnh phát triển đảng và nâng cao chất lượng công tác chính trị tư tưởng đối với trí thức và sinh viên.

Thanh niên: đẩy mạnh giáo dục nhận thức chính trị, giáo dục truyền thống và đạo đức cách mạng, nâng cao giác ngộ lý tưởng và hoài bão cho thanh niên, động viên thanh niên xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tích cực tạo việc làm cho thanh niên.

Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm. Tạo điều kiện, cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài để trở về phục vụ đất nước. Chú trọng bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ, dạy nghề cho thanh niên trong lực lượng vũ trang khi hết thời gian làm nghĩa vụ quân sự. Tăng cường tuyên truyền về Đảng và công tác phát triển đảng trong thanh niên. Thu hút rộng rãi thanh, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt.

Phụ nữ: tiếp tục nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội về công tác phụ nữ và vấn đề bình đẳng giới. Khẩn trương thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và công tác cán bộ nữ trong tình hình mới; lồng ghép vấn đề giới trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch chung. Coi trọng các chính sách xã hội, các chính sách về giới để giảm nhẹ lao động nặng nhọc cho phụ nữ. Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cho phụ nữ. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp.

Cựu chiến binh: phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau cải thiện đời sống; xóa đói, giảm nghèo; góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; là chỗ dựa tin cậy của Đảng và chính quyền ở cơ sở.

Người cao tuổi: xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe, quan tâm hơn đến người cao tuổi về y tế, hưởng thụ văn hóa,

nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội, nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi. Phát huy vai trò Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Các nhà doanh nghiệp: coi trọng vai trò của các doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện khung pháp lý chung để các nhà doanh nghiệp yên tâm phát triển sản xuất - kinh doanh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức hiệp hội các nhà doanh nghiệp.

Các dân tộc thiểu số: thực hiện tốt chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; chống kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc. Tập trung phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Nêu cao ý thức tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng thời tăng cường sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân sĩ, trí thức dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong việc bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Đồng bào các tôn giáo: bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của đạo

lý và truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với nước, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan. Đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo có trách nhiệm sống “tốt đời, đẹp đạo”, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo luật pháp và được luật pháp bảo hộ. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm tổn hại đến an ninh quốc gia.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài: có chính sách động viên và tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương tham gia xây dựng đất nước. Khuyến khích đồng bào đầu tư về trong nước, có chính sách thu hút, phát huy sự đóng góp của trí thức Việt kiều. Vận động đồng bào chấp hành tốt pháp luật ở các nước sở tại, đồng thời có biện pháp tích cực bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đồng bào. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Nhà nước ta trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Có chính sách khen thưởng người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc.

2. Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền nhà nước trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc

- Không ngừng hoàn thiện các cơ chế dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt

Quy chế dân chủ ở cơ sở, cụ thể hóa để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong tất cả các loại hình tổ chức và đơn vị cơ sở thuộc các cấp, các ngành, kể cả trong các cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Khắc phục mọi biểu hiện vi phạm dân chủ, coi nhẹ dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Phát huy dân chủ đồng thời đề cao pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong toàn xã hội.

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước phải đặt nhiệm vụ phục vụ nhân dân lên trên hết, giải quyết đúng đắn và nhanh chóng các công việc có quan hệ trực tiếp đến đời sống nhân dân; thực hiện đúng đắn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Nhà nước có cơ chế phối hợp và bảo đảm các điều kiện cần thiết để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; tích cực tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật; tập hợp, động viên nhân dân đồng tâm, hiệp lực thực hiện thắng lợi những chủ trương, nhiệm vụ của Nhà nước; đồng thời, làm tốt vai trò giám sát đối với các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, góp phần xây dựng và bảo vệ chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Đối với những vấn đề lớn và đặc biệt quan trọng của đất nước, cần có những hình thức thích hợp để nhân dân tham gia ý kiến. Trước khi ban hành những chủ trương, chính sách quan trọng, cần tổ chức chu đáo, thiết thực việc lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân có liên quan, bảo đảm để nhân dân có thể thẳng thắn bày tỏ được ý kiến đóng góp. Khuyến khích trao đổi, tranh luận với tinh thần xây dựng về những vấn đề có ý kiến khác nhau, tránh chụm mũ, áp đặt.

- Nhà nước chăm lo đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức cho cán bộ chính quyền các cấp. Xây dựng phong cách và phương thức công tác của cán bộ, công chức phù hợp với đạo đức cách mạng và đáp ứng yêu cầu tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Giáo dục cán bộ, công chức xây dựng và thực hành phong cách *“trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”*, *“nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”*.

Cán bộ, công chức phải có thái độ chân thành, tôn trọng dân, hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân; không thành kiến, phân biệt đối xử khi làm việc với dân.

Bổ sung, hoàn chỉnh Pháp lệnh cán bộ, công chức, chú ý phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ, công chức.

Thực hiện *phương thức dân chủ* trong lãnh đạo và quản lý điều hành, khắc phục lối làm việc mệnh lệnh, hành chính đơn thuần.

3. Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc

- Mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội và các tổ chức nhân dân. Sớm ban hành Luật về Hội quần chúng. Xây dựng các văn bản dưới luật để cụ thể hóa những nội dung nói trên và để

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy hiệu lực tốt hơn trong đời sống xã hội.

Xây dựng các cộng đồng dân cư tự quản ở các thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố, hoạt động trên cơ sở hương ước, quy ước không trái pháp luật. Chú trọng bồi dưỡng và hướng dẫn những người có uy tín trong cộng đồng tham gia đóng góp cho phong trào chung.

Phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng đồng truyền thống như làng, bản, dòng họ, gia đình; đồng thời, kịp thời uốn nắn những biểu hiện cục bộ, lệch lạc.

- Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phối hợp với các cơ quan nhà nước hướng hoạt động nhiều hơn về cơ sở, đến từng hộ dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vận động và giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng, hợp pháp, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở từng cộng đồng dân cư. Đi sát để hiểu tâm tư, nguyện vọng nhân dân, phát huy, nhân rộng những sáng kiến tích cực; vừa làm tốt chức năng tuyên truyền, giáo dục, vừa quan tâm bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

Cử đại diện của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia các ủy ban, hội đồng, ban điều hành một số dự án, chương trình kinh tế - xã hội có quan hệ trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở. Nghiên cứu việc đại diện công đoàn tham gia hội đồng quản trị trong các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa mà Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối và việc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trích quỹ lương để tạo kinh phí cho công đoàn hoạt động.

4. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục truyền thống yêu nước; trách nhiệm công dân; đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp trong nhân dân. Giáo dục ý thức chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội và đề cao ý thức cộng đồng trách nhiệm.

Củng cố và tăng cường các tổ chức làm công tác chính trị - tư tưởng. Phát huy vai trò tích cực của các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hóa, nghệ thuật, coi trọng xây dựng và tạo điều kiện hoạt động cần thiết cho lực lượng tuyên truyền miệng, nhất là ở các vùng dân tộc thiểu số và vùng đồng bào có đạo, các trung tâm dân cư lớn, vùng sâu, vùng xa. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần có kế hoạch vận động, giáo dục, bồi dưỡng ý thức giác ngộ chính trị cho đoàn viên, hội viên và nhân dân.

- Phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước. Thực hiện tốt các cuộc vận động về từng lĩnh vực cụ thể và cuộc vận động chung: *“Toàn dân đoàn kết phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*, tập trung vào các vấn đề:

+ Xây dựng phong trào toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi, làm giàu hợp pháp, từng gia đình làm giàu cho mình, cho cộng đồng, cho đất nước; xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu hàng năm có thêm nhiều đơn vị, địa phương không còn hộ nghèo.

+ Tiếp tục thực hiện tốt phong trào “*Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa*” và các cuộc vận động ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội và “*văn hóa phẩm*” độc hại.

+ Xây dựng phong trào “*cả nước trở thành một xã hội học tập*”, “*học tập suốt đời*”, trước hết trong cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

+ Tôn vinh người tốt, biểu dương việc tốt; bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến; lên án, phê phán, đấu tranh chống tệ quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những hành động coi thường kỷ luật, dân chủ cục đoan, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.

5. Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Kiên trì thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng và trong từng tổ chức đảng. Đảng viên gương mẫu tham gia sinh hoạt và làm nòng cốt trong các tổ chức nhân dân. Có cơ chế cụ thể để động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Kết hợp thực hiện chế độ tập trung, dân chủ trong Đảng và chế độ hiệp thương dân chủ trong tổ chức Mặt trận để làm phong phú thêm nền dân chủ ở nước ta.

Khi Đảng có các chủ trương, chính sách lớn, đại diện của cấp ủy đảng cần chủ động trình bày trước hội nghị Mặt trận

để mọi thành viên cùng bàn bạc, đóng góp ý kiến trên tinh thần dân chủ, xây dựng.

Tiếp tục cụ thể hóa việc phân công trách nhiệm giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị trên lĩnh vực kinh tế - xã hội cho phù hợp với thời kỳ mới. Giao cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đảm nhiệm một số mặt công việc có liên quan đến đời sống nhân dân.

Chăm lo đào tạo bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể. Sắp xếp, tổ chức lại và hiện đại hóa từng bước hệ thống các trường đoàn thể ở Trung ương. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố cần có Khoa Dân vận. Cử những cán bộ đủ tiêu chuẩn sang công tác Mặt trận và đoàn thể theo chủ trương luân chuyển cán bộ, qua đó phát hiện những cán bộ tốt để bồi dưỡng, đề bạt vào những cương vị lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt Nghị quyết này trong cán bộ, đảng viên, trong nhân dân và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết ở cấp mình.

2. Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành những chủ trương, chính sách, pháp luật cụ thể; xây dựng chương trình hành động, chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện.

3. Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, tổ chức

tốt việc phổ biến Nghị quyết trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

4. Các ban của Trung ương Đảng có kế hoạch thực hiện và theo dõi thực hiện Nghị quyết này. Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thường xuyên theo dõi và kiểm tra việc triển khai Nghị quyết và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Các nghị quyết của Trung ương Đảng

2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 2004, tr. 116-133.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Số 24-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003
Về công tác dân tộc

Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, kề vai sát cánh với nhau trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Các dân tộc thiểu số nước ta cư trú xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng bào các dân tộc nước ta có truyền thống đoàn kết lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên, khắc phục thiên tai và xây dựng đất nước. Mỗi dân tộc có sắc thái văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn

đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương, chính sách dân tộc, với những nội dung cơ bản là: “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển”. Trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những thành tựu to lớn góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước.

I- TÌNH HÌNH CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG THỜI GIAN QUA

1. Những thành tựu cơ bản

Sau hơn 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết 22-NQ/TW, ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị *Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi*, tình hình miền núi và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số có bước chuyển biến quan trọng.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc cơ bản đã được Hiến pháp xác định và được thể hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố. Nền kinh tế nhiều thành phần ở miền núi và các vùng dân tộc từng bước hình thành và phát triển, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Việc triển khai thực hiện nhiều chính sách, chương trình, dự án đầu tư đã làm cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân ở nhiều vùng đồng bào dân tộc được cải thiện rõ rệt. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được những kết quả to lớn. Mặt bằng dân trí được nâng lên. Mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ đã được thực hiện; hệ thống trường

phổ thông dân tộc nội trú được hình thành từ Trung ương đến tỉnh, huyện, cụm xã. Văn hóa phát triển phong phú hơn; đời sống văn hóa của đồng bào được nâng cao một bước; văn hóa truyền thống của các dân tộc được tôn trọng, giữ gìn và phát huy. Các loại bệnh dịch cơ bản được ngăn chặn và từng bước đẩy lùi; việc khám, chữa bệnh cho người nghèo vùng sâu, vùng xa được quan tâm hơn.

Hệ thống chính trị ở các vùng dân tộc và miền núi bước đầu được tăng cường và củng cố. Tình hình chính trị, trật tự xã hội cơ bản ổn định; an ninh, quốc phòng được giữ vững.

2. Những hạn chế, yếu kém

Nhìn chung, kinh tế ở miền núi và các vùng dân tộc còn chậm phát triển, nhiều nơi còn lúng túng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập quán canh tác còn lạc hậu. Chất lượng sản phẩm thấp, tiêu thụ rất khó khăn. Tình trạng du canh, du cư, di cư tự do còn diễn biến phức tạp. Một số hộ còn thiếu đất sản xuất. Kết cấu hạ tầng ở một số vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng còn rất thấp kém. Kinh tế lâm nghiệp chuyển biến chậm, chính sách đối với lâm nghiệp chưa thật sự bảo đảm cho đồng bào sống và gắn bó với nghề rừng. Nhiều nơi môi trường sinh thái đang tiếp tục bị suy thoái.

Ở nhiều vùng dân tộc và miền núi tỷ lệ đói nghèo hiện còn cao so với bình quân chung của cả nước; khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc ngày càng tăng; chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp, việc đào tạo nghề chưa được quan tâm, công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

Một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan có xu hướng phát triển. Một số bản sắc tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một. Mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào còn thấp.

Hệ thống chính trị cơ sở ở nhiều vùng dân tộc và miền núi còn yếu: trình độ của đội ngũ cán bộ còn thấp, công tác phát triển đảng chậm; cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi hoạt động chưa hiệu quả, không sát dân, không tập hợp được đồng bào.

Ở một số nơi tôn giáo phát triển không bình thường, trái pháp luật và truyền thống, phong tục, tập quán của nhân dân; một số nơi đồng bào bị các thế lực thù địch và kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo vào các hoạt động gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Nguyên nhân là:

- *Về khách quan:*

Địa bàn các vùng dân tộc và miền núi rộng lớn, địa hình hiểm trở, chia cắt phức tạp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt. Đồng bào dân tộc ở nhiều vùng sâu, vùng xa sống phân tán, đi lại khó khăn, ít cơ hội tiếp xúc với các dịch vụ, phúc lợi xã hội và nền kinh tế thị trường.

Do lịch sử để lại, kinh tế - xã hội ở nhiều vùng dân tộc và miền núi còn kém phát triển, mang nặng tính tự cấp, tự túc, dựa nhiều vào tự nhiên; phương thức sản xuất, tập quán canh tác còn lạc hậu.

Các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng khó khăn về đời sống, trình độ dân trí thấp của đồng bào và những sai sót của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta để kích động, chia rẽ các dân

tộc nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

- *Về chủ quan:*

Nhận thức của các cấp, các ngành và của nhiều cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác dân tộc chưa sâu sắc, chưa toàn diện. Một số chính sách dân tộc chưa được cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của địa phương. Một bộ phận cán bộ, đảng viên vùng dân tộc còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, chưa chủ động khơi dậy và phát huy tốt các nguồn lực của địa phương.

Việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách dân tộc ở các vùng dân tộc và miền núi còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở vùng dân tộc và miền núi còn thiếu về số lượng, yếu về năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số chưa được quan tâm. Bộ máy đảng và chính quyền các cấp ở nhiều nơi còn quan liêu, xa dân, chưa sâu sát thực tế, chưa nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của đồng bào. Một số nơi còn dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực, vi phạm chính sách dân tộc, làm giảm lòng tin của đồng bào. Trong quản lý, điều hành lại buông lỏng công tác kiểm tra, thanh tra, để nhiều sai phạm kéo dài.

Hệ thống tổ chức làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, chưa được các cấp ủy quan tâm xây dựng, kiện toàn để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình, nhiệm vụ mới.

II- CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ MỚI

1. Một số quan điểm cơ bản

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2010

- Phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống đồng bào các dân tộc. Đến năm 2010, các vùng dân tộc và miền núi cơ bản không còn hộ đói; giảm hộ nghèo xuống dưới 10%; giảm dần khoảng cách chênh lệch mức sống giữa các dân tộc, các vùng; trên 90% hộ dân có đủ điện, nước sinh hoạt; xóa tình trạng nhà tạm, nhà dột nát; 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn; hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; chấm dứt tình trạng di cư tự do; giải quyết cơ bản vấn đề đất sản xuất cho nông dân thiếu đất; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái.

- Nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc sức khỏe, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào: hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh việc dạy và học chữ dân tộc. Hầu hết đồng bào nghèo vùng sâu, vùng xa được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng dân tộc. Hơn 90% đồng bào được xem truyền hình; 100% được nghe đài phát thanh; các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát triển.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu của địa phương; củng cố hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững

mạnh; nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc tham gia thực hiện tốt chính sách dân tộc.

- Giữ vững an ninh, quốc phòng ở vùng dân tộc và miền núi; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng ở các địa bàn xung yếu vùng sâu, biên giới, ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đoàn kết giữa các dân tộc, làm mất ổn định xã hội.

3. Những nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách

- Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa; trong những năm trước mắt tập trung trợ giúp đồng bào nghèo, các dân tộc đặc biệt khó khăn giải quyết ngay những vấn đề bức xúc như: tình trạng thiếu lương thực, thiếu nước sinh hoạt, nhà ở tạm bợ, không đủ tư liệu sản xuất, dụng cụ sinh hoạt tối thiểu; xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở và vấn đề tranh chấp đất đai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở Tây Nguyên, Tây Bắc và vùng đồng bào dân tộc Khơ-me Nam Bộ.

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới. Làm tốt công tác định canh, định cư và di dân xây dựng vùng kinh tế mới; công tác quy hoạch, sắp xếp, phân bổ lại hợp lý dân cư, nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững, gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình; tăng cường các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền hướng về cơ sở; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng các tiếng dân tộc thiểu số; làm tốt công tác nghiên cứu, sưu tầm, giữ gìn và phát huy các giá trị, truyền thống tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc.

Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở và các chương trình giáo dục miền núi, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú các cấp; đẩy mạnh việc tổ chức các trường mẫu giáo công lập; mở rộng việc dạy chữ dân tộc. Đa dạng hóa, phát triển nhanh các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề ở vùng dân tộc; đưa chương trình dạy nghề vào các trường dân tộc nội trú; tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu tiên, cử tuyển dành cho con em các dân tộc vào học tại các trường đại học và cao đẳng; mở thêm trường dự bị đại học dân tộc ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Nghiên cứu tổ chức hệ thống trường chuyên đào tạo, bồi dưỡng trí thức và cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Tăng cường cơ sở khám, chữa bệnh, cán bộ y tế cho các xã, bản, thôn, ấp; nâng cao hơn nữa chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích trồng và sử dụng các loại thuốc dân gian.

- củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) *Về kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở*; kiên quyết khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân của một số cán bộ; thực hiện tốt công tác quy

hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, luân chuyển cán bộ. Đẩy mạnh phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc, khắc phục tình trạng cơ sở không có tổ chức đảng và đảng viên.

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, phát huy sức mạnh tại chỗ để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra những “điểm nóng” về an ninh, trật tự xã hội ở vùng dân tộc và miền núi.

Tiếp tục xây dựng, phát triển nhanh các khu kinh tế kết hợp quốc phòng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Thực hiện tốt chính sách tín ngưỡng và tôn giáo ở vùng dân tộc và miền núi; kiên quyết ngăn chặn việc lợi dụng chính sách tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng để hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta.

- Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tích cực, chủ động tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

Thông qua các chính sách, biện pháp cụ thể, động viên đồng bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực tự cường, tinh thần vươn lên trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

4. Một số giải pháp chủ yếu

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về vị trí, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình mới. Xem việc quán triệt và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương.

Tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước cho mọi cán bộ, đảng viên và cho nhân dân. Phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh những chính sách đã có và nghiên cứu ban hành những chính sách mới, để đáp ứng yêu cầu phát triển các vùng dân tộc và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới.

Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, giúp đỡ vùng dân tộc và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho xóa đói, giảm nghèo, phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giải quyết những khó khăn bức xúc của đồng bào vùng dân tộc và miền núi; trước hết tập trung cho các vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện nghiêm chỉnh việc công khai hóa các chính sách, chương trình, dự án, vốn đầu tư... để đồng bào biết và tham gia quản lý, giám sát quá trình thực hiện.

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc và miền núi.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc. Trong những năm trước mắt, cần tăng cường lực lượng cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt đến công tác ở vùng dân tộc, nhất là các địa bàn xung yếu về chính trị, an ninh, quốc phòng; coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo thanh niên sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự làm nguồn cán bộ bổ sung cho cơ sở; nghiên cứu sửa đổi tiêu chuẩn tuyển dụng, bổ nhiệm và các cơ chế, chính sách đãi ngộ cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi, nhất là những cán bộ công tác lâu năm ở miền núi, vùng cao.

Kiên toàn và chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương. Tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc để làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách dân tộc. Một số bộ, ngành cần tổ chức bộ phận và có cán bộ chuyên trách làm công tác dân tộc.

- Tăng cường công tác vận động quần chúng trong việc bảo đảm thực hiện tốt chính sách dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Nâng cao hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân trong việc tham gia triển khai, thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

Có chính sách động viên, bồi dưỡng, hướng dẫn và phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các địa bàn dân cư vùng dân tộc và miền núi.

Đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc; quán triệt phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc; sử dụng nhiều phương thức phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi phải quán triệt và thực hiện thật tốt phong cách công tác dân vận: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân”.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt Nghị quyết này cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc ở các bộ, ngành và địa phương vùng đồng bào các dân tộc thiểu số phải nắm chắc, hiểu rõ nội dung Nghị quyết để tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ thể chế hóa nội dung Nghị quyết; kết hợp với các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi đã và đang thực hiện, để xây dựng chương trình hành động của Chính phủ; đồng thời chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương cụ thể hóa Nghị quyết bằng chương trình hành động, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, hàng năm và công tác thường xuyên của các cấp.

3. Các cấp ủy vùng dân tộc và miền núi nghiên cứu vận dụng nội dung Nghị quyết vào tình hình cụ thể ở địa phương, kết hợp với việc triển khai các Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX): *Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn; Về đẩy nhanh công nghiệp hóa,*

hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010 để xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân cần tổ chức quán triệt Nghị quyết, xây dựng các chương trình hành động cụ thể; làm tốt công tác giáo dục, vận động quần chúng thực hiện các chính sách dân tộc của Đảng.

5. Ban Cán sự đảng Ủy ban Dân tộc phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc ở các nơi cần thiết; khẩn trương xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số ở các vùng dân tộc và miền núi; đề xuất chính sách đặc thù, thống nhất trong cả nước nhằm sử dụng có hiệu quả số học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số đã được đào tạo.

6. Ban Cán sự đảng Ủy ban Dân tộc cùng Ban Dân vận Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết; trong quá trình triển khai, cần bám sát thực tế, kịp thời phát hiện, đề xuất, kiến nghị để điều chỉnh, bổ sung cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Các nghị quyết của Trung ương Đảng

2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 2004, tr. 134-148.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Số 25-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003
Về công tác tôn giáo

I- TÌNH HÌNH TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

Qua các giai đoạn cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, chính sách “tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết” do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân kháng chiến thắng lợi, giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho đất nước.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề tôn giáo có những nội dung mới. Năm 1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 24 về công tác tôn giáo, xác định “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”, “các giáo hội và tổ chức

tôn giáo nào có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp Nhà nước, có tổ chức phù hợp và bộ máy nhân sự đảm bảo tốt về cả hai mặt đạo, đời thì sẽ được Nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động”.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, công tác vận động đồng bào có đạo, các tín đồ, chức sắc... hưởng ứng tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng *khối đại đoàn kết toàn dân tộc* đạt được nhiều tiến bộ.

Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn chung, các tổ chức tôn giáo đã xây dựng đường hướng hành đạo, hoạt động theo pháp luật; các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước. Các ngành, các cấp đã chủ động, tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị ở các vùng đồng bào tôn giáo, đồng thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, tình hình hoạt động tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định. Một số người chưa tuân thủ pháp luật, còn tổ chức truyền đạo trái phép; còn lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan. Việc khiếu kiện và tranh chấp liên quan đến đất đai và cơ sở vật chất của tôn giáo ở một số nơi tăng lên, có nơi gay gắt, phức tạp. Ở một số nơi, nhất là ở

vùng dân tộc thiểu số, một số người đã lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để tiến hành những hoạt động chống đối, kích động tín đồ nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

Có tình hình trên đây là do: công tác tôn giáo chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, trong khi các thế lực thù địch ráo riết tranh thủ, giành giật, lôi kéo quần chúng tín đồ, chức sắc tôn giáo. Một số cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ có trách nhiệm chưa nhận thức, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Có nơi chủ quan, nóng vội, giản đơn trong giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo; có nơi lại hữu khuynh, thụ động, buông lỏng quản lý. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo chậm được thể chế hóa. Tổ chức, bộ máy làm công tác tôn giáo của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo chưa xác định rõ được mô hình, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế phối hợp, thiếu sự quan tâm đầu tư bảo đảm các điều kiện hoạt động; đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo và hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng đông tín đồ tôn giáo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số còn yếu, việc tập hợp quần chúng còn hạn chế.

II- QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để thực hiện phương hướng trên, các cấp ủy, tổ chức đảng, các cấp, các ngành cần thống nhất nhận thức về các quan điểm và chính sách sau đây:

1. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

2. Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

3. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

4. Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

5. Vấn đề theo đạo và truyền đạo

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các *tổ chức tôn giáo* được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

III- NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

- Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo” trong quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành ở cơ sở. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào có đạo, tự giác và phối hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để phá hoại đoàn kết dân tộc, chống đối chế độ.

- Hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đấu tranh làm thất bại những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch bên ngoài đối với tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ở nước ta.

- Tổng kết việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo. Tăng cường nghiên cứu cơ bản, tổng kết thực tiễn, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách trước mắt và lâu dài đối với tôn giáo.

IV- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo.

- Giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc, làm cho các tôn giáo gắn bó với dân tộc, với đất nước và chủ nghĩa xã hội, hăng hái thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Giữ gìn và phát huy truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và nhân dân; tôn trọng tín ngưỡng truyền thống của đồng bào

các dân tộc và đồng bào có đạo, thông qua đó tăng cường sự đồng thuận giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo và những người không tín ngưỡng, tôn giáo; giữa những người có các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; đồng thời, tạo cơ sở để đấu tranh chống những tà đạo, những hoạt động mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo làm hại đến lợi ích của Tổ quốc, dân tộc và nhân dân.

2. Tăng cường công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị ở cơ sở

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; đổi mới nội dung, phương thức công tác vận động đồng bào tín đồ các tôn giáo, phù hợp với đặc điểm của đồng bào có nhu cầu luôn gắn bó với sinh hoạt tôn giáo và tổ chức tôn giáo.

- Tăng cường hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo.

3. Tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo

- Tăng cường đầu tư và thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân các vùng khó khăn, đặc biệt quan tâm các vùng đông tín đồ tôn giáo và vùng dân tộc miền núi còn nhiều khó khăn.

- Sớm ban hành *Pháp lệnh về tôn giáo* và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chuẩn bị để tiến tới xây dựng *Luật về tín ngưỡng, tôn giáo*.

- Tăng cường cảnh giác cách mạng, xây dựng phương án cụ thể, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo để kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Giải quyết việc tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục... của Nhà nước, theo nguyên tắc:

Khuyến khích các tôn giáo đã được Nhà nước thừa nhận tham gia phù hợp với chức năng, nguyên tắc tổ chức của mỗi tôn giáo và quy định của pháp luật.

Cá nhân tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tham gia với tư cách công dân thì được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thống nhất chủ trương xử lý vấn đề nhà, đất sử dụng vào mục đích tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo:

Đối với đất đai, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với việc khiếu kiện liên quan đến nhà và cơ sở tôn giáo đã chuyển giao cho chính quyền hoặc đoàn thể sử dụng: về nguyên tắc, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành; riêng đối với những trường hợp nhà, đất do tôn giáo đã hiến tặng có văn bản xác nhận thì không đặt vấn đề trả lại.

- Đối với hội đoàn tôn giáo, thực hiện theo nguyên tắc mọi tổ chức tôn giáo phải được Nhà nước công nhận và hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Tăng cường công tác tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo

- củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức làm công tác tôn giáo

của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình tổ chức quản lý nhà nước về tôn giáo ở các cấp; xây dựng quy chế phối hợp phát huy sức mạnh và hiệu quả công tác.

- Xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng, sử dụng và bảo đảm chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo.

- Quan tâm thỏa đáng việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp. Cán bộ làm công tác tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải được bồi dưỡng, huấn luyện để hiểu biết phong tục tập quán, tiếng nói của dân tộc nơi mình công tác.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt *Nghị quyết về công tác tôn giáo* đồng thời với *Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc* và *Nghị quyết về công tác dân tộc*. Tổ chức nghiên cứu sâu trong cán bộ làm công tác tôn giáo và trong những địa phương có đông đồng bào theo đạo và những địa phương có vấn đề tôn giáo phát sinh. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch phổ biến tinh thần *Nghị quyết* trong chức sắc và tín đồ các tôn giáo.

2. Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc cụ thể hóa nội dung *Nghị quyết* thành chính sách, pháp luật; xây dựng chương trình hành động của Quốc hội và Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện. Đối với các luật, pháp lệnh mà phạm vi điều chỉnh có liên quan đến tôn giáo cần có điều khoản

riêng quy định những nội dung cụ thể liên quan đến vấn đề về tôn giáo.

3. Các cấp ủy căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra để Nghị quyết sớm đi vào cuộc sống.

4. Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, tổ chức đoàn viên, hội viên thực hiện.

5. Ban Dân vận Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết; trong quá trình thực hiện, kịp thời phát hiện, đề xuất, kiến nghị để điều chỉnh, bổ sung cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Các nghị quyết của Trung ương Đảng
2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2004, tr. 149-159.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Số 26-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003

Tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai
trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Những đổi mới trong chính sách, pháp luật về đất đai hơn 15 năm qua đã đưa đến những kết quả tích cực, thúc đẩy kinh tế phát triển, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Người sử dụng đất gắn bó nhiều hơn với đất đai. Đất đai được sử dụng có hiệu quả hơn. Đất xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng đô thị tăng tương đối nhanh, đồng thời diện tích đất sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục tăng. Công tác quản lý nhà nước về đất đai có tiến bộ; hệ thống quản lý được tăng cường, từng bước phân cấp nhiều hơn cho địa phương.

Quyền sử dụng đất đã bước đầu trở thành một nguồn vốn để Nhà nước và nhân dân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Thị trường bất động sản tuy còn sơ khai, nhưng đã thu hút được một lượng vốn khá lớn vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện về mặt bằng cho các ngành sản xuất, kinh doanh phát triển, cải thiện điều kiện về nhà ở cho nhân dân, nhất là tại các đô thị.

Đạt được những thành tựu trên là do Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai, tạo ra động lực mới, được nhân dân đồng tình; cấp ủy, chính quyền các cấp đã vận dụng sáng tạo chính sách, pháp luật về đất đai vào thực tiễn địa phương.

Tuy nhiên, công tác quản lý và sử dụng đất đai hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém và nhiều vấn đề bức xúc.

Tiềm năng đất đai chưa được phát huy tốt; đất đai chưa được chuyển dịch hợp lý, hiệu quả sử dụng còn thấp. Đất sản xuất nông nghiệp còn manh mún; rừng tiếp tục bị tàn phá, diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất bị xói mòn còn lớn. Việc sử dụng đất của nhiều khu công nghiệp, doanh nghiệp, cơ quan còn lãng phí. Tình trạng người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai và tình hình khiếu kiện về đất đai diễn ra nghiêm trọng và phổ biến. Việc Nhà nước thu hồi đất, đền bù giải tỏa mặt bằng thực hiện hết sức khó khăn.

Hoạt động của thị trường bất động sản không lành mạnh, tình trạng đầu cơ về đất đai và bất động sản gắn liền với đất rất nghiêm trọng, đẩy giá đất lên cao, đặc biệt là ở đô thị, gây khó khăn, cản trở lớn cho cả đầu tư phát triển và giải quyết nhà ở, tạo ra những đặc quyền, đặc lợi, dẫn đến tiêu cực và tham nhũng của một số cá nhân và tổ chức.

Những hạn chế, yếu kém trên do đất đai có nguồn gốc phức tạp; chính sách đất đai thay đổi qua nhiều thời kỳ; quản lý đất đai chuyển từ cơ chế tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường đặt ra nhiều vấn đề mới, trong khi chúng ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm; nhưng *nguyên nhân chủ yếu* là:

- Chưa nhận thức đúng mức đất đai là tài sản đặc biệt của quốc gia, là nguồn nội lực quan trọng và nguồn vốn to lớn của đất nước; chưa khẳng định rõ quyền sử dụng đất là hàng hóa đặc biệt và cần có cơ chế quản lý phù hợp. Quản lý nhà nước về đất đai còn nhiều hạn chế, yếu kém, quản lý thị trường bất động sản bị buông lỏng. Người sử dụng đất chưa thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Chính sách tài chính đối với đất đai còn nhiều bất cập, gây thất thoát lớn cho Ngân sách Nhà nước. Khuynh hướng tự phát chạy theo cơ chế thị trường đã gây ra nhiều sai lệch trong việc thực hiện chính sách đất đai.

- Một số chủ trương, chính sách lớn rất quan trọng của Đảng về đất đai chưa được thể chế hóa (như: chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai; thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất...). Văn bản pháp luật về đất đai ban hành nhiều, nhưng chồng chéo, thiếu đồng bộ. Chưa làm tốt việc phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về đất đai trong nhân dân. Nhiều chính sách đã ban hành chưa được tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn và thi hành nghiêm túc.

- Vai trò và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu của Nhà nước đối với đất đai chưa được xác định rõ. Chưa quan tâm đúng mức việc đầu tư cho công tác quản lý đất đai, xây dựng

bộ máy và chỉ đạo công tác quản lý đất đai. Chưa thực hiện tốt công khai, dân chủ trong việc thực thi các chính sách, pháp luật về đất đai. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai ở các địa phương chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa kịp thời thanh tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về đất đai.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên tha hóa, đã lợi dụng chức quyền để trục lợi, tham nhũng trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, gây ảnh hưởng xấu trong xã hội và bất bình trong nhân dân.

- Chậm tổng kết thực tiễn để làm rõ nhiều vấn đề lý luận về quản lý đất đai trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Công tác nghiên cứu khoa học về đất đai còn yếu. Chậm tháo gỡ các vướng mắc trong chính sách, pháp luật về đất đai.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI

- Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý; Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo quy định của pháp luật. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho cá nhân, tổ chức sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai.

- Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn

của đất nước; quyền sử dụng đất là hàng hóa đặc biệt. Chính sách đất đai phải chú ý đầy đủ tới các mặt kinh tế, chính trị, xã hội; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người đầu tư và người sử dụng đất, trong đó cần chú trọng đúng mức lợi ích của Nhà nước, của xã hội. Tăng cường trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi thành viên trong xã hội đối với việc quản lý và sử dụng đất.

- Khai thác, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất; đầu tư mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng và bảo vệ đất canh tác nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và môi trường sinh thái theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.

- Đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai phù hợp với đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ động phát triển vững chắc thị trường bất động sản (trọng tâm là tại các đô thị) có sự quản lý và điều tiết của Nhà nước, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; không tách rời thị trường quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất; chống đầu cơ đất đai.

- Kiên quyết lập lại trật tự trong quản lý, sử dụng đất đai theo luật pháp. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và toàn dân trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai. Bảo đảm sự quản lý nhà nước thống nhất của Trung ương, đồng thời phân cấp cho địa phương, có chế tài nghiêm trong thực thi chính sách, pháp luật đất đai.

III- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI

1. Về chế độ sử dụng đất

a) Đối với đất sản xuất nông nghiệp

Quản lý chặt chẽ, bảo vệ đất canh tác nông nghiệp, đặc biệt là đất tốt trồng lúa theo quy hoạch để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Có quy định cụ thể về quản lý, bảo vệ chất lượng đất nông, lâm, ngư nghiệp, đất làm muối.

b) Đối với đất phi nông nghiệp

- Đẩy nhanh việc quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng văn minh, hiện đại. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch sử dụng đất và tăng cường công tác quản lý thực hiện quy hoạch. Ban hành pháp luật về quản lý xây dựng ở đô thị. Tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của ủy ban nhân dân các đô thị trong việc tổ chức thực hiện và giám sát, bảo đảm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy hoạch. Phân công rõ trách nhiệm và có cơ chế phối hợp tốt giữa các cơ quan quản lý đất đai, quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý xây dựng, quản lý nhà và quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế sử dụng đất đô thị phải trả tiền. Thực hiện đấu giá đất đối với các tổ chức, cá nhân xin thuê đất để đầu tư kinh doanh nhà, đất theo quy hoạch. Không giao đất hoặc nhượng bán quyền sử dụng đất để từng gia đình làm nhà ở riêng lẻ tại các đô thị lớn hoặc các đô thị có quỹ đất ít; chuyển sang giao (cho thuê) cho các tổ chức

kinh tế đầu tư xây dựng đồng bộ các khu nhà chung cư mới theo quy hoạch để bán hoặc cho thuê.

Đối với đất nông nghiệp được quy hoạch vào mục đích xây dựng đô thị, kết cấu hạ tầng..., Nhà nước có quyền thu hồi hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong thời gian chưa xây dựng, Nhà nước có thể cho công dân mượn, thuê để sử dụng tạm thời.

- Có quy hoạch xây dựng và phát triển các công trình công cộng và nhà ở tại các làng, xã, thị tứ; ban hành pháp luật về quản lý xây dựng ở nông thôn.

- Phân định rõ trách nhiệm và quản lý chặt chẽ đất xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, điện và đất hành lang an toàn công trình. Nghiêm cấm việc xây dựng các công trình trái với quy định vào các loại đất này.

- Quy hoạch sử dụng đất làm mặt bằng cho sản xuất, kinh doanh công nghiệp, dịch vụ cần chú ý khai thác cả phần không gian bên trên và phần dưới mặt đất; dành quỹ đất cho xây dựng các khu xử lý chất thải công nghiệp và sinh hoạt đô thị. Quy định cụ thể việc sử dụng đất cho hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản, việc phục hồi đất sau khi kết thúc thăm dò và khai thác.

- Quy định rõ loại đất có liên quan đến quốc phòng và an ninh quốc gia, có quy chế đặc biệt về quy hoạch sử dụng và giao loại đất này. Đất nằm trong khu vực quy hoạch đất quốc phòng, an ninh, khi chưa có nhu cầu sử dụng thì giao cho địa phương tạm sử dụng.

Quy định cơ chế phối hợp giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Công an với chính quyền các địa phương trong quy hoạch sử dụng đất phục vụ quốc phòng, an ninh. Quy định cụ thể nhiệm vụ,

quyền hạn của cấp tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với đất sử dụng cho quốc phòng, an ninh.

Có chính sách đầu tư đặc biệt để phát triển kết cấu hạ tầng trên đất kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh, đặc biệt là ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam. Có chính sách thu hút dân cư đến sinh sống ở vùng đất biên giới, hải đảo còn thưa dân.

- Đất di tích lịch sử, đất danh lam thắng cảnh phải được bảo vệ nghiêm ngặt theo các quy định của pháp luật; kiên quyết thu hồi đất bị lấn chiếm.

- Giao đất cho các cơ sở tôn giáo hoạt động hợp pháp trên cơ sở đất đang sử dụng. Nghiên cứu đầy đủ về hướng giải quyết đất cho các cơ sở tôn giáo phù hợp với nguyện vọng chính đáng và hợp pháp của nhân dân. Đất sử dụng làm nhà thờ họ và vào mục đích tín ngưỡng dân gian do họ tộc và cộng đồng tự giải quyết. Có quy định về đất để làm nghĩa trang nhân dân, ngăn chặn việc xây dựng mộ phần chiếm nhiều diện tích đất đai; khuyến khích hình thức hỏa táng, trước hết là ở các đô thị và nơi tập trung đông dân.

c) Đối với đất chưa sử dụng

- Bảo vệ và có quy hoạch, kế hoạch, chính sách khai thác có hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng; ngăn chặn tình trạng đất bị xâm hại, sạt lở, lấn chiếm; tổ chức lấn biển trong phạm vi lãnh thổ quốc gia ở những nơi có điều kiện.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đầu tư cải tạo đất để sử dụng vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và các mục đích thích hợp khác.

2. Về nhiệm vụ, quyền hạn quản lý đất đai của Nhà nước

a) Nhà nước là đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, có quyền sử dụng, quyền định đoạt và quyền hưởng lợi từ đất, đồng thời thống nhất quản lý nhà nước về đất đai

- Quyết định và quản lý mục đích sử dụng đất. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sử dụng, phân bổ và phát triển đất đai; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong khuôn khổ quy hoạch đã được duyệt.

- Ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chính sách về đất đai và thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất. Quy định, tạo điều kiện thuận lợi, quản lý và giám sát việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Giao đất, cho thuê đất, thực hiện quyền thu hồi đất. Thực hiện quyền hưởng lợi từ đất đai. Quy định và tổ chức thực hiện chính sách tài chính về đất đai; đầu tư tài chính cho việc quản lý đất đai.

- Xây dựng và quản lý thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất. Tạo môi trường pháp lý, môi trường kinh tế cho các doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp nhà nước làm nòng cốt. Đầu tư cải tạo, mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng đất, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nhà. Ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế xây dựng và quản lý giá quyền sử dụng đất và giá một số loại bất động sản gắn liền với đất.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, việc thực hiện quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, việc thực hiện các quyền, lợi ích và nghĩa vụ của người sử dụng

đất và hiệu quả sử dụng đất. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo và các tranh chấp về đất đai.

- Tổ chức hệ thống quản lý nhà nước về đất đai từ Trung ương đến cơ sở. Quản lý các hoạt động hành chính công và dịch vụ công về đất đai.

b) Nhà nước có chính sách tạo điều kiện về đất đai cho những người có nhu cầu sản xuất nông, lâm, ngư, làm muối

Tiếp tục thực hiện chính sách bảo đảm đất đai cho những người trực tiếp sản xuất nông, lâm, ngư, làm muối; đồng thời đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phân bố lại dân cư phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để giải quyết một cách cơ bản việc làm và thu nhập cho người nông dân không có đất, ít đất, hoặc có đất bị thu hồi để sử dụng vào các mục đích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội, cần thực hiện tổng hợp các biện pháp phát triển ngành nghề, đào tạo nghề để tạo việc làm, đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi và những biện pháp hỗ trợ cần thiết khác.

Đối với các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, cần có chính sách bảo đảm đất sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện của từng vùng; có cơ chế quản lý để đồng bào giữ được đất, có cuộc sống ổn định và làm giàu trên đất được giao.

Xây dựng quỹ đất công ích trong nông thôn để địa phương sử dụng vào mục đích công cộng tại các xã, hoặc bổ sung cho những trường hợp có nhu cầu thuê đất. Uốn nắn,

sửa chữa những sai phạm, bổ sung những quy định phù hợp về quản lý, sử dụng đất công ích.

c) Về giao, cho thuê, thu hồi quyền sử dụng đất

Về hình thức giao và cho thuê đất:

Tiếp tục giữ hình thức giao đất không thu tiền đối với đất dùng vào mục đích sản xuất nông, lâm, ngư, làm muối của hộ nông dân (với phần diện tích đất trong hạn mức), đất sử dụng vào mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh và đất ở cho đối tượng chính sách như hiện nay.

Đối với đất dùng làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và đất sản xuất nông, lâm, ngư, làm muối của các tổ chức kinh tế, áp dụng cả hai hình thức giao đất có thu tiền và cho thuê đất.

Về đối tượng được giao đất, cho thuê đất sản xuất nông nghiệp:

Bổ sung đối tượng được giao đất không thu tiền: cộng đồng dân cư thôn, bản, phù hợp với tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số; những người dân di cư có tổ chức đến nơi ở mới, đã ổn định, đúng quy hoạch và không có tranh chấp đất đai.

Các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức trong nước (dành ưu tiên cho người dân địa phương) có khả năng và có nguyện vọng đầu tư khai phá đất chưa sử dụng tại các xã miền núi, ven biển để sử dụng vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, được thuê đất với mức diện tích phù hợp nhu cầu sản xuất, kinh doanh và khả năng đất đai của từng địa phương.

Về hạn mức giao đất, cho thuê đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

Khuyến khích tích tụ đất đai, sớm khắc phục tình trạng đất sản xuất nông nghiệp manh mún. Quá trình tích tụ đất đai cần có sự chỉ đạo và quản lý của Nhà nước, có quy hoạch, kế hoạch, có bước đi vững chắc trên từng địa bàn, lĩnh vực, gắn với chương trình phát triển ngành nghề, tạo việc làm. Tích tụ đất đai thông qua việc nhận chuyển nhượng và nhiều biện pháp khác phù hợp với từng thời kỳ, từng vùng (như cho thuê đất, góp vốn, góp cổ phần bằng quyền sử dụng đất để hình thành các tổ chức kinh tế hợp tác, các công ty cổ phần...). Xử lý nghiêm những trường hợp lợi dụng chính sách tích tụ đất đai để đầu cơ trục lợi.

Quy mô sử dụng đất sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được mở rộng phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, trình độ thâm canh và quỹ đất đai trên từng địa bàn. Giữ hạn mức giao đất sản xuất nông nghiệp cho hộ nông dân không thu tiền như hiện nay. Chuyển diện tích đất vượt hạn mức được giao không thu tiền cho hộ sản xuất nông nghiệp sang hình thức thuê đất có thời hạn. Thực hiện kê khai, đăng ký công khai việc sử dụng đất để làm kinh tế trang trại đối với mọi tổ chức và cá nhân. Có chính sách thuế để thúc đẩy sử dụng đất có hiệu quả và điều tiết thu nhập của người sử dụng nhiều đất.

Về thời hạn giao đất, cho thuê đất:

Thực hiện theo quy định hiện hành về thời hạn giao đất, cho thuê đất.

Về việc thu hồi đất:

Khi Nhà nước thu hồi đất mà cá nhân hoặc tổ chức đang sử dụng hợp pháp để phục vụ các mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển sản xuất, kinh doanh, Nhà nước thực hiện chế độ bồi thường, tái định cư, đào tạo nghề và hỗ trợ tạo việc làm theo quy định của pháp luật. Nhà nước có quy định để xử lý, thu hồi đất lấn chiếm; có quy định cụ thể việc thu hồi đất đã giao, cho thuê mà không sử dụng, sử dụng sai mục đích, xâm hại đất, hoặc sử dụng nhưng hiệu quả quá kém. Các doanh nghiệp đã thuê hoặc được giao đất nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích đã quy định thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường.

Rà soát lại đất đã giao cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức đảng, đoàn thể; thu hồi những diện tích nhà, đất không sử dụng và sử dụng sai mục đích, trái pháp luật.

d) Về việc giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đất đai

Việc tranh chấp đất đai trước hết cần tiến hành hòa giải, nếu hòa giải không thành thì đưa ra tòa án giải quyết. Nhà nước quy định thời hiệu và thời hạn giải quyết các khiếu nại, không để kéo dài. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cấp giải quyết cuối cùng các khiếu nại về đất đai trong phạm vi, thẩm quyền của các cấp ở địa phương; trường hợp các đương sự không nhất trí với quyết định của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì đưa ra tòa án giải quyết. Việc giải quyết tố cáo về đất đai thực hiện theo pháp luật về tố cáo.

Đặt trước đây các cơ quan nhà nước, các tổ chức thuộc hệ thống chính trị mượn, có đầy đủ giấy tờ hợp pháp thì trả lại, nhưng không nhất thiết là trả lại đất cũ, mà có thể trả bằng tiền hoặc đất nơi khác.

3. Về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất

a) Về quyền chuyển đổi đất đã được giao quyền sử dụng và việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất

Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ và hướng dẫn các hộ nông dân thực hiện quyền chuyển đổi, “đổi thửa, dồn điền” theo nguyên tắc tự nguyện để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng quy mô thửa đất canh tác, chuyển đổi mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Khi quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước sang đất công nghiệp, dịch vụ, xây dựng hạ tầng, đô thị... phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

b) Về quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện đối với đất giao trong hạn mức không thu tiền đối với các hộ sản xuất nông, lâm, ngư, làm muối; đất được giao có thu tiền sử dụng đất; đất đã nhận chuyển nhượng, đất được thừa kế, tặng, cho. Người nhận chuyển nhượng tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn còn lại theo đúng mục đích sử dụng đất đã quy định trong quy hoạch.

Nhà nước quản lý, giám sát các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tạo điều kiện thuận lợi để chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong cả nước và trên từng địa bàn. Nhà nước có quy định điều kiện cụ thể về chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với những vùng, miền đặc thù; có chính sách và biện pháp cần thiết để đồng bào dân tộc thiểu số giữ được đất sản xuất, bảo đảm đời sống; có quy định về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, nhằm ngăn chặn việc lợi dụng đầu cơ đất để trục lợi.

c) Về quyền cho thuê quyền sử dụng đất

Người sử dụng đất được cho thuê đất trong trường hợp đất giao trong hạn mức không thu tiền đối với các hộ sản xuất nông, lâm, ngư, làm muối; đất được giao có thu tiền sử dụng đất. Thời gian cho thuê lại không được vượt quá thời hạn thuê đất, được giao đất.

d) Về quyền thừa kế quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Người được giao quyền sử dụng đối với đất trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản và đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp để trồng rừng, đất ở, được thực hiện quyền thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật về thừa kế như các tài sản khác.

đ) Đối với đất trang trại

Khuyến khích phát triển trang trại, nhất là ở những nơi còn nhiều đất chưa sử dụng. Diện tích đất Nhà nước giao, cho

thuê làm trang trại theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh, phù hợp với điều kiện đất đai của mỗi địa phương, với thời gian theo chu kỳ của dự án, tối đa là 50 năm.

e) Đối với đất nông, lâm trường

Tiến hành tổng kết đánh giá và sắp xếp lại các nông, lâm trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, đi liền với đổi mới quản lý, tạo sự chuyển biến tích cực về hiệu quả kinh tế - xã hội của từng nông, lâm trường. Giải thể những nông, lâm trường không cần thiết đang hoạt động kém hiệu quả; chuyển quỹ đất này cho địa phương quản lý để giao, cho thuê theo quy định của pháp luật.

Các nông, lâm trường thực hiện hình thức giao khoán đất sản xuất nông, lâm nghiệp ổn định lâu dài (thời hạn theo quy định chung, có hạn mức diện tích tối thiểu, tối đa tùy tình hình đất đai của từng địa phương) cho cả các hộ nông, lâm trường viên và các hộ dân trên địa bàn thực sự có nhu cầu và khả năng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp (trong đó ưu tiên đối với người trực tiếp sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tại địa phương, những người đang thiếu đất sản xuất). Các hộ được giao khoán phải sử dụng đất đúng mục đích do nông, lâm trường giao, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nông, lâm trường và phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người được giao khoán đối với nông, lâm trường và đối với Nhà nước; các hộ nhận giao khoán được dùng hợp đồng giao khoán và phần tài sản trên đất tăng thêm do mình đầu tư tạo ra để thế chấp vay vốn ngân hàng, được thừa kế quyền lợi và nghĩa vụ trong hợp đồng nhận khoán.

Bộ Chính trị chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện đề án về sắp xếp lại và đổi mới quản lý các nông, lâm trường.

g) Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thực hiện hình thức cho thuê đất; nghiên cứu thí điểm việc giao đất có thời hạn, thu tiền một lần.

4. Về xây dựng, quản lý thị trường bất động sản và chính sách tài chính về đất đai

a) Về xây dựng, quản lý thị trường bất động sản

Chủ động xây dựng và phát triển thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất, trước hết ở các đô thị và ở các vùng quy hoạch sẽ phát triển đô thị.

Nhà nước định hướng, điều tiết và kiểm soát thị trường, có biện pháp chống các hành vi đầu cơ bất động sản; tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia thị trường bất động sản, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong kinh doanh và bình ổn giá bất động sản. Ban hành sớm các chính sách tài chính để điều tiết lại phần giá trị đất gia tăng không do người sử dụng đất tạo ra, mà do đô thị hóa, do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng, do quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất đem lại, để phục vụ cho lợi ích chung. Xây dựng Luật kinh doanh bất động sản.

Xây dựng chương trình nhà ở, tăng nhanh quỹ nhà ở để bán hoặc cho thuê đối với các đối tượng khác nhau trong xã hội. Đồng thời với việc phát triển quỹ nhà kinh doanh, chú trọng việc phát triển nhà cho các đối tượng chính sách và người nghèo thông qua các chính sách ưu đãi về giá, thuế, vay lãi suất thấp, mua nhà trả góp...

*b) Chính sách tài chính về đất đai**Về giá quyền sử dụng đất:*

Chính phủ quy định khung giá đất cho từng địa bàn, trong từng thời gian (có điều chỉnh theo tình hình thực tế) và nguyên tắc, phương pháp xác định giá đất. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định giá cụ thể, công bố công khai để làm căn cứ thực hiện giao đất, cho thuê đất, thu thuế về đất, bồi thường khi thu hồi đất.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý giá đất, xây dựng hệ thống định giá và thẩm định giá đất phù hợp với sự phát triển của thị trường bất động sản, trong đó có quyền sử dụng đất.

Đất Nhà nước giao có thu tiền, giao không thu tiền hoặc cho thuê đối với doanh nghiệp nhà nước, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội đều cần xác định rõ giá trị quyền sử dụng đất được giao. Các thất thoát về đất đai phải quy thành giá trị để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Các doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước giao đất có thu tiền, thì tính số tiền đã trả đó vào giá trị tài sản của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, thí điểm đưa một phần giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của doanh nghiệp, coi đó là vốn của Nhà nước góp vào công ty cổ phần (không được chuyển nhượng).

Chính sách thu thuế chuyển quyền sử dụng đất:

Để điều tiết thu nhập đối với các tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua, bán bất động sản gắn liền với đất, thay thuế chuyển quyền sử dụng đất hiện nay

bằng thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất và áp dụng thuế suất lũy tiến từng phần đối với người có thu nhập cao khi chuyển quyền sử dụng đất.

Chính sách bồi thường, tổ chức tái định cư và hỗ trợ tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:

Khi thu hồi đất phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển sản xuất, kinh doanh, việc bồi thường về đất đai và tài sản trên đất, tổ chức tái định cư và hỗ trợ tạo việc làm thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.

Khi xây dựng các dự án đầu tư dẫn đến phải thu hồi đất đang sử dụng, phải lập dự án tái định cư cho người có đất bị thu hồi và phải xây dựng khu tái định cư trước khi thu hồi đất; đồng thời chú trọng đào tạo để chuyển đổi nghề cho lao động tái định cư. Người đang sử dụng đất hợp pháp khi bị thu hồi đất được bồi thường, hỗ trợ tái định cư và tạo việc làm theo nguyên tắc “bảo đảm cho người bị thu hồi đất đến chỗ ở mới có điều kiện phát triển bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ”.

Nhà nước có quy hoạch tổng thể về sử dụng đất trên địa bàn cả nước nhằm tạo điều kiện cho các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai đồng bộ việc bồi thường, tái định cư và hỗ trợ tạo việc làm khi thu hồi đất.

Trong bồi thường giải phóng mặt bằng, phải chú ý phân chia hợp lý phần giá trị đất tăng thêm do việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng mang lại, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của người đang sử dụng đất hợp pháp nay bị thu hồi và lợi ích của người đầu tư, trong đó phải chú trọng ưu tiên lợi ích của Nhà nước.

IV- VỀ TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Nghị quyết này, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc ban hành Luật đất đai mới trong năm 2003, dự thảo luật cần được tổ chức lấy ý kiến của nhân dân theo quy định của pháp luật. Ban Cán sự đảng Chính phủ khẩn trương chỉ đạo việc rà soát, tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đất đai.

2. Phấn đấu đến cuối năm 2005, hoàn thành việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các thành phố trực thuộc tỉnh, các quận, huyện, thị xã, phường, xã, thị trấn; kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về đất đai từ trung ương đến cơ sở.

3. Các cấp ủy và tổ chức đảng lãnh đạo, động viên nhân dân tham gia xây dựng pháp luật về đất đai; thường xuyên quán triệt trong Đảng và nhân dân để mọi người, mọi tổ chức tự giác chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đất đai; tăng cường công tác lãnh đạo, kiểm tra việc triển khai nghị quyết của Đảng ở các cấp, các ngành. Phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân trong việc thi hành chính sách, pháp luật về đất đai, tham gia phát hiện, kiểm tra, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, tư lợi, tham nhũng trong quản lý, sử dụng đất đai.

4. Các ban đảng ở Trung ương theo chức năng giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiến hành quán triệt, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết. Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các cơ quan có

liên quan theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Các nghị quyết của Trung ương Đảng
2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2004, tr. 160-180.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY (PHẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Ngày 21 tháng 1 năm 2003

Thưa các đồng chí,

Sau chín ngày làm việc khẩn trương, với tinh thần dân chủ và trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ của mình. Hội nghị đã nhất trí thông qua Nghị quyết về phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và các nghị quyết về công tác dân tộc, về công tác tôn giáo, về vấn đề đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Như tôi đã trình bày trong phát biểu khai mạc Hội nghị, các vấn đề bàn định tại Hội nghị Trung ương lần này đều là những vấn đề chính trị hệ trọng, có quan hệ đến sự phát triển của đất nước, đến đời sống thiết thân về chính trị, kinh tế, xã hội của các tầng lớp nhân dân, vừa có tính thời sự cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Đó lại là

những vấn đề hệ trọng nhưng rất nhạy cảm, cần phải được giải quyết một cách khách quan khoa học. Với các nghị quyết được thông qua, có thể nói Hội nghị Trung ương đã làm được điều đó.

Yêu cầu đối với chúng ta hiện nay là phải làm mọi việc cần thiết để các nghị quyết ấy sớm đi vào cuộc sống. Tinh thần và nội dung các nghị quyết phải được thấu hiểu sâu sắc và được thống nhất cao trong toàn Đảng và toàn dân, trong toàn bộ hệ thống chính trị và trong mọi tầng lớp xã hội, từ thống nhất nhận thức đẩy tới một phong trào hành động, kiên quyết thực hiện nghị quyết; cả Đảng, Nhà nước và nhân dân đều thực hiện; toàn xã hội, mọi người và mỗi người đều cùng làm.

Với tinh thần đó, tôi muốn nhấn mạnh thêm một số điểm mà Trung ương đã quyết định.

Trước hết, cần nhận rõ **vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc**, đối với Đảng ta, không hoàn toàn là vấn đề mới vì đoàn kết dân tộc vốn là truyền thống quý báu trong quá trình dựng nước và giữ nước. Tư tưởng đoàn kết các tầng lớp nhân dân để làm cách mạng dân tộc giải phóng được phát huy mạnh mẽ ngay từ ngày Đảng ta mới thành lập, được thể hiện xuyên suốt từ *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* do Bác Hồ khởi thảo, cho đến các chính sách mặt trận của Đảng ta qua các thời kỳ cách mạng. Tư tưởng đó thể hiện một cách tập trung, nổi bật nhất trong câu nói mang tính tổng kết lịch sử nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”. Tư tưởng đại đoàn kết, với nội dung và chất lượng mới, trở thành ngọn cờ

chỉ đạo cho công tác vận động cách mạng nói chung và cho công tác mặt trận nói riêng trong thời kỳ mới. Thấm nhuần tư tưởng vĩ đại của Bác Hồ, Đại hội IX của Đảng đã nêu lên phương hướng chiến lược “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc” nhằm tạo ra động lực mới để thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết lần này của Trung ương chính là cụ thể hóa tư tưởng chiến lược ấy của Đại hội IX.

Mục tiêu chung là củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của chúng ta về đại đoàn kết toàn dân tộc là lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Nếu hiểu một cách sâu sắc, đó có nghĩa là chúng ta cần làm rất nhiều để các điểm tương đồng ngày càng được phát huy và nhân lên, những điểm còn khác nhau ngày càng giảm thiểu. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc phải được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Động lực của sự củng cố và phát triển ấy là: bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân;

kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội, thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng và nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực tự cường xây dựng đất nước; đấu tranh chống mọi âm mưu và thủ đoạn chia rẽ của các thế lực thù địch.

Đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trước đây, hiện nay và sau này cũng vậy, vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Các vấn đề dân tộc và tôn giáo được đặt ra và giải quyết trong tổng thể, theo phương hướng và nội dung cơ bản của nhiệm vụ phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời hết sức chú ý đến tính đặc thù của từng vấn đề ấy.

Về ***vấn đề dân tộc***, chúng ta thực hiện nhất quán chính sách các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, đoàn kết rộng rãi trong nội bộ từng dân tộc, giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa dân tộc thiểu số và dân tộc đa số; thực hiện sự phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; thực hiện ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi; bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực tại chỗ, nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, phát huy nội lực, tinh thần tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương và các địa phương trong cả nước.

Về *vấn đề tôn giáo*, chúng ta luôn luôn coi tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật; thực hiện đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau và trong nội bộ từng tôn giáo, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Vì sự đoàn kết các dân tộc và các tôn giáo, chúng ta nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta đặc biệt coi trọng việc giải quyết đúng và thực hiện tốt các chính sách - chính sách chung cho mọi tầng lớp nhân dân và chính sách cụ thể cho từng giai cấp và giai tầng xã hội, cho mọi giới, mọi lứa tuổi, cho các dân tộc và tôn giáo, trước hết và quan trọng nhất là những chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, ổn định chính trị - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, về xây dựng đội ngũ cán bộ. Những chính sách đó trực tiếp tạo nên và củng cố cơ sở chính trị, kinh tế, xã hội cho đại đoàn kết.

Chúng ta khẳng định rằng, đại đoàn kết toàn dân tộc là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tức là của Đảng, Nhà nước, của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội khác, trong đó hạt nhân là các tổ chức Đảng. Sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức Đảng là yếu tố quyết định để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Chúng ta đặc biệt coi trọng việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng, đổi mới phong cách và phương thức công tác của cán bộ hoạt động trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là cán bộ dân vận, theo tinh thần “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”, khắc phục bằng được lối làm việc hành chính, quan liêu, xa dân. Cần xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể, đội ngũ làm công tác dân vận, công tác dân tộc và tôn giáo có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực và sự hiểu biết cần thiết về các vấn đề mình phụ trách, có tác phong công tác tốt, vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ.

Thưa các đồng chí,

Về **chính sách đất đai**, quan điểm cơ bản của chúng ta là đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý; Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo quy định của pháp luật. Quan điểm cơ bản đó đã được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và các văn kiện Đại hội Đảng, liên quan đến bản chất của chế độ xã hội ta. Chúng ta cũng khẳng định rằng, đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn tài nguyên đặc biệt quý giá, là nguồn lực to lớn của đất nước, là không gian, môi trường sống của cả dân tộc. Do đất đai mang tính kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc, các giải pháp về đất đai phải chú ý đầy đủ tới các khía cạnh kinh tế, chính trị, xã hội; phải vì lợi ích chung của xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người đầu tư và người sử dụng đất. Đất đai phải được khai thác, sử dụng tiết kiệm và có

hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng và nguồn lực của đất, phải được đầu tư phát triển về cả diện tích và chất lượng nhằm phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường quốc phòng, an ninh. Việc đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai phải phù hợp với đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các đoàn thể nhân dân trong vấn đề đất đai.

Xuất phát từ những quan điểm cơ bản ấy, Hội nghị Trung ương đã đề ra những điều bổ sung, sửa đổi quan trọng trong chính sách và pháp luật về đất đai, đặc biệt về chế độ sử dụng đất đai, về nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu và là người quản lý thống nhất đất đai, về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất, v.v.. Nghị quyết của Trung ương về vấn đề đất đai sẽ là cơ sở quan trọng để Quốc hội xây dựng và ban hành Luật đất đai mới trong năm 2003, trước mắt đóng góp tích cực vào việc lập lại trật tự, kỷ cương trong việc quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, phấn đấu để đất đai được khai thác và sử dụng một cách hiệu quả nhất, phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương đã nghe Báo cáo kiểm điểm về công tác của Bộ Chính trị và Ban Bí thư trong năm 2002, cũng là trong hai năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX. Tôi rất vui mừng là Trung ương đã

bày tỏ sự nhất trí cao với bản báo cáo đó và đóng góp thêm nhiều ý kiến sâu sắc, vừa đánh giá đúng những tiến bộ và thành tựu, vừa chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém, nguyên nhân và phương hướng khắc phục. Bộ Chính trị và Ban Bí thư trong thời gian qua đã lãnh đạo, chỉ đạo tốt các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, giải quyết có hiệu quả nhiều vụ, việc đột xuất, đặc biệt là đã chuẩn bị cho Ban Chấp hành Trung ương lần lượt cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng trên các lĩnh vực quan trọng nhất từ kinh tế, văn hóa, xã hội đến xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị nói chung, đồng thời lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, góp phần tạo nên những thành tựu chung có ý nghĩa của nước ta trong hai năm 2001 và 2002.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, cả phần 1 và phần 2, với những kết luận và nghị quyết được thông qua, đã đánh dấu một bước tiến mới trong việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX đối với những vấn đề, như chúng ta nói, vừa có tính thời sự cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài, lại là những vấn đề rất nhạy cảm, được Đảng, Nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm. Tôi mong rằng, các nghị quyết của Trung ương lần này sẽ được sự đón nhận, đồng tình và ủng hộ rộng rãi của toàn Đảng, toàn dân với quyết tâm sớm đưa các nghị quyết đó vào cuộc sống, tạo ra khí thế mới, những cố gắng mới và thành tựu mới.

Nhân dịp năm mới 2003 và Tết Quý Mùi sắp đến, tôi xin gửi toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, các đại biểu dự Hội nghị và qua các đồng chí, gửi đến cán bộ, chiến sĩ và đồng

bào ta, trong nước cũng như ở nước ngoài, những lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Chúc tất cả chúng ta một năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY (PHẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA IX

Từ ngày 13 đến ngày 21 tháng 1 năm 2003, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX). Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì Hội nghị, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị đã thảo luận sôi nổi và tranh luận thẳng thắn, sau đó thông qua 4 Nghị quyết: về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; về công tác dân tộc; về công tác tôn giáo; tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội nghị cũng đã thảo luận và thông qua báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2002 và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

1. Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Đánh giá thực trạng tình hình khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong hơn 16 năm đổi mới vừa qua, Hội nghị khẳng định: Nhìn chung, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được mở rộng hơn, nội dung phong phú, đa dạng hơn. Đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, khối đại đoàn kết dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân tuy đã được chăm lo củng cố và phát triển, nhưng chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới; lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, có phần vì đời sống còn nhiều khó khăn, vì bất bình trước những bất công xã hội, trước tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương, pháp luật nhiều lúc, nhiều nơi bị buông lỏng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi gay gắt; hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu kém về nhiều mặt. Những hạn chế, yếu kém trên do nhiều nguyên nhân: Đảng chưa phân tích và dự báo đầy đủ những biến đổi trong cơ cấu giai cấp - xã hội và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong nội bộ nhân dân. Nhiều tổ chức đảng, chính quyền còn coi nhẹ công tác dân vận. Ở một số nơi, cấp ủy đảng còn mất đoàn kết, buông lỏng nguyên tắc tập trung dân chủ. Một số chủ trương, chính sách chưa thể hiện đầy đủ, cụ thể quan điểm

đại đoàn kết dân tộc. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân nhiều nơi còn hình thức và nặng về hành chính, không sát dân. Ở một số nơi, cấp ủy đảng còn mất đoàn kết, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về lối sống và đạo đức làm giảm sút vai trò hạt nhân lãnh đạo. Lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền của một bộ phận nhân dân làm xói mòn tình làng, nghĩa xóm; ý thức công dân, ý thức chấp hành kỷ cương, chính sách, pháp luật còn nhiều yếu kém.

Hội nghị xác định mục tiêu trong thời gian tới là củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị cũng đã xác định rõ những quan điểm lớn trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt, Hội nghị đã nhấn mạnh những chủ trương, giải pháp chủ yếu nhằm củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Một là, xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc (cả những định hướng chính sách chung và những định hướng chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội).

Hai là, đẩy mạnh việc thực hiện dân chủ, đồng thời coi trọng giữ gìn kỷ cương, kỷ luật; phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền các cấp trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên nhân dân xây dựng chính quyền nhà nước trong sạch, vững mạnh; xây dựng phong cách, tác phong công tác cán bộ, công chức chính quyền “của dân, do dân, vì dân”.

Ba là, mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vai trò Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước.

Năm là, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân lãnh đạo của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Về công tác dân tộc

Hội nghị đã đánh giá khái quát thành tựu công tác dân tộc trong những năm đổi mới: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc cơ bản được thể hiện trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội. Đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố. Nền kinh tế nhiều thành phần ở miền núi và các vùng dân tộc từng bước được hình thành và phát triển, cơ cấu kinh tế từng bước được chuyển dịch theo sản xuất hàng hóa. Đời sống của đồng bào dân tộc được cải thiện rõ rệt. Tình hình chính trị, trật tự xã hội cơ bản ổn định; an ninh, quốc phòng được giữ vững. Bên cạnh đó, công tác dân tộc trong thời gian qua còn những hạn chế, yếu kém: Nhìn chung, nền kinh tế ở miền núi và các vùng dân tộc còn chậm phát triển, nhiều nơi còn lúng túng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ lệ đói nghèo ở nhiều vùng dân tộc và miền núi còn rất cao so với bình quân chung của cả nước. Một số bản sắc tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một. Chất lượng, hiệu quả về giáo dục và đào tạo còn thấp.

Hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc và miền núi còn nhiều mặt yếu kém v.v..

Về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém, Hội nghị tập trung phân tích nguyên nhân chủ quan là: Nhận thức của các cấp, các ngành và của nhiều cán bộ, đảng viên về công tác dân tộc, chính sách dân tộc chưa đầy đủ, thiếu thống nhất. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, chưa chủ động khơi dậy và phát huy nguồn lực của địa phương. Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách dân tộc ở các vùng dân tộc và miền núi còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các vùng dân tộc và miền núi còn thiếu về số lượng, yếu về năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện. Cán bộ trong hệ thống Đảng và chính quyền các cấp ở nhiều nơi còn quan liêu, xa dân, chưa sâu sát thực tế, chưa nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của đồng bào.

Hội nghị đã khẳng định những quan điểm cơ bản về công tác dân tộc; xác định mục tiêu cụ thể công tác dân tộc đến năm 2010. Hội nghị đã chỉ rõ những nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách về công tác dân tộc:

Một là, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Trong những năm trước mắt tập trung giúp đồng bào nghèo, các dân tộc đặc biệt khó khăn giải quyết ngay những vấn đề bức xúc như: tình trạng thiếu lương thực, thiếu nước sinh hoạt, nhà ở tạm bợ, không đủ tư liệu sản xuất, dịch vụ sinh hoạt tối thiểu; xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Hai là, tiếp tục thực hiện các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình; tăng cường các hoạt động văn hóa thông tin, tuyên truyền, hướng về cơ sở; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số; phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc.

Ba là, đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở vùng dân tộc và miền núi theo Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX.

Bốn là, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; không để xảy ra những “điểm nóng” về an ninh - trật tự xã hội ở vùng dân tộc và miền núi.

Năm là, đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc cho phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hội nghị xác định 4 nhóm giải pháp chủ yếu: nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức; nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách; nhóm giải pháp về tổ chức và cán bộ; nhóm giải pháp về vận động quần chúng.

3. Về công tác tôn giáo

Hội nghị khẳng định: Thực hiện các nghị quyết của Đảng và Nhà nước, công tác vận động đồng bào có đạo, các tín đồ, chức sắc... hưởng ứng tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã đạt nhiều tiến bộ và ngày càng có kết quả. Các tôn giáo đã xây dựng phương hướng hành đạo theo pháp luật. Các ngành và địa phương đã chủ động, tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để

chống phá Đảng và Nhà nước. Nhìn chung, các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hoạt động theo hướng gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước. Bên cạnh đó, tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định: một số chức sắc, nhà tu hành hoạt động tôn giáo chưa tuân thủ pháp luật. Việc khiếu kiện và tranh chấp liên quan đến đất đai và cơ sở vật chất tôn giáo ngày càng tăng, có nơi gay gắt, phức tạp. Ở một số nơi, nhất là vùng dân tộc thiểu số, một số nhà tu hành đã lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để tiến hành những hoạt động chống đối.

Hội nghị chỉ rõ những yếu kém nêu trên là do: Công tác tôn giáo chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, trong khi các thế lực thù địch ráo riết tranh thủ, giành giật, lôi kéo quần chúng, tín đồ. Một số cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ có trách nhiệm chưa nhận thức, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Có nơi chủ quan, nóng vội, giản đơn trong xử lý vấn đề tôn giáo. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo chậm được thể chế hóa. Đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo và hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu, việc giáo dục, tập hợp quần chúng còn hạn chế.

Hội nghị khẳng định những quan điểm về công tác tôn giáo và đề ra nhiệm vụ, giải pháp cho chỉ đạo công tác tôn giáo trong thời kỳ mới. Hội nghị nhấn mạnh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Hai là, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống “tốt đời đẹp đạo” trong quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành ở cơ sở.

Ba là, tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo.

Bốn là, phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào có đạo, tự giác phối hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để phá hoại đoàn kết dân tộc, chống đối chế độ.

Năm là, hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về chính sách tôn giáo của Nhà nước ta.

Sáu là, xây dựng, bồi dưỡng lực lượng cốt cán, đảng viên có đạo trong tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của từng tôn giáo.

Bảy là, tổng kết việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo, tăng cường nghiên cứu cơ bản, tổng kết thực tiễn, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách đối với tôn giáo, trước mắt và lâu dài.

Hội nghị cũng đã xác định các giải pháp chủ yếu: tập trung nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, đề cao trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo; tăng cường công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị ở cơ sở, tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo; tăng cường công tác tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo.

4. Về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Hội nghị đã khẳng định: Đường lối, chủ trương đổi mới chính sách và pháp luật về đất đai của Đảng và Nhà nước đã đi vào cuộc sống, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, góp phần ổn định chính trị - xã hội. Đất đai được sử dụng có hiệu quả hơn. Đất xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng đô thị tăng tương đối nhanh, bộ mặt đô thị thay đổi một bước theo hướng văn minh, hiện đại. Công tác quản lý nhà nước về đất đai có những tiến bộ bước đầu rõ rệt. Người sử dụng gắn bó nhiều hơn với đất đai. Quyền sử dụng đất đã bước đầu trở thành một nguồn vốn của Nhà nước và nhân dân để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Hội nghị chỉ rõ những hạn chế về hiệu quả sử dụng đất và tình trạng tùy tiện trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất; những yếu kém trong quản lý của Nhà nước về đất đai, để kéo dài tình trạng vi phạm nghiêm trọng pháp luật đất đai; những tác động tiêu cực của thị trường bất động sản do chưa có cơ chế, chính sách phù hợp và sự buông lỏng quản lý để tình trạng chuyển nhượng ngầm và sốt nhà đất gây nhiều khó khăn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt là chưa phát huy tốt nguồn nội lực to lớn và quý giá về đất đai vào việc phát triển kinh tế - xã hội...

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém là do đất đai có nguồn gốc rất phức tạp; chính sách đất đai thay đổi qua nhiều thời kỳ lịch sử; quản lý đất đai chuyển từ hành chính, bao cấp sang cơ chế thị trường kết hợp với biện pháp hành

chính, đặt ra nhiều vấn đề mới. Nhưng nguyên nhân chủ yếu là: một số chủ trương, chính sách lớn rất quan trọng của Đảng chưa được thể chế hóa. Văn bản pháp luật về đất đai ban hành nhiều nhưng thiếu đồng bộ. Chưa nhận thức đúng mức đất đai là tài sản đặc biệt của quốc gia, là nguồn nội lực quan trọng và nguồn vốn to lớn của đất nước. Vai trò đại diện chủ sở hữu của Nhà nước đối với đất đai chưa được xác định rõ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên tha hóa, đã lợi dụng chức quyền để trục lợi, tham nhũng trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, gây ảnh hưởng xấu trong xã hội và gây bất bình trong nhân dân...

Hội nghị đã thống nhất các quan điểm chỉ đạo trong tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai:

Một là, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý; Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo quy định của pháp luật. Không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai.

Hai là, đất là hàng hóa đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn, rất quý giá của đất nước, có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc.

Ba là, khai thác, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực quý giá về đất đai, đầu tư phát triển đất đai; về cả diện tích và chất lượng.

Bốn là, đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai phải phù hợp với đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước.

Năm là, kiên quyết lập lại trật tự về đất đai phù hợp với đường lối chính trị của Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và toàn dân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai.

Hội nghị nhấn mạnh cần tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên những vấn đề cơ bản: về chế độ sử dụng đất đai; về nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý đất đai của Nhà nước; về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất; về xây dựng, quản lý thị trường bất động sản và chính sách tài chính về đất đai.

Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định đề đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an thôi giữ chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương và bầu bổ sung sáu đồng chí vào Ủy ban Kiểm tra Trung ương nhiệm kỳ 2001 - 2005. Ban Chấp hành Trung ương đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương và giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương cũng đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Chi vào Ban Bí thư Trung ương Đảng...

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục nêu cao truyền thống đoàn kết, phát huy thành tích đã đạt được trong năm 2002, tận dụng thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện nghiêm

túc các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (phần 2), góp phần đưa Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống, trước mắt thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2003 - năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 95-TB/TW, ngày 15 tháng 1 năm 2003

**Về kiện toàn hệ thống tổ chức đảng
trong các doanh nghiệp nhà nước**

Trong phiên họp ngày 7-1-2003, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Đề án về kiện toàn hệ thống tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước (số 01-ĐA/TCTW, ngày 8-12-2002) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Về cơ bản đồng ý với Đề án kiện toàn hệ thống tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước của Ban Tổ chức Trung ương. Tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước sẽ theo 4 mô hình được nêu trong Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX).

- Đảng bộ toàn tổng công ty trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế Trung ương gồm: Đảng bộ Liên hiệp Đường sắt, Đảng bộ Tổng Công ty Hàng không, Đảng bộ Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy.

- Đảng bộ cơ quan tổng công ty trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế Trung ương gồm: các đảng bộ cơ quan tổng

công ty đã thuộc Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế Trung ương và các đảng bộ cơ quan tổng công ty đang trực thuộc đảng bộ cơ quan các bộ (như tờ trình, trừ Tổng Công ty Đá quý và vàng đã sáp nhập vào Tổng Công ty Khoáng sản).

- Đảng bộ tổng công ty trực thuộc các tỉnh, thành ủy gồm những tổng công ty như Đề án đề xuất.

- củng cố và thành lập mới ban cán sự đảng ở 8 tổng công ty: Dầu khí, Xi măng, Xăng dầu, Thép, Hàng hải, Than, Điện lực, Bưu chính - Viễn thông.

2. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế Trung ương nghiên cứu, chuẩn bị Đề án thành lập Đảng bộ khối Doanh nghiệp Trung ương để trình Bộ Chính trị.

Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Bộ Chính trị biết về Kết luận này của Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 21-NQ/TW, ngày 20 tháng 1 năm 2003

**Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp
phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh,
quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long
thời kỳ 2001 - 2010**

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng rộng lớn, tập trung đông dân cư; có tiềm năng, thế mạnh về phát triển nông nghiệp; đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản lớn nhất cả nước; có tiềm năng lớn về dầu khí và du lịch; có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh của nước ta.

Trong những năm qua, được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo và đầu tư, hỗ trợ về nhiều mặt, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo tích cực của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân, vùng đồng bằng sông Cửu Long đã có những chuyển biến tích cực, đạt được nhiều thành tựu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định

chính trị và bảo đảm an ninh, quốc phòng. Kinh tế có mức tăng trưởng khá, cao hơn mức trung bình cả nước; cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng tiến bộ (giảm tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP). Việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng về thủy lợi, giao thông, bưu chính viễn thông, nhà ở và các cụm, tuyến dân cư cho dân vùng ngập lũ, mạng lưới y tế, các công trình cung cấp nước sạch, xóa đói, giảm nghèo... được đẩy mạnh, đã góp phần quan trọng vào phát triển sản xuất, hạn chế những thiệt hại do lũ gây nên, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân trong vùng. Với những kết quả đó, vùng đồng bằng sông Cửu Long đã góp phần quan trọng vào thành tựu chung của cả nước trong những năm đổi mới vừa qua.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn rất nhiều hạn chế, yếu kém:

- Tăng trưởng kinh tế chưa ổn định, vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Kinh tế phát triển chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào khai thác các tiềm năng sẵn có là chính; việc đầu tư tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và các hoạt động kinh tế còn chậm; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm sản xuất trong vùng thấp.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng tuy được quan tâm đầu tư, nhưng do điểm xuất phát thấp, lại thường xuyên bị lũ lụt phá hủy nên còn kém phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế và cải thiện đời sống của nhân dân. Ách tắc giao thông trên những tuyến đường chính ngày càng nhiều. Thu hút đầu tư nước ngoài trong toàn vùng đạt thấp.

- Chất lượng nguồn nhân lực, mặt bằng dân trí thấp hơn mức bình quân cả nước. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn rất khó khăn, nhất là đồng bào vùng ngập lũ thường xuyên và đồng bào Khơ-me; tỷ lệ hộ đói, nghèo còn cao.

- Tình hình dân tộc, tôn giáo có những diễn biến phức tạp và đang bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá ta.

- Công tác chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng vừa qua còn lúng túng, yếu kém, mục tiêu đề ra chưa rõ ràng, chỉ đạo thiếu tập trung; đầu tư dàn trải; công tác quy hoạch và việc chỉ đạo thực hiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch các ngành, các lĩnh vực chưa tốt, thiếu đồng bộ, thống nhất (giữa các tỉnh, các địa phương trong vùng; giữa yêu cầu thủy lợi, thoát lũ với phát triển giao thông; giữa sản xuất lương thực, bảo vệ rừng ngập mặn với nuôi trồng thủy sản v.v.) nên hiệu quả đầu tư thấp.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THỜI KỲ 2001 - 2010

1. Phương hướng

Huy động cao nhất các nguồn lực, trước hết là nội lực, nguồn lực của các thành phần kinh tế; đặc biệt cần quan tâm xây dựng và phát huy nhân tố con người để khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của vùng, kể cả vùng biển và thềm lục địa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tạo ra những vùng sản xuất hàng hóa lớn, tập trung; phát triển kinh tế biển (nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, thăm

dò, khai thác, chế biến dầu khí, du lịch, vận tải biển...); xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành một vùng trọng điểm phát triển kinh tế của cả nước với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, hiệu quả, bền vững; gắn phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng quan hệ sản xuất mới, phù hợp; các mặt văn hóa, xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là với đồng bào Khơ-me và nhân dân vùng ngập lũ; phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ môi trường sinh thái, với bảo đảm ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và an ninh, quốc phòng vững chắc.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Về phát triển kinh tế

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm nhanh tỷ trọng nông nghiệp, tăng công nghiệp và dịch vụ cả trong GDP và trong cơ cấu lao động; bổ sung, hoàn chỉnh chiến lược, hoàn thiện và chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch phát triển sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, thống nhất giữa các ngành, các địa phương trong toàn vùng; xác định chương trình, dự án đầu tư rõ ràng, có trọng điểm; đưa nhanh tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất trong vùng.

- Đối với nông - lâm - ngư nghiệp: đưa nhanh tiến bộ khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất để chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất trên một hecta đất canh tác. Ổn định sản lượng và nâng cao chất lượng lúa gạo, bảo đảm an

ninh lương thực cho đất nước và góp phần xuất khẩu, chuyển một phần diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các cây khác hoặc nuôi trồng thủy sản có hiệu quả hơn như ngô, bông, đậu, vừng, đỗ tương, cây ăn quả, nuôi tôm, cá. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi cho tương xứng với tiềm năng, chú trọng phát triển chăn nuôi lợn, vịt, gà, bò thịt, bò sữa... để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và một phần cho xuất khẩu.

Cùng với bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn ven biển, rừng nguyên sinh Phú Quốc, khôi phục, trồng mới rừng tràm ở vùng trũng, chua phèn thuộc vùng Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau; khôi phục lại vùng rừng U Minh bị cháy.

Phát triển nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có quy hoạch đồng bộ và đầu tư bảo đảm giống tốt, thức ăn, cơ sở chế biến để mở rộng nuôi tôm thâm canh, nuôi xen canh, luân canh. Phát triển mạnh nuôi cá basa và cá đồng. Phát triển đánh bắt xa bờ, dịch vụ nghề cá. Tăng cường công tác khuyến ngư, đào tạo nghề cho ngư dân, giúp đỡ các hộ ngư dân chuyển đổi ngành nghề sản xuất.

Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa nông dân, ngư dân với các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm, các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ. Hình thành hệ thống tổ chức phù hợp để đẩy mạnh nghiên cứu, nhập ngoại và ứng dụng công nghệ sinh học tạo giống cây trồng và vật nuôi tốt, bảo quản và chế biến nông, thủy sản, thực phẩm; nghiên cứu và ứng dụng các kỹ thuật mới tiên tiến và phù hợp để sản xuất nông, ngư, lâm nghiệp có hiệu quả cao; sớm ngang bằng trình độ tiên tiến trong khu vực về các lĩnh vực này.

- Đối với công nghiệp: phát triển mạnh công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu, đặc biệt là công nghiệp chế biến rau, quả. Đổi mới công nghệ để chế biến tinh sản phẩm có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, đưa thẳng được vào các siêu thị. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Xây dựng phương án khai thác có hiệu quả tiềm năng khí ở vùng biển Tây Nam. Xây dựng đường ống dẫn khí và hình thành cụm công nghiệp khí - điện - đạm tại Cà Mau trong năm 2005. Xây dựng có hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, phát triển mạnh công nghiệp, trong đó có công nghiệp công nghệ cao. Di chuyển các cơ sở công nghiệp ô nhiễm từ thành phố ra ngoại vi. Tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất xi măng, bê tông, gạch ngói, cấu kiện lắp ghép... phục vụ cho xây dựng các công trình công nghiệp, kết cấu hạ tầng và dân dụng. Phát triển mạnh công nghiệp cơ khí phục vụ nông, ngư nghiệp. Sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước về công nghiệp cơ khí và liên kết với các thành phần kinh tế khác để hình thành những trung tâm cơ khí phục vụ cho nông nghiệp và ngư nghiệp của vùng.

- Thương mại, dịch vụ, du lịch: xây dựng trung tâm thương mại cấp vùng ở Cần Thơ và các trung tâm cấp tỉnh ở các thị xã. Hình thành hệ thống chợ nông sản, thủy sản trên toàn vùng. Phát triển có hiệu quả các khu kinh tế cửa khẩu, các chợ biên giới quan trọng. Phát triển mạnh các loại hình du lịch sinh thái, du lịch sông nước, tham quan rừng ngập mặn, du lịch văn hóa gắn với Thành phố Hồ Chí Minh, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các tuyến du lịch liên vùng

Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và với các nước trong khu vực. Cho phép áp dụng một số cơ chế khuyến khích, ưu đãi cho phát triển du lịch. Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống đào tạo nguồn nhân lực ngành du lịch. Xây dựng huyện đảo Phú Quốc thành một trung tâm du lịch lớn của nước ta và là một cầu nối trong hội nhập kinh tế, giao thông có hiệu quả với khu vực.

- **Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng:** phát triển mạng lưới giao thông gắn với quy hoạch chống lũ (không cản trở dòng chảy và hạn chế tối đa tác hại do lũ gây ra). Hình thành cho được các tuyến trục dọc nối đồng bằng sông Cửu Long với Đông Nam Bộ và cả nước là: quốc lộ 1A, quốc lộ 60 dọc ven biển, đường N1, N2 cặp biên giới và mở mới tuyến đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh đi Cần Thơ, khẩn trương xây dựng để đưa cầu Cần Thơ, cầu Rạch Miễu, cầu Vàm Cống vào sử dụng trước năm 2010. Phấn đấu nâng cấp tất cả các tuyến quốc lộ và tỉnh lộ. Xây dựng các tỉnh lộ và huyện lộ quan trọng tạo thành hệ thống giao thông thông suốt trên toàn vùng ngập lũ, bảo đảm yêu cầu đi lại bình thường của người dân trong mùa lũ. Chú trọng mạng lưới giao thông nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, tạo điều kiện phát triển cho các vùng khó khăn, các căn cứ kháng chiến cũ và hải đảo. Phấn đấu đến năm 2005, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, trừ các xã cù lao (hiện còn 195 xã). Tiếp tục thực hiện chương trình xóa cầu “khỉ”, xây dựng cầu nông thôn mới.

Quy hoạch lại hệ thống cảng vùng đồng bằng sông Cửu Long, mở rộng và nâng cấp cảng Cần Thơ, các cảng nằm dọc trên tuyến vận tải chính của sông Tiền, sông Hậu. Nghiên cứu xây dựng các cảng biển Đại Ngãi, Hòn Chông và hệ

thống cảng sông. Nạo vét và đầu tư nâng cấp luồng lạch các tuyến sông chính theo tiêu chuẩn cấp I. Xem xét xây dựng một cảng dầu khí phục vụ phát triển dầu khí biển Tây Nam.

Chuẩn bị khôi phục tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh đi Mỹ Tho. Triển khai nâng cấp và mở rộng sân bay Trà Nóc (Cần Thơ) thành sân bay quốc tế; cải tạo các sân bay nội địa (sân bay Phú Quốc, sân bay Cà Mau và sân bay Côn Đảo), nâng cấp sân bay Phú Quốc bảo đảm phục vụ cho phát triển du lịch và giao thông trực tiếp với các nước trong khu vực.

Phát triển mạng lưới cấp nước sạch, bảo đảm cung cấp cho các thị xã, thị trấn. Phát triển và bảo đảm chất lượng hệ thống truyền tải điện. Phát triển mạnh bưu chính - viễn thông cả ở đô thị và vùng nông thôn. Đến năm 2005, khoảng 80% dân số ở thành phố, 65 - 70% dân số nông thôn được dùng nước sạch, 60% số hộ nông thôn được sử dụng điện, nâng số máy điện thoại trên 100 dân, gấp hai lần năm 2000.

Cơ bản hoàn thành hệ thống các công trình kiểm soát lũ và thủy lợi, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của sản xuất, giảm thiểu các thiệt hại do lũ lụt gây ra, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân. Tập trung vào một số công trình như:

+ Hệ thống đê biển, các kênh thoát lũ đồng bộ với các cống ngăn mặn ven biển phía Tây, các công trình kiểm soát lũ cho vùng Đồng Tháp Mười, vùng tứ giác Long Xuyên; hoàn thành cơ bản dự án thủy lợi Ba Lai... Tiếp tục thực hiện chương trình ngọt hóa bán đảo Cà Mau; điều chỉnh thích hợp thiết kế các công trình, bảo đảm phục vụ cho cả sản xuất lúa và phát triển nuôi trồng thủy sản.

+ Đẩy nhanh việc xây dựng các cụm, các tuyến dân cư và xây dựng nhà ở cho nhân dân vùng bị ngập lũ, trước hết là

vùng bị ngập thường xuyên. Khi làm, bán nền và nhà ở cho đồng bào vùng ngập lũ cần có chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho đồng bào nghèo, những người có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn. Phấn đấu đến năm 2005 giải quyết dứt điểm chỗ ở an toàn, ổn định cho khoảng 200 nghìn hộ dân cư sống trong vùng ngập lũ thường xuyên. Đến năm 2010 giải quyết dứt điểm các cụm, tuyến dân cư cho khoảng 600 nghìn hộ còn lại không còn bị ngập, được sống an toàn trong vùng lũ.

+ Phát triển đô thị, xây dựng thành phố Cần Thơ thành thành phố loại I trực thuộc Trung ương, đóng vai trò trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của vùng. Phát triển mạng lưới đô thị các cấp trên toàn vùng phù hợp với định hướng phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, phân bố dân cư phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của vùng.

b) Phát triển văn hóa - xã hội

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, tạo bước chuyển biến căn bản và có tiến bộ rõ rệt về các mặt văn hóa - xã hội của nhân dân trong vùng, nhất là đổi mới nếp sinh hoạt lạc hậu ở một số vùng nông thôn. Trong 5 năm tới tập trung trước hết vào việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của hơn 1,3 triệu đồng bào Khơ-me và cư dân vùng thường xuyên ngập lũ. Bảo đảm việc làm cho người lao động. Giải quyết tốt các vấn đề dân tộc, tôn giáo.

Phát triển nhanh và đồng bộ công tác giáo dục - đào tạo, tiếp tục củng cố và nâng cao kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, đẩy nhanh việc phổ cập trung học cơ sở để nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nghề, đào tạo cán bộ có

trình độ cao cho đồng bằng sông Cửu Long. Xóa phòng học 3 ca và phòng học tạm, kiên cố hóa trường học, bảo đảm cho trẻ em đi học không gián đoạn do ngập lũ. Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ trở thành trường trọng điểm quốc gia; thành lập thêm Trường Đại học Y và Dược (Cần Thơ) và Trường Đại học Sư phạm (Đồng Tháp); phân hiệu Đại học Thủy sản (Kiên Giang), phân hiệu của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh (Vĩnh Long); củng cố Đại học An Giang và thành lập thêm một số trường cao đẳng. Tiếp tục hỗ trợ cho số trường trung học sư phạm chuẩn bị đủ điều kiện cần thiết để nâng cấp thành trường cao đẳng sư phạm. Mỗi tỉnh có một trường dạy nghề, mỗi huyện có một trung tâm dạy nghề. Tăng cường đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ khoa học, cán bộ quản lý phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

Ưu tiên đầu tư hiện đại hóa các bệnh viện đã có, nhất là bệnh viện đa khoa tỉnh; xây dựng Trung tâm y tế chuyên sâu ở Cần Thơ phục vụ cho cả vùng. Phấn đấu 100% các trạm y tế xã có bác sĩ. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, củng cố các hoạt động chăm sóc sức khỏe tuyến huyện, xã, bảo đảm sức khỏe cộng đồng.

Xây dựng một số viện và trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ có trình độ cao, trước hết là công nghệ sinh học để làm nòng cốt giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ có tính đặc thù của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, vệ sinh môi trường ở khu vực đô thị và từng bước ở khu vực nông thôn.

c) Về quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 16-4-2002

của Bộ Chính trị về tăng cường bảo đảm an ninh, quốc phòng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội, cần tập trung đầu tư vượt lũ cho các đồn biên phòng, sở chỉ huy cấp huyện, các công trình phòng thủ, các đường vành đai biên giới để từng bước hình thành thế trận quốc phòng toàn dân. Xây dựng một số đơn vị của quân đội và công an có khả năng cơ động cao để ứng phó tình trạng khẩn cấp (lũ, cháy rừng, tình hình phức tạp...). Phát triển một số căn cứ, cảng, sân bay, đội tàu thuyền, phương tiện cứu hộ trên sông, trên biển. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng cho các đảo, gồm cả các cơ sở hậu cần nghề cá. Phân bố lại các điểm dân cư, tăng cường các hoạt động kinh tế và kiểm soát trên biển.

d) Bảo đảm nguồn vốn đầu tư

Để phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long theo những mục tiêu và định hướng nêu trên, cùng với việc dành một tỷ lệ hợp lý từ ngân sách nhà nước, cần phải có giải pháp toàn diện, đồng bộ huy động nguồn vốn của mọi thành phần kinh tế trên địa bàn, nguồn vốn từ ngoài vùng, vốn từ quyền sử dụng đất, có chính sách hỗ trợ bằng nguồn vốn vay ưu đãi của Nhà nước để phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đầu tư hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, phát triển công nghiệp chế biến. Khi cần thiết có thể phát hành trái phiếu chính phủ hoặc trái phiếu công trình để đầu tư phát triển giao thông, xây dựng các công trình tránh lũ, xây dựng các cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội khác. Khuyến khích đầu tư bằng hình thức BOT, BT có sự quản lý chặt chẽ để bảo đảm chất lượng, hiệu quả, không gây tiêu cực. Tăng cường xúc tiến để thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào vùng.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành chức năng cần điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, bổ sung các cơ chế, chính sách cần thiết, phù hợp và phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo đồng bằng sông Cửu Long, với các địa phương trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện; các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long rà soát lại quy hoạch, xây dựng kế hoạch và giải pháp cụ thể để thực hiện ở địa phương mình.

2. Riêng dự án phát triển các đảo Phú Quốc, Côn Đảo, nhất là khi kênh KRA được xây dựng, Chính phủ cần có đề án riêng trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định (đặc biệt quan tâm vấn đề quốc phòng, an ninh quốc gia).

3. Ban Kinh tế Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương phối hợp với Ban Cán sự đảng Chính phủ và các ngành, các cấp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo kịp thời với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 18-CT/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2003

**Về tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết
Trung ương 5 (khóa VIII) về công tác văn học,
nghệ thuật trong tình hình mới**

Tháng 7-1998, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã ra Nghị quyết “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Nghị quyết có một phần quan trọng đề cập công tác văn học, nghệ thuật, chỉ rõ những định hướng về nội dung và giải pháp nhằm phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hơn bốn năm qua, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã bước đầu đi vào cuộc sống. Văn học, nghệ thuật nước ta đã có phát triển mới. Sáng tác và các hoạt động phổ biến văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú và đa dạng. Nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật đã hướng vào các đề tài lịch sử cách mạng, kháng chiến và công cuộc đổi mới. Đề tài cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, về miền núi và đồng bào các dân tộc thiểu số được chú ý hơn. Nhiều mặt của hiện thực

cuộc sống đất nước ta được phản ánh ngày càng sinh động. Số lượng tác phẩm văn học, nghệ thuật nhiều hơn trước. Sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các cơ quan Đảng, Nhà nước từ trung ương đến địa phương đối với công tác văn học, nghệ thuật có nhiều tiến bộ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn quá ít những tác phẩm đạt đỉnh cao, có giá trị lâu bền, phản ánh một cách sâu sắc hiện thực cuộc sống của nhân dân, của đất nước ta trong những giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc. Chưa có nhiều tác phẩm hay khẳng định thành quả của sự nghiệp đổi mới. Không ít tác phẩm vẫn còn thể hiện sự dễ dãi, chiều theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận công chúng. Khuynh hướng “thương mại hóa” chưa được khắc phục. Còn xuất hiện một số tác phẩm có nội dung tư tưởng lệch lạc, xuyên tạc bản chất cuộc sống của nhân dân ta.

Công tác lý luận, phê bình và hoạt động nghiên cứu chưa được tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ, chưa góp phần khẳng định những tác phẩm, công trình có giá trị, chệch phê phán những biểu hiện sai trái và định hướng thẩm mỹ cho công chúng, thúc đẩy sáng tác phát triển.

Một bộ phận văn nghệ sĩ chưa bám sát thực tiễn đổi mới, thiếu đi sâu vào đời sống nhân dân lao động để sáng tạo nên những tác phẩm có tính giáo dục và thẩm mỹ sâu sắc.

Các cơ sở vật chất phục vụ cho sinh hoạt văn nghệ cộng đồng như rạp hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, thư viện chưa được khai thác có hiệu quả, ở một số nơi bị xuống cấp nghiêm trọng. Quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, biểu diễn còn thiếu chặt chẽ, để các hoạt động này ở mức độ đáng kể bị tư nhân chi phối, một số ấn phẩm, chương trình văn nghệ có

nội dung xấu, chất lượng nghệ thuật thấp kém công khai lưu hành trên thị trường. Một số chương trình văn hóa nghệ thuật trên hệ thống truyền hình thiếu chọn lọc; chiếu nhiều phim nước ngoài.

Trong những năm qua, việc giao lưu văn hóa, văn nghệ với nước ngoài có nhiều cố gắng, đã giới thiệu được với bạn bè quốc tế một số giá trị văn học, nghệ thuật đặc sắc của Việt Nam, nhưng quản lý còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo, nên hiệu quả hạn chế.

Việc thể chế hóa các giải pháp của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) còn chậm, chưa tạo điều kiện để kích thích sáng tạo và phổ biến tác phẩm. Chưa có quy định cụ thể, ổn định về nguồn tài trợ, đầu tư của Nhà nước cho văn học, nghệ thuật. Sự phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành và các hội văn học, nghệ thuật còn thiếu chặt chẽ. Hoạt động của các tổ chức hội ở Trung ương và địa phương còn nhiều lúng túng, khó khăn; chưa phát huy đúng mức vai trò của các đảng đoàn trong các hội văn nghệ.

I- NHIỆM VỤ CỦA VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Đất nước ta đang đứng trước những thời cơ và thách thức to lớn. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu ổn định chính trị xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật của nhân dân ngày càng cao đòi hỏi văn học, nghệ thuật nước ta vươn lên mạnh mẽ để có những đóng góp mới.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã chỉ rõ: phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, vào mọi địa bàn dân cư và mọi lĩnh vực, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện tốt hơn nữa Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về lĩnh vực văn học, nghệ thuật, nhiệm vụ trung tâm của công tác văn học, nghệ thuật thời gian tới là tiếp tục “phấn đấu sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng sâu sắc xây dựng con người...”; phát huy truyền thống cao đẹp của dân tộc và tiếp thụ tinh hoa văn hóa của thế giới, thực hiện tốt phương châm: lấy tác phẩm tốt cổ vũ, giáo dục con người và xã hội; tạo nguồn giải trí lành mạnh, đẩy lùi những hoạt động văn nghệ phản động, đồi trụy, phi nhân tính, phản dân tộc. Từ nay đến năm 2005, hướng tới kỷ niệm trọng thể 75 năm Ngày thành lập Đảng, 60 năm Ngày thành lập Nước và những năm sau cần đầu tư chiều sâu để

hàng năm có được một số tác phẩm tốt trên các loại hình văn học, nghệ thuật.

Muốn thực hiện được nhiệm vụ và yêu cầu nêu trên, cần tập trung sức thực hiện tốt một số việc sau đây:

1. Có chính sách cụ thể giúp đỡ văn nghệ sĩ sáng tạo những tác phẩm tốt

a) Các cơ quan Đảng và Nhà nước cần thường xuyên giúp đỡ văn nghệ sĩ nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hiểu biết tình hình của đất nước, của các ngành, các địa phương, tạo được niềm tin vào sự nghiệp đổi mới, hết lòng phấn đấu vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Chú ý bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, quan điểm sáng tạo đúng đắn cho đội ngũ văn nghệ sĩ trẻ tuổi.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, ban tuyên giáo các cấp có trách nhiệm thường xuyên cung cấp cho văn nghệ sĩ các thông tin về tình hình trong nước và quốc tế như đối với các báo cáo viên của Đảng. Các hội văn nghệ cử những cán bộ quản lý chủ chốt luân phiên học tập ở các trường đảng. Nghiên cứu mở một số lớp chính trị, nghiệp vụ, bồi dưỡng các tài năng văn nghệ bằng nguồn ngân sách nhà nước.

b) Chính phủ chỉ đạo Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất chính sách cụ thể giúp đỡ văn nghệ sĩ thâm nhập thực tế theo kế hoạch của từng loại hình văn nghệ. Vận động, xây dựng thành phong trào các ngành, các địa phương hỗ trợ, giúp đỡ, cổ vũ văn nghệ sĩ bám cơ sở để sáng tác; triển khai hoạt động bảo hộ quyền tác giả đối với các loại hình văn học, nghệ thuật;

xây dựng chính sách phát triển nghệ thuật truyền thống, chính sách thu hút, khuyến khích các tài năng văn nghệ, cung cấp những điều kiện thuận lợi để phát huy cao nhất tiềm năng lao động nghệ thuật. Nhà nước tăng cường nguồn kinh phí để mua các sản phẩm văn hóa tốt như: phim, ảnh, băng đĩa âm nhạc, các chương trình sân khấu, tranh, tượng, sách, báo, những công trình nghiên cứu, sưu tầm... bỏ sung cho các thư viện, bảo tàng, câu lạc bộ..., vừa khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, vừa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Nghiên cứu chế độ, chính sách đối với hoạt động của các nghệ sĩ biểu diễn, đặc biệt là với các nghệ sĩ múa, xiếc, múa rối... Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và phát huy khả năng đóng góp của văn nghệ sĩ cao tuổi.

c) Coi trọng việc phổ biến các tác phẩm có giá trị. Nâng cao chất lượng các giải thưởng văn học, nghệ thuật. Bộ Văn hóa - Thông tin cần kiện toàn, củng cố các hội đồng thẩm định quốc gia để chọn lọc những tác phẩm có giá trị giới thiệu Nhà nước trao giải thưởng.

Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và các cơ quan chức năng tăng cường quản lý công tác xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình. Các nhà xuất bản, báo chí, đài phát thanh, truyền hình Trung ương, địa phương có kế hoạch nâng cao chất lượng nội dung, nghệ thuật các chương trình văn nghệ, các ấn phẩm sách, báo; phổ biến những tác phẩm có giá trị tới công chúng rộng rãi. Bộ Văn hóa - Thông tin cần thành lập Quỹ văn hóa quốc gia, các hội văn nghệ Trung ương và địa phương thành lập Quỹ sáng tạo để hỗ trợ việc công bố tác phẩm.

Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với các hội văn học, nghệ thuật giới thiệu những tác phẩm, công trình đã được Nhà nước đầu tư và tài trợ, đặt hàng mua và phổ biến những tác phẩm xuất sắc.

2. Đẩy mạnh công tác lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học, nghệ thuật

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tư tưởng, lý luận, cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở kế thừa và phát triển những quan điểm của Đảng về văn học, nghệ thuật đã được thực tiễn khẳng định, xây dựng cơ sở lý luận của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam trong tình hình mới.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, các hội chuyên ngành thành lập Hội đồng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật để thúc đẩy hoạt động lý luận, phê bình góp phần đẩy mạnh sáng tác văn nghệ. củng cố các hội đồng lý luận, phê bình của các hội chuyên ngành.

Gắn chặt công tác nghiên cứu với việc bảo tồn các di sản nghệ thuật truyền thống. Nhà nước đầu tư ngân sách thích đáng cho công tác sưu tầm và bảo tồn các bộ môn nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

Các hội văn học, nghệ thuật phối hợp chặt chẽ với các nhà xuất bản, báo, tạp chí, các đài phát thanh, truyền hình để nâng cao chất lượng việc hướng dẫn, bồi dưỡng, nâng cao tri thức văn nghệ, mở rộng giao lưu, định hướng công chúng thưởng thức các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Chỉ đạo chặt

chế việc biên soạn các chương trình văn học, nhạc, họa, múa... trong nhà trường; xây dựng sinh hoạt văn hóa nghệ thuật lành mạnh trong học sinh, sinh viên; khuyến khích các sinh hoạt văn nghệ quần chúng vui tươi, lành mạnh.

3. Các hoạt động văn học, nghệ thuật phải hướng tới công chúng rộng rãi

Đi đôi với việc nâng cao nhận thức, thị hiếu thẩm mỹ cho mọi đối tượng, Nhà nước quan tâm cải thiện môi trường văn hóa và điều kiện sinh hoạt văn nghệ của nhân dân, tham khảo ý kiến của các nhà văn hóa, giới kiến trúc và nhân dân khi triển khai quy hoạch đô thị, xây dựng khu vui chơi giải trí, các công trình kiến trúc, tượng đài.

Chấn chỉnh, đầu tư nâng cấp các cơ sở sinh hoạt văn nghệ công cộng ở thành phố và nông thôn, chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng tôn giáo. Xây dựng một số công trình nhà hát, bảo tàng nghệ thuật tiêu biểu ở các thành phố lớn trực thuộc Trung ương. Quản lý chặt chẽ các nội dung chương trình văn nghệ (sân khấu, ca - múa - nhạc, điện ảnh...); đảm bảo cho nhân dân được hưởng thụ các tác phẩm văn nghệ lành mạnh. Hướng dẫn công chúng tham gia phê bình, thẩm định các tác phẩm văn học, nghệ thuật.

4. Tăng cường chỉ đạo các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương

- Các hội văn học, nghệ thuật Trung ương và địa phương đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và thường vụ cấp ủy, chịu sự quản lý của Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp. Hội được đầu tư và tài trợ kinh phí ổn định, tương xứng để

thúc đẩy sáng tác, biểu diễn và đào tạo lực lượng. Mặt khác, các hội cần chủ động từng bước “xã hội hóa” các hoạt động văn học, nghệ thuật theo đúng định hướng.

Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính phối hợp với các ban của Đảng, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam nghiên cứu, đề xuất, xác định biên chế hành chính tối thiểu, ngân sách đầu tư và tài trợ hàng năm cho các hội văn nghệ, có chính sách miễn giảm về thuế, giá ưu đãi về thuê cơ sở hạ tầng... Chính phủ sớm ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của các hội văn học, nghệ thuật đúng với tính chất là các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII).

- Đẩy mạnh giao lưu, trao đổi văn hóa nghệ thuật với thế giới; giới thiệu có hệ thống những giá trị của nền văn học, nghệ thuật cách mạng và những giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu có chọn lọc các tinh hoa của văn học, nghệ thuật thế giới. Bộ Văn hóa - Thông tin cần phối hợp với Bộ Ngoại giao và cơ quan hữu quan xây dựng Quy chế “đoàn ra, đoàn vào” chặt chẽ; ngăn chặn nhập khẩu các văn hóa phẩm phản động, đồi trụy.

- Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các hội chuyên ngành Trung ương tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của đảng đoàn các hội văn học, nghệ thuật; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đảng đoàn và tổ chức đảng ở từng hội văn học, nghệ thuật; khôi phục đảng đoàn các hội văn học, nghệ thuật địa phương.

5. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với văn học, nghệ thuật

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo văn nghệ của Đảng; không ngừng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý văn nghệ của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Làm tốt công tác tập hợp văn nghệ sĩ, tôn trọng quyền tự do sáng tác đi đôi với giữ vững định hướng và trách nhiệm trong sáng tạo văn nghệ; giúp đỡ, hỗ trợ kịp thời các hội văn nghệ, các văn nghệ sĩ hoạt động.

- Tăng cường cán bộ có phẩm chất, năng lực trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật cho Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và các ban tuyên giáo các cấp.

- Tiếp tục thể chế hóa Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) bằng chính sách, luật pháp và các giải pháp cụ thể, thiết thực; thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Rà soát và sửa đổi những văn bản pháp quy trước đây không còn phù hợp, bổ sung những văn bản mới đáp ứng hoạt động văn học, nghệ thuật trong giai đoạn hiện nay.

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn học, nghệ thuật; kịp thời ngăn chặn, phê phán các âm mưu, thủ đoạn của các phần tử cơ hội chính trị, các thế lực thù địch chống phá ta trên lĩnh vực văn nghệ. Quản lý chặt chẽ thị trường văn nghệ, chấn chỉnh công tác xuất bản, biểu diễn; xử lý kịp thời và nghiêm minh những việc làm sai trái, vi phạm pháp luật.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có kế hoạch hướng dẫn Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, đảng

đoàn các hội văn học, nghệ thuật, các cấp ủy, các ngành có liên quan, đội ngũ văn nghệ sĩ quán triệt Chỉ thị, xây dựng chương trình hành động cụ thể để sớm tạo chuyển biến tích cực trong hoạt động văn học, nghệ thuật.

2. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì cùng các hội văn học, nghệ thuật và các bộ, ngành hữu quan khẩn trương nghiên cứu, đề xuất những chính sách về văn học, nghệ thuật đối với văn nghệ sĩ trình Chính phủ quyết định.

3. Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương kết hợp với đảng đoàn các hội trình Ban Bí thư đề án củng cố, kiện toàn đảng đoàn các hội nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

4. Đảng đoàn các hội văn nghệ lãnh đạo việc kiểm điểm, đánh giá các hoạt động của hội giữa nhiệm kỳ (đầu năm 2003), tự phê bình và phê bình theo yêu cầu Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); căn cứ tinh thần Chỉ thị này để xây dựng chương trình hoạt động cụ thể của hội từ nay đến năm 2005.

5. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin theo dõi tình hình thực hiện Chỉ thị này và báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 20-CT/TW, ngày 27 tháng 1 năm 2003

**Về nâng cao chất lượng, hiệu quả
công tác xuất bản, phát hành sách lý luận,
chính trị trong tình hình mới**

1. Sách lý luận, chính trị có vai trò, vị trí quan trọng, trực tiếp truyền bá, bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; giới thiệu kiến thức, kinh nghiệm có giá trị của các nước; góp phần xây dựng nền tảng tư tưởng, thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, giáo dục, nâng cao trình độ và bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng con người mới, nếp sống mới; đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái.

Công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị ở nước ta sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 08, ngày 31-3-1992 của Ban Bí thư (khóa VII) đã có bước phát triển mới về chất lượng và số lượng, nội dung và hình thức, cơ cấu và thể loại. Phương thức xuất bản, phát hành bước đầu được cải tiến và thích ứng dần với cơ chế thị trường. Đội ngũ làm công tác

biên tập, xuất bản, phát hành sách có nhiều cố gắng, trình độ chính trị và nghiệp vụ chuyên môn được nâng cao. Một số bộ sách lớn, quan trọng về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, văn kiện Đảng được xuất bản và phát hành rộng rãi. Sách lý luận, chính trị đã góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới đất nước, ổn định chính trị - xã hội, tuyên truyền đối ngoại, xây dựng con người và văn hóa Việt Nam.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với hoạt động xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị được tăng cường và đổi mới; định hướng kịp thời, cụ thể cho các cơ quan chủ quản và các nhà xuất bản.

Tuy nhiên, công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị còn bộc lộ những khuyết điểm và yếu kém:

Chất lượng sách nhìn chung chưa cao. Tính chiến đấu, tính khoa học, tính thực tiễn, tính hấp dẫn còn hạn chế. Số sách hay, có giá trị lớn về lý luận, chính trị còn ít. Một số ấn phẩm có sai sót về chính trị. Số lượng sách tính bình quân theo đầu người còn thấp. Cơ cấu sách chưa hợp lý, còn ít sách chuyên đề, sách hướng dẫn thực hành, sách tra cứu, đi sâu tổng kết thực tiễn, giới thiệu các điển hình tiên tiến; hình thức, nội dung sách chưa phong phú, chưa phù hợp với các đối tượng và vùng khác nhau. Sách đấu tranh chống tiêu cực, bác bỏ các quan điểm sai trái chưa sắc bén và kịp thời.

Công tác phát hành sách lý luận, chính trị trong cơ chế thị trường còn nhiều khó khăn, lúng túng. Mạng lưới phát hành phát triển chậm, có nơi suy giảm; chưa có sự phối hợp chặt chẽ với hệ thống thư viện, tủ sách để giải quyết tốt đầu ra cho các nhà xuất bản. Giá sách còn cao so với thu nhập của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sách cho nông thôn,

vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và người Việt Nam ở nước ngoài còn ít.

Sở dĩ có tình trạng nói trên chủ yếu là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và công tác quản lý, quy hoạch của Nhà nước về sách lý luận, chính trị nhiều mặt còn yếu, định hướng chưa rõ. Một số chế độ, chính sách về đầu tư, thuế, nhuận bút, bản quyền tác giả, phí phát hành chậm được đổi mới. Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm chưa kịp thời.

Đội ngũ viết sách lý luận, chính trị còn mỏng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xuất bản, phát hành còn nhiều hạn chế, thiếu những cán bộ biên tập có trình độ chuyên môn cao.

2. Những nhiệm vụ to lớn của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị. Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng và các cơ quan xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị thực hiện tốt một số việc sau đây:

Một là, thực hiện chủ trương xây dựng nền xuất bản Việt Nam độc lập, tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sách lý luận, chính trị thực sự là một công cụ sắc bén trong giáo dục chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ngành xuất bản cần vạch kế hoạch dài hạn đến năm 2010; xây dựng chương trình đầu tư của Nhà nước về xuất bản, phát hành

sách lý luận, chính trị theo kế hoạch 5 năm và hằng năm cho từng loại sách, từng loại đối tượng và từng vùng; có biện pháp cụ thể để thực hiện.

Hai là, nâng cao chất lượng chính trị, khoa học, tính thực tiễn, tính chiến đấu, tính thuyết phục và hấp dẫn của sách lý luận, chính trị; đáp ứng nhu cầu tăng nhanh hàng năm cả về số đầu sách, số bản in; phấn đấu bảo đảm đủ sách lý luận, chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và công chức nhà nước với giá bán hợp lý, phù hợp với sức mua của đông đảo bạn đọc; cơ cấu sách phong phú, đa dạng đáp ứng được yêu cầu nhiều mặt của công tác chính trị, tư tưởng và những vấn đề cơ bản, bức xúc do thực tiễn đặt ra. Chú trọng mảng sách chính trị phổ thông viết sinh động, dễ hiểu, sách cho xã, phường, thị trấn, vùng dân tộc, miền núi, hải đảo, sách cho người Việt Nam ở nước ngoài và phục vụ thông tin đối ngoại; sách đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, chống âm mưu “diễn biến hòa bình”; lựa chọn giới thiệu những tác phẩm tiến bộ của thế giới. Từng bước đổi mới công nghệ xuất bản, sử dụng công nghệ xuất bản hiện đại, bảo đảm hình thức sách đẹp, hấp dẫn, sử dụng và lưu trữ được lâu dài.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện quy hoạch tổ chức các nhà xuất bản sách lý luận, chính trị, trong đó Nhà xuất bản Chính trị quốc gia giữ vai trò nòng cốt; có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các nhà xuất bản và các cơ sở phát hành sách. Đẩy mạnh quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị. Coi trọng việc xây dựng mạng lưới tác giả và cộng tác viên, tạo điều kiện thuận lợi và có chế độ bồi dưỡng hợp lý đối với những người viết sách lý luận, chính trị có trình độ cao.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước về công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị. Cải tiến các cơ chế, chính sách về xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị, tạo hành lang pháp lý đưa hoạt động này đi vào nền nếp.

Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống phát hành sách lý luận, chính trị từ trung ương đến cơ sở và phát hành ra nước ngoài cho phù hợp với đặc thù của loại sách này. Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu sách lý luận, chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet và thông qua đội ngũ cán bộ tuyên truyền các cấp. Mở rộng giao lưu ấn phẩm, tài liệu và trao đổi kinh nghiệm với các nhà xuất bản trên thế giới.

Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì cùng các cơ quan chức năng của Nhà nước quy định mức kinh phí mua sách lý luận, chính trị của hệ thống thư viện, tủ sách, mức tài trợ sách đối với một số vùng và đối tượng; có các chế độ, chính sách về đầu tư, thuế, nhuận bút, chiết khấu phát hành, hạ giá thành sách lý luận, chính trị; mở rộng tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn thành tủ sách lý luận, chính trị xã, phường, thị trấn; thường xuyên kiểm tra, kiên quyết xử lý các vi phạm pháp luật về xuất bản và phát hành sách lý luận, chính trị.

Các nhà xuất bản, đặc biệt là Nhà xuất bản Chính trị quốc gia căn cứ Chỉ thị này và chương trình tuyên truyền, giáo dục lý luận, chính trị của Đảng xây dựng kế hoạch xuất bản và triển khai thực hiện chặt chẽ.

Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy và các cơ quan làm công tác lý luận, chính trị có trách

nhệm quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này; cải tiến lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và tuyên truyền sách lý luận, chính trị.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì cùng Bộ Văn hóa - Thông tin và các ban, bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thi hành Chỉ thị này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 60-QĐ/TW, ngày 11 tháng 2 năm 2003

**Về tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở,
tham dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội,
hội nghị và tiếp các đoàn đại biểu trong nước
của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư**

Căn cứ Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;

Để việc tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, tham dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp các đoàn đại biểu trong nước của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư đạt kết quả tốt, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, giảm bớt các thủ tục lễ tân, không phô trương, hình thức;

Bộ Chính trị quy định:

Chương I

TỔ CHỨC CÁC CHUYẾN ĐI CÔNG TÁC CƠ SỞ

Điều 1. Đi công tác cơ sở ghi trong quy định này bao gồm

các chuyến đi làm việc, đi thăm, đi dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị... của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư (dưới đây gọi chung là các đồng chí lãnh đạo) ở các tỉnh, thành phố, huyện, xã... và các bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương.

Điều 2. Hàng tháng, văn phòng các cơ quan, trợ lý, thư ký của các đồng chí lãnh đạo thông báo cho Văn phòng Trung ương biết dự kiến kế hoạch đi công tác cơ sở của các đồng chí lãnh đạo để phục vụ cho việc xây dựng chương trình làm việc của tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Văn phòng Trung ương là đầu mối theo dõi lịch đi công tác cơ sở của các đồng chí lãnh đạo. Khi cần thiết, Văn phòng Trung ương báo cáo đồng chí Thường trực Ban Bí thư trao đổi với các đồng chí lãnh đạo điều chỉnh kế hoạch đi cơ sở để thực hiện được chương trình làm việc của tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc để tránh tập trung trong một thời gian nhiều đồng chí lãnh đạo cùng đến một nơi, hoặc ngược lại có những nơi trong một thời gian dài không có các đồng chí lãnh đạo đến thăm, làm việc.

Điều 3. Kế hoạch đi công tác cơ sở (trong đó xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung làm việc, thời gian và thành phần đoàn...) của các đồng chí lãnh đạo do văn phòng cơ quan, trợ lý, thư ký các đồng chí lãnh đạo phối hợp với cơ sở đến thăm, làm việc chuẩn bị.

Kế hoạch chi tiết về chuyến đi công tác cơ sở của các đồng chí lãnh đạo phải được giữ bí mật, gửi trước cho lãnh đạo cơ sở nơi đến công tác và các cơ quan phục vụ ít nhất từ 5 - 7 ngày bằng văn bản, điện mật (không thông báo qua điện thoại) để chuẩn bị (trừ những chuyến đi để giải quyết

việc đột xuất hoặc trường hợp đồng chí trưởng đoàn có quyết định khác).

Trước khi đi, các đồng chí trợ lý, thư ký phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo đồng chí lãnh đạo về tình hình cơ sở và những thông tin cần thiết phục vụ cho chuyến đi. Đối với các chuyến thăm, làm việc chính thức của các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, khi cần thiết, Văn phòng Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội phối hợp với trợ lý, thư ký của các đồng chí lãnh đạo làm việc trước với các ngành, địa phương, cơ sở để chuẩn bị tốt các vấn đề cần thiết.

Điều 4. Thành phần đoàn công tác phải hợp lý, thiết thực, gọn nhẹ. Tùy theo tính chất và nội dung của mỗi chuyến đi để xác định thành phần và số lượng thành viên cho phù hợp.

Đoàn của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội khi đi thăm chính thức, làm việc với các tỉnh, thành phố, các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương nhiều nhất không quá 30 người (kể cả phục vụ); đoàn của các đồng chí lãnh đạo khác nhiều nhất không quá 15 người.

Khi các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội và các đồng chí lãnh đạo khác đến các tỉnh, thành phố để làm việc, tổ chức các hội nghị theo chuyên đề, đòi hỏi phải có đại diện lãnh đạo của nhiều ban, ngành Trung ương tham dự thì số thành viên có thể nhiều hơn 30, nhưng cũng phải bảo đảm thiết thực, hợp lý.

Trường hợp đi dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị... có tính chất động viên, lễ tân hoặc đi thăm có tính chất cá nhân thì số lượng người tham gia đoàn của các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội không quá 10 người; đoàn của các đồng chí lãnh đạo khác không quá 5 người.

Điều 5. Nếu đoàn đi công tác cơ sở bằng ô tô, ngoài xe riêng của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành phần khác từ Trưởng ban, Bộ trưởng trở xuống đi xe nhiều chỗ ngồi (trừ đi công tác tại nội thành Hà Nội).

Khi các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội đi công tác thì có bố trí xe cảnh sát dẫn đường, còn với các đồng chí lãnh đạo khác chỉ bố trí xe cảnh sát dẫn đường khi thật cần thiết. Xe cảnh sát dẫn đường hết sức hạn chế sử dụng còi hú, nhất là khi các đồng chí lãnh đạo vào các khu dân cư thăm những người có công, hoặc tiếp xúc với nhân dân; chỉ sử dụng còi hú khi thật cần thiết để bảo đảm an toàn hoặc tốc độ đoàn đi.

Điều 6. Nếu đoàn đi bằng ô tô, lãnh đạo các tỉnh, thành phố nơi đoàn đến công tác tổ chức đón tại trụ sở làm việc, không đón, tiễn ở địa giới hành chính giữa hai tỉnh.

Nếu đoàn đi bằng máy bay (việc chuẩn bị phương tiện, thuê chuyên cơ hay chuyên khoang thực hiện theo quy định riêng), thì tùy tình hình cụ thể đại diện lãnh đạo tỉnh, thành phố có sân bay, hoặc tỉnh, thành phố nơi đoàn đến công tác tổ chức đón tại sân bay. Việc bố trí ô tô đón và sử dụng trong

thời gian làm việc tại địa phương, cơ sở thực hiện theo Điều 5 của Quy định này.

Trừ các cuộc đi thăm chính thức, dự mít tinh, ngày kỷ niệm mang tính chất lễ tân hoặc động viên địa phương của các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, nói chung không bố trí quần chúng cầm cờ, hoa đứng dọc hai bên đường và đội tiêu binh tại trụ sở làm việc khi đón các đồng chí lãnh đạo (trường hợp có nguyên thủ nước ngoài đi cùng và khi đến các đơn vị lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định riêng). Các địa phương, ngành, cơ sở cần bố trí nơi đón tiếp, làm việc trang trọng, nhưng không phô trương hình thức.

Trong thời gian đoàn của đồng chí lãnh đạo công tác tại cơ sở, các đồng chí lãnh đạo địa phương, ngành bố trí đi xe chung để giảm tới mức tối thiểu số lượng xe ô tô dùng vào việc đưa, đón và phục vụ đoàn.

Điều 7. Tùy theo mục đích, nội dung chuyến công tác của các đồng chí lãnh đạo, địa phương, cơ sở bố trí thành phần dự làm việc hợp lý và thiết thực, không nhất thiết trường hợp nào cũng phải bố trí toàn bộ ban thường vụ, ban chấp hành đảng bộ cùng làm việc. Để tiết kiệm thời gian, trong các buổi làm việc chính thức cần giảm tối đa các thủ tục lễ tân. Nói chung, chỉ giới thiệu đồng chí lãnh đạo cao nhất trong thành phần đoàn công tác đến làm việc, còn các thành viên khác giới thiệu chung, không giới thiệu riêng từng người...

Điều 8. Các đồng chí trợ lý, thư ký, lãnh đạo hoặc chuyên viên văn phòng cơ quan đồng chí lãnh đạo đi trong đoàn phối hợp chặt chẽ với cơ sở tổ chức thực hiện tốt chương

trình, xử lý hoặc trình xin ý kiến đồng chí lãnh đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong chuyến đi.

Điều 9. Các chuyến đi thăm, làm việc chính thức của các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội; các cuộc đi thăm, làm việc của các đồng chí lãnh đạo khác với danh nghĩa thay mặt Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư, phải có báo cáo kết quả làm việc với Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư; trường hợp cần thiết có thông báo ý kiến phát biểu của đồng chí lãnh đạo trong chuyến đi. Đối với các cuộc đi thăm, làm việc khác, việc có hay không cần báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả chuyến đi do đồng chí lãnh đạo quyết định.

Báo cáo kết quả làm việc và thông báo ý kiến phát biểu của các đồng chí lãnh đạo do lãnh đạo, chuyên viên các văn phòng phối hợp với các đồng chí trợ lý, thư ký chuẩn bị; đồng chí lãnh đạo Văn phòng duyệt ký gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 10. Quà, tặng phẩm để các đồng chí lãnh đạo trao tặng cho địa phương, ngành, cơ sở, người có công, các đối tượng chính sách nơi đến thăm, làm việc do trợ lý, thư ký của các đồng chí lãnh đạo phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, văn phòng các bộ, ngành, địa phương chuẩn bị và ghi rõ quà, tặng phẩm của tập thể hoặc cá nhân lãnh đạo trao tặng. Quà, tặng phẩm phải có ý nghĩa và phù hợp với tính chất của từng đoàn công tác.

Ngành, địa phương và cơ sở không tặng lại quà hoặc tiền cho đoàn công tác (trừ quà có tính chất lưu niệm, không đắt tiền).

*Chương II***THAM DỰ CÁC CUỘC MÍT TINH, LỄ KỶ NIỆM,
ĐẠI HỘI, HỘI NGHỊ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

Điều 11. Tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư dự các cuộc mít tinh, kỷ niệm những ngày lễ lớn (tổ chức vào các năm chẵn) và các hoạt động sau:

- Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9).
- Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2).
- Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5).
- Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5), giải phóng miền Nam (30-4) và Ngày Quốc tế lao động (1-5).
- Khai mạc và bế mạc các kỳ họp Quốc hội.
- Khai mạc và bế mạc Đại hội thi đua toàn quốc.
- Khai mạc, bế mạc Đại hội các đoàn thể chính trị - xã hội.

Và một số hoạt động thật cần thiết khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

Điều 12. Các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị lớn nếu cần mời đại diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư dự thì báo cáo xin ý kiến đồng chí lãnh đạo phụ trách lĩnh vực hoặc đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với các địa phương) và gửi giấy mời trực tiếp đến các đồng chí lãnh đạo, đồng thời thông báo cho Văn phòng Trung ương biết danh sách các đồng chí lãnh đạo được mời, trước thời gian tổ chức 5 - 7 ngày. Trường hợp cần thiết, Văn phòng Trung ương sẽ

báo cáo đồng chí Thường trực Ban Bí thư để trao đổi với các đồng chí lãnh đạo có liên quan điều chỉnh việc quyết định người tham dự.

Trong mỗi cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị do các cơ quan Trung ương và địa phương tổ chức (trừ các trường hợp ghi ở Điều 11) bố trí không quá 4 đồng chí lãnh đạo dự (trong đó có đồng chí lãnh đạo phụ trách lĩnh vực, địa phương và không quá 2 đồng chí trong 4 chức danh Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội dự).

Điều 13. Việc giới thiệu các đồng chí lãnh đạo tham dự mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị phải đảm bảo ngắn gọn, đầy đủ, trang trọng.

Nếu chỉ có các đồng chí đương chức thì giới thiệu theo thứ tự: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội...

Nếu có các đồng chí nguyên Tổng Bí thư, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các thành phần khác tham dự thì giới thiệu theo thứ tự:

- + Đồng chí Tổng Bí thư;
- + Các đồng chí nguyên Tổng Bí thư, các đồng chí nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương (kèm theo các chức vụ cao nhất đã giữ);
- + Đồng chí Chủ tịch nước;
- + Đồng chí Thủ tướng Chính phủ;
- + Đồng chí Chủ tịch Quốc hội;
- + Đồng chí Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- + Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư đương chức (giới thiệu chung);
- + Các đồng chí Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ (giới thiệu chung);
- + Các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư (giới thiệu chung).

Trên đây là nguyên tắc chung, tùy trường hợp cụ thể có thể có sự điều chỉnh thích hợp; ví dụ: khi 4 đồng chí chủ chốt không có mặt, thì các đồng chí đại diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chủ tịch nước, Thường trực Chính phủ, Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam v.v. có thể giới thiệu lên phía trước...

Điều 14. Diễn văn của các đồng chí lãnh đạo đọc tại Quốc hội, các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm lớn do Ban Chấp hành Trung ương, Nhà nước tổ chức, do các cơ quan, các văn phòng có liên quan phối hợp với trợ lý, thư ký của các đồng chí lãnh đạo chuẩn bị, trình xin ý kiến tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo tại các hội nghị do Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức hay tại các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị của địa phương, ngành, Mặt trận, đoàn thể thì cơ quan, văn phòng có liên quan phối hợp với trợ lý, thư ký các đồng chí lãnh đạo chuẩn bị và trực tiếp xin ý kiến đồng chí lãnh đạo sẽ đọc bài phát biểu.

Điều 15. Các đồng chí lãnh đạo được mời dự các hội nghị, lễ kỷ niệm, các cuộc gặp gỡ do các tổ chức nước ngoài tổ chức ở nước ta với tư cách cá nhân, cần tham khảo ý kiến Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương hoặc đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác đối ngoại trước khi quyết định đi dự.

*Chương III***TIẾP CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU TRONG NƯỚC**

Điều 16. Việc tổ chức để các đồng chí lãnh đạo tiếp các đoàn đại biểu trong nước phải bảo đảm yêu cầu giáo dục, động viên, an toàn, tiết kiệm; hết sức hạn chế bố trí nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước cùng tiếp một đoàn.

Điều 17. Đoàn đại biểu do bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân ở Trung ương tổ chức nếu có nguyện vọng được các đồng chí lãnh đạo tiếp thì cơ quan tổ chức đoàn báo cáo đồng chí lãnh đạo phụ trách lĩnh vực, kiến nghị và gửi giấy mời trực tiếp đến một đồng chí lãnh đạo thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp đoàn, đồng thời thông báo cho Văn phòng Trung ương biết trước ít nhất 5 - 7 ngày.

Điều 18. Đoàn đại biểu của địa phương về thăm Thủ đô Hà Nội có nguyện vọng được các đồng chí lãnh đạo tiếp thì thường trực tỉnh ủy, thành ủy gửi văn bản đề nghị về các bộ, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể có liên quan ở Trung ương 7 - 10 ngày trước khi đoàn lên đường.

Các bộ, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể có liên quan ở Trung ương có trách nhiệm báo cáo đồng chí lãnh đạo phụ trách lĩnh vực, kiến nghị, gửi giấy mời trực tiếp đến một đồng chí lãnh đạo thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp đoàn và thông báo cho Văn phòng Trung ương biết ít nhất 5 - 7 ngày trước ngày tiếp.

Khi cần thiết, Văn phòng Trung ương có trách nhiệm báo cáo để đồng chí Thường trực Ban Bí thư trao đổi với các đồng

chí lãnh đạo điều chỉnh việc bố trí đồng chí thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp các đoàn đại biểu do các cơ quan Trung ương và địa phương tổ chức.

Điều 19. Khi lịch tiếp đã được xác định, trợ lý, thư ký các đồng chí lãnh đạo phối hợp với các cơ quan tổ chức đoàn xác định nội dung, chương trình, thành phần tham dự buổi tiếp và thông báo cho Văn phòng Trung ương (hoặc Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội), các cơ quan có liên quan phối hợp chuẩn bị phục vụ buổi tiếp chu đáo.

Lãnh đạo các bộ, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể, các địa phương tổ chức đoàn báo cáo với đồng chí lãnh đạo sẽ tiếp đoàn về thành phần đoàn, các đề nghị của đoàn và các vấn đề có liên quan trước buổi tiếp; giới thiệu đồng chí lãnh đạo với đoàn và giới thiệu đoàn với đồng chí lãnh đạo tại buổi tiếp.

Việc tiếp các đoàn đại biểu của các đồng chí lãnh đạo thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư được tổ chức tại Văn phòng Trung ương; hoặc Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội.

Điều 20. Khi các đồng chí lãnh đạo tiếp các đoàn đại biểu, tùy thành phần và mục đích, tính chất chuyến đi của đoàn để có hình thức tặng quà lưu niệm cho phù hợp và có ý nghĩa.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương; hoặc Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội lo việc chuẩn bị quà và chụp ảnh lưu niệm đoàn đại biểu với đồng chí lãnh đạo.

*Chương IV***VỀ ĐƯA TIN TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN
THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG**

Điều 21. Các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội đi công tác cơ sở có phóng viên Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Nhân Dân đi cùng. Các đồng chí lãnh đạo khác đi công tác cơ sở thì sử dụng phóng viên báo chí, phát thanh, truyền hình tại địa phương, hoặc do ngành nơi đến công tác bố trí.

Các báo, đài phát thanh, truyền hình ở Trung ương đưa tin, hình ảnh về những hoạt động quan trọng của các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội khi đi công tác tại cơ sở, dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp các đoàn đại biểu. Chỉ đảng, đọc toàn văn bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội tại các hội nghị, mít tinh, lễ kỷ niệm quan trọng; các bài phát biểu khác có thể đăng toàn văn, trích đăng hay đưa tin trên các báo Trung ương, địa phương, báo ngành tùy theo nội dung, tính chất của bài nói.

Đối với các đồng chí lãnh đạo khác thì tùy thuộc vào nội dung, tính chất chuyển đi mà đưa tin, hình ảnh, trích đăng hay đăng toàn văn bài phát biểu trên báo, đài phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương một cách thích hợp.

Các đồng chí lãnh đạo ngoài việc trả lời phỏng vấn báo chí về những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách, nếu được yêu

cầu phỏng vấn với tư cách thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì tùy trường hợp, nếu thấy cần có thể trao đổi với đồng chí lãnh đạo phụ trách lĩnh vực, đồng chí Thường trực Ban Bí thư hoặc xin ý kiến đồng chí Tổng Bí thư trước khi trả lời.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Ban Cán sự đảng Chính phủ và các ban, ngành có liên quan cần rà soát lại các văn bản hiện hành để bổ sung, hoặc sửa đổi cho phù hợp với Quy định này.

Văn phòng Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Bộ Chính trị theo dõi việc thực hiện quy định này và hàng năm báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 62-QĐ/TW, ngày 17 tháng 2 năm 2003

**Về việc bổ sung Ủy viên Tiểu ban Chỉ đạo
soạn thảo văn kiện trình Hội nghị lần thứ tám
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX
về Chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại
trong tình hình mới**

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX;
- Căn cứ Quyết định số 49-QĐ/TW, ngày 3-9-2002 của Bộ Chính trị về việc thành lập Tiểu ban Chỉ đạo soạn thảo văn kiện trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX;
- Theo yêu cầu công tác,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung 2 đồng chí sau đây vào Tiểu ban Chỉ đạo soạn thảo văn kiện trình Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX)

về Chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong tình hình mới:

1. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội;

2. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Điều 2. Tiểu ban Chỉ đạo soạn thảo văn kiện trình Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX), Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Thành ủy Hà Nội, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 98-TB/TW, ngày 18 tháng 2 năm 2003

Về dự án Pháp lệnh động viên công nghiệp, Pháp lệnh hành nghề y, dược tư nhân và Pháp lệnh trọng tài thương mại

Tại phiên họp ngày 14-2-2003, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về một số vấn đề trong dự án Pháp lệnh động viên công nghiệp, Pháp lệnh hành nghề y, dược tư nhân và Pháp lệnh trọng tài thương mại, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về Pháp lệnh động viên công nghiệp (Tờ trình số 13/DDQH11, ngày 15-10-2002).

- Việc ban hành Pháp lệnh động viên công nghiệp trong thời điểm hiện nay là cần thiết, nhằm xác định những nguyên tắc cơ bản về động viên công nghiệp, xác định quyền và nghĩa vụ cụ thể của cơ quan, tổ chức và cá nhân về động viên công nghiệp phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

- Về phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh, đồng ý như thể hiện ở Điều 1 của dự thảo Pháp lệnh; nên lấy tên gọi của Pháp lệnh là “Pháp lệnh động viên công nghiệp”.

- Về đối tượng áp dụng, hiện nay chưa nên áp dụng các quy định của Pháp lệnh đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Về cơ chế, chính sách về tài chính và dự trữ vật tư bảo đảm cho động viên công nghiệp, cần lưu ý xem xét kỹ, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích chính đáng của cơ sở sản xuất công nghiệp; tạo cơ sở thuận lợi cho cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ động viên, nhưng vẫn có điều kiện phát triển sản xuất; không tạo ra rào cản và tránh sơ hở, làm thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước.

2. Về dự án Pháp lệnh hành nghề y, được tư nhân
(Tờ trình số 89/ĐĐQH11, ngày 14-12-2002).

- Các cơ sở y tế bán công là hình thức đặc biệt được điều chỉnh bằng văn bản pháp quy riêng, không nên đưa vào phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh hành nghề y, được tư nhân.

- Về nguyên tắc, Pháp lệnh cần quy định cấm cán bộ y tế nhà nước hành nghề y, được tư nhân. Tuy nhiên, việc thực hiện cần có lộ trình hạn chế dần và tiến tới cấm hẳn.

3. Về dự án Pháp lệnh trọng tài thương mại, Bộ Chính trị đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội nêu tại
Tờ trình số 318/ĐĐQH10, ngày 18-6-2002.

Việc giao cho tòa án quyết định các biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết, nhưng đây cũng là vấn đề quan trọng có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương

sự và trách nhiệm, uy tín của tòa án. Do vậy, Pháp lệnh cần xác định rõ căn cứ, thủ tục áp dụng và trách nhiệm của người yêu cầu áp dụng, trách nhiệm của tòa án trong việc quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 21-CT/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2003

**Về lãnh đạo Đại hội Mặt trận các cấp và
Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đại hội đầu tiên của Mặt trận trong thế kỷ mới sẽ được tổ chức vào cuối quý III năm 2004. Đây sẽ là sự kiện quan trọng diễn ra trong bối cảnh nhân dân cả nước ta đang ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khối đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ngày càng được mở rộng với những hình thức phong phú và đa dạng; đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc thực sự trở thành một bộ phận quan trọng của đường lối đổi mới, đã góp phần to lớn vào những thành tựu quan trọng trong công cuộc đổi mới, là nhân tố cơ bản đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Để tiếp tục xây dựng, củng cố và tăng cường Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự là một liên minh chính trị, liên hiệp

tự nguyện của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, là một bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị vững chắc của chính quyền nhân dân, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng tập trung chỉ đạo tốt Đại hội Mặt trận các cấp và Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Cụ thể cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp chuẩn bị tốt nội dung báo cáo trình Đại hội.

- Quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội Mặt trận ở từng cấp phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, trong hệ thống chính trị. Đánh giá chính xác thực trạng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước; những kết quả chủ yếu và những tồn tại, yếu kém trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc nhiệm kỳ qua; đồng thời nêu rõ những nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm. Cần đi sâu phân tích những diễn biến về tâm trạng, thái độ của các tầng lớp nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng nói chung, chính sách đại đoàn kết dân tộc nói riêng; chú ý phát hiện và đề cao những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trong việc xây dựng khối đại đoàn kết, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

- Về phương hướng, nhiệm vụ của Mặt trận trong thời gian tới, cần quán triệt những nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy đã đề ra, bám sát tình hình đất nước, tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận. Tiếp tục

đổi mới phương thức hoạt động để Mặt trận làm tốt chức năng phối hợp và thống nhất hành động của các tổ chức thành viên, khắc phục tình trạng hành chính, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân.

Chú ý xác định những biện pháp, cơ chế và điều kiện cần thiết, những hoạt động phong phú, đa dạng nhằm nâng cao vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới, bảo đảm để Mặt trận phát huy được vai trò đặc biệt quan trọng của mình trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc và trong tiến trình mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa; làm tốt việc phản ánh tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của các tầng lớp nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; tổ chức nhân dân tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, giới thiệu nhân tài cho đất nước; tập hợp, động viên nhân dân hăng hái thực hiện những chủ trương, nhiệm vụ của cách mạng; thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Nhà nước, của cán bộ, đảng viên, tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh và giúp đỡ, hướng dẫn các hoạt động tự quản ở cộng đồng dân cư...

Trên cơ sở đó, Đại hội Mặt trận các cấp cần xem xét việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho phù hợp với yêu cầu của tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

2. Trong quá trình tiến hành Đại hội Mặt trận các cấp tiến tới Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cần tổ chức đợt nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 về “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; về công tác dân tộc;

về công tác tôn giáo” trong các tổ chức đảng, trong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức thành viên và trong nhân dân; tổ chức tốt phong trào thi đua yêu nước phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước; mở rộng và nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; tổ chức tốt việc hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; phối hợp cùng chính quyền giải quyết có kết quả các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; tiếp tục triển khai Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nghị định 50/CP, ngày 16-8-2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Quy chế dân chủ ở cơ sở; triển khai thường xuyên, liên tục có kết quả cuộc vận động vì người nghèo.

3. Chỉ đạo tốt công tác nhân sự của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và quan tâm xây dựng tổ chức và cán bộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Việc lựa chọn người tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ nói chung, coi trọng tính tiêu biểu, tính đại diện và tính thiết thực của đại biểu tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp phải mang tính liên hiệp rộng rãi, tính quần chúng sâu sắc, là hình ảnh tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, trung thành với Tổ quốc, có uy tín với dân.

Theo phương hướng trên, cơ cấu tham gia Ủy ban Mặt trận các cấp phải chú ý thu hút đông đảo các nhân sĩ, trí thức tiêu biểu, những người có uy tín trong các dân tộc thiểu số,

trong các chức sắc tôn giáo, đại biểu các thành phần kinh tế và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Phấn đấu nâng cao tỷ lệ người ngoài Đảng tham gia Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đạt ít nhất là 50%, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp ít nhất là 30%.

Chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách của Mặt trận các cấp đủ về số lượng, có chất lượng cao, có cơ cấu phù hợp với yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận các cấp xây dựng và phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức tư vấn và đội ngũ cộng tác viên thuộc các lĩnh vực để tham gia góp ý kiến ngày càng có hiệu quả vào việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân về Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 của Đảng và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, kết hợp với tuyên truyền về Đại hội Mặt trận các cấp. Mở rộng tuyên truyền đối ngoại về chính sách đại đoàn kết, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, về vai trò và thực tiễn hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thể chế chính trị của nước ta, trên cơ sở đó, đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc về dân chủ, nhân quyền, dân tộc và tôn giáo của các thế lực thù địch đối với nước ta.

5. Chỉ đạo các cấp chính quyền, các đoàn thể phối hợp và tạo điều kiện để Mặt trận các cấp tổ chức tốt Đại hội.

6. Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

Ban Cán sự đảng Chính phủ giúp Ban Bí thư theo dõi việc tổ chức thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này được phổ biến tới chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 64-QĐ/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2003

**Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy
của Đảng ủy khối cơ quan Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Đảng ủy khối cơ quan Trung ương như sau:

I- CHỨC NĂNG

Đảng ủy khối cơ quan Trung ương là cấp ủy cấp trên trực tiếp của các đảng bộ, chi bộ trong các cơ quan Trung ương (thuộc khối), đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; có chức năng lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan Trung ương (thuộc khối) phát huy vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo cán bộ, đảng viên và công nhân viên trong cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xây dựng

đảng bộ trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan và đoàn thể ở các cơ quan, đơn vị trong khối vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ trực thuộc phát huy vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo cán bộ, đảng viên và công nhân viên trong cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đúng với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả, hiệu suất công tác; góp ý kiến với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị và đề xuất với Trung ương những vấn đề cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các cơ quan thuộc khối.

2. Lãnh đạo các đảng bộ, chi bộ làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và công nhân viên trong cơ quan, đơn vị quán triệt và chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức, năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên.

3. Lãnh đạo đảng bộ thực hiện công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật đảng, phát hiện cán bộ, đảng viên vi phạm, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện về tư tưởng và việc làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống quan liêu, cục bộ, gia trưởng, vi phạm về tổ chức, kỷ luật, suy thoái về tư tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác; bảo đảm đoàn kết nội bộ.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo và hướng dẫn xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, thực hiện đúng Điều lệ Đảng và

các quy định của Trung ương về nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; bồi dưỡng cấp ủy viên về phẩm chất, năng lực lãnh đạo; chăm lo công tác phát triển đảng viên; thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật.

5. Lãnh đạo, chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ chăm lo xây dựng các đoàn thể trong các cơ quan, đơn vị thuộc khối bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ của các đoàn thể.

6. Tham gia ý kiến về nhân sự diện Trung ương quản lý theo quy chế quản lý cán bộ của Trung ương.

7. Lãnh đạo đảng bộ thực hiện các chủ trương của Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nhiệm vụ quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao cảnh giác, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước.

III- MỐI QUAN HỆ CỦA ĐẢNG ỦY KHỐI CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VỚI CÁC BAN ĐẢNG, ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG TRONG KHỐI VÀ VỚI CÁC CẤP ỦY ĐỊA PHƯƠNG

1. Quan hệ giữa Đảng ủy khối với các ban đảng ở Trung ương trong khối là quan hệ phối hợp công tác, định kỳ thông báo tình hình và kế hoạch công tác hoặc khi cần thiết tổ chức họp liên tịch đảng ủy khối và lãnh đạo ban để góp ý kiến và phối hợp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng đảng bộ.

2. Quan hệ giữa Đảng ủy khối với đảng đoàn và ban cán sự đảng trong khối là quan hệ phối hợp nhằm gắn công tác xây dựng các tổ chức đảng trong khối với xây dựng cơ quan bộ, ngành, đoàn thể thuộc khối và thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Định kỳ Đảng ủy khối thông báo tình hình và chủ trương xây dựng đảng bộ để lãnh đạo các ban đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng trong khối chủ động có kế hoạch phối hợp và góp ý kiến; khi cần thiết có thể họp liên tịch.

Đối với các cuộc họp liên tịch nói ở điểm 1 và 2, tùy tính chất, yêu cầu, nội dung cần phối hợp mà Đảng ủy khối hoặc lãnh đạo ban đảng hoặc đảng đoàn, ban cán sự đảng chủ động đề xuất và mời, sau khi đã trao đổi thống nhất trước.

3. Quan hệ giữa Đảng ủy khối với các cấp ủy địa phương là quan hệ phối hợp để quản lý và kiểm tra hoạt động của đảng viên trong khối được giới thiệu về giữ mối liên hệ với đảng ủy, chi ủy nơi cư trú và tham gia sinh hoạt trên địa bàn dân cư.

IV- BỘ MÁY THAM MƯU GIÚP VIỆC VÀ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG ỦY KHỐI CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Bộ máy tham mưu, giúp việc của Đảng ủy khối cơ quan Trung ương gồm: văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo và cơ quan ủy ban kiểm tra.

2. Về biên chế cán bộ chuyên trách:

Giao Ban Tổ chức Trung ương căn cứ vào tình hình thực tế của mỗi đảng ủy khối để xác định số lượng biên chế cụ thể báo cáo Ban Bí thư và thông báo cho các đảng ủy khối thực hiện, với yêu cầu nâng cao chất lượng cán bộ chuyên trách và tăng cường sử dụng cán bộ kiêm chức.

3. Đảng ủy khối cơ quan Trung ương được cấp kinh phí hoạt động, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động và

thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ chuyên trách và cán bộ kiêm chức theo quy định chung.

4. Các ban đảng ở Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, giúp Ban Bí thư theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các đảng ủy khối cơ quan Trung ương, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Quy định này thay thế Quyết định số 12-QĐ/TW, ngày 8-11-1982 và Thông tri số 07-TT/TW, ngày 20-7-1994 của Ban Bí thư và có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 22-CT/TW, ngày 24 tháng 2 năm 2003

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông**

Thời gian qua, mặc dù các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều cố gắng thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, nhưng tai nạn giao thông và tình trạng ùn tắc giao thông vẫn liên tục tăng cao và ngày càng nghiêm trọng, hàng năm làm chết và bị thương hàng chục nghìn người, gây thiệt hại lớn về vật chất, ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, an sinh xã hội và để lại hậu quả hết sức nghiêm trọng, lâu dài cho nhiều gia đình và xã hội.

Nguyên nhân chủ yếu là do công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông của các cấp còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm; ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông của người tham gia giao thông còn rất kém; trong khi đó, các cấp ủy đảng lại chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức lĩnh vực công tác này.

Nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, chặn đứng và đẩy lùi tai nạn

giao thông, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng các cấp thực hiện ngay một số chủ trương, giải pháp sau:

1. Chủ trương, giải pháp cơ bản, lâu dài

- Tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông, ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản dưới luật, bảo đảm tính đồng bộ và tính chế tài cao, để pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh trong thực tế cuộc sống.

- Khẩn trương xây dựng, thông qua và không ngừng hoàn thiện chiến lược và quy hoạch phát triển giao thông vận tải, bảo đảm sự phát triển đồng bộ, hài hòa giữa quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và chiến lược, chính sách phát triển phương tiện giao thông vận tải; tập trung ưu tiên phát triển vận tải công cộng, nhất là ở các đô thị lớn; đồng thời đáp ứng nhu cầu hợp lý về phương tiện giao thông cá nhân của các tầng lớp nhân dân. Ở các đô thị lớn phải có kế hoạch xây dựng hệ thống đường hầm, đường trên cao, cầu vượt... để chống ùn tắc giao thông. Trong việc phê duyệt các quy hoạch đô thị, khu dân cư phải bảo đảm diện tích đất dành cho giao thông, sự đồng bộ giữa kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và các kết cấu hạ tầng khác; hạn chế tối đa và tiến tới chấm dứt việc xây dựng các khu dân cư dọc theo các quốc lộ, đường sắt, sân bay. Tăng cường công tác quản lý để bảo đảm thực hiện tốt các quy hoạch đã được duyệt.

- Tập trung đẩy mạnh công tác giáo dục, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng pháp luật về trật tự an toàn giao thông đến mọi tầng lớp nhân dân, đến từng khu dân cư, từng gia đình, mỗi người dân; tạo dư luận phê phán gay gắt những người có hành vi vi phạm, nêu gương người tốt việc tốt trong chấp hành

pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Đồng thời, tăng cường vận động tạo phong trào “Toàn dân tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông”, coi đây là nhiệm vụ quan trọng của các tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cơ sở. Đưa chương trình giảng dạy về trật tự an toàn giao thông thành chương trình chính thức của các cấp học từ mầm non đến đại học.

- Kiên quyết thiết lập ngay trật tự kỷ cương an toàn giao thông trong phạm vi cả nước. Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm, coi đây là biện pháp quan trọng và hữu hiệu nhất để tạo thói quen chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về an toàn giao thông của người tham gia giao thông. Đồng thời, xử lý nghiêm khắc đối với những cán bộ, chiến sĩ công an có hành vi tiêu cực trong công tác tuần tra, xử lý vi phạm và giải quyết tai nạn giao thông.

- Chấn chỉnh và nâng cao chất lượng công tác đào tạo và sát hạch, cấp giấy phép cho người điều khiển phương tiện giao thông, làm tốt công tác kiểm định an toàn kỹ thuật phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy... Quy định rõ thời hạn loại bỏ các phương tiện vận tải quá cũ, kém an toàn. Xử lý nghiêm khắc các cán bộ, công chức có hành vi tiêu cực trong công tác kiểm định và sát hạch cấp giấy phép điều khiển phương tiện giao thông.

2. Biện pháp cấp bách trước mắt

- Lấy năm 2003 là năm thiết lập trật tự an toàn giao thông trong phạm vi toàn quốc; các cấp ủy đảng phải quán triệt và coi công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông là nhiệm vụ trọng tâm, phải tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các biện pháp chặn đứng tình trạng gia tăng và tiến tới giảm dần

tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông. Mỗi đảng viên phải đi đầu, gương mẫu chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông, đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động mọi người chấp hành nghiêm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

- Tập trung hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; xây dựng các chính sách ưu tiên phát triển nhanh phương tiện vận tải công cộng tại các thành phố, thị xã lớn; chủ động tìm nguồn tài chính và phân bổ hợp lý nguồn tài chính này để phục vụ tốt nhất công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, quan tâm giải quyết các chính sách về trang bị, đãi ngộ cho các lực lượng trực tiếp thực thi pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

- Kiện toàn bộ máy chỉ đạo an toàn giao thông từ trung ương đến các địa phương. Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp phải trực tiếp làm trưởng ban an toàn giao thông ở cấp mình và chịu trách nhiệm cá nhân trước lãnh đạo cấp trên về việc thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong phạm vi địa phương.

- Thành ủy Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn tập trung chỉ đạo ủy ban nhân dân các cấp xây dựng chương trình hành động hạn chế tai nạn giao thông, chống ùn tắc giao thông; trong đó trọng tâm là đẩy mạnh phát triển mạng lưới vận tải khách công cộng; cải tạo, nâng cấp xây dựng mới kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu vận tải khách công cộng; nâng cao hơn nữa năng lực tổ chức quản lý và điều hành giao thông đô thị. Khẩn trương xây dựng, thẩm định, phê duyệt quy hoạch các khu dân cư và quản lý chặt chẽ các quy hoạch

đã được duyệt, chú ý dành đủ đất cho giao thông tĩnh; sắp xếp hợp lý nơi họp chợ, buôn bán.

- Ngay trong năm 2003, triển khai mạnh mẽ cuộc vận động “Toàn dân tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông”; phối hợp đồng bộ các lực lượng thực thi pháp luật, các đoàn thể, các tổ chức xã hội cùng tham gia đấu tranh, xử lý nghiêm khắc với các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông; có biện pháp kiên quyết chấm dứt tình trạng đua xe trái phép, lái xe đánh võng, lạng lách nguy hiểm, phóng nhanh vượt ẩu...

- Các phương tiện thông tin đại chúng tập trung phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, tạo dư luận xã hội ủng hộ các biện pháp hạn chế tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông do Chính phủ, các bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành; nêu gương người tốt, đi đôi với phê phán nghiêm khắc các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông; bảo đảm để công tác giáo dục an toàn giao thông phải đến từng hộ gia đình và xem đây là một nội dung quan trọng của phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới hiện nay.

3. Tổ chức thực hiện

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội nhanh chóng xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thông qua các luật, pháp lệnh có liên quan đến các hoạt động bảo đảm trật tự an toàn giao thông; nâng cao năng lực giám sát và giám sát thường xuyên các cơ quan của Chính phủ, Hội đồng nhân dân

các cấp, các cơ quan tư pháp thực hiện chức năng của mình trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hành động quốc gia về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; huy động mọi lực lượng xã hội, tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình để thiết lập lại trật tự an toàn giao thông theo chỉ thị của Ban Bí thư.

- Các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam... tham gia tích cực vào các hoạt động tuyên truyền, giáo dục bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phát động mạnh mẽ cuộc vận động “Toàn dân tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông”, có các biện pháp giáo dục hội viên, đoàn viên của mình gương mẫu chấp hành và đấu tranh với những người có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

Hàng năm, Ban Kinh tế Trung ương có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 65-QĐ/TW, ngày 1 tháng 3 năm 2003

**Về việc thành lập Tiểu ban Chỉ đạo
soạn thảo văn kiện trình Hội nghị lần thứ chín
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX
về kiểm điểm 2 năm rưỡi thực hiện
Nghị quyết Đại hội IX**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tiểu ban Chỉ đạo soạn thảo văn kiện trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về kiểm điểm 2 năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội IX.

Điều 2. Tiểu ban Chỉ đạo gồm 19 đồng chí, do đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư làm Trưởng Tiểu ban (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH

**Tiểu ban Chỉ đạo soạn thảo văn kiện
trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành
Trung ương khóa IX về kiểm điểm 2 năm rưỡi
thực hiện Nghị quyết Đại hội IX
(Kèm theo Quyết định số 65-QĐ/TW,
ngày 1-3-2003 của Bộ Chính trị)**

1. Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Tiểu ban;
2. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ;
3. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương;
4. Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an;
5. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương;
6. Đồng chí Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;
7. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương;
8. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương;
9. Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương;

10. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương;
11. Đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;
12. Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
13. Đồng chí Nguyễn Văn Yếu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;
14. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;
15. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương;
16. Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
17. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính;
18. Đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương;
19. Đồng chí Nguyễn Đức Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - ngân sách của Quốc hội.

THÔNG BÁO **Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 100-TB/TW, ngày 21 tháng 3 năm 2003

Về tổ chức Đại hội nhiệm kỳ IV (2003 - 2008) của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam

Ngày 18-3-2003, sau khi nghe Đảng đoàn Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam báo cáo công tác nhiệm kỳ III (1997 - 2002) và việc chuẩn bị Đại hội nhiệm kỳ IV (2003 - 2008), Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đảng đoàn Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam đã chỉ đạo tốt công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội nhiệm kỳ IV. Dự thảo báo cáo công tác nhiệm kỳ III (1997 - 2002) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2003 - 2008) đã trình bày khá đầy đủ, phản ánh những đóng góp tích cực của Phòng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội nước ta trong thời gian qua và xác định phương hướng hoạt động trong thời gian tới.

2. Trong nhiệm kỳ III, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam đã có bước phát triển nhanh chóng về mọi mặt, thu hút sự tham gia ngày càng đông của các doanh nghiệp, ngày càng làm tốt hơn trách nhiệm của một tổ chức

đại diện hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi chính đáng, thúc đẩy việc thực hiện nghĩa vụ của cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam. Báo cáo cần làm rõ hơn vị trí, vai trò ngày càng quan trọng của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Khẳng định và đánh giá đúng những thành tựu đã đạt được trên cơ sở 5 nhiệm vụ đặt ra trong nhiệm kỳ III, đồng thời phân tích rõ thêm những hạn chế, yếu kém. Cần làm rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan của những kết quả đạt được và những yếu kém hiện nay, từ đó rút ra những bài học có tầm chiến lược đối với hoạt động của Phòng.

Cần xác định rõ hơn định hướng hoạt động của Phòng nhằm góp phần tích cực phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần; tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong nước và nước ngoài.

3. Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam là tổ chức đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp và người sử dụng lao động ở Việt Nam; có nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, hội nhập quốc tế, bảo vệ các lợi ích chính đáng, thực hiện các nghĩa vụ và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Đảng và Nhà nước trong hoạch định và thực hiện các chính sách về xúc tiến thương mại, đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh. Xây dựng đội ngũ doanh nhân Việt Nam trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo

vệ Tổ quốc và công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo, có nhận thức tư tưởng đúng đắn, có năng lực và đạo đức kinh doanh, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Nhà nước, góp phần tích cực thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Về vai trò của doanh nhân, xác định như trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

4. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra, cần chú ý mở rộng việc thu hút các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào làm hội viên Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam; đa dạng hóa các diễn đàn đối thoại giữa các doanh nghiệp với nhau, giữa các doanh nghiệp với Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, với các cấp chính quyền, với các cơ quan trong và ngoài nước và với tập thể người lao động; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Nhà nước trong các doanh nghiệp và vận động các doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

5. Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam như hiện nay; bổ sung thêm vào Điều lệ hiện hành của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam chức năng là đại diện cho quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người sử dụng lao động.

6. Nhà nước có chính sách tạo điều kiện hoạt động và tăng cường hỗ trợ cho hoạt động của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, tạo điều kiện để Phòng tham gia vào các hoạt động xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình hội nhập kinh tế quốc tế, là thành viên các ủy ban liên ngành và tham gia với tư cách

tư vấn cho các đoàn đàm phán về kinh tế và thương mại của Chính phủ.

7. Đồng ý để Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam tiếp tục chuẩn bị các nội dung tiến tới tổ chức Đại hội nhiệm kỳ IV vào cuối tháng 4 năm 2003. Đảng đoàn Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam báo cáo đề xuất về nhân sự chủ chốt của ban lãnh đạo nhiệm kỳ IV theo quy chế chung trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 67-QĐ/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2003

**Về việc lập ban cán sự đảng
ở một số tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị (khóa IX) về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX;
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập ban cán sự đảng ở 8 tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt (danh sách kèm theo).

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của ban cán sự đảng ở các tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt.

1- Lãnh đạo tổng công ty và các đơn vị thành viên thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ,

mục tiêu về sản xuất, kinh doanh và nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện quyền làm chủ và bảo đảm quyền lợi của người lao động trong tổng công ty.

2- Lãnh đạo quán triệt và phối hợp với đảng ủy cơ quan tổng công ty, cấp ủy địa phương và Đảng ủy khối cơ quan Trung ương tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, các quyết định của Chính phủ về công tác tổ chức và cán bộ; xây dựng tổ chức đảng trong tổng công ty trong sạch, vững mạnh và lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong tổng công ty; quyết định những vấn đề về tổ chức và cán bộ theo phân cấp quản lý.

Điều 3. Tổ chức của ban cán sự đảng tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt.

1- Ban cán sự đảng có từ 5 đến 7 ủy viên, gồm các đồng chí đảng viên là chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, bí thư đảng ủy cơ quan, trưởng phòng tổ chức cán bộ - lao động, chủ tịch công đoàn tổng công ty và một số ủy viên là ủy viên hội đồng quản trị, phó tổng giám đốc.

Đồng chí đảng viên là chủ tịch hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc làm bí thư ban cán sự đảng.

2- Bí thư, phó bí thư và ủy viên ban cán sự đảng ở các tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt do Ban Bí thư chỉ định.

3- Ban cán sự đảng chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư.

4- Ban cán sự đảng có con dấu; có bộ phận giúp việc (làm việc theo chế độ kiêm nhiệm) do đồng chí ủy viên ban cán sự đảng là trưởng phòng tổ chức cán bộ - lao động phụ trách.

Điều 4. Chế độ làm việc của ban cán sự đảng tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt.

1- Ban cán sự đảng tổng công ty làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Khi bí thư ban cán sự đảng có ý kiến khác với ý kiến đa số các thành viên ban cán sự đảng và thấy cần thiết thì bí thư ban cán sự đảng báo cáo Ban Bí thư xem xét, chỉ đạo.

2- Ban cán sự đảng họp định kỳ 3 tháng một lần, họp bất thường khi cần; đồng chí bí thư chủ trì công việc chung, chủ tọa phiên họp, trực tiếp báo cáo hoặc ký các văn bản báo cáo Ban Bí thư. Trường hợp đi vắng, đồng chí bí thư ban cán sự đảng ủy quyền cho đồng chí phó bí thư ban cán sự đảng ký một số văn bản.

3- Ban cán sự đảng thảo luận các vấn đề của tổng công ty theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định, ra nghị quyết và lãnh đạo hội đồng quản trị bàn bạc, quyết định biện pháp và tổ chức thực hiện.

4- Phối hợp chặt chẽ với các ban đảng, đảng ủy khối và các tổ chức đảng có liên quan ở Trung ương và địa phương thực hiện nhiệm vụ được giao và tham gia công tác xây dựng Đảng.

5- Đại diện ban cán sự đảng được dự các hội nghị do Ban Bí thư triệu tập về những vấn đề có liên quan. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo công tác với Ban Bí thư, đồng gửi các cơ quan có liên quan.

Điều 5. Giao Ban Tổ chức Trung ương theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quyết định này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 71-QĐ/TW, ngày 10-7-1993 của Ban Bí thư khóa VII.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH**Ban cán sự đảng các tổng công ty nhà nước
hạng đặc biệt**

*(Kèm theo Quyết định số 67-QĐ/TW,
ngày 24-3-2003 của Bộ Chính trị)*

1. Tổng Công ty Dầu khí.
2. Tổng Công ty Xi măng.
3. Tổng Công ty Xăng dầu.
4. Tổng Công ty Thép.
5. Tổng Công ty Điện lực.
6. Tổng Công ty Hàng hải.
7. Tổng Công ty Bưu chính viễn thông.
8. Tổng Công ty Than.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 101-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2003

**Về tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn
qua 20 năm đổi mới**

Tại phiên họp ngày 1-3-2003, sau khi nghe Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương trình xin ý kiến chỉ đạo về tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới, Bộ Chính trị đã kết luận như sau:

Đồng ý chủ trương tiến hành tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới ở nước ta. Kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986) đến nay, tư duy lý luận của Đảng ta đã được đổi mới từng bước và có những tiến bộ đáng kể. Những quan điểm cơ bản của Đảng chỉ đạo sự nghiệp đổi mới thể hiện lập trường kiên định và sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam. Những thành tựu nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho việc bổ sung, phát triển đường lối, chính sách đổi mới của Đảng, tăng cường sự thống nhất về chính trị, tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội; góp phần vào những

thành công to lớn trong sự nghiệp đổi mới của Đảng và nhân dân ta trên mọi lĩnh vực. Tuy nhiên, công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ một số vấn đề mà công cuộc đổi mới đặt ra. Vì vậy việc tổng kết lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới là một việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng.

Tán thành xác định mục đích, yêu cầu tổng kết như đã nêu trong Tờ trình của Hội đồng Lý luận Trung ương và nhấn mạnh: Việc tổng kết lần này nhằm khẳng định những thành tựu, chỉ rõ những hạn chế và thiếu sót trong quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng ta, phân tích nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm; phát hiện những nhân tố mới và những vấn đề mới về lý luận trong quá trình đổi mới; làm sáng tỏ hơn về lý luận và thực tiễn một số vấn đề chủ yếu về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải, kết luận một số vấn đề lý luận còn có ý kiến khác nhau hoặc mới nảy sinh; góp phần bổ sung, hoàn chỉnh Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) và cung cấp một số luận cứ khoa học cho việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội X của Đảng.

Việc tổng kết phải dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh chính trị, các quan điểm, đường lối của Đảng thể hiện trong nghị quyết các Đại hội VI, VII, VIII, IX và các hội nghị Trung ương Đảng các khóa nói trên; kế thừa những kết quả nghiên cứu lý luận từ Đại hội VI của Đảng đến nay; kết hợp chặt chẽ với khảo sát thực tế; từ thực tiễn đổi mới của đất nước mà tổng kết lý luận, đồng thời chọn lọc tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài.

Trong quá trình tổng kết cần có quan điểm biện chứng, lịch sử, khách quan; nhìn thẳng vào sự thật, báo cáo trung thực, phát huy tự do tư tưởng, thảo luận dân chủ; đề xuất được những luận điểm có căn cứ khoa học và những giải pháp mới, đúng đắn để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới ở nước ta tiến lên.

Lực lượng tham gia tổng kết gồm Hội đồng Lý luận Trung ương; một số cơ quan quản lý, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận ở Trung ương và một số tỉnh, thành ủy...

Lập Ban Chỉ đạo tổng kết do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh làm Trưởng ban; Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan thường trực.

Ban Bí thư ra Chỉ thị về nhiệm vụ tổng kết lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới.

Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương sớm hoàn chỉnh dự thảo Chỉ thị và Đề cương chi tiết xác định rõ phạm vi, giới hạn những vấn đề lý luận cần tổng kết và kế hoạch thực hiện để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 23-CT/TW, ngày 27 tháng 3 năm 2003

**Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục
tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) đã khẳng định “Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng và kim chỉ nam cho hành động”.

Từ sau Đại hội VII của Đảng đến nay, công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả quan trọng; hoạt động tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều cố gắng, nhờ đó đã góp phần động viên các tầng lớp

nhân dân sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Tuy vậy, việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn một số hạn chế, yếu kém. Nội dung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thống nhất và chưa đạt được chiều sâu tư tưởng, lý luận. Chậm đưa tư tưởng Hồ Chí Minh thành môn học trong các trường đại học, cao đẳng, các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và chưa có chương trình thích hợp trong các bậc phổ thông. Nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh thiếu sinh động; chưa giúp cán bộ, đảng viên gắn việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh với giải quyết những vấn đề thực tiễn; chưa tạo được phong trào học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân. Việc đấu tranh bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh chưa chủ động, kịp thời và sắc bén.

Nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm nói trên chủ yếu là do không ít cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí tư tưởng Hồ Chí Minh, về trách nhiệm tổ chức nghiên cứu công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng của Người, Đảng ta chưa thực hiện có nền nếp chế độ học tập lý luận chính trị đối với mọi đảng viên; chậm hoàn chỉnh nội dung, tài liệu giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở thống nhất cho công tác tuyên truyền. Đầu tư cho tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn hạn chế và chưa tương xứng.

Bước sang thế kỷ XXI, đất nước ta có cơ hội lớn, nhưng đang đứng trước những thách thức không nhỏ, tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, khó lường. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới, cần thấm nhuần sâu sắc, vận dụng sáng tạo những

nguyên lý và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong đó việc tổ chức học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ mấu chốt của công tác tư tưởng của Đảng, cần được toàn Đảng thực hiện chặt chẽ, có chất lượng, hiệu quả.

1. Mục đích, yêu cầu

- Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần, tư tưởng của xã hội ta.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tự giác của mỗi người, của các cấp, các ngành, các địa phương trong việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tạo ra phong trào rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng theo gương Bác Hồ vĩ đại, đẩy lùi sự suy thoái đạo đức, lối sống.

- Việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cần thực hiện lâu dài, thường xuyên và liên tục; bảo đảm tính khoa học, toàn diện, hệ thống; phải sát hợp với đặc điểm từng đối tượng, gắn với thực tiễn, với quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị, tổ chức đảng; kết hợp nâng cao nhận thức với rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của mỗi người, mang lại hiệu quả thiết thực, tránh phô trương, hình thức.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh gắn chặt với tổng kết thực tiễn góp phần bảo vệ và phát triển học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, bổ sung phát triển đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, giải đáp cho được những vấn đề mới nảy sinh, phát triển hệ tư tưởng của Đảng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

2. Đối tượng tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh

Bao gồm tất cả cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục đối với cán bộ lãnh đạo các cấp, đội ngũ đảng viên và thanh, thiếu niên. Đẩy mạnh tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh ra nước ngoài để thế giới hiểu đúng, đầy đủ về tư tưởng của Người.

3. Nội dung tuyên truyền, giáo dục

Đại hội IX của Đảng đã xác định rõ nguồn gốc và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Cần tuyên truyền, giáo dục sâu sắc, chỉ rõ sự vận dụng vào thực tế những nội dung đó.

4. Nhiệm vụ của công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Thực hiện chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải trở thành nội dung chính thức trong chế độ học tập lý luận chính trị đối với mọi cán bộ, đảng viên. Các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể

có kế hoạch cụ thể học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo chương trình, nội dung sát với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị đối với từng cấp, từng đối tượng cán bộ do Trung ương quy định. Bên cạnh giáo dục thường xuyên, hàng năm tổ chức đợt nghiên cứu, học tập, thảo luận theo từng chủ đề.

b) Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển, làm phong phú tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới

Các cơ quan tư tưởng, lý luận, các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội, các bộ, ban, ngành, đoàn thể cần có chương trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết thực tiễn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề mới nảy sinh, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực của mình, từng bước làm rõ quy luật vận động của từng lĩnh vực, qua đó phát triển, làm phong phú tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

c) Giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường

Cần sớm tổ chức biên soạn giáo trình và sách giáo khoa thống nhất về tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với từng cấp học, bậc học, thực hiện chế độ thi cử nghiêm túc.

Chuẩn bị kỹ đội ngũ giáo viên, giảng viên, báo cáo viên về tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật, sách báo, tài liệu, phim ảnh, tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử cách mạng, tiếp xúc nhân chứng lịch sử..., phục vụ cho việc dạy và học tư tưởng Hồ Chí Minh. Tìm nhiều hình thức khuyến khích, động viên, nâng cao chất lượng dạy và học tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường học.

d) Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động văn hóa, văn nghệ

Các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch cụ thể, thường xuyên tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời tổng kết, phổ biến những kinh nghiệm hay, các điển hình tốt trong việc nghiên cứu, dạy và học, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, sáng tạo những công trình nghệ thuật có giá trị về nội dung và nghệ thuật, về con người và tư tưởng của Bác.

đ) Đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn, luận điệu của các thế lực thù địch và bọn cơ hội nhằm hạ thấp, bôi nhọ, cắt xén, xuyên tạc, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh

Cần kịp thời phát hiện âm mưu, thủ đoạn, luận điệu phản tuyên truyền về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh; tổ chức nghiên cứu để cung cấp các luận cứ khoa học phản bác những luận điệu xuyên tạc phản tuyên truyền đó, kịp thời phổ biến trong Đảng, trong các đoàn thể và trong hệ thống trường học; kịp thời cung cấp cho các cơ quan tuyên truyền, giáo dục, báo chí để các cơ quan này có cơ sở đấu tranh bảo vệ tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh; lựa chọn các hình thức phù hợp trong đấu tranh công khai và tuyên truyền đối ngoại.

5. Tổ chức thực hiện

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Chỉ thị này, xây dựng kế hoạch cụ thể

hàng năm về tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh; tổ chức biên soạn các tài liệu phục vụ đợt tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhân kỷ niệm 113 năm Ngày sinh của Bác (19-5-2003).

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan hữu quan chỉ đạo việc tổ chức biên soạn các chương trình, sách giáo khoa về tư tưởng Hồ Chí Minh cho các đối tượng.

- Hội đồng Lý luận Trung ương, các trường của Đảng, Nhà nước, đoàn thể, lực lượng vũ trang, các cơ quan nghiên cứu lý luận, khoa học xã hội, các bộ, ban, ngành, đoàn thể xây dựng kế hoạch nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh chống các quan điểm sai trái về tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ tăng cường chỉ đạo đầu tư có hiệu quả cho hoạt động nghiên cứu, sáng tạo và truyền bá các công trình, tác phẩm có giá trị về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin có kế hoạch đầu tư, xây dựng, nâng cấp các nhà bảo tàng, khu di tích, nhà lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh, ban hành văn bản hướng dẫn quy hoạch việc xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh, phối hợp với các Hội Văn học, nghệ thuật giới thiệu rộng rãi các văn hóa phẩm có giá trị về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong nước và trên thế giới. Phát động cuộc sáng tác về đề tài Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người, 60 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ban hành văn bản quy định

về treo ảnh Bác Hồ; cung cấp đầy đủ ảnh Bác Hồ cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Các nhà xuất bản có kế hoạch xuất bản các loại tài liệu nghiên cứu lý luận và tài liệu phổ thông về tư tưởng Hồ Chí Minh. Các cơ quan thông tin báo chí, phát thanh, truyền hình, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, đối tượng của mình xây dựng kế hoạch cụ thể nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục và đấu tranh bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự chỉ đạo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

- Phát động phong trào thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện Di chúc của Bác; hàng năm, tiến hành sơ kết vào dịp kỷ niệm Ngày sinh của Bác. Khen thưởng, biểu dương những đơn vị, cá nhân làm tốt, phê bình những nơi làm kém, tạo ra khí thế mới của các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển mạnh mẽ, đúng hướng.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương là cơ quan thường trực giúp Ban Bí thư theo dõi, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện việc nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chỉ thị này quán triệt đến chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Các nghị quyết của Trung ương Đảng

2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 2004, tr. 498-506.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 102-TB/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2003

Về kết quả nghiên cứu bước đầu
vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân

Trong phiên họp ngày 20 – 21-3-2003, sau khi nghe Hội đồng Lý luận Trung ương báo cáo về kết quả nghiên cứu bước đầu “Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân”, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân là một vấn đề lý luận, thực tiễn hết sức phức tạp, hệ trọng và rất nhạy cảm về chính trị. Nghị quyết Trung ương 10 (khóa VI) và Nghị quyết các Đại hội VII, VIII, IX của Đảng đã khẳng định **đảng viên không được bóc lột, không được làm kinh tế tư bản tư nhân**, nhưng trong thực tế vấn đề này vẫn chưa có sự thống nhất cao, chưa có sự hướng dẫn và quy định cụ thể, cuộc sống vẫn yêu cầu phải lý giải. Bộ Chính trị khóa VII và khóa VIII đã giao cho các cơ quan lý luận và các ban đảng có liên quan nghiên cứu vấn đề này, nhưng vẫn chưa có câu trả lời đủ sức thuyết phục.

Năm 2002, Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) và Bộ Chính trị đã giao cho Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm vụ nghiên cứu “Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân”. Trong gần một năm, Hội đồng đã có nhiều cố gắng phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức khảo sát thực tế và nghiên cứu lý luận; đã làm việc nghiêm túc, tích cực với ý thức trách nhiệm cao, cung cấp thêm một số thông tin mới, gợi mở thêm nhiều vấn đề làm cơ sở để Bộ Chính trị chỉ đạo nghiên cứu tiếp.

2. Bộ Chính trị tán thành cần quán triệt các nguyên tắc khi nghiên cứu “Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân” như Hội đồng Lý luận Trung ương đã xác định là:

Một là, phải nắm vững và vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời bám sát thực tiễn đổi mới của đất nước.

Hai là, phải nhận thức sâu sắc và giải quyết hợp lý mối quan hệ biện chứng giữa chính trị và kinh tế. “Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân” là vấn đề kinh tế - chính trị, thậm chí liên quan tới chính trị nhiều hơn. Trong điều kiện cụ thể ở nước ta hiện nay, nhiệm vụ chính trị trung tâm của toàn Đảng, toàn dân là đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển lực lượng sản xuất đồng thời từng bước xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp.

Ba là, phải bảo đảm giữ vững bản chất cách mạng của Đảng và làm cho Đảng mạnh lên. Việc đề xuất phương án giải quyết phải thực sự phù hợp với những đòi hỏi khách

quan của quá trình đổi mới, đồng thời phải củng cố được vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tăng cường sự đồng thuận trong nhân dân.

Bốn là, trong nghiên cứu khoa học, phải thật sự dân chủ, tự do tư tưởng, phát huy trí tuệ của mỗi người, nhưng việc xem xét, quyết định “Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân” là thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Để có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn cho Bộ Chính trị và Trung ương thảo luận, kết luận vấn đề này, trong thời gian tới Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan lý luận có liên quan cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ thêm một số vấn đề như:

+ Xác định tiêu chí thế nào là kinh tế tư bản tư nhân?

+ Quan niệm về bóc lột trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta?

+ Những quy định của Đảng đối với đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân? Khi đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân có tài sản và thu nhập lớn thì hướng giải quyết thế nào?

+ Nếu cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân thì có những nguy cơ, thách thức gì đối với Đảng, có làm thay đổi bản chất giai cấp và lý tưởng cách mạng của Đảng?

Hội đồng Lý luận Trung ương có trách nhiệm báo cáo Bộ Chính trị kết quả nghiên cứu những vấn đề trên để góp phần phục vụ chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội X của Đảng.

4. Trước mắt, cần tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều

kiện phát triển kinh tế tư nhân”, trong đó có vấn đề đảng viên đang làm chủ doanh nghiệp tư nhân, chưa cần có văn bản hướng dẫn riêng về vấn đề này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 103-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2003

Về Đại hội đại biểu toàn quốc
Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ III
(nhiệm kỳ 2003 - 2007)

Tại phiên họp ngày 26-3-2003, sau khi nghe Đảng đoàn Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (Liên hiệp) báo cáo và ý kiến các cơ quan liên quan về việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Liên hiệp, Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội III của Liên hiệp đã được chuẩn bị công phu; đã đánh giá đúng mức hoạt động của Liên hiệp và các tổ chức thành viên trong công tác đối ngoại nhân dân trên các lĩnh vực hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và vận động, quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài; nghiêm túc chỉ ra những yếu kém, tồn tại và đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp cơ bản cho hoạt động của Liên hiệp trong nhiệm kỳ 2003 - 2007.

Để nâng cao thêm chất lượng Báo cáo, cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Việc đánh giá tình hình, xác định phương hướng nhiệm vụ và Điều lệ của Liên hiệp cần quán triệt tinh thần Nghị quyết của Đại hội IX của Đảng, Chỉ thị 27 của Ban Bí thư (khóa VII) về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Liên hiệp và bám sát tình hình thực tiễn.

- Đại hội Liên hiệp lần này cần làm rõ hơn nội dung mới của các nhiệm vụ chính của Liên hiệp, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới nhằm thực hiện mục tiêu hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Chú ý đổi mới phương thức hoạt động, chủ động phối hợp với các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng và các tầng lớp nhân dân và đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại. Mở rộng mạng lưới bạn quốc tế của Việt Nam, chú ý tiếp cận, vận động lực lượng trẻ để đảm bảo tính kế thừa của phong trào quốc tế đoàn kết, ủng hộ Việt Nam của nhân dân thế giới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại; chủ động đấu tranh dư luận chống các âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch.

- Cần mạnh dạn đổi mới và trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo của các tổ chức thành viên, cơ quan thường trực; củng cố và phát triển tổ chức, tăng cường tính năng động của các thành viên và đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thông tin, định hướng hoạt động của Liên hiệp; tạo điều kiện về cơ chế, kinh phí và cán bộ cho Liên hiệp hoạt động. Phát triển tổ chức ở các địa phương chưa có thành viên của Liên hiệp, đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức ở địa phương.

2. Về bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Liên hiệp, cần bám sát Chỉ thị 27 của Ban Bí thư và Nghị quyết Đại hội IX để làm rõ

tôn chỉ, mục đích, tính chất của Liên hiệp với tư cách là một tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách công tác vận động các tầng lớp nhân dân đấu tranh cho hòa bình, phát triển mở rộng quan hệ đoàn kết, hữu nghị với nhân dân thế giới và vận động viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

3. Đồng ý tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam nhân dịp Đại hội III của Liên hiệp.

4. Đồng ý tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc (thay vì Hội nghị toàn quốc) lần thứ III của Liên hiệp vào cuối tháng 4-2003. Số lượng đại biểu chính thức, không kể khách mời là 350 đại biểu và mời khoảng 15 đoàn đại biểu quốc tế dự Đại hội. Liên hiệp cần báo cáo xin ý kiến đồng chí Bí thư phụ trách đối ngoại về danh sách cụ thể các đoàn và số lượng khách quốc tế được mời.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 68-QĐ/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2003

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX;
- Căn cứ nội dung, yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII),

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật là đơn vị sự nghiệp trung ương của Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Bí thư, có chức năng là cơ quan xuất bản chính trị của Đảng và Nhà nước, hoạt động theo Luật xuất bản.

Điều 2. Nhiệm vụ của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật***1- Biên tập, xuất bản:***

Tổ chức biên tập, xuất bản các sách chính trị, lý luận và pháp luật, góp phần làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, nâng cao kiến thức của nhân dân về chính trị, lý luận và pháp luật, phục vụ sự nghiệp đổi mới và hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2- Nghiên cứu khoa học:

- Tổ chức nghiên cứu khoa học xuất bản nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác biên tập, xuất bản và đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư các vấn đề về lĩnh vực xuất bản sách lý luận chính trị.

- Tham gia nghiên cứu các chương trình quốc gia, đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước, cấp ban, bộ; góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề về chính trị, lý luận, pháp luật; về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật được tổ chức theo cơ cấu tổ chức của cơ quan sự nghiệp xuất bản có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên.

1- Lãnh đạo Nhà xuất bản gồm:

Giám đốc kiêm tổng biên tập.

Từ 3 đến 4 phó giám đốc và phó giám đốc kiêm phó tổng biên tập.

Hội đồng khoa học - Biên tập gồm chủ tịch là giám đốc kiêm tổng biên tập, các phó chủ tịch là các phó giám đốc kiêm phó tổng biên tập và các ủy viên.

2- Cơ cấu tổ chức của Nhà xuất bản gồm 17 đầu mối là các ban biên tập, các vụ và đơn vị tương đương sau đây:

- Ban sách về Đảng,
- Ban sách Nhà nước và pháp luật,
- Ban sách Lý luận,
- Ban sách Kinh tế,
- Ban sách Quốc tế,
- Ban sách Kinh điển,
- Ban sách Giáo khoa và tham khảo,
- Trung tâm Tổ chức in xuất bản,
- Trung tâm Phát hành,
- Chi nhánh Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tại Thành phố Hồ Chí Minh,
- Chi nhánh Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tại Đà Nẵng,
- Chi nhánh Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tại Cần Thơ,
- Xưởng in,
- Vụ Tài chính - Kế toán,
- Vụ Kế hoạch - Thư ký biên tập,
- Vụ Tổ chức - Cán bộ,
- Văn phòng.

Khi cần điều chỉnh, bổ sung cơ cấu tổ chức, Nhà xuất bản thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3- Về biên chế:

Thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trên cơ sở xác

định biên chế theo chức danh tiêu chuẩn và cơ cấu biên chế của đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên.

Ngoài số biên chế theo quy định, Nhà xuất bản được thực hiện chế độ cộng tác viên xuất bản.

Điều 4. Quy chế làm việc

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và biên chế, Nhà xuất bản tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh quy chế làm việc của cơ quan.

- Quan hệ giữa Nhà xuất bản với các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương, các bộ, ngành, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương thực hiện theo chức năng và theo quy định của Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay cho Quyết định số 53-QĐ/TW, ngày 20-11-1992 của Ban Bí thư (khóa VII) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và có hiệu lực từ ngày ký.

- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng các bộ, ngành, Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 69-QĐ/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2003

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của Tạp chí Cộng sản**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX;
- Căn cứ nội dung, yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII),

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Tạp chí Cộng sản

Tạp chí Cộng sản là đơn vị sự nghiệp trung ương của Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, có chức năng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 2. Nhiệm vụ của Tạp chí Cộng sản

1- Tuyên truyền, giáo dục:

Tuyên truyền, giáo dục về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đời sống sinh hoạt của Đảng, của đất nước và của xã hội; những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những vấn đề trọng tâm của công tác xây dựng Đảng; những vấn đề quốc tế.

2- Hoạt động lý luận và tổng kết thực tiễn:

Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, phát triển những nhân tố mới, những kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, rút ra những vấn đề lý luận để làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Cùng các cơ quan lý luận của Đảng đi tiên phong trong công tác lý luận, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; hướng dẫn lý luận và hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên, đồng viên phong trào quần chúng hành động cách mạng, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3- Đấu tranh chống các luận điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng:

Đấu tranh kịp thời, sắc bén chống những quan điểm sai trái, những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối quan điểm và các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Đồng thời đấu tranh kiên quyết chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác.

4- Nghiên cứu khoa học:

Tham gia nghiên cứu các chương trình quốc gia, đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài nghiên cứu thuộc các ban đảng; góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Tạp chí Cộng sản

Tạp chí Cộng sản được tổ chức thành Bộ Biên tập, có cơ cấu tổ chức như sau:

1- Ban Biên tập:

Cơ quan lãnh đạo, quản lý Tạp chí, gồm: Tổng biên tập, các phó tổng biên tập, các ủy viên.

2- Cơ cấu tổ chức của Tạp chí bao gồm 12 đầu mối là các đơn vị sau đây:

- Ban Kinh tế,
- Ban Chính trị - Triết học,
- Ban Xây dựng Đảng,
- Ban Văn hóa - Xã hội,
- Ban Quốc tế,
- Ban Thông tin - Tư liệu,
- Ban Thư ký - Bạt đọc,
- Ban Tạp chí Cộng sản điện tử,
- Cơ quan thường trú tại Đà Nẵng,
- Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh,
- Văn phòng,
- Công ty In Tạp chí Cộng sản.

Khi cần điều chỉnh, bổ sung cơ cấu tổ chức, Tạp chí Cộng sản thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3- Về biên chế:

Thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trên cơ sở xác định biên chế theo từng chức danh tiêu chuẩn và cơ cấu biên chế của đơn vị sự nghiệp trung ương.

Ngoài số cán bộ, công chức biên chế theo quy định, Tạp chí được thực hiện chế độ cộng tác viên báo chí.

Điều 4. Quy chế làm việc

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế, Tạp chí tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh quy chế làm việc của cơ quan.

- Quan hệ giữa Tạp chí Cộng sản với các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương, các ban, bộ, ngành, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương thực hiện theo chức năng và theo quy định của Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay cho các quyết định và quy định trước đây về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Tạp chí Cộng sản.

- Tạp chí Cộng sản, các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng các bộ, ngành, Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 70-QĐ/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2003

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của Báo Nhân Dân**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX;
- Căn cứ nội dung, yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII),

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Báo Nhân Dân

Báo Nhân Dân là đơn vị sự nghiệp trung ương của Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, có chức năng là cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam; ngọn cờ chính trị - tư tưởng của Đảng

trên mặt trận báo chí nước ta; cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Đối tượng đọc Báo Nhân Dân là cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Điều 2. Nhiệm vụ của Báo Nhân Dân

Trên cơ sở chức năng của Báo Nhân Dân, Ban Biên tập tổ chức xuất bản các ấn phẩm Nhân Dân (Nhân Dân hằng ngày, Nhân Dân cuối tuần, Nhân Dân hằng tháng, Nhân Dân điện tử tiếng Việt và tiếng Anh), thực hiện những nhiệm vụ cụ thể sau:

1- Tuyên truyền:

- Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, giáo dục lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lối sống lành mạnh, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa của loài người trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; góp phần xây dựng con người mới Việt Nam.

- Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, đảng viên và nhân dân đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tuyên truyền đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; góp phần mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước, tranh thủ và tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thông tin và bình luận kịp thời, chính xác với định hướng đúng đắn các sự kiện quan trọng trong nước và trên thế giới.

2- Cơ động:

Cổ vũ những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến, hướng suy nghĩ và hành động của cán bộ, đảng viên, nhân dân vào những mục tiêu cụ thể và thiết thực của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3- Tổ chức tập thể:

- Tham gia phát động, chỉ đạo và tổ chức các phong trào hoạt động cách mạng của quần chúng.

- Từ những vấn đề đặt ra trong cuộc sống, tham gia tổng kết thực tiễn, góp phần vào việc hình thành, kiểm nghiệm, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện đường lối của Đảng, các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

4- Là diễn đàn của nhân dân:

Phản ánh trung thực những tâm tư, nguyện vọng chính đáng, những kiến nghị, kinh nghiệm và sáng kiến của mọi tầng lớp nhân dân.

5- Đấu tranh, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đấu tranh chống tiêu cực:

- Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời đấu tranh kiên quyết, chủ động, kịp thời, sắc bén và có sức thuyết phục chống lại những luận điệu và hành động của các thế lực thù địch có hại đến sự nghiệp cách mạng nước ta.

- Đấu tranh kiên quyết, có trọng tâm, trọng điểm, chính xác, đúng pháp luật, chống tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu, quan liêu, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Báo Nhân Dân

Báo Nhân Dân là cơ quan sự nghiệp có thu, được tổ chức thành Bộ Biên tập với cơ cấu tổ chức như sau:

1- Ban Biên tập Báo Nhân Dân:

Cơ quan lãnh đạo, quản lý tờ báo, gồm: Tổng biên tập, các phó tổng biên tập, các ủy viên.

2- Cơ cấu tổ chức của Báo Nhân Dân gồm 25 đầu mỗi là các ban biên tập chuyên môn, các vụ và đơn vị sau đây:

- Ban Xây dựng Đảng,
- Ban Chính trị - Xã hội,
- Ban Kinh tế - Công nghiệp,
- Ban Nông nghiệp,
- Ban Khoa giáo,
- Ban Văn hóa - Văn nghệ,
- Ban Quốc tế,
- Ban Bận đọc,
- Ban Nhân Dân điện tử,
- Ban Nhân Dân cuối tuần,
- Ban Nhân Dân hằng tháng,
- Ban Thư ký - Biên tập,
- Ban Quản lý phóng viên thường trú,
- Cơ quan thường trực tại Thành phố Hồ Chí Minh,
- Cơ quan thường trực tại Đà Nẵng,
- Cơ quan thường trực tại Cần Thơ,
- Cơ quan thường trú tại Pháp,
- Cơ quan thường trú tại Trung Quốc,
- Cơ quan thường trú tại Thái Lan,
- Ban Trị sự,

- Phòng Tư liệu - Thư viện,
- Vụ Tổ chức - Cán bộ,
- Nhà in Báo Nhân Dân tại Hà Nội,
- Nhà in Báo Nhân Dân tại Thành phố Hồ Chí Minh,
- Nhà in Báo Nhân Dân tại Đà Nẵng.

Các ban, vụ, cơ quan thường trực có cán bộ cấp vụ trưởng là thủ trưởng và một số phó vụ trưởng. Các cơ quan thường trú ngoài nước có thủ trưởng cơ quan (không nhất thiết phải là cấp vụ).

Các nhà in tự chủ sản xuất kinh doanh, hạch toán độc lập, thực hiện biên chế và quỹ tiền lương theo những quy định đối với doanh nghiệp nhà nước. Về cán bộ, Ban Biên tập quản lý ba chức danh giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng.

Ngoài cơ cấu tổ chức như trên, Báo Nhân Dân được thành lập bộ phận hỗ trợ xuất bản (phát hành báo, kinh doanh các ấn phẩm, khai thác quảng cáo...).

Khi cần điều chỉnh, bổ sung cơ cấu tổ chức, Báo Nhân Dân thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3- Về biên chế:

Thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương trên cơ sở xác định từng chức danh tiêu chuẩn và cơ cấu biên chế của đơn vị sự nghiệp có thu cấp trung ương.

Điều 4. Quy chế làm việc

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế, Báo Nhân Dân tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh quy chế làm việc của Báo.

- Quan hệ giữa Báo Nhân Dân với các cấp ủy, tổ chức đảng, các ban, bộ, ngành, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương thực hiện theo chức năng và theo quy định của Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Quyết định này thay thế Quyết định số 87-QĐ/TW, ngày 13-7-1994 của Ban Bí thư (khóa VII) về chức năng, nhiệm vụ của Báo Nhân Dân và có hiệu lực từ ngày ký.

- Báo Nhân Dân, các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng các bộ, ngành, Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 104-TB/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2003

Về việc chuẩn bị tổ chức SEA Games 22
năm 2003 tại Việt Nam

Tại phiên họp ngày 1-4-2003, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Ủy ban Thể dục thể thao báo cáo công việc chuẩn bị tổ chức SEA Games 22 năm 2003 tại Việt Nam, Ban Bí thư đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Trong thời gian qua, Chính phủ, Ủy ban Thể dục thể thao và tỉnh, thành ủy đã có nhiều cố gắng tập trung chỉ đạo, nhìn chung các công việc chuẩn bị tổ chức SEA Games 22 được triển khai đúng kế hoạch.

2. SEA Games là sinh hoạt thể thao lớn nhất khu vực lần đầu tiên được tổ chức tại nước ta. Sự kiện này có ý nghĩa xã hội, chính trị, đối ngoại rộng lớn nhằm thực hiện các mục tiêu:

- Góp phần thực hiện đường lối đối ngoại, chủ trương hội nhập của Đảng, Nhà nước; tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị, góp phần ổn định tình hình khu vực và quốc tế;

giới thiệu với bạn bè quốc tế về đường lối đổi mới và những thành tựu đã đạt được về kinh tế - xã hội của Việt Nam, về truyền thống, nền văn hóa giàu tính nhân văn của dân tộc Việt Nam.

- Thông qua việc chuẩn bị và tổ chức SEA Games để nêu cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc trong nhân dân, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong ngày hội của cả nước, thu hút mọi người dân tham gia vào các hoạt động chuẩn bị và tổ chức SEA Games 22.

- Tạo điều kiện để Việt Nam hội nhập, hợp tác toàn diện hơn nữa với các nước trong khu vực; đẩy mạnh phong trào tập luyện của quần chúng và đưa thể thao nước nhà lên một tầm cao mới; phấn đấu đạt thành tích cao hơn thành tích đã đạt được ở SEA Games lần thứ 21.

3. Với tinh thần đó, phải phấn đấu tổ chức SEA Games 22 thành công về mọi mặt, tạo ấn tượng tốt đẹp đối với bạn bè quốc tế.

Số lượng công việc chuẩn bị còn nhiều, trong khi thời gian không còn nhiều. Các bộ, ngành có trách nhiệm chuẩn bị tổ chức SEA Games và các cấp ủy đảng cần ráo riết chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra chặt chẽ việc tiến hành các công tác chuẩn bị bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng công việc, đặc biệt là công tác xây dựng các công trình phục vụ SEA Games phải có chất lượng cao; tập trung chỉ đạo tuyên truyền về SEA Games trong toàn quốc, dự báo các sự cố bất thường có thể xảy ra để có phương án dự phòng; tiếp tục thực hiện Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 23-10-2002 của Ban Bí thư khóa IX về công tác thể dục thể thao; chuẩn bị các phương án sử dụng

các công trình thể thao sau khi kết thúc SEA Games nhằm phục vụ phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của nước nhà.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 105-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 2003

**Về Đề án xử lý một số vấn đề tồn đọng
trong quá trình thực hiện các chính sách về nhà, đất
do Nhà nước đã quản lý hoặc bố trí sử dụng
trước ngày 1-7-1991**

Tại phiên họp ngày 18-4-2003, sau khi nghe báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ và ý kiến của các ngành về một số giải pháp xử lý các tồn đọng về nhà, đất trong quá trình thực hiện các chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa từ trước ngày 1-7-1991, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Việc ban hành chủ trương, chính sách xử lý một số vấn đề tồn đọng trong quá trình thực hiện các chính sách về nhà, đất do Nhà nước đã quản lý hoặc đã bố trí sử dụng trước ngày 1-7-1991 là rất cần thiết và là đòi hỏi bức bách hiện nay, nhằm tạo cơ sở để giải quyết dứt điểm tình trạng khiếu kiện kéo dài trong nhiều năm qua, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Về nguyên tắc xử lý, đồng ý với đề xuất của Ban Cán sự đảng Chính phủ là: *giữ ổn định, không xem xét lại chủ*

trường, chính sách trước đây, không rõ rồi, không xem lại những trường hợp cá biệt nào làm phá vỡ chủ trương chung, gây phức tạp tình hình. Những người có khó khăn về nhà ở được Nhà nước giúp đỡ để có nhà ở theo chính sách và quy định hiện hành.

Đây là vấn đề rất phức tạp và nhạy cảm, cần phải được cân nhắc, tính toán thận trọng trên nhiều phương diện cả về mặt chính trị, pháp lý và phải được quán triệt thông suốt, bảo đảm sự nhất trí cao trong Đảng và toàn thể nhân dân. Do vậy, phải báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương và trình Quốc hội xem xét quyết định.

Ban Cán sự đảng Chính phủ có trách nhiệm chủ động phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan hữu quan hoàn chỉnh Đề án; dự thảo các văn bản: tờ trình Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết của Quốc hội và nghị định của Chính phủ về vấn đề này báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến để trình ra Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) và kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XI xem xét quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 71-QĐ/TW, ngày 24 tháng 4 năm 2003

**Về tổ chức cơ quan chính trị
trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị (khóa IX) quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX (số 06-QĐ/TW, ngày 22-8-2001);

Ban Bí thư quy định về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

Cơ quan chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam, một bộ phận hoạt động rất quan trọng của Đảng nhằm lãnh đạo xây dựng Quân đội vững mạnh, trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho.

Tiến hành công tác đảng, công tác chính trị là một nguyên tắc cơ bản trong xây dựng lực lượng vũ trang cách

mạng của Đảng, là trách nhiệm của các tổ chức và mọi cán bộ, đảng viên.

I- HỆ THỐNG TỔ CHỨC

1. Cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức ở 4 cấp:

- Toàn quân có Tổng cục Chính trị.
 - Cấp quân khu và đơn vị tương đương có cục chính trị.
 - Cấp sư đoàn và đơn vị tương đương có phòng chính trị.
 - Cấp trung đoàn và đơn vị tương đương có ban chính trị.
- Thủ trưởng cơ quan chính trị là chủ nhiệm chính trị.
- Những đơn vị, cơ quan không đủ điều kiện lập ban chính trị thì bố trí trợ lý chính trị.
 - Ở các doanh nghiệp trong Quân đội, căn cứ vào quy mô tổ chức, lực lượng và tính chất, nhiệm vụ mà tổ chức cơ quan chính trị tương ứng như tổ chức các cơ quan chức năng trong doanh nghiệp.

2. Cán bộ chủ trì công tác đảng, công tác chính trị ở các cấp:

- Từ cấp đại đội đến cấp quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng, quân đoàn, binh chủng và tương đương có cán bộ chính trị chủ trì công tác đảng, công tác chính trị.
- Ở xã, phường, thị trấn, cơ sở thuộc các ngành (bao gồm các đơn vị kinh tế, cơ quan, viện nghiên cứu, trường học, bệnh viện... do Nhà nước quản lý), bí thư đảng ủy (chi bộ) trực tiếp làm chính trị viên, đảm nhiệm công tác đảng, công

tác chính trị đối với dân quân tự vệ và trong các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở địa phương, đơn vị mình.

II- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CƠ QUAN CHÍNH TRỊ CÁC CẤP

A- Chức năng

1- Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Đảng ủy Quân sự Trung ương.

- Căn cứ nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự chỉ đạo, hướng dẫn của các ban của Ban Chấp hành Trung ương, Tổng cục Chính trị nghiên cứu đề xuất với Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định những chủ trương, biện pháp về công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội.

- Căn cứ nghị quyết của Đảng ủy Quân sự Trung ương, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị đề ra kế hoạch, nội dung, biện pháp tiến hành công tác đảng, công tác chính trị để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cấp trong toàn quân thực hiện.

2- Cục chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng, quân đoàn, Bộ Tổng Tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng, các tổng cục, Học viện Quốc phòng hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cùng cấp và sự chỉ đạo của Tổng cục Chính trị. Căn cứ sự chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng cục Chính trị, nghị quyết của đảng ủy, mệnh lệnh của người chỉ huy và sự chỉ đạo,

hướng dẫn của phó chỉ huy về chính trị cùng cấp, cục chính trị đề nghị đảng ủy quyết định nội dung công tác đảng, công tác chính trị; trực tiếp tổ chức thực hiện những nội dung thuộc cấp mình và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện.

Cục chính trị quân khu, Cục chính trị Bộ đội Biên phòng còn có nhiệm vụ phối hợp với các cấp ủy địa phương để chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội biên phòng; phối hợp với các ban của cấp ủy địa phương để chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các mặt công tác trên.

Cục chính trị các quân chủng, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục Tình báo, Bộ đội Biên phòng và cơ quan chính trị binh chủng còn có nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất với Tổng cục Chính trị về công tác đảng, công tác chính trị và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện trong lực lượng thuộc ngành, quân, binh chủng mình trong toàn quân theo sự ủy nhiệm của Tổng cục Chính trị.

3- Phòng chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp binh đoàn, học viện, trường sĩ quan, sư đoàn, vùng hải quân, lữ đoàn, trường quân sự quân khu, quân đoàn, cơ quan quân sự và bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổng công ty và đơn vị tương đương, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Căn cứ sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên, nghị quyết của đảng ủy, mệnh lệnh của người chỉ huy và chỉ đạo, hướng dẫn của phó chỉ huy về chính trị cùng cấp, tình hình nhiệm vụ, tính chất hoạt động và kế hoạch công tác của đơn vị, phòng chính trị đề nghị đảng ủy quyết định những nội

dung về công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị; lập kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện.

4- Ban chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp trung đoàn, cơ quan quân sự huyện, quận và đơn vị tương đương, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Căn cứ kế hoạch của cơ quan chính trị cấp trên, nghị quyết của đảng ủy, mệnh lệnh của người chỉ huy và chỉ đạo, hướng dẫn của phó chỉ huy về chính trị cùng cấp, tình hình nhiệm vụ, đối tượng, hoàn cảnh và kế hoạch hoạt động của đơn vị, ban chính trị đề nghị đảng ủy quyết định nội dung công tác đảng, công tác chính trị; lập kế hoạch và trực tiếp tiến hành công tác đảng, công tác chính trị cho các đối tượng trong đơn vị.

B- Nhiệm vụ của cơ quan chính trị các cấp

1- Giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, truyền thống của Đảng, dân tộc, Quân đội, nhiệm vụ đơn vị để mọi cán bộ, chiến sĩ luôn luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật tự giác, nghiêm minh, phẩm chất đạo đức, lối sống trung thực, lành mạnh. Giáo dục, động viên cán bộ, chiến sĩ ra sức học tập nắm vững khoa học kỹ thuật quân sự, nghiệp vụ chuyên môn, sử dụng và quản lý tốt các phương tiện, trang bị, cơ sở vật chất kỹ thuật, không ngừng nâng cao năng lực tổ chức hành động, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ.

2- Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng các đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo “tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt” của Đảng đối với Quân đội. Xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng cao, số lượng và cơ cấu phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Quân đội.

3- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chủ động và kiên quyết đấu tranh với các thế lực thù địch, bảo đảm Quân đội luôn trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm nòng cốt cùng với toàn dân bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

4- Phối hợp với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể ở địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, hậu phương chiến lược, thực hiện chính sách hậu phương quân đội; giáo dục, động viên lực lượng vũ trang tham gia thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh. Tiến hành công tác tuyên truyền đặc biệt.

5- Nghiên cứu đề xuất với cấp trên về chế độ, chính sách có liên quan đến Quân đội, hậu phương quân đội và hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách hiện hành bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng.

6- Xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân ở cơ sở vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; thực hiện Quy chế dân chủ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội.

7- Chỉ đạo và tham gia nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang; quản lý và sử dụng kinh phí, vật tư, phương tiện công tác đảng, công tác chính trị.

Thực hiện các nhiệm vụ trên nhằm không ngừng tăng cường, giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội. Xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh. Xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở để Quân đội luôn luôn giữ vững bản chất giai cấp công nhân, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; không ngừng tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân và tinh thần đoàn kết quốc tế; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

III- NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ

A- Nhiệm vụ

1- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác tư tưởng - văn hóa trong toàn quân:

- Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước; đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng, nhiệm vụ chính trị của lực lượng vũ trang, tích cực tham gia đấu tranh với các quan điểm, tư tưởng sai trái trên lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng, văn hóa, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong Quân đội.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, nội dung giáo dục chính trị cho các đối tượng trong toàn quân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản, in, phát hành trong Quân đội theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng. Phối hợp với cơ quan văn hóa thông tin ngoài Quân đội chỉ đạo sáng tác văn học, nghệ thuật thuộc đề tài lực lượng vũ trang, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Chỉ đạo, hướng dẫn phong trào thi đua quyết thắng trong toàn quân; chăm lo đời sống văn hóa tinh thần của bộ đội.

2- Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng Đảng bộ Quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức:

- Xây dựng các đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu cao.

- Xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao, số lượng phù hợp, tiên phong gương mẫu về mọi mặt, gắn bó mật thiết với quần chúng; hướng dẫn và thực hiện đúng các quy định của Trung ương về công tác quản lý đảng viên, công tác tài chính đảng và công tác khen thưởng trong Đảng.

- Chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt Đảng.

- Hướng dẫn tiến hành đại hội đảng và nội dung sinh hoạt của cấp ủy, tổ chức đảng đúng với chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của từng cấp.

- Chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, công đoàn, hội phụ nữ và hội đồng quân nhân ở cơ sở vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ.

3- Quán triệt đường lối, quan điểm, nguyên tắc, chính sách của Đảng về công tác cán bộ. Đề xuất với Đảng ủy Quân sự Trung ương về chủ trương, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ trong Quân đội vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, lối sống, có trình độ kiến thức chính trị, quân sự, khoa học kỹ thuật, hiểu biết thực tiễn và kiến thức kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

4- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác đảng, công tác chính trị trong các nhiệm vụ: sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, xây dựng, huấn luyện, quản lý sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật, lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, phòng, chống thiên tai, công tác quân sự, quốc phòng địa phương và các nhiệm vụ khác được giao.

5- Phối hợp với các cơ quan chức năng trong và ngoài Quân đội nghiên cứu đề xuất với Đảng và Nhà nước ban hành các chính sách đối với Quân đội, hậu phương quân đội;

chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quán triệt thực hiện các chính sách đó trong toàn quân.

6- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt; tham gia thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, củng cố và tăng cường mối quan hệ đoàn kết quân dân.

7- Quán triệt, chỉ đạo và thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

8- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác bảo vệ an ninh, giáo dục cán bộ, chiến sĩ nâng cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa và góp phần đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, xây dựng đơn vị trong sạch về chính trị, an toàn về mọi mặt.

9- Phối hợp với các ban của Đảng, các cơ quan chức năng của Nhà nước để chỉ đạo thực hiện các nội dung công tác đảng, công tác chính trị theo chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục Chính trị.

10- Phối hợp với các ngành có liên quan để kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện công tác điều tra, xét xử trong Quân đội theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm khách quan, chính xác, mọi người bình đẳng trước pháp luật.

11- Chỉ đạo và tham gia nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang. Nghiên cứu phát triển khoa học xã hội và nhân văn quân sự, tham gia nghiên cứu khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam; biên soạn các điều lệ, quy định về công tác đảng, công tác chính trị. Lập kế hoạch phân bổ, phân cấp và kiểm

tra việc quản lý, sử dụng ngân sách, phương tiện vật tư công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân.

12- Chỉ đạo xây dựng cơ quan chính trị các cấp vững mạnh toàn diện. Quy định nhiệm vụ, chức trách, cơ cấu tổ chức cơ quan chính trị, cán bộ chính trị từ cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng đến cơ sở, xây dựng cơ quan Tổng cục Chính trị vững mạnh toàn diện.

B- Tổ chức bộ máy

Ban Bí thư giao cho Đảng ủy Quân sự Trung ương căn cứ kế hoạch tổ chức lực lượng Quân đội và quy hoạch số lượng cán bộ Quân đội quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Chính trị. Tổng cục Chính trị chủ trì phối hợp với Bộ Tổng Tham mưu quy định cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế cụ thể cơ quan chính trị, cán bộ chính trị ở từng cấp.

IV- NGUYÊN TẮC TIẾN HÀNH CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG QUÂN ĐỘI

Tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Có tính đảng, tính giai cấp, tính chiến đấu cao.
- Xuất phát từ đường lối, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tình hình thực tiễn của đất nước, đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự và các nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, đi sâu vào các lĩnh vực hoạt động và đời sống của Quân đội, sát với từng đối tượng.
- Kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác chính sách.

- Có tính quần chúng rộng rãi, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức, mọi người trong Quân đội, các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức hội quần chúng ở các cấp.

- Có kế hoạch, chủ động, sáng tạo, thiết thực, cụ thể, bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu trước mắt và cơ bản lâu dài.

V- TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

Tổ chức quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam gồm có:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Công đoàn; Hội Phụ nữ.

Các tổ chức quần chúng chỉ tổ chức ở đơn vị cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, sự chỉ đạo trực tiếp của phó chỉ huy về chính trị và cơ quan chính trị cùng cấp, sự chỉ đạo và hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên.

Các tổ chức quần chúng trong Quân đội có nhiệm vụ thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của đoàn thể mình và các nghị quyết, chỉ thị của ban chấp hành trung ương đoàn thể đó; vận dụng sát với đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ và phù hợp với cơ chế Đảng lãnh đạo Quân đội.

Đối với các tổ chức nghề nghiệp, căn cứ tình hình cụ thể, nơi nào có nhu cầu cần thiết, nếu được Tổng cục Chính trị cho phép thì lập chi hội ở cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo của đảng ủy cơ sở, chi bộ, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cùng cấp và sự hướng dẫn về hoạt động nghề nghiệp của ban chấp hành hội mà chi hội đó trực thuộc.

Tổng cục Chính trị phối hợp với các ban của Đảng ở Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 9-5-1998 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VIII.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 72-QĐ/TW, ngày 28 tháng 4 năm 2003

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết
một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới
ở Việt Nam**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;
- Xét đề nghị của Hội đồng Lý luận Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới ở Việt Nam (gọi tắt là Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận).

Điều 2. Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận gồm 20 đồng chí, do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh làm Trưởng ban (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Tài chính -

Quản trị Trung ương, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH

**Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận -
thực tiễn qua 20 năm đổi mới ở Việt Nam**
(Kèm theo Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 28-4-2003
của Bộ Chính trị)

1. Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban;
2. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó Trưởng ban;
3. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ;
4. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương;
5. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
6. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương;
7. Đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;
8. Đồng chí Nguyễn Văn Yếu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;
9. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

10. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng;
11. Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
12. Đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương;
13. Đồng chí Nguyễn Đức Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách Quốc hội;
14. Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;
15. Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an;
16. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương kiêm Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản;
17. Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương;
18. Đồng chí Lê Đức Thúy, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
19. Đồng chí Đặng Xuân Kỳ, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương;
20. Đồng chí Hồng Hà, Ủy viên Thường trực kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 73-QĐ/TW, ngày 29 tháng 4 năm 2003

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo
thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, gồm các đồng chí có tên sau:

1. Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo;
2. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo;
3. Đồng chí Lê Quang Bình, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo;
4. Đồng chí Trịnh Xuân Giỏi, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo;

5. Đồng chí Đặng Quốc Tiến, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Thường trực Ban Chỉ đạo;
6. Đồng chí Nguyễn Thị Kim Hồng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương;
7. Đồng chí Đặng Xuân Kỳ, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương;
8. Đồng chí Võ Hồng Nhân, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương;
9. Đồng chí Trần Đại Hưng, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương;
10. Đồng chí Nguyễn Văn Đặng, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương;
11. Đồng chí Nguyễn Minh Thông, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Trung ương;
12. Đồng chí Bé Trường Thành, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;
13. Đồng chí Đỗ Duy Thường, Ủy viên Đoàn Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
14. Đồng chí Đặng Ngọc Chiến, Ủy viên Đảng đoàn, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
15. Đồng chí Nguyễn Thị Oanh, Ủy viên Đảng đoàn, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
16. Đồng chí Đàm Văn Ngụ, Ủy viên Đảng đoàn, Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Kiểm tra Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
17. Đồng chí Nguyễn Hữu Mai, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;

18. Đồng chí Nông Quốc Tuấn, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Mặt trận thanh niên Trung ương Đoàn, Phó Chủ tịch Thường trực Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam;

19. Đồng chí Nguyễn Đăng Đại, Vụ trưởng Vụ Dân nguyện, Văn phòng Quốc hội;

20. Đồng chí Bùi Đức Lợi, quyền Vụ trưởng Vụ III Văn phòng Chính phủ.

Điều 2. Các cơ quan có thành viên tham gia và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay Quyết định số 78-QĐ/TW, ngày 24-7-2000 của Bộ Chính trị khóa VIII.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 74-QĐ/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2003

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX (số 06-QĐ/TW, ngày 22-8-2001);

Bộ Chính trị quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

I- HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP

Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện sự lãnh đạo đối với Quân đội thông qua hệ thống tổ chức đảng, hệ thống tổ chức chỉ huy, hệ thống cơ quan chính trị, cán bộ chính trị các cấp và các tổ chức quần chúng ở đơn vị cơ sở.

Toàn quân có Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài

Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương có từ 5 đến 7 đồng chí, gồm bí thư, phó bí thư và các ủy viên.

Các cấp ủy từ cấp ủy đảng trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương đến cơ sở, cấp ủy ở cấp nào do đại hội đảng bộ cấp đó bầu; hội nghị đảng ủy bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ và được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y; trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định.

A. Cấp ủy đảng trong bộ đội chủ lực

1- Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu có số lượng từ 11 đến 15 ủy viên và các đồng chí là bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu được Ban Bí thư chỉ định tham gia; số lượng ban thường vụ không quá 1/3 số cấp ủy viên công tác trong đảng bộ quân khu.

2- Đảng ủy Bộ Tổng Tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng, cơ quan Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Tình báo, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, quân chủng, quân đoàn, Bộ đội Biên phòng, Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân, Học viện Chính trị - Quân sự có số lượng từ 11 đến 15 ủy viên.

3- Đảng ủy các binh chủng, binh đoàn, Trung tâm Khoa học - kỹ thuật công nghệ quân sự Bộ Quốc phòng, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Đoàn 969, các học viện, trường sĩ quan, trường quân sự quân khu, quân đoàn; đảng ủy sư đoàn, các tổng công ty; các đơn vị kinh tế, quốc phòng; các doanh

nghiệp mà tổ chức đảng là cấp trên trực tiếp cơ sở và tương đương có số lượng từ 9 đến 13 ủy viên.

Số lượng ban thường vụ các đảng ủy nói trên không quá 1/3 số ủy viên cấp ủy cùng cấp.

B. Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự, đơn vị bộ đội địa phương và bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1- Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự và đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập theo quy định về tổ chức đảng trong Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy địa phương, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên về công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương.

Đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số lượng từ 11 đến 15 ủy viên, gồm các đồng chí ủy viên công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội đảng bộ cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy viên là chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố được ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy chỉ định tham gia; ban thường vụ có từ 3 đến 5 đồng chí. Đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự.

Khi ban thường vụ đảng ủy họp quyết định một số vấn đề quan trọng, nhất là các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức và cán bộ (quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, thăng, giáng cấp quân hàm, kỷ luật cán bộ, thay đổi về tổ chức v.v.), nhất thiết phải có mặt đủ các thành viên.

2- Tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh ủy, thành ủy

và sự lãnh đạo của Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về tổ chức xây dựng lực lượng và công tác biên phòng. Đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố có số lượng từ 9 đến 13 ủy viên. Ban thường vụ có số lượng không quá 1/3 số ủy viên cấp ủy cùng cấp. Cấp ủy địa phương phân công đồng chí ủy viên thường vụ tham gia sinh hoạt với Đảng ủy Bộ đội Biên phòng.

3- Cơ quan chính trị cấp trên trực tiếp phối hợp với các cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội biên phòng. Phối hợp với các ban của cấp ủy địa phương hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các mặt công tác trên.

C. Tổ chức cơ sở đảng

Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo quy định của Điều lệ Đảng, do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. Căn cứ vào số lượng đảng viên, cơ cấu tổ chức và tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị mà thành lập đảng bộ cơ sở hoặc chi bộ cơ sở.

1- Tổ chức cơ sở đảng trong bộ đội chủ lực được thành lập ở các đơn vị sau đây:

- Trung đoàn, lữ đoàn, hải đoàn, tiểu đoàn và đơn vị tương đương trực thuộc sư đoàn.

- Tiểu khu, cửa khẩu, cảng, đồn, hải đội thuộc bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố; ở các hệ, tiểu đoàn và đơn vị tương đương, các phòng, khoa thuộc các học viện, trường sĩ quan, trường quân sự quân khu, quân đoàn; các trường hạ sĩ quan, trường trung cấp và dạy nghề; các bệnh viện; cấp cục, phòng, ban thuộc Bộ Tổng Tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng, các tổng cục, quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, quân đoàn,

binh đoàn, binh chủng; cấp phòng thuộc cơ quan sư đoàn và tương đương...

2- Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan quân sự, đơn vị bộ đội địa phương được thành lập ở các đơn vị sau đây:

- Cấp phòng thuộc bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; những nơi có tiểu đoàn bộ đội địa phương thì thành lập đảng bộ cơ sở 3 cấp (đảng ủy quân sự huyện, đảng ủy bộ phận tiểu đoàn, chi bộ ở các đại đội và cơ quan quân sự).

3- Tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp trong quân đội được thành lập ở công ty, nhà máy, xí nghiệp và tương đương.

4- Số lượng cấp ủy viên của cấp ủy cơ sở đảng:

Đảng ủy cơ sở có từ 5 đến 11 ủy viên. Những đảng ủy cơ sở có 9 ủy viên trở lên được bầu ban thường vụ, số lượng ủy viên thường vụ không quá 1/3 số ủy viên cấp ủy cùng cấp. Đảng ủy cơ sở dưới 9 ủy viên bầu bí thư, phó bí thư.

- Đảng ủy trung đoàn, lữ đoàn đơn vị chiến đấu, hải đoàn biên phòng nếu có 7 ủy viên, do yêu cầu nhiệm vụ, xét thấy cần thiết thì đảng ủy cấp trên chỉ định bổ sung cấp ủy để đủ điều kiện bầu ban thường vụ.

- Đảng ủy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có số lượng từ 5 đến 7 ủy viên, gồm các đồng chí ủy viên công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí huyện, quận, thị, thành ủy viên là bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân được cấp ủy địa phương cùng cấp chỉ định tham gia. Đồng chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự.

- Đảng ủy cơ sở tiểu đoàn, đảng ủy bộ phận và tương đương có từ 5 đến 7 ủy viên, bầu bí thư, phó bí thư.

- Chi bộ có 9 đảng viên chính thức trở lên bầu chi ủy, chi bộ dưới 9 đảng viên chính thức bầu bí thư, nếu cần bầu phó bí thư. Đại hội chi bộ bầu chi ủy, bầu bí thư, phó bí thư trong số chi ủy viên.

D. Tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời

- Khi có yêu cầu nhiệm vụ và đủ điều kiện như quy định của Điều lệ Đảng thì cấp ủy cấp trên ra quyết định thành lập tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời và chỉ định cấp ủy lâm thời để lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Ở các xã, phường, thị trấn khi có yêu cầu tổ chức lực lượng dân quân hoạt động tập trung thì lập chi bộ sinh hoạt tạm thời, do đồng chí bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn trực tiếp làm bí thư.

- Sau khi hoàn thành nhiệm vụ thì cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời đó và báo cáo cấp ủy cấp trên.

II- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CẤP ỦY VÀ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

A. Đảng ủy Quân sự Trung ương

1- Chức năng

Nghiên cứu, đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

2- Nhiệm vụ

- Nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định đường lối, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, kế hoạch phòng thủ đất nước, phương án tác chiến chiến lược; phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng công nghiệp quốc phòng, xây dựng hậu phương chiến lược; công tác quân sự địa phương; ngân sách quốc phòng; phương hướng chủ trương công tác đối ngoại quân sự; cơ chế Đảng lãnh đạo Quân đội; những chủ trương lớn về công tác đảng, công tác chính trị; chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng vũ trang và những vấn đề khác mà Đảng ủy hoặc Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

- Lãnh đạo xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở, trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội; đoàn kết thống nhất nội bộ, gắn bó mật thiết với nhân dân, có trình độ, sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao, có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong mọi tình huống, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và tham gia xây dựng đất nước.

- Phối hợp và hướng dẫn các cấp ủy địa phương, các cơ quan, các ngành ở Trung ương thực hiện nghị quyết, chỉ thị của

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với tiềm lực, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên vững mạnh và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

- Lãnh đạo nhiệm vụ xây dựng lịch sử và truyền thống Quân đội; nhiệm vụ phát triển khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam, khoa học công nghệ quân sự và khoa học xã hội nhân văn quân sự. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang; quản lý, sử dụng có hiệu quả, an toàn, tiết kiệm vũ khí, trang bị, cơ sở vật chất, tài chính và mọi tài sản của Quân đội.

- Xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình, phê bình và các chế độ sinh hoạt của Đảng; lãnh đạo công tác quần chúng, công tác dân vận, chính sách, tăng cường và nâng cao hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội.

- Lãnh đạo thực hiện đúng các quan điểm, nguyên tắc, chế độ, quy định của Đảng về công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành của Đảng trong Quân đội có chất lượng cao, số lượng và cơ cấu phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Quân đội cả trước mắt và lâu dài.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra và thực hiện kiểm tra đối với tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên thuộc diện Đảng ủy Quân sự Trung ương quản lý; giải quyết các khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo chặt chẽ công tác bảo vệ an ninh quân đội và bảo vệ chính trị nội bộ, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và các âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Lãnh đạo Quân đội lao động, sản xuất, làm kinh tế theo đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

- Lãnh đạo công tác đối ngoại, công tác pháp chế trong Quân đội đúng với quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

- Triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội, chuẩn bị tham gia Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng theo nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, các vấn đề sau đây nhất thiết phải do tập thể Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định:

- Chủ trương, chương trình, kế hoạch hành động triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội và các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong Đảng bộ Quân đội.

- Chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên.

- Chủ trương tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang.

- Thống nhất chủ trương lãnh đạo và quyết định những vấn đề về công tác cán bộ trong Quân đội theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Quyết định chủ trương về sử dụng ngân sách bảo đảm cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, quốc phòng kết hợp với kinh tế, xây dựng nền công nghiệp quốc phòng.

- Phương hướng phát triển khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam, khoa học công nghệ quân sự và khoa học xã hội nhân văn quân sự.

3- Quyền hạn

- Quyết định thành lập, giải thể các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

- Chuẩn y kết quả bầu cử đảng ủy, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; chỉ định bổ sung đảng ủy viên cấp dưới trực tiếp.

- Quyết định đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ, thăng, giáng cấp quân hàm và cho nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Đảng ủy Quân sự Trung ương quản lý.

- Quyết định các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên theo Điều lệ Đảng, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Về thẩm quyền xử lý đảng viên có vấn đề đảng tịch:

Việc thẩm tra, kết luận vấn đề đảng tịch của đảng viên, việc công nhận là đảng viên, khôi phục quyền đảng viên, xóa tên đảng viên hoặc cho nối lại sinh hoạt đảng của đảng viên thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Những vấn đề khác do Ban Thường vụ đề nghị Đảng ủy Quân sự Trung ương xem xét, quyết định theo quy chế làm việc của Đảng ủy Quân sự Trung ương.

B. Cấp ủy các cấp

1- Chức năng

- Lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền.
- Nghiên cứu đề xuất với cấp ủy cấp trên các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và công tác đảng, công tác chính trị.

2- Nhiệm vụ

- Nghiên cứu đề xuất với cấp ủy cấp trên những biện pháp để thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Quân đội về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và những chủ trương về công tác đảng, công tác chính trị; việc thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng vũ trang.
- Lãnh đạo đơn vị chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của đảng ủy, mệnh lệnh của cấp trên, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.
- Giáo dục và xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhất trí và tin tưởng vào đường lối, quan điểm của Đảng, phát huy bản chất cách mạng, truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, của Quân đội, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ.
- Xây dựng các đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; chấp hành

nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình, phê bình và các chế độ sinh hoạt, giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; nâng cao hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị.

- Lãnh đạo xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ kết hợp chặt chẽ với xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao, số lượng và cơ cấu phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài.

- Lãnh đạo việc quản lý, sử dụng có hiệu quả vũ khí, trang bị, tài chính, cơ sở vật chất của đơn vị.

- Lãnh đạo công tác bảo vệ an ninh quân đội và bảo vệ chính trị nội bộ, giáo dục cán bộ, chiến sĩ nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, những biểu hiện suy thoái trong đảng bộ và đơn vị.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra; kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện quản lý theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của cấp trên, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện; xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy, các tổ chức quần chúng, hội đồng quân nhân ở đơn vị cơ sở vững mạnh, hoạt động đúng chức năng; thực hiện tốt quy chế dân chủ.

- Lãnh đạo xây dựng mối quan hệ đoàn kết thống nhất nội bộ, đoàn kết quân dân, thực hiện tốt công tác dân vận, góp phần xây dựng cơ sở chính trị - xã hội địa phương vững mạnh, tiến hành công tác tuyên truyền đặc biệt.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, các vấn đề sau đây nhất thiết phải do tập thể cấp ủy quyết định:

- Quyết định các chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị; những chủ trương về công tác đảng, công tác chính trị, công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính, sản xuất, làm kinh tế của đơn vị.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trên, cấp ủy các cấp cần chú trọng đúng mức lãnh đạo nhiệm vụ có tính đặc thù của mỗi loại hình đảng bộ:

+ Đảng ủy quân khu đi đôi với trách nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc quyền, còn có nhiệm vụ phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn quân khu; chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy địa phương trên địa bàn quân khu lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

+ Đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đảng ủy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nhiệm vụ:

- Đề xuất nội dung lãnh đạo và giúp cấp ủy địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và chính sách hậu phương quân đội tại địa phương mình.

- Lãnh đạo mọi mặt cơ quan quân sự cùng cấp và các đơn vị bộ đội địa phương thuộc quyền thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ do cấp ủy địa phương và cấp trên giao cho.

+ Đảng ủy bộ đội biên phòng cùng với trách nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc quyền, còn có nhiệm vụ nghiên cứu đề

xuất để Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định các chủ trương về công tác biên phòng và xây dựng Bộ đội Biên phòng, đồng thời lãnh đạo Bộ đội Biên phòng trong cả nước thực hiện các chủ trương trên.

+ Đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cùng với việc lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền, còn có nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất với cấp ủy địa phương và Đảng ủy Bộ đội Biên phòng nội dung lãnh đạo về công tác biên phòng để cấp ủy địa phương ra nghị quyết lãnh đạo các cấp, các ngành thực hiện, đồng thời còn có trách nhiệm lãnh đạo các đơn vị bộ đội biên phòng tỉnh chấp hành nghị quyết của Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về công tác biên phòng và chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân khu về kế hoạch tác chiến trong khu vực phòng thủ.

+ Đảng ủy đơn vị sản xuất quốc phòng và làm kinh tế có nhiệm vụ: lãnh đạo đơn vị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quán triệt và thực hiện quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng - an ninh với kinh tế, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong mọi tình hình theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Quân đội; sản xuất, kinh doanh phát triển, đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao; góp phần cùng các doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân.

+ Cấp ủy đảng trong các doanh nghiệp của Quân đội liên doanh với nước ngoài có nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện đúng pháp luật, chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các bên trong doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi, nhân phẩm người lao động.

3- Quyền hạn

- Quyết định thành lập, giải thể đảng bộ, chi bộ cấp dưới trực tiếp.

- Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và chỉ định bổ sung cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

- Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm chức vụ, thăng hoặc giáng cấp quân hàm sĩ quan theo phân cấp quản lý.

- Quyết định hoặc ủy quyền cho đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức.

- Thẩm tra, kết luận, xử lý về đảng tịch của đảng viên thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ do đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên xem xét, quyết định.

- Khen thưởng, kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức đảng; quản lý, sử dụng tài chính đảng theo Điều lệ Đảng và quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Việc đề bạt, bổ nhiệm, điều động cán bộ, quyết định thôi phục vụ tại ngũ đối với cán bộ và xét kỷ luật đối với đảng viên thuộc đảng bộ quân sự địa phương, bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là sĩ quan theo phân cấp quản lý cần được bàn bạc nhất trí giữa đảng ủy quân khu, đảng ủy bộ đội biên phòng với tỉnh ủy, thành ủy trước khi quyết định, hoặc báo cáo lên cấp trên quyết định. Trường hợp còn có những ý kiến khác nhau thì báo cáo Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định. Trường hợp khẩn cấp trong chiến đấu, việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quân sự địa phương, cán bộ biên

phòng tỉnh thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong Quân đội.

C. Tổ chức cơ sở đảng

1- Chức năng

Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị lãnh đạo mọi mặt hoạt động của đơn vị.

2- Nhiệm vụ

Các tổ chức cơ sở đảng trong Quân đội thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ đã ghi trong Điều lệ Đảng. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, cấp ủy cơ sở cần chú trọng đúng mức lãnh đạo nhiệm vụ có tính đặc thù của mỗi loại hình đảng bộ:

- Tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị chiến đấu: lãnh đạo nâng cao chất lượng huấn luyện, trình độ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật; xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện gắn với xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh; giữ gìn và sử dụng có hiệu quả vũ khí, trang bị, cơ sở vật chất hậu cần - kỹ thuật trong đơn vị. Tổ chức tốt đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội, bảo đảm đơn vị hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trong mọi tình huống.

- Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan: lãnh đạo quán triệt và chấp hành các quan điểm, đường lối chính trị, quân sự, chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên. Nâng cao chất lượng nghiên cứu tham mưu đúng với đường lối, chủ trương, quan điểm, nguyên tắc của Đảng, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan; bồi dưỡng nâng cao

kiến thức, năng lực, đổi mới phong cách và phương pháp công tác cho cán bộ, đảng viên.

- Tổ chức cơ sở đảng trong các học viện, nhà trường: lãnh đạo thực hiện đổi mới nâng cao chất lượng nghiên cứu, dạy và học, tiếp tục hoàn thiện nội dung, giáo trình, chương trình, quy trình đào tạo; xây dựng tiềm lực vật chất, khoa học kỹ thuật của nhà trường; xây dựng nhà trường chính quy, tiên tiến, mẫu mực.

- Tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp quân đội: lãnh đạo quán triệt và thực hiện quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất quốc phòng và kinh tế đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội cao, đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Quân đội. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

- Tổ chức cơ sở đảng ở bệnh viện: lãnh đạo quán triệt và thực hiện quan điểm kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và nghiên cứu khoa học; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; giáo dục rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức, quan điểm trách nhiệm phục vụ của người thầy thuốc quân đội đối với bệnh nhân.

- Tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị nghiên cứu khoa học: lãnh đạo quán triệt và thực hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng về khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, bám sát thực tiễn, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ xây dựng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của Quân đội, góp phần vào sự phát triển của đất nước. Chấp hành nghiêm kỷ luật công tác, cảnh giác, giữ bí mật quân sự, bí mật quốc gia.

- Tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị, cơ quan quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính: lãnh đạo quán triệt và thực hiện quan điểm cần kiệm, liêm chính, ý thức tự lực, tự cường, chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ quản lý, sử dụng, bảo quản trang bị kỹ thuật, vật tư, tài chính; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của quyền, lãng phí, tham ô, tham nhũng, hối lộ, làm thất thoát tài sản của Quân đội.

- Trong khi thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, những vấn đề quyết định về các chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị nhất thiết phải do tập thể cấp ủy quyết định.

3- Quyền hạn

- Quyết định thành lập, giải thể đảng bộ, chi bộ cấp dưới trực tiếp.

- Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ; chỉ định bổ sung đảng ủy cấp dưới và chi ủy trực thuộc.

- Khen thưởng, kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng; quản lý sử dụng tài chính đảng theo Điều lệ Đảng và các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Đảng ủy trung đoàn, lữ đoàn, các đảng ủy cơ sở khác có từ 100 đảng viên trở lên được công nhận đạt trong sạch, vững mạnh và được cấp ủy cấp trên trực tiếp ủy quyền thì được quyền quyết định kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Đảng ủy tiểu đoàn (đảng ủy bộ phận) và tương đương: hướng dẫn, kiểm tra các chi bộ trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương của cấp trên và cấp mình; thẩm định nghị

quyết và các văn bản đề nghị của chi bộ về kết nạp đảng, thi hành kỷ luật đảng viên, ra quyết nghị đề nghị đảng ủy cơ sở quyết định.

III- ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP VÀ NHIỆM KỲ CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

- Đại hội đại biểu đảng bộ từ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trở lên do cấp ủy cùng cấp triệu tập 5 năm một lần; khi được cấp ủy cấp trên đồng ý có thể triệu tập sớm, hoặc muộn hơn, nhưng không quá 1 năm.

- Đại hội đại biểu, hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng (kể cả chi bộ cơ sở), đảng bộ bộ phận do cấp ủy cùng cấp triệu tập 5 năm hai lần; khi được cấp ủy cấp trên đồng ý có thể triệu tập sớm, hoặc muộn hơn, nhưng không quá 6 tháng.

- Đại hội chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận do chi ủy triệu tập, nơi chưa có chi ủy thì do bí thư chi bộ triệu tập 1 năm một lần; khi được đảng ủy cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm, hoặc muộn hơn, nhưng không quá 3 tháng.

Đại hội Đảng các cấp thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy, bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên (Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội không bầu cấp ủy).

Đại hội bất thường của tổ chức đảng các cấp thực hiện theo Điều lệ Đảng và quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nhiệm kỳ của cấp ủy đảng ở cấp nào theo nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đảng cấp đó.

IV- CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CỦA CẤP ỦY, CHI BỘ

- Đảng ủy Quân sự Trung ương thường lệ 6 tháng họp một lần; ban thường vụ 1 tháng họp một lần.
- Đảng ủy quân khu thường lệ 6 tháng họp một lần, bàn và quyết nghị chủ trương lãnh đạo toàn diện các nhiệm vụ trong toàn quân khu. Những nội dung lãnh đạo nhiệm vụ cụ thể lực lượng vũ trang quân khu giao cho ban thường vụ họp quyết định và báo cáo đảng ủy trong lần sinh hoạt định kỳ. Ban thường vụ 1 tháng họp một lần.
- Đảng ủy từ cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên thường lệ 3 tháng họp một lần; ban thường vụ 1 tháng họp một lần.
- Đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận, chi ủy, chi bộ thường lệ 1 tháng họp một lần; ban thường vụ 1 tháng họp hai lần.
- Khi cần thiết các đảng ủy, ban thường vụ, chi ủy, chi bộ họp bất thường.

V- ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy. Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do đảng ủy bầu, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các thành viên ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y; nếu điều động chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý. Nhiệm vụ và quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp chấp hành theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ủy ban kiểm tra các cấp có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới, các đơn vị, cơ quan, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ cung cấp tình hình và những tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra.

Ủy ban kiểm tra đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng chủ trì phối hợp với ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và ủy ban kiểm tra đảng ủy quân sự, đảng ủy biên phòng tỉnh, thành phố trong địa bàn quân khu có quy chế phối hợp để kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng trong đảng bộ quân sự địa phương và đảng bộ bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

VI- CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA CẤP ỦY ĐẢNG

A. Quan hệ giữa cấp ủy, bí thư cấp ủy với người chỉ huy

1- Quan hệ giữa cấp ủy với người chỉ huy đơn vị, kể cả tổng giám đốc, giám đốc là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng

- Người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và mọi nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết theo chức trách.

Đối với nhiệm vụ chiến đấu, người chỉ huy báo cáo với cấp ủy nhiệm vụ cấp trên giao, quyết tâm chiến đấu, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo để cấp ủy thảo luận, quyết định. Trường hợp nhận nhiệm vụ chiến đấu khẩn trương hoặc có tình huống diễn biến ngoài dự kiến, không có điều kiện họp cấp ủy hoặc thường vụ, thì người chỉ huy phải chủ động trao đổi với bí thư, quyết đoán và xử trí kịp thời để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, sau đó báo cáo và chịu trách nhiệm với cấp ủy cấp mình và cấp trên.

- Các đơn vị sản xuất quốc phòng làm kinh tế, định kỳ hàng tháng, quý, năm, tổng giám đốc, giám đốc phải báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất quốc phòng, kinh tế của kỳ trước, dự kiến kế hoạch kỳ sau để cấp ủy thảo luận, quyết định. Tổng giám đốc, giám đốc phải thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết và chịu sự kiểm tra về mọi mặt của cấp ủy, đồng thời chịu trách nhiệm trước cấp ủy, trước pháp luật, trước cấp trên về các quyết định của mình.

- Cấp ủy đảng ở cơ quan, viện nghiên cứu có trách nhiệm lãnh đạo, kiểm tra mọi hoạt động của thủ trưởng cơ quan, nhất là trong chỉ đạo, quản lý điều hành công tác chuyên môn theo đúng đường lối, quan điểm, nguyên tắc, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm báo cáo để cấp ủy thảo luận, quyết định chủ trương, biện pháp lãnh đạo về công tác chuyên môn, đồng thời thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết và chịu sự kiểm tra mọi mặt của cấp ủy, chịu trách nhiệm trước cấp ủy và cấp trên về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2- Quan hệ giữa bí thư cấp ủy với người chỉ huy đơn vị, tổng giám đốc, giám đốc là quan hệ phối hợp công tác

Bí thư cấp ủy và người chỉ huy, tổng giám đốc, giám đốc phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị và mệnh lệnh của cấp trên, thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ quyết định, xây dựng kế hoạch triển khai nghị quyết và kiểm tra các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện. Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí; nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy thảo luận, quyết định.

B. Quan hệ giữa cấp ủy đảng trong quân đội với cấp ủy đảng và chính quyền địa phương

1- Quan hệ giữa đảng ủy quân khu với tỉnh ủy, thành ủy trong quân khu

Đảng ủy quân khu có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương trong địa bàn quân khu; phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

Tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo đảng bộ và nhân dân địa phương thực hiện nghị quyết của đảng ủy quân khu về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương; lãnh đạo đảng ủy, người chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy, mệnh lệnh của tư lệnh quân khu về nhiệm vụ quốc phòng và công tác quân sự địa phương; phối hợp với cục chính trị quân khu

chỉ đạo, hướng dẫn công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang địa phương.

2- Quan hệ giữa Đảng ủy Bộ đội Biên phòng với tỉnh ủy, thành ủy nơi có bộ đội biên phòng

Là mối quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới trên bộ và trên biển; xây dựng nền biên phòng toàn dân ở địa phương và xây dựng bộ đội biên phòng vững mạnh về mọi mặt.

Tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo đảng bộ và nhân dân địa phương thực hiện các nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Đảng, Nhà nước và Quân đội về công tác biên phòng; lãnh đạo đảng ủy, người chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, thành chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy, mệnh lệnh của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng về công tác biên phòng và nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy, mệnh lệnh của tư lệnh quân khu về xây dựng và tác chiến trong khu vực phòng thủ; phối hợp với Cục Chính trị Bộ đội Biên phòng để chỉ đạo, hướng dẫn công tác đảng, công tác chính trị đối với lực lượng bộ đội biên phòng tỉnh.

3- Quan hệ giữa đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với huyện ủy, quận ủy, thị ủy nơi có bộ đội biên phòng làm nhiệm vụ là mối quan hệ phối hợp để thực hiện nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy và Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới trên bộ, trên biển và xây dựng nền biên phòng toàn dân ở địa phương vững mạnh, xây dựng bộ đội biên phòng vững mạnh về mọi mặt.

Đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố phải thường xuyên thông báo, trao đổi với huyện, quận, thị ủy về thực

hiện nhiệm vụ biên phòng và diễn biến tình hình biên giới có liên quan; thống nhất với huyện, quận, thị ủy các chủ trương, biện pháp kết hợp giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới ở địa phương.

Các huyện, quận, thị ủy lãnh đạo địa phương chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, quy định của Đảng, Nhà nước và Quân đội về an ninh biên giới và tham gia thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, giúp đỡ, tạo điều kiện cho bộ đội biên phòng hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời thường xuyên thông báo với đảng ủy biên phòng tỉnh và bộ đội biên phòng làm nhiệm vụ ở địa phương tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

4- Quan hệ giữa cấp ủy đơn vị bộ đội với cấp ủy, chính quyền địa phương

Các đơn vị bộ đội đến làm nhiệm vụ ở địa phương nào thì cấp ủy và người chỉ huy đơn vị đó có trách nhiệm thông báo tình hình và nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, chính quyền địa phương, cùng người chỉ huy quân sự địa phương thống nhất kế hoạch, hiệp đồng tổ chức phòng thủ tác chiến theo sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và của cấp trên.

Khi chuyển đi nơi khác cần thông báo với cấp ủy, chính quyền và người chỉ huy quân sự địa phương biết.

Trong trường hợp đặc biệt hoặc đơn vị làm nhiệm vụ lâu dài trên địa bàn tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, khi thấy cần thiết thì cấp ủy cấp trên trực tiếp bàn bạc thống nhất với cấp ủy địa phương đề nghị cấp ủy cấp trên có thể chỉ định một số đồng chí đảng viên là cán bộ chủ trì đơn vị tham gia vào cấp ủy địa phương để phối

hợp lãnh đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự trên địa bàn.

C. Quan hệ giữa đảng ủy quân khu, đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố và các đơn vị chủ lực với các cấp ủy đảng trong Bộ đội Biên phòng

1- Quan hệ giữa đảng ủy quân khu với Đảng ủy Bộ đội Biên phòng

Là mối quan hệ phối hợp để lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đã được xác định và những vấn đề có liên quan đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân, công tác biên phòng, công tác quân sự địa phương và xây dựng tác chiến trong khu vực phòng thủ trên địa bàn quân khu.

2- Quan hệ giữa đảng ủy quân khu với đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố

- Đảng ủy quân khu chỉ đạo bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ phòng thủ, tác chiến, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trên địa bàn quân khu.

- Đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố phải lãnh đạo đơn vị chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy quân khu về kế hoạch phòng thủ tác chiến trên địa bàn và thực hiện nhiệm vụ chiến đấu khi xảy ra xung đột vũ trang hoặc chiến tranh xâm lược.

3- Quan hệ giữa đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố và các đơn vị chủ lực với đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố là mối quan hệ phối hợp công tác

Cấp ủy đơn vị chủ lực và đảng ủy quân sự tỉnh, thành

phố và các lực lượng có liên quan làm nhiệm vụ ở khu vực biên giới, ven biển và hải đảo có trách nhiệm lãnh đạo đơn vị chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế biên giới của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm tham gia công tác biên phòng theo hướng dẫn của bộ đội biên phòng và kế hoạch sẵn sàng chi viện khi có tình huống xảy ra theo yêu cầu của bộ đội biên phòng.

Đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố có trách nhiệm lãnh đạo đơn vị thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng và tác chiến trong khu vực phòng thủ. Chủ trì phối hợp với đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới theo chức năng, nhiệm vụ đã được xác định và xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

Bộ đội biên phòng hoạt động trên địa bàn biên giới, đất liền, ven biển và hải đảo chịu sự chỉ huy, chỉ đạo của chỉ huy trưởng quân sự tỉnh, thành phố, vùng hải quân về xây dựng kế hoạch phòng thủ, hiệp đồng chiến đấu và chiến đấu khi xảy ra xung đột vũ trang hoặc chiến tranh xâm lược.

D. Quan hệ giữa cấp ủy đảng cơ sở với tổ chức quần chúng

Các tổ chức quần chúng trong Quân đội được tổ chức ở đơn vị cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy đảng cơ sở; sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chính trị cùng cấp và cơ quan chính trị cấp trên. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần

chúng trong đơn vị vững mạnh, quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng hoạt động có hiệu quả, chăm lo sự tiến bộ trưởng thành và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng. Các tổ chức quần chúng phải quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của cấp ủy theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

Căn cứ vào Quy định này, các ban của Đảng ở Trung ương phối hợp với Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy định số 36-QĐ/TW, ngày 9-5-1998 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VIII.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 24-CT/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2003

**Về tổng kết một số vấn đề
lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới**

Năm 2006, năm họp Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo tròn 20 năm. Kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986 đến nay, tư duy lý luận của Đảng ta đã được đổi mới từng bước và có những tiến bộ đáng kể. Những quan điểm cơ bản của Đảng chỉ đạo sự nghiệp đổi mới thể hiện lập trường kiên định và sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Những thành tựu tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng; góp phần vào những thành công rất to lớn của Đảng và nhân dân ta trong công cuộc đổi mới, tạo thế và lực mới cho đất nước. Tuy nhiên, công tác lý luận còn chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng; một số vấn đề về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta chưa được làm sáng tỏ.

Vừa qua, Bộ Chính trị đã quyết định tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới, coi đây là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng.

Để thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan nghiên cứu lý luận làm tốt những việc sau:

1. Nhận thức rõ tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới là nhiệm vụ của toàn Đảng, các cấp, các ngành và là trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận nước ta, nhằm khẳng định những thành tựu, tiến bộ, chỉ ra những hạn chế và thiếu sót trong quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng ta, phân tích nguyên nhân, rút ra kinh nghiệm; phát hiện những nhân tố mới và những vấn đề mới về lý luận trong quá trình đổi mới; làm sáng tỏ hơn về lý luận một số vấn đề chủ yếu về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải, kết luận một số vấn đề lý luận - thực tiễn còn ý kiến khác nhau hoặc mới nảy sinh trong quá trình đổi mới; góp phần bổ sung hoàn chỉnh Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) và cung cấp luận cứ khoa học cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng.

2. Tổng kết phải dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh chính trị, các quan điểm, đường lối của Đảng thể hiện trong nghị quyết Đại hội VI, VII, VIII, IX và các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương các

khóa nói trên; kế thừa những kết quả nghiên cứu lý luận từ Đại hội VI của Đảng đến nay; phải từ thực tiễn đổi mới của đất nước mà tổng kết lý luận, đồng thời tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài.

Tổng kết phải có quan điểm biện chứng, lịch sử, khách quan; nhìn thẳng vào sự thật, báo cáo trung thực, phát huy tự do tư tưởng, thảo luận dân chủ; đề xuất được những luận điểm mới có căn cứ khoa học và những giải pháp mới, đúng đắn để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới ở nước ta tiến lên.

3. Bộ Chính trị đã quyết định lập Ban Chỉ đạo tổng kết do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh làm Trưởng ban. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương; một số tỉnh ủy, thành ủy; một số viện và trường đại học lớn, 8 chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước giai đoạn 2001 - 2005... có trách nhiệm chính tham gia tổng kết.

Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tổng kết có nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn các đơn vị làm tổng kết và kiến nghị với Ban Chỉ đạo tổng kết những vấn đề cần giải quyết; giúp Ban Chỉ đạo hoàn thành bản Báo cáo kết quả tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét vào cuối quý I năm 2005.

4. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm cung cấp cho Ban Chỉ đạo tổng kết (qua Hội đồng Lý luận Trung ương) những số liệu, tài liệu, báo cáo, thông tin cần thiết cho việc tổng kết.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác tổng kết này.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Các nghị quyết của Trung ương Đảng
2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2004, tr. 507-510.

**QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 75-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2003

**Về việc thực hiện một số chính sách,
chế độ đối với cán bộ cao cấp**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;
- Căn cứ Quyết định số 49-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH:

I- Cán bộ cao cấp áp dụng trong quy định này gồm các chức vụ sau:

1. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.
2. Ủy viên Bộ Chính trị.

3. Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

II- Thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp giữ các chức vụ nêu trên như sau:

A- ĐỐI VỚI CÁN BỘ CAO CẤP ĐƯƠNG CHỨC

1. Chế độ tiền lương:

- Cán bộ cao cấp giữ chức vụ gì thì hưởng lương theo chức vụ đó. Khi thay đổi chức vụ thì xếp lương của chức vụ mới được giao.

- Một người đảm nhận nhiều chức vụ thì được hưởng lương của chức vụ có mức lương cao nhất.

2. Chế độ nhà ở:

- Cán bộ cao cấp trong thời gian đảm nhiệm chức vụ nêu ở Mục I quy định này được bố trí nhà biệt thự, nhà công vụ hoặc nhà ở chung cư phù hợp với tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Khi thôi giữ chức vụ, được sắp xếp, điều chỉnh nhà ở phù hợp với tiêu chuẩn quy định.

- Các cơ quan chức năng có trách nhiệm xây dựng nhà ở để bố trí cho cán bộ cao cấp đương chức. Khi cán bộ cao cấp thôi giữ chức vụ, nghỉ công tác, nghỉ hưu sẽ được thuê hoặc mua để ở. Thực hiện việc xây dựng nhà công vụ để đáp ứng nơi ở đối với cán bộ cao cấp được điều động về Trung ương công tác.

3. Chế độ người giúp việc và phục vụ:

- Các chức vụ Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội,

Thủ tướng Chính phủ được bố trí không quá 5 trợ lý và thư ký, 2 người phục vụ, 1 lái xe, 1 bác sĩ theo dõi sức khỏe, 2 sĩ quan bảo vệ tiếp cận.

- Chức vụ Ủy viên Bộ Chính trị được bố trí 1 trợ lý và 1 đến 2 thư ký, 1 lái xe, 2 người phục vụ, 1 sĩ quan bảo vệ tiếp cận.

- Chức vụ Bí thư Trung ương Đảng được bố trí từ 1 đến 2 thư ký, 1 lái xe, 1 người phục vụ, 1 sĩ quan bảo vệ tiếp cận.

- Các chức vụ Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được bố trí 1 thư ký, 1 lái xe, 1 người phục vụ.

Về trợ cấp người phục vụ đối với các chức vụ nêu trên, nếu gia đình tự phục vụ, thì thực hiện trợ cấp thường xuyên 600.000 đồng/người/tháng.

4. Phương tiện đi lại:

a- Chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô con:

Các chức vụ nêu ở Mục I quy định này sử dụng thường xuyên một xe ô tô con trong thời gian công tác.

b- Chế độ đi công tác bằng máy bay và các phương tiện giao thông khác:

- Các chức vụ nêu ở Điểm 1, Mục I quy định này khi đi công tác bằng máy bay thì thuê khoang riêng, trường hợp đặc biệt thì đi chuyên cơ.

- Các chức vụ nêu ở Điểm 2, 3, Mục I quy định này khi đi công tác bằng máy bay thì mua vé hạng nhất, trường hợp đặc biệt thì thuê khoang riêng.

- Cán bộ cùng đi được mua vé máy bay theo quy định đối với cán bộ, công chức. Riêng sĩ quan bảo vệ tiếp cận (nếu có) mua vé cùng khoang với đồng chí lãnh đạo.

- Trường hợp cán bộ cao cấp đi công tác bằng phương tiện giao thông khác: ô tô công cộng, tàu thủy, tàu hỏa... thì cơ quan nơi cán bộ cao cấp công tác phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức phục vụ.

5. Chế độ thông tin liên lạc:

a- Chế độ thông tin, báo chí, tài liệu:

Cơ quan nơi cán bộ cao cấp công tác chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, báo chí, tài liệu có liên quan đến công việc do từng đồng chí phụ trách.

b- Chế độ điện thoại:

- Đối với các chức vụ nêu ở Điểm 1, 2, Mục I quy định này được lắp đặt 2 máy điện thoại tại nhà ở và thực hiện khoán tiền sử dụng điện thoại với mức 500.000 đồng/máy/tháng (bao gồm cả thuê bao và phụ trội).

- Đối với các chức vụ nêu ở Điểm 3, Mục I quy định này được lắp đặt 1 máy điện thoại tại nhà ở và thực hiện khoán tiền điện thoại 500.000 đồng/tháng (bao gồm cả thuê bao và phụ trội).

- Các chức danh nêu tại Mục I quy định này được lắp đặt 1 máy điện thoại số tại nơi làm việc để đảm bảo bí mật.

- Điện thoại di động phục vụ công tác đối với cán bộ cao cấp giữ các chức vụ nêu ở Mục I quy định này, do cơ quan nơi cán bộ công tác cung cấp và thanh toán theo quy định hiện hành.

- Sĩ quan bảo vệ tiếp cận các chức vụ ở Điểm 1, 2, Mục I và Bí thư Trung ương Đảng nêu ở Điểm 3, Mục I quy định

này được trang cấp 1 máy điện thoại di động (dùng luân chuyển) với mức khoán 350.000 đồng/tháng.

6. Chế độ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe:

- Cán bộ cao cấp giữ các chức vụ nêu tại Mục I quy định này khám, chữa bệnh tại Khoa A11 Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (ở Hà Nội); Bệnh viện Thống Nhất (ở Thành phố Hồ Chí Minh) và thực hiện chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe 6 tháng một lần (có quy định riêng).

- Việc khám, chữa bệnh ở nước ngoài trong những trường hợp đặc biệt đối với cán bộ cao cấp, do Ban Bí thư xem xét, quyết định.

7. Chế độ nghỉ dưỡng sức, trợ cấp bồi dưỡng thường xuyên, trợ cấp đột xuất:

a- Chế độ nghỉ dưỡng sức (nghỉ hè):

- Cán bộ cao cấp giữ các chức vụ nêu ở Điểm 1, 2, Mục I quy định này, hàng năm được đi nghỉ 10 ngày ở trong nước cùng gia đình (không quá 5 người), cán bộ giúp việc, phục vụ cùng đi (không quá 5 người).

- Cán bộ cao cấp giữ các chức vụ nêu ở Điểm 3, Mục I quy định này, hàng năm được đi nghỉ 10 ngày ở trong nước cùng gia đình (không quá 3 người), cán bộ giúp việc, phục vụ cùng đi (không quá 2 người).

b- Chế độ trợ cấp bồi dưỡng thường xuyên:

Thực hiện chế độ trợ cấp bồi dưỡng thường xuyên để đảm bảo mức ăn và sinh hoạt hàng ngày đối với cán bộ cao cấp như sau:

- Các chức vụ nêu ở Điểm 1, Mục I quy định này: 1.000.000 đồng/tháng.

- Chức vụ nêu ở Điểm 2, Mục I quy định này: 700.000 đồng/tháng.

- Bí thư Trung ương Đảng: 500.000 đồng/tháng.

c- Chế độ trợ cấp đột xuất:

Cán bộ cao cấp nêu ở Mục I quy định này khi ốm đau kéo dài, đại phẫu thuật, tai nạn được trợ cấp đột xuất không quá 2 lần trong một năm theo 3 mức: 1.000.000 đồng/lần, 2.000.000 đồng/lần, 3.000.000 đồng/lần.

d- Trợ cấp tiền điện và nước sạch:

Cán bộ cao cấp ở nhà biệt thự, nhà công vụ, nhà chung cư hoặc nhà riêng được cơ quan nơi cán bộ công tác thực hiện trợ cấp hàng tháng một khoản tiền theo giá hiện hành để bù tiền điện, tiền nước sạch như sau:

- Các chức vụ nêu ở Điểm 1, Mục I quy định này với mức 500 kWh điện và 30m³ nước sạch.

- Chức vụ nêu ở Điểm 2, Mục I quy định này với mức 400 kWh điện và 30m³ nước sạch.

- Các chức vụ nêu ở Điểm 3, Mục I quy định này với mức 300 kWh điện và 30m³ nước sạch.

8. Chế độ tặng phẩm khi cán bộ cao cấp đi công tác trong nước và nước ngoài:

Quà, tặng phẩm do cán bộ cao cấp giữ chức vụ nêu ở Mục I quy định này khi thay mặt Đảng, Nhà nước tặng trong những trường hợp cần thiết, thì không quy định mức chi và số lượng cụ thể. Trên cơ sở yêu cầu thực tế, cơ quan nơi cán bộ cao cấp công tác phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức phục vụ và quyết toán theo thực chi.

9. Chế độ mừng thọ nhân ngày sinh của cán bộ cao cấp đương chức và nguyên chức:

Không thực hiện trợ cấp mừng thọ, không đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng nhân ngày sinh nhật. Ban Tổ chức Trung ương cùng các cơ quan có liên quan trình Ban Bí thư xem xét, quyết định những trường hợp đặc biệt.

B- ĐỐI VỚI CÁN BỘ CAO CẤP NGUYÊN CHỨC

1. Chế độ nghỉ công tác, nghỉ hưu:

- Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Mục I của quy định này, tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, khi thôi giữ chức vụ, nghỉ công tác thì được giữ nguyên tiền lương và phụ cấp (nếu có).

- Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Mục I của quy định này, tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945 trở về sau, khi thôi giữ chức vụ, đến tuổi thì thực hiện chế độ nghỉ hưu.

2. Một số chế độ cụ thể:

a- Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Mục I của quy định này tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, khi thôi giữ chức vụ, thực hiện như sau:

- Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Điểm 1, Mục I: bố trí 1 trợ lý hoặc thư ký, 1 bác sĩ theo dõi sức khỏe, 1 sĩ quan bảo vệ, 1 lái xe, 1 người phục vụ (nếu gia đình tự phục vụ thì thực hiện trợ cấp thường xuyên 600.000 đồng/tháng), 1 máy điện thoại tại nhà riêng và thực hiện khoán tiền sử dụng điện thoại 400.000 đồng/tháng. Trợ cấp hàng tháng một khoản tiền điện, tiền nước sạch với mức 300 kWh điện và 30m³ nước sạch. Sử dụng thường xuyên 1 xe ô tô con.

- Cán bộ giữ chức vụ nêu ở Điểm 2, Mục I: bố trí 1 người phục vụ (nếu gia đình tự phục vụ thì thực hiện trợ cấp thường xuyên 600.000 đồng/tháng), 1 máy điện thoại tại nhà riêng và thực hiện khoán tiền sử dụng điện thoại 300.000 đồng/tháng. Trợ cấp hàng tháng một khoản tiền điện, tiền nước sạch với mức 200 kWh điện và 30m³ nước sạch.

- Các chức vụ nêu ở Điểm 3, Mục I: bố trí 1 người phục vụ (nếu gia đình tự phục vụ thì thực hiện trợ cấp thường xuyên 600.000 đồng/tháng).

Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Điểm 2, 3, Mục I, khi có nhu cầu sử dụng xe ô tô con thì báo với cơ quan quản lý để phục vụ.

b- Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Mục I của quy định này tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945 trở về sau, khi thôi giữ chức vụ, nghỉ công tác, nghỉ hưu, thực hiện như sau:

- Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Điểm 1, Mục I: bố trí 1 thư ký, 1 người phục vụ (nếu gia đình tự phục vụ thì thực hiện trợ cấp thường xuyên 600.000 đồng/tháng), 1 máy điện thoại tại nhà riêng và thực hiện khoán tiền sử dụng điện thoại 400.000 đồng/tháng. Trợ cấp hàng tháng một khoản tiền điện, tiền nước sạch với mức 300 kWh điện và 30m³ nước sạch.

- Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Điểm 2, Mục I: thực hiện trợ cấp người phục vụ 600.000 đồng/tháng, 1 máy điện thoại nhà riêng và thực hiện khoán tiền sử dụng điện thoại 300.000 đồng/tháng. Trợ cấp hàng tháng một khoản tiền điện, tiền nước sạch với mức 200 kWh điện và 30m³ nước sạch.

- Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Mục I, khi có nhu cầu sử dụng xe ô tô con thì báo với cơ quan quản lý để phục vụ.

c- Chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, trợ cấp đột xuất:

Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Mục I quy định này thực hiện như đối với cán bộ đương chức.

d- Chế độ nghỉ dưỡng sức (nghỉ hè):

- Cán bộ cao cấp giữ các chức vụ nêu ở Điểm 1, 2, Mục I quy định này, hàng năm được đi nghỉ 10 ngày ở trong nước cùng gia đình không quá 5 người và 3 người giúp việc, phục vụ.

- Cán bộ cao cấp giữ các chức vụ nêu ở Điểm 3, Mục I quy định này, hàng năm được đi nghỉ 10 ngày ở trong nước cùng gia đình không quá 3 người và 1 người phục vụ.

đ- Chế độ thông tin:

Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Mục I quy định này được cấp thường xuyên 1 tờ báo Nhân Dân, các bản tin: tin tham khảo, tài liệu tham khảo của Thông tấn xã Việt Nam, các tài liệu cần thiết của Trung ương do Văn phòng Trung ương cấp.

e- Chế độ nhà ở:

Cán bộ giữ các chức vụ nêu ở Điểm 1, 2, Mục I quy định này, khi mua nhà ở của Nhà nước thì được hỗ trợ một lần 50 triệu đồng (trừ cán bộ cao cấp hoạt động cách mạng trước năm 1945 thực hiện hỗ trợ cải thiện nhà ở theo Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg, ngày 3-2-2000 của Thủ tướng Chính phủ).

C- CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI CÁN BỘ CAO CẤP TỪ TRẦN

1. Khi cán bộ cao cấp từ trần:

Việc tổ chức lễ tang thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Về người giúp việc và phục vụ:

Sau khi cán bộ cao cấp từ trần, trong khoảng thời gian từ 1 đến 3 tháng, cơ quan chủ quản bố trí, sắp xếp lại công tác cho người giúp việc: trợ lý, thư ký, phục vụ, lái xe...

3. Trợ cấp thường xuyên đối với quả phụ của cán bộ cao cấp hoạt động cách mạng trước năm 1945 đã từ trần:

- Quả phụ của cán bộ giữ chức vụ nêu ở Điểm 1, Mục I quy định này trợ cấp: 500.000 đồng/tháng.

- Quả phụ của cán bộ giữ chức vụ nêu ở Điểm 2, 3, Mục I quy định này trợ cấp: 300.000 đồng/tháng.

III- Tổ chức thực hiện:

1. Cán bộ cao cấp công tác tại cơ quan nào thì cơ quan đó trực tiếp thực hiện các chính sách, chế độ.

2. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện.

3. Đối với cán bộ cao cấp thôi giữ chức vụ, nghỉ công tác, nghỉ hưu, việc thực hiện các chế độ nghỉ dưỡng sức, nghỉ hè, trợ cấp, trợ cấp tiền điện, tiền nước sạch và trợ cấp người giúp việc (nếu có) do Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan để thực hiện.

4. Quy định này thay thế Quy định số 68-QĐ/TW, ngày 21-10-1999 của Bộ Chính trị và thực hiện kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 107-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2003

Về kết quả kiểm tra công tác cán bộ

Tại phiên họp ngày 17-4-2003, Bộ Chính trị đã nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra của Bộ Chính trị năm 2002 về công tác cán bộ (Báo cáo số 64-BC/TCTW, ngày 14-2-2003 của Ban Tổ chức Trung ương), Bộ Chính trị nhất trí thông qua báo cáo kết quả kiểm tra (kèm theo) và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1. Thực hiện chương trình kiểm tra công tác cán bộ của Bộ Chính trị năm 2002, Ban Tổ chức Trung ương đã phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập các đoàn kiểm tra về công tác cán bộ tại một số bộ, ngành, cơ quan Trung ương và một số cấp ủy địa phương. Qua kiểm tra, đã làm rõ thêm những ưu điểm và những thiếu sót trong công tác cán bộ.

Trong thời gian vừa qua, các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương đã nghiêm túc tổ chức quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) và Chỉ thị số 18-CT/TW của Bộ Chính trị về công tác cán bộ; đã ban hành

các quy định về phân cấp quản lý cán bộ phù hợp với đơn vị mình theo đúng quy định của Bộ Chính trị, thể hiện rõ nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; đồng thời, phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tạo được sự thống nhất về phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

Các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn đều tiến hành đánh giá cán bộ trước khi bổ nhiệm, giới thiệu để bầu cử vào các chức danh lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân; phần lớn các cấp ủy bảo đảm được nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, khách quan; đã coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách cán bộ, nhằm đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài...

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ được thực hiện đúng trình tự, bảo đảm tiêu chuẩn quy định. Hầu hết các cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển đều có tín nhiệm trong cán bộ, đảng viên, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, có năng lực, trình độ và phát huy tác dụng tốt.

Tuy nhiên, công tác cán bộ còn nhiều thiếu sót, đó là:

- Ở một số cấp ủy tỉnh, thành việc cụ thể hóa phân cấp quản lý cán bộ ở địa phương còn chậm; chưa mạnh dạn phân cấp cho huyện, thị xã và sở, ban, ngành.

- Nhiều nơi chưa thực hiện việc công khai đánh giá cán bộ của cấp có thẩm quyền; nội dung và chất lượng đánh giá cán bộ còn hạn chế; kết quả đánh giá cán bộ chưa phản ánh đúng kết quả công tác của đơn vị. Nhìn chung, công tác quản lý, đánh giá cán bộ là khâu yếu nhất, còn chậm được khắc phục.

- Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chưa đặt thành nhiệm vụ thường xuyên và triển khai chậm, kết quả còn hạn chế.

- Một số cấp ủy chưa coi trọng đúng mức công tác quy hoạch, quy hoạch còn dàn trải, khép kín, chưa có biện pháp tích cực để phát hiện và sử dụng nhân tài; chất lượng đào tạo cán bộ còn chưa đáp ứng yêu cầu, chưa gắn với quy hoạch cán bộ; chưa chú trọng đào tạo cán bộ cơ sở như tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX). Chính sách cán bộ còn nhiều bất cập, chưa toàn diện, chưa thống nhất trong cả nước và chưa trở thành động lực để động viên, khuyến khích cán bộ, công chức toàn tâm, toàn ý cho công tác...

2. Việc kiểm tra về công tác cán bộ vừa qua mới đạt kết quả bước đầu, còn có phần nặng về kiểm tra quy trình công tác cán bộ, chưa đi sâu đánh giá toàn diện chất lượng công tác cán bộ so với nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng trước mắt và lâu dài. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp căn cứ kết luận kiểm tra này, tiếp tục tổ chức đi sâu kiểm tra công tác cán bộ đảm bảo chất lượng cao hơn.

- Nội dung kiểm tra cần đi sâu làm rõ thêm ưu, khuyết điểm và những kết quả thực chất của công tác cán bộ, của việc phân cấp, quản lý, đánh giá, sử dụng, quy hoạch, bố trí, đào tạo và luân chuyển cán bộ, làm rõ các công tác trên đã có tác động đến xây dựng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu của cách mạng trước mắt và lâu dài thế nào, nguyên nhân do đâu; từ đó rút ra những kinh nghiệm và giải pháp tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ, thiết thực đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ làm cơ sở lựa chọn cán bộ phục vụ bầu cử hội đồng nhân dân các cấp năm 2004 và nhân sự Đại hội X của Đảng.

Các cấp ủy đảng tự kiểm tra; Bộ Chính trị sẽ trực tiếp nghe báo cáo kết quả kiểm tra một số tỉnh ủy, thành ủy và tổ chức đảng trực thuộc về công tác cán bộ.

- Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ xây dựng nội dung, tiêu chí đánh giá cán bộ; chế độ trách nhiệm trong nhận xét, đánh giá cán bộ; bổ sung quy chế kết hợp việc đánh giá cán bộ với việc phân tích chất lượng đảng viên hàng năm đảm bảo khách quan, chính xác.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ thể chế hóa các quyết định của Bộ Chính trị về công tác cán bộ (bổ nhiệm có thời hạn, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ); sớm ban hành chính sách đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý được luân chuyển theo Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 108-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2003

**Về việc kiểm tra đầu tư xây dựng
và quản lý sử dụng đất đai**

Tại phiên họp ngày 17-4-2003, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo kết quả kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai (Báo cáo số 22-BC/BCS, ngày 7-3-2003 của Ban Cán sự đảng Chính phủ), Bộ Chính trị đã trao đổi và có một số ý kiến kết luận như sau:

1. Kế hoạch kiểm tra của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai đã được Ban Cán sự đảng Chính phủ nghiêm túc chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện và đạt được kết quả bước đầu.

- Qua kiểm tra, khẳng định chủ trương đầu tư của Nhà nước đối với phần lớn các dự án, công trình là đúng. Các dự án, công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư cho phát triển sản xuất, dịch vụ, kinh tế, văn hóa đã góp phần rất quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Công tác quản lý nhà nước về đất đai có tiến bộ rõ rệt, đất đai được sử dụng ngày càng có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, qua kiểm tra cũng thấy rõ vi phạm trong đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai còn nhiều và nghiêm trọng. Vi phạm trong đầu tư xây dựng xảy ra phổ biến ở hầu hết các giai đoạn đầu tư, đã làm thất thoát nghiêm trọng tài sản, tiền vốn của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến chất lượng nhiều công trình xây dựng, làm giảm hiệu quả của nhiều dự án đầu tư. Vi phạm trong quản lý sử dụng đất đai rất nghiêm trọng và phổ biến, tình trạng giao đất, bán đất, chuyển nhượng đất, cho thuê đất, sử dụng đất... không đúng thẩm quyền, trái phép và tình trạng trốn thuế còn nhiều; việc đổi đất lấy công trình ở một số địa phương còn nhiều bất hợp lý và tiêu cực; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều ách tắc. Việc xử lý những vi phạm về quản lý đầu tư xây dựng và về quản lý, sử dụng đất chưa nghiêm.

- Để xảy ra những vi phạm, tồn tại trên đây có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân quan trọng là: công tác quản lý nhà nước còn bị buông lỏng và có nhiều sơ hở, hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng đất đai chưa đồng bộ, một số chính sách, quy định bất hợp lý, không còn phù hợp với thực tế; đặc biệt công tác thanh tra, kiểm tra chưa chặt chẽ, thường xuyên và còn kém hiệu quả; một bộ phận cán bộ quản lý ở các cấp, các ngành tha hóa về phẩm chất đạo đức, thiếu trách nhiệm hoặc lợi dụng chức quyền để tham nhũng, trục lợi đã gây ra những hậu quả và thiệt hại lớn cho công tác đầu tư xây dựng và quản lý đất đai.

2. Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý đất đai sử dụng nguồn vốn và nguồn tài nguyên rất to lớn và quý báu của đất nước; hiệu quả hoạt động của các lĩnh vực này ảnh

hưởng to lớn và lâu dài đến sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Những khuyết điểm, thiếu sót và những hiện tượng tiêu cực trong các lĩnh vực này vừa ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, vừa gây sự bất bình sâu sắc trong nhân dân. Vì vậy, tiến hành kiểm tra lĩnh vực đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai là công việc rất cần thiết và cấp bách, đây cũng là nhiệm vụ rất nặng nề và khó khăn. Đợt kiểm tra quản lý đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai năm 2002 mới chỉ đạt kết quả bước đầu: mức độ chênh lệch lớn về tỷ lệ thất thoát vốn đầu tư đã phát hiện giữa các công trình do Thanh tra Nhà nước chủ trì kiểm tra và các công trình do các bộ, ngành, địa phương tự kiểm tra cho thấy có thể nhiều trường hợp thất thoát còn chưa được phát hiện đánh giá đầy đủ; hơn nữa việc kiểm tra công tác quản lý đầu tư xây dựng vừa qua còn chưa kết hợp xem xét đến chất lượng các công trình và hiệu quả hoạt động của các dự án đầu tư sau khi công trình đi vào hoạt động.

3. Xuất phát từ những lý do trên, Bộ Chính trị chủ trương trong năm 2003 cần tiếp tục đi sâu tiến hành kiểm tra công tác quản lý đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai; tiến tới đưa những việc này trở thành nền nếp thường xuyên.

- Về nội dung kiểm tra đầu tư xây dựng cơ bản cần kết hợp xem xét, kiểm tra thêm về chất lượng của công trình và hiệu quả của dự án sau khi công trình đi vào hoạt động, trên cơ sở đó đánh giá rõ đúng sai trong chủ trương đầu tư, thực hiện quy chế đấu thầu, quản lý thi công công trình, xác định chính xác hơn mức độ thất thoát, lãng phí; làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan;

có chủ trương xử lý kỷ luật thích đáng đối với những vi phạm xét thấy cần xử lý và đề ra được những biện pháp thiết thực để khắc phục có hiệu quả những thiếu sót, khuyết điểm.

Theo tinh thần trên đây, Ban Cán sự đảng Chính phủ có hướng dẫn và bổ sung cần thiết về nội dung và tổ chức kiểm tra. Có kế hoạch sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hiện hành về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai; hoàn thiện cơ chế giám sát và quản lý đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng đất đai; hoàn thiện quy chế đấu thầu; xây dựng quy định về chế độ trách nhiệm trong quản lý đầu tư xây dựng và quản lý đất đai.

Cũng theo tinh thần trên đây, các ngành, các địa phương phải xây dựng chương trình kiểm tra và trực tiếp chỉ đạo kiểm tra đối với những dự án, công trình quan trọng và công tác quản lý đất đai thuộc trách nhiệm quản lý của mình.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ trực tiếp nghe kết quả kiểm tra ở một số địa phương, đơn vị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 109-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2003

**Về kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra
năm 2002 của Ban Bí thư**

Ngày 25-3-2003, Ban Bí thư đã nghe Ban Chỉ đạo của Ban Bí thư báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra năm 2002 của Ban Bí thư về lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm (Báo cáo số 93-BC/BCĐ, ngày 14-3-2003 của Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư).

Ban Bí thư đã nhất trí thông qua báo cáo kết quả kiểm tra của Ban Chỉ đạo kiểm tra (báo cáo kèm theo) và nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

1. Sau khi Bộ Chính trị ra chỉ thị về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Quốc hội ban hành Luật khiếu nại, tố cáo, cấp ủy và chính quyền các cấp đã quan tâm hơn đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nhiều địa phương, bộ, ngành đã xây dựng quy chế công khai tiếp dân, bố trí nơi tiếp dân thuận tiện hơn; phân công lãnh đạo tiếp

dân, trực tiếp đối thoại với dân; tập trung nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra, xác định rõ trách nhiệm của mỗi cấp, chủ trì trong việc làm rõ đúng, sai những vấn đề cán bộ, đảng viên và nhân dân khiếu nại; một số vụ việc phức tạp, kéo dài đã được chỉ đạo giải quyết đạt kết quả. Việc khiếu kiện có chiều hướng ngày càng trật tự hơn, đại bộ phận nhân dân đã chấp hành và thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật. Ở một số địa phương, tình hình khiếu kiện, tố cáo đã có chuyển biến tích cực, không để khiếu kiện vượt cấp lên Trung ương.

Tuy nhiên, nhìn chung công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn chưa có chuyển biến cơ bản; tình hình khiếu kiện vẫn chưa giảm, tâm trạng của một bộ phận nhân dân còn nhiều bức xúc. Nguyên nhân của tình hình trên có phần do bất cập về cơ chế, chính sách (nhất là chính sách liên quan đến đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng...), nhưng nguyên nhân trực tiếp trước hết thuộc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp, nhất là ở cơ sở. Nhiều cấp ủy chưa xác định công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ thường xuyên, còn biểu hiện thiếu trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh, đổ lỗi cho khách quan, cho cấp trên, hoặc khoán trắng cho các cơ quan chức năng, chậm trễ trong việc chỉ đạo, giải quyết dứt điểm khiếu nại, tố cáo.

2. Về thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm, nhìn chung các cấp ủy đảng đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định của Bộ Chính trị gắn với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, coi trọng vai trò kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với đảng viên và tổ chức đảng. Qua kết quả thực hiện đã khẳng định Quy định những điều

đảng viên không được làm là cần thiết, đã góp phần quan trọng giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, ở một số nơi, cấp ủy chưa đích thân lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định nên kết quả thực hiện chưa cao. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, tự giác chấp hành, còn có vi phạm; có những vi phạm nghiêm trọng chưa được phát hiện, xử lý kịp thời, đã ảnh hưởng đến việc thực hiện Quy định và giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

3. Ban Bí thư chủ trương trong năm 2003, các cấp ủy cần tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm, tiếp tục xác định đây là nội dung kiểm tra thường xuyên của cấp ủy. Trước mắt, các cấp ủy và tổ chức đảng tập trung thực hiện một số công việc sau:

- Củng cố, kiện toàn tổ chức tiếp dân của Đảng và Nhà nước ở Trung ương, ở các bộ, ngành và địa phương, tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân; thực hiện chế độ cán bộ lãnh đạo định kỳ trực tiếp tiếp dân.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sớm tìm địa điểm mới để chuyển Trụ sở tiếp dân của Đảng và Nhà nước ở số 1 Mai Xuân Thưởng.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp xây dựng kế hoạch cụ thể tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 6-3-2002 của Ban Bí thư; ở mỗi cấp, mỗi ngành phải nêu cao trách nhiệm giải quyết dứt điểm các vụ việc theo thẩm quyền, khắc phục tình trạng công dân của địa phương mình khiếu tố vượt cấp.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các ban, ngành liên quan sơ kết, tổng kết một số chuyên đề, như: đền bù giải phóng mặt bằng, xử lý điểm nóng khiếu kiện đông người; tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm chung cho các địa phương thực hiện.

- Cấp ủy và tổ chức đảng các cấp cần tiến hành sơ kết việc thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm gắn với sơ kết giữa nhiệm kỳ. Trên cơ sở đó, tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng thực hiện và đề xuất những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm đôn đốc kiểm tra thực hiện kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư và trên cơ sở tổng hợp ý kiến đề xuất của các cấp ủy đảng, nghiên cứu, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những sửa đổi, bổ sung cần thiết (nếu có) đối với bản Quy định hiện hành.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 25-CT/TW, ngày 28 tháng 5 năm 2003

**Về việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 50 năm
chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ
(7-5-1954 – 7-5-2004)**

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là thành quả to lớn của cách mạng Việt Nam, có ý nghĩa thời đại sâu sắc đối với cách mạng nước ta và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ là dịp để giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, ý chí tiến công, sức mạnh sáng tạo của dân tộc ta trong điều kiện mới. Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt những việc sau đây:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Làm rõ ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Điện Biên Phủ: đây là chiến dịch mang tính chiến lược, thể hiện ý chí cách mạng tiến công của quân và dân ta và sự trưởng thành to lớn của Quân đội ta, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến

chống thực dân Pháp xâm lược. Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng chung của quân, dân cả nước trên tất cả các chiến trường; là tổng hợp của sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, với sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân các nước trên thế giới, trong đó có nhân dân Pháp. Chiến thắng Điện Biên Phủ có ý nghĩa thời đại sâu sắc, đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới, tạo ra vị thế mới của Việt Nam trên thế giới.

- Khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, Bác Hồ, phát huy cao độ truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí quyết chiến, quyết thắng và tinh thần sáng tạo của quân và dân ta. Những giá trị tinh thần cao quý đó cần được phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Kết hợp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ với kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm nhằm tạo ra trong cả nước phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp tục hội nhập kinh tế, giao lưu văn hóa quốc tế.

- Biểu dương những thành tựu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh Lai Châu và các tỉnh Tây Bắc. Động viên cả nước hướng về Điện Biên Phủ, có trách nhiệm hỗ trợ Lai Châu và các tỉnh Tây Bắc phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc; cùng Lai Châu bảo tồn, tôn tạo và xây dựng các công trình phục vụ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ phải thực sự trở thành ngày hội của nhân dân các dân tộc Tây Bắc và cả nước, gây được không khí phấn khởi, tự hào, lạc quan cách mạng trong các tầng lớp nhân dân. Lễ kỷ niệm phải được tổ chức trọng thể, xứng với tầm vóc lịch sử của chiến thắng Điện Biên Phủ, nhưng phải thiết thực, tránh hình thức, lãng phí.

II- HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM 50 NĂM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có kế hoạch chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, chỉ đạo tốt các hoạt động, các cuộc hội thảo cũng như việc xuất bản sách và các ấn phẩm văn hóa khác. Trong tuyên truyền cần bám sát những mục đích, yêu cầu như đã nêu ở Điểm I của Chỉ thị này.

- Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ; đồng thời phối hợp với các hội nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương tổ chức sáng tác, thi viết về đề tài chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp đẩy mạnh các hoạt động mang tính quần chúng sâu sắc như thi tìm hiểu lịch sử, liên hoan, hội diễn văn nghệ, gặp mặt nhân chứng, trở về nguồn... nhằm tạo không khí hồ hởi, phấn khởi và sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân trong các hoạt động kỷ niệm.

- Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo mở cuộc vận động “Toàn dân hướng về Điện Biên Phủ”, góp công, góp sức cùng nhân dân các dân tộc Tây Bắc bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử Khu Di tích Điện Biên Phủ.

- Ban Cán sự đảng Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia chỉ đạo việc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan và tỉnh Lai Châu tổ chức một cuộc hội thảo khoa học quốc gia và một cuộc hội thảo quốc tế về chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao có kế hoạch chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động thông tin đối ngoại về chiến thắng Điện Biên Phủ, về thành tựu của cách mạng Việt Nam nói chung và tỉnh Lai Châu nói riêng. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp cùng các bộ, ngành hữu quan tổ chức hội thảo về “kỷ niệm 50 năm ký kết Hiệp định Giơnevơ”.

2. Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng Khu Di tích Điện Biên Phủ

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Du lịch... phối hợp với tỉnh Lai Châu tiến hành tôn tạo, nâng cấp và xây dựng Khu Di tích Điện Biên Phủ:

- Tôn tạo, nâng cấp Chỉ huy sở Mường Phăng; cứ điểm Him Lam; cứ điểm Đồi A1; Bảo tàng Điện Biên Phủ; hầm Đờ Cát; khu Trung tâm cụm cứ điểm; đường kéo pháo của ta và trận địa bao vây tấn công của ta.

- Đầu tư xây dựng Tượng đài Chiến thắng.

Việc tôn tạo, nâng cấp, xây dựng các công trình trong Khu Di tích Điện Biên Phủ phải bảo đảm tính lịch sử, dân tộc và hiện đại, có giá trị lâu dài; có thể chọn để hoàn thành dứt điểm từng việc, không nhất thiết phải hoàn thành mọi công trình trong dịp kỷ niệm. Cần chú ý đồng bộ từ khâu quy hoạch đến chỉ đạo thực hiện quy hoạch để việc tôn tạo Khu Di tích Điện Biên Phủ cũng như việc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa ở khu vực Điện Biên Phủ không xâm phạm và ảnh hưởng đến cảnh quan lịch sử của Điện Biên Phủ.

3. Tổ chức mít tinh kỷ niệm

- Tại Hà Nội: mít tinh trọng thể kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức, với sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và đại diện các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

- Tổ chức mít tinh kết hợp diễu binh, diễu hành quần chúng tại Điện Biên Phủ do tỉnh Lai Châu chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các tỉnh Tây Bắc thực hiện.

- Tổ chức mít tinh kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ tại các địa phương như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thừa Thiên - Huế, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Đắk Lắk.

- Các địa phương khác trong cả nước: tổ chức gặp mặt truyền thống giữa các cựu chiến binh, dân công hỏa tuyến, thanh niên xung phong với thế hệ trẻ nhằm khơi dậy truyền thống hào hùng của dân tộc và giáo dục thế hệ trẻ.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Lập Ban Chỉ đạo Nhà nước do đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm làm Trưởng ban, đồng chí lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương làm Phó ban Thường trực, đồng chí Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin làm Phó ban và các thành viên là đại diện lãnh đạo tỉnh Lai Châu, Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam để tập trung chỉ đạo thống nhất các hoạt động kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Lập cơ quan thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo Nhà nước về các hoạt động kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ tại Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Các nghị quyết của Trung ương Đảng

2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 2004, tr. 511-516.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 110-TB/TW, ngày 29 tháng 5 năm 2003

Về định hướng nội dung
“Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ
thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX
của Đảng” trình Hội nghị Trung ương 9
(khóa IX)

Ngày 24-5-2003, Bộ Chính trị sau khi nghe tờ trình của Tiểu ban Chỉ đạo soạn thảo văn kiện Hội nghị Trung ương 9, đã có ý kiến kết luận một số vấn đề về chuẩn bị văn kiện trình Hội nghị Trung ương 9 như sau:

I- NHỮNG BÁO CÁO CẦN CHUẨN BỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 9

Hội nghị Trung ương 9 là Hội nghị Trung ương giữa nhiệm kỳ có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX trong 2 năm rưỡi đầu nhiệm kỳ, trên cơ sở đó đề ra những chủ trương giải pháp lớn cần tập trung thực hiện

trong 2 năm rưỡi còn lại của nhiệm kỳ để tiến lên thực hiện thắng lợi toàn bộ Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Với nhiệm vụ của Hội nghị Trung ương 9 như trên, cần chuẩn bị trình ra Hội nghị Trung ương những báo cáo sau đây:

- Hai báo cáo chính:

+ Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng (dưới đây gọi tắt là Báo cáo kiểm điểm chung).

+ Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (năm nay không làm báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị riêng cho năm 2003; báo cáo này do Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì chuẩn bị).

- Hai báo cáo chuyên đề:

+ Báo cáo kiểm điểm 3 năm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 (do Ban Cán sự đảng Chính phủ chuẩn bị).

+ Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ về công tác xây dựng Đảng (do Tiểu ban Chỉ đạo soạn thảo văn kiện trình Hội nghị Trung ương 9 chịu trách nhiệm chuẩn bị; đồng chí Trần Đình Hoan chỉ đạo Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng các ban, ngành có liên quan trực tiếp chuẩn bị).

Trong các báo cáo trên, Báo cáo kiểm điểm chung sẽ là báo cáo kiểm điểm toàn diện việc thực hiện Nghị quyết Đại hội, nhưng tránh dàn trải, sẽ chú ý chọn lọc, tập trung vào những vấn đề mấu chốt, trọng tâm, coi trọng việc đánh giá, nhận định, phân tích; không quá đi vào chi tiết. Nội dung các báo cáo cần khớp nhau.

II- VỀ TIÊU ĐỀ CỦA BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM CHUNG

Tiêu đề của Báo cáo được xác định như sau:

Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Nội dung Báo cáo là kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX trong 2 năm rưỡi, đặt tiêu đề như trên để thể hiện rõ tính chất của Báo cáo là báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ.

III- VỀ KẾT CẤU VÀ ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM CHUNG

Sơ bộ xác định như sau:

1. Về tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX:

- Bối cảnh trong, ngoài nước 2 năm rưỡi vừa qua; những diễn biến mới đáng lưu ý và ảnh hưởng của những tình hình đó đối với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị về triển khai học tập, truyền đạt nội dung Nghị quyết Đại hội IX; cụ thể hóa những quan điểm và chủ trương về những nhiệm vụ chủ yếu đã nêu trong Nghị quyết Đại hội.

- Việc thể chế hóa và chỉ đạo thực hiện các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ trong Nghị quyết Đại hội IX, các nghị quyết Trung ương và nghị quyết Bộ Chính trị của các cơ quan nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp).

- Công tác tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội và các nghị quyết Trung ương của các ngành, đoàn thể, địa phương và tổ chức đảng các cấp.

- Nhận xét chung về tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX trong 2 năm rưỡi đầu nhiệm kỳ.

2. Về thực hiện nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế:

- Kết quả thực hiện mục tiêu về tăng trưởng kinh tế: tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế và của các ngành, các lĩnh vực chủ yếu, đối chiếu với kế hoạch đề ra, có so sánh với tốc độ tăng trưởng của các nước trong khu vực, trên thế giới.

- Kết quả thực hiện mục tiêu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế (bao gồm cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động; cơ cấu ngành, vùng...) theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chú ý kiểm điểm việc phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, các ngành công nghiệp cơ bản, các vùng kinh tế động lực, các vùng trung du, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

- Đánh giá nhiệm vụ nâng cao chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Đánh giá tình hình phát huy các nguồn nội lực của đất nước (về lao động, trí tuệ, tài nguyên, nguồn vốn...) và việc thu hút sử dụng các nguồn lực từ bên ngoài.

- Đánh giá tình hình thực hiện các chủ trương và giải pháp phát triển các thành phần kinh tế.

- Đánh giá kết quả thực hiện chủ trương xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đánh giá việc tiếp tục hình thành, phát triển và hoàn thiện các loại thị trường, hình thành đồng bộ cơ chế quản lý;

tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế.

- Nhận xét chung việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế trong 2 năm rưỡi đầu nhiệm kỳ và trong 3 năm đầu của kế hoạch 5 năm: về thực hiện các mục tiêu tăng trưởng rút ngắn sự chênh lệch về trình độ phát triển với các nước trong khu vực và trên thế giới; về thực hiện mục tiêu xây dựng kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; về xây dựng nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa; về tính bền vững của sự phát triển.

3. Về phát triển văn hóa xã hội, giải quyết các nhiệm vụ xã hội:

- Kết quả thực hiện các mục tiêu về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, là những lĩnh vực “quốc sách hàng đầu” để xây dựng và phát huy nhân tố con người.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân (chú ý đánh giá khoảng cách giàu, nghèo giữa các vùng, các tầng lớp dân cư).

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc với nhận thức văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển sự nghiệp y tế, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, phát triển sự nghiệp thể dục thể thao...

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ về ngăn ngừa, khắc phục các tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm, tội phạm).

- Nhận xét chung về kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội trong 2 năm rưỡi đầu nhiệm kỳ: về sự phát triển xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân đồng bộ với sự phát triển kinh tế; về việc thực hiện các chủ trương “quốc sách hàng đầu”, tạo điều kiện bồi dưỡng, phát huy nguồn lực con người.

4- Về cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc:

- Kết quả cải cách hành chính, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện thể chế quản lý của Nhà nước phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chú ý đánh giá việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước đối với mọi thành phần kinh tế; việc thực hiện tách chức năng quản lý nhà nước với chức năng điều hành quản lý kinh doanh của doanh nghiệp; khắc phục, hạn chế cơ chế xin cho, khắc phục thủ tục phiền hà đối với doanh nghiệp, công dân.

- Kiện toàn tổ chức, đổi mới và nâng cao hiệu lực hoạt động của Quốc hội và hệ thống cơ quan dân cử, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực lập pháp của Quốc hội, nâng cao vai trò và hiệu lực giám sát của Quốc hội và hệ thống cơ quan dân cử đối với hoạt động của các cơ quan hành pháp và tư pháp.

- Kết quả thực hiện cải cách tư pháp, nâng cao pháp chế, kỷ cương trong xã hội, bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật và sự công bằng của người dân trước pháp luật.

- Kết quả thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân, đặc biệt trong các lĩnh vực chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa IX.

- Kết quả đổi mới tổ chức, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước, tham gia xây dựng luật pháp, chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước, giám sát và góp ý xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng.

- Nhận xét chung về kết quả xây dựng Nhà nước, phát huy dân chủ, kỷ cương xã hội, thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong 2 năm rưỡi đầu nhiệm kỳ: về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về phát huy dân chủ và tăng cường kỷ cương xã hội; về việc Nhà nước tạo thuận lợi tối đa cho những hoạt động kinh tế - xã hội chính đáng của mọi người dân, mọi doanh nghiệp; về thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy tối đa sự đồng thuận trong xã hội, động viên toàn dân chung sức, chung lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Về thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại:

Phần này chủ yếu dựa vào những kết luận Hội nghị Trung ương 8 để đánh giá:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; giữ vững ổn định chính trị, xã hội; tăng cường tiềm lực quốc phòng; nâng cao khả năng sẵn sàng đối phó thắng lợi những mối đe dọa an ninh của đất nước.

- Kết quả thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, thêm bạn, bớt thù, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

6. Về thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng:

- Kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (khóa VIII), kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) và các Nghị quyết Trung ương khác có liên quan (về công tác giáo dục tư tưởng chính trị, công tác lý luận, công tác tổ chức, công tác cán bộ...).

- Kiểm điểm kết quả tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và công tác lý luận của Đảng, đấu tranh chống sự tha hóa về tư tưởng chính trị, củng cố lý tưởng, lòng tin, nâng cao giác ngộ chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên; làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Kết quả đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện tha hóa về đạo đức, lối sống: quan liêu, tham nhũng, lãng phí, bồi dưỡng và nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống cách mạng, sự gắn bó với nhân dân của cán bộ, đảng viên.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đặc biệt coi trọng vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và đổi mới công tác cán bộ, chăm lo, chọn lọc, bồi dưỡng, bố trí chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận cho những khóa tiếp theo; củng cố tổ chức đảng; phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong sinh hoạt Đảng; củng cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, khắc phục những biểu hiện mất đoàn kết, chia rẽ bè phái.

7. Đánh giá tổng quát:

Nhìn chung đã thực hiện Nghị quyết Đại hội IX như thế nào xét trên các vấn đề lớn:

- Nền kinh tế có bảo đảm phát triển nhanh và bền vững không? Thực hiện được khoảng bao nhiêu phần trăm mục tiêu đã đề ra? Có rút ngắn được khoảng cách giữa nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới?

- Có bảo đảm xây dựng được nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực và kinh tế thế giới?

- Việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có bảo đảm đúng định hướng xã hội chủ nghĩa không?

- Có kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giải quyết các nhiệm vụ xã hội và từng bước thực hiện công bằng xã hội không? Đã thực hiện thế nào những lĩnh vực được xem là quốc sách hàng đầu, những mục tiêu về chiến lược phát huy nhân tố con người.

- Trong điều kiện Đảng cầm quyền đã thực hiện được thế nào nhiệm vụ xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, gắn bó với nhân dân, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Có bảo đảm được ổn định chính trị, giữ vững và củng cố an ninh, quốc phòng, có nâng cao được vị thế quốc tế của nước ta, giữ được môi trường quan hệ đối ngoại thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đánh giá kết quả khắc phục 4 nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra.

Về tất cả những vấn đề kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX trên đây sẽ đánh giá những việc đã làm được, làm tốt, thực hiện đạt hoặc vượt những mục tiêu đã đề ra, cũng như những việc chưa làm được, làm chưa tốt, chưa thực hiện được mục tiêu đề ra, thậm chí để tình hình xấu thêm. Đặc biệt chú trọng việc phân tích nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, về nhận thức, quan điểm, về chủ trương và về tổ chức thực hiện; rút ra những bài học kinh nghiệm hoặc những vấn đề cần đặc biệt lưu ý để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm trong thời gian tới. Chú trọng chỉ ra những nhân tố mới, những tiềm năng để sắp tới phát huy tốt hơn, mạnh mẽ hơn và những tồn tại, yếu kém, những vấn đề bức xúc chủ yếu phải tập trung khắc phục; chỉ ra những vấn đề mới đang đặt ra, đòi hỏi phải giải quyết.

8. Một số chủ trương, giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX và tạo nền tảng cho sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững hơn ở những năm sau:

- Dự báo bối cảnh trong, ngoài nước trong những năm tới và chiều hướng ảnh hưởng đối với sự phát triển của đất nước: về bối cảnh quốc tế, sẽ dựa vào nhận định của Hội nghị Trung ương 8. Về bối cảnh trong nước, sẽ dựa vào kết quả đánh giá ở các phần trên. Trên cơ sở đó sẽ dự báo những cơ hội và những thách thức đối với sự phát triển đất nước trong những năm tới. Tiếp tục làm rõ hơn những thách thức về

kinh tế, đặc biệt cần làm rõ hơn những thách thức về xã hội, về chính trị, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Về các chủ trương, giải pháp lớn cần tập trung thực hiện trong thời gian tới: sẽ tiếp tục suy nghĩ để cụ thể hóa sau. Sơ bộ xác định tinh thần chung là tuy đã đạt được nhiều thành tựu bước đầu, quan trọng nhưng nhiệm vụ trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX là rất nặng nề, đòi hỏi phải có sự cố gắng rất lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trên mọi lĩnh vực mới có thể hoàn thành được. Tình hình trong nước và tình hình quốc tế cũng đòi hỏi chúng ta phải phát triển, lớn mạnh nhanh hơn, đặc biệt phải xây dựng chế độ vững vàng hơn, thực hiện tốt hơn nữa đồng thời cả hai nhiệm vụ chiến lược. Mặt khác những thành tựu đã đạt được cũng đã đặt những nền móng khá cơ bản và đồng bộ (tuy chưa phải đã vững chắc), tạo ra những thế và lực mới, mở ra những cơ hội và tiềm năng mới mà chúng ta có thể và cần phải khai thác tối đa để vươn lên tạo nên những đột phá mới cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những chủ trương biện pháp cần tập trung thực hiện để tạo nên những bứt phá, chuyển biến này phải đồng bộ cả về kinh tế - xã hội, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Trong khi tiếp tục coi trọng xác định những chủ trương và giải pháp về kinh tế, phải quan tâm hơn những chủ trương và giải pháp về xã hội, chính trị mà then chốt là phải có những giải pháp mạnh mẽ và đồng bộ hơn về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhằm xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên và phát huy sức mạnh tổng hợp

của đất nước để đẩy nhanh phát triển kinh tế và củng cố vững chắc chế độ.

IV- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRONG QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI X

- Những chiều hướng diễn biến trong quan hệ quốc tế, khu vực và đối sách của Đảng, Nhà nước ta.

- Những vấn đề lý luận và thực tiễn của mô hình phát triển kinh tế - xã hội tổng quát theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Mô hình Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Cơ chế bảo đảm sức mạnh đại đoàn kết dân tộc thực sự là động lực chủ yếu để phát triển đất nước dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập.

Dựa theo những định hướng nội dung đã nêu trên đây, Tiểu ban chỉ đạo chuẩn bị tốt các Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX để trình Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi hoàn chỉnh trình Hội nghị Trung ương 9.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 111-TB/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2003

Về đổi mới Website Đảng Cộng sản Việt Nam

Tại phiên họp ngày 13-5-2003, sau khi nghe Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương báo cáo đề án nâng cao chất lượng nội dung, hình thức, công nghệ và kiện toàn bộ máy Website Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Bí thư đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Trong thời gian từ năm 2000 đến nay, Website Đảng Cộng sản Việt Nam với 60.000 trang tin, đã có 2,5 triệu lượt người truy cập, bước đầu phát huy tác dụng là kho thông tin điện tử chính thống của Trung ương Đảng, phục vụ tích cực cho hoạt động thông tin tuyên truyền của Đảng, đặc biệt là công tác tuyên truyền đối ngoại, đấu tranh tư tưởng, lý luận. Trong tình hình mới, việc nâng cao chất lượng nội dung, hình thức, công nghệ và kiện toàn bộ máy biên tập của Website Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm biến trang thông tin điện tử thực sự trở thành công cụ tuyên truyền sắc bén, chủ động của Đảng là cần thiết và cấp bách; việc đổi mới phải trên cơ sở kế thừa Website đang hoạt động.

- Về chức năng, nhiệm vụ: Website Đảng Cộng sản Việt Nam là cơ quan của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, là hệ thống thông tin điện tử được tổ chức một cách khoa học, có hệ thống, nhằm cung cấp thông tin chính thống về quan điểm, đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam, phản ánh toàn diện hoạt động của Đảng, phục vụ cán bộ, đảng viên và nhân dân, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có quan tâm. Website Đảng Cộng sản Việt Nam là kho thông tin động, có tính mở, vừa lưu trữ thông tin lịch sử, vừa thường xuyên bổ sung, cập nhật, giới thiệu kịp thời với bạn đọc những thông tin về đường lối, chính sách, chủ trương và các hoạt động chủ yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Website tuyên truyền sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận định và bình luận theo quan điểm chính thống của Đảng ta đối với những sự kiện, vấn đề bức xúc được dư luận trong nước và thế giới quan tâm; tuyên truyền kịp thời những tập thể, gương sáng đảng viên; đăng tải các bài viết, bài nói đấu tranh bác bỏ các luận điệu xuyên tạc, thù địch, góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị; tiến hành trao đổi một cách cởi mở những vấn đề bạn đọc quan tâm về Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ nói trên, sắp tới cần tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức của Website, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để hoàn thiện, phấn đấu làm cho nội dung và hình thức của Website ngày càng phong phú, sinh động,

hấp dẫn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của bạn đọc trong và ngoài nước.

- Tiếp tục đổi mới công nghệ Website với bước đi hợp lý, quán triệt nguyên tắc: công nghệ mới đầu tư cho Website phải hiện đại và có tính mở, đáp ứng yêu cầu trước mắt và có khả năng thích ứng với tiến bộ công nghệ trong tương lai, bảo đảm an ninh, an toàn.

- Về tổ chức bộ máy: Website Đảng Cộng sản Việt Nam đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư Trung ương Đảng; sự hướng dẫn về nội dung của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, về nghiệp vụ kỹ thuật của Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin cơ quan Đảng.

Cơ cấu tổ chức Website gồm Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập.

Ban Chỉ đạo do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng phụ trách công tác tư tưởng - văn hóa và khoa giáo làm Trưởng ban, các phó trưởng ban là Phó ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương và Trưởng Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin cơ quan Đảng, các ủy viên là đại diện lãnh đạo một số ban đảng.

Ban Biên tập do một đồng chí Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương làm Tổng Biên tập, có các phó tổng biên tập, ủy viên Ban Biên tập và một số cán bộ, phóng viên, trong đó có một số ủy viên kiêm nhiệm là cán bộ đại diện của một số ban đảng và cơ quan nhà nước. Ban Biên tập cần có một số đồng chí vừa có trình độ chuyên môn, lý luận, vừa giỏi ngoại ngữ, chú ý cán bộ trẻ. Website còn có Phòng Kỹ thuật.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương là cơ quan thường trực của Website, chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về nội

dung, chất lượng của Website, trực tiếp điều hành Ban Biên tập, cơ quan chuyên trách của Website.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xác định biên chế cụ thể các bộ phận chuyên trách của Website; chủ trì phối hợp với các ban đảng dự thảo quy chế hoạt động của Website; đồng chí Trưởng ban Chỉ đạo duyệt và ban hành quy chế này.

- Về kinh phí: đầu tư ban đầu một khoản kinh phí để nâng cấp thiết bị, công nghệ và hoạt động trong năm 2003. Từ năm 2004 trở đi Website Đảng Cộng sản Việt Nam là đơn vị dự toán như các ban của Trung ương Đảng.

- Phấn đấu để đưa Website Đảng Cộng sản Việt Nam mới hoạt động vào Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21-6-2003.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo việc tổ chức đánh giá hoạt động của các trang thông tin điện tử trong toàn quốc.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 20-KL/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2003

**Về kết quả sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết
Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ
tỉnh Nghệ An lần thứ XV và một số chủ trương
phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An
đến năm 2005 và 2010**

Thực hiện chương trình công tác năm 2003, ngày 9-5-2003, Bộ Chính trị đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về tình hình sau hơn 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XV.

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An báo cáo và đại diện các ban, bộ, ngành Trung ương có liên quan phát biểu góp ý, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Vị trí của tỉnh Nghệ An

- Nghệ An là quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người Anh hùng dân tộc và là danh nhân văn hóa thế giới.

Nghệ An là tỉnh giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, là nơi sản sinh ra những lãnh tụ xuất sắc của Đảng như Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu và nhiều danh nhân, chí sĩ yêu nước khác.

- Với diện tích 16.480km² và gần 3 triệu dân của bảy dân tộc anh em cùng chung sống, Nghệ An có điều kiện địa lý, kinh tế đa dạng: biển, đồng bằng, rừng núi; nguồn lao động dồi dào; tài nguyên, khoáng sản khá phong phú và đa dạng.

Là một tỉnh nằm ở trung tâm khu vực Bắc Trung Bộ, có Khu di tích lịch sử, văn hóa Kim Liên nổi tiếng, có đường sắt, đường quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh đi qua và 3 đường quốc lộ sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, có cảng biển Cửa Lò, sân bay Vinh. Nghệ An hội đủ các tuyến giao thông đường sắt, đường bộ, đường không, đường sông, đường biển, là cầu nối giữa hai miền Bắc - Nam, là cửa ngõ sang Lào, Đông Bắc Thái Lan.

- Nghệ An còn là tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh.

Trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân Nghệ An đã và đang phát huy truyền thống cách mạng anh hùng, đoàn kết, nhất trí, khắc phục khó khăn ra sức phấn đấu thực hiện lời căn dặn và mong muốn của Bác Hồ “*Nghệ An là một tỉnh rộng lớn, có tài nguyên phong phú, có nhân dân cần cù lao động và rất cách mạng. Rất mong đồng bào và đồng chí tỉnh nhà ra sức phấn đấu làm cho Nghệ An mau trở thành một trong những tỉnh khá nhất ở miền Bắc*”¹

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 597 (B.T).

(Thư gửi Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam tỉnh Nghệ An, ngày 21-7-1969).

2. Về kết quả sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XV

2.1- *Thành tích nổi bật* của Nghệ An là cấp ủy và chính quyền đã nhìn rõ thế mạnh cũng như những khó khăn thách thức của tỉnh để đề ra nhiều chủ trương, biện pháp đúng đắn, sáng tạo, tập trung lãnh đạo thực hiện và hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

a- Về kinh tế: Trong những năm qua tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh cao hơn bình quân của cả nước; năm 2002 đạt 11%, 4 tháng đầu năm 2003 đạt 12,9%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, năm 2002 so với năm 2000 tỷ trọng công nghiệp - xây dựng từ 18,6% tăng lên 25,7%; tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp từ 44,3% còn 40,4%.

- Năng suất cây trồng, vật nuôi hàng năm đều tăng. Đã hình thành một số vùng nguyên liệu tập trung đáp ứng cho nhu cầu công nghiệp chế biến; nuôi trồng thủy sản phát triển; trồng rừng đạt kết quả tích cực, độ che phủ rừng đạt 43,6%.

- Công nghiệp phát triển với tốc độ khá, năm 2002 tăng trên 30%. Giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính viễn thông có bước phát triển, nhất là phong trào kiên cố hóa giao thông, thủy lợi ở nông thôn.

- Thương mại, du lịch, dịch vụ có tiến bộ. Giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng năm tăng bình quân 35%; thu ngân sách tăng 34%. Đã thu hút được 8 dự án nước ngoài đầu tư

với số vốn 122,7 triệu USD và 20 tổng công ty, doanh nghiệp các tỉnh đầu tư vào Nghệ An. Đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

b- Lĩnh vực xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Chất lượng giáo dục cũng như việc xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục được quan tâm. Công tác y tế, kế hoạch hóa gia đình có nhiều tiến bộ (tỷ lệ tăng dân số năm 2002 là 1,45%). Là tỉnh đi đầu trong việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho nông dân. Hoạt động khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin, phát thanh, truyền hình có bước phát triển mới.

Thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với người có công, quan tâm người hoạn nạn, vùng nghèo, vùng lũ lụt, vùng dân tộc thiểu số, vùng Công giáo. Công tác giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo những năm qua đã trở thành phong trào sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 14,8%.

c- Quốc phòng, an ninh được đảm bảo, nhất là an ninh biên giới, hải đảo và vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào Công giáo. Đã chăm lo xây dựng khối đoàn kết trong Đảng, trong nhân dân và tình đoàn kết hữu nghị anh em với ba tỉnh bạn Lào có chung đường biên giới. Dân chủ cơ sở được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Đơn thư khiếu tố được tập trung giải quyết tốt. Do vậy, đơn thư vượt cấp giảm; không có điểm nóng, vụ việc nổi cộm xảy ra, lòng dân yên và vui hơn.

d- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở được chăm lo tốt hơn. Nổi bật nhất trong hơn 2 năm qua là tỉnh đã tập trung hướng về cơ sở, củng cố cơ sở đảng, chính quyền ở cơ sở, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp, nhất

là cán bộ xã, phường, thị trấn. Tăng cường cán bộ có năng lực cho các huyện, xã miền núi; thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ một cách đồng bộ, cán bộ được luân chuyển phấn khởi, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ đoàn kết, thống nhất.

Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy khóa XV đoàn kết tốt. Mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chặt chẽ, gắn bó, cởi mở, dân chủ. Đã xây dựng được một số mô hình tiên tiến trên một số lĩnh vực, góp phần thúc đẩy các phong trào ở địa phương phát triển.

Từ thực tiễn vừa qua, Tỉnh ủy đã bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm thiết thực để góp phần lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ còn lại mà Đại hội Đảng bộ lần thứ XV của tỉnh đã đề ra, đồng thời cũng gợi mở giúp cho Trung ương trong việc lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Bộ Chính trị ghi nhận và biểu dương những thành tích quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Nghệ An sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XV.

2.2- Bên cạnh những tiến bộ đạt được, Nghệ An còn một số hạn chế, yếu kém cần khắc phục. Nổi lên một số vấn đề đáng chú ý:

- Trong điều kiện tiềm năng về tự nhiên, con người có nhiều thuận lợi, song do nền kinh tế của tỉnh ở điểm xuất phát thấp nên Nghệ An vẫn là một tỉnh nghèo. Nền kinh tế của tỉnh chủ yếu vẫn là kinh tế nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, chi phí sản xuất còn cao, hiệu quả, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác còn thấp, sức

cạnh tranh yếu. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thu nhập bình quân đầu người chỉ bằng 70% mức bình quân chung cả nước, tỷ lệ hộ nghèo còn cao (14,8%). Thu ngân sách mới đáp ứng được gần 60% yêu cầu chi thường xuyên của tỉnh.

- Lực lượng sản xuất phát triển chậm, quan hệ sản xuất chưa được quan tâm củng cố, chỉ đạo thường xuyên. Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh chưa thể hiện vai trò chủ đạo, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, sức cạnh tranh của sản phẩm còn nhiều hạn chế, đóng góp cho ngân sách quá thấp so với mức được đầu tư. Tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng chậm. Lâm, nông trường, hợp tác xã chậm được đổi mới, việc xây dựng, phát triển các làng nghề triển khai còn lúng túng. Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh chưa nhiều. Kim ngạch xuất, nhập khẩu còn thấp.

- Về văn hóa xã hội: cơ sở khám chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu của nhân dân; trường học xuống cấp, thiết bị dạy học, chất lượng giáo viên và cán bộ quản lý ở nhiều trường còn bất cập. Một số vấn đề xã hội bức xúc như tai nạn giao thông còn nhiều, di dịch cư tự do ở biên giới chưa chấm dứt, buôn bán ma túy chưa giảm, số người nghiện ma túy còn lớn, nhưng cai nghiện chưa có hiệu quả.

- Vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định ở một số địa bàn, nhất là vùng biên giới...

- Một số cấp ủy chưa thực sự quan tâm công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là vùng cao, vùng đồng bào Công giáo còn bất cập về năng lực, trình độ.

- Công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu: lề lối, phong cách làm việc chậm được đổi mới, thủ tục hành chính còn phiền hà. Đội ngũ cán bộ, công chức có chuyên môn giỏi chưa nhiều và chưa đồng bộ.

Những tồn tại, yếu kém trên đây do những *nguyên nhân chính* là:

- Về khách quan, Nghệ An là một tỉnh có trên 3/4 diện tích tự nhiên là miền núi, có 10/19 huyện miền núi với 215 xã, trong đó có 115 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt; địa hình bị chia cắt bởi nhiều sông suối; có 419km đường biên giới với Lào, tình hình an ninh vùng biên giới còn diễn biến phức tạp. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của tỉnh chưa phát triển, lại bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, nền sản xuất chủ yếu là nông nghiệp sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Ngân sách của tỉnh eo hẹp nên chưa đủ nguồn để đầu tư cho phát triển của các vùng. Nghệ An chưa được xem là một trong những trung tâm ưu tiên đầu tư thích đáng tạo điều kiện cho tỉnh phát triển và góp phần thúc đẩy sự phát triển của cả vùng và khu vực.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành có lúc, có nơi chưa sâu sát tháo gỡ khó khăn cho cơ sở. Tư tưởng trông chờ ỷ lại của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là khu vực miền núi còn nặng. Việc chỉ đạo phát huy nội lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh nói chung và của vùng miền tây chưa được chú ý đúng mức.

- Công tác quy hoạch, kế hoạch, xác định hướng đầu tư, giải pháp huy động các nguồn lực để đầu tư tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế chưa rõ nét. Việc đầu tư đổi mới

thiết bị, công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, nhất là chế biến nông, lâm, thủy sản còn nhiều hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh, kỹ thuật giỏi, năng động, đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường còn ít. Công tác đào tạo cán bộ chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đây là những vấn đề cần được các cấp ủy đảng của Nghệ An tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian tới.

3. Một số định hướng và giải pháp chủ yếu đến năm 2005 và 2010

Bộ Chính trị tán thành tư tưởng chỉ đạo, những chỉ tiêu, biện pháp của Tỉnh ủy đề ra là: phát huy cao độ tiềm năng thế mạnh của địa phương, phát huy nội lực, tận dụng mọi nguồn lực, thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, nguồn đầu tư từ nước ngoài để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chăm lo xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân; giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, nhất là việc làm, tệ nạn xã hội... xây dựng Đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể nhân dân ngày càng vững mạnh. Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2010 đưa Nghệ An thoát khỏi tình trạng nghèo và kém phát triển.

- Nghệ An là một tỉnh có vị trí trung tâm và là một đầu mối giao thông của khu vực Bắc Trung Bộ, đất rộng, nhiều vùng sinh thái, lực lượng lao động dồi dào, cùng với Hà Tĩnh, Nghệ An có truyền thống cách mạng hào hùng và truyền

thống văn hóa nổi tiếng. Đảng bộ và nhân dân Nghệ An cần nhận rõ thế mạnh và những khó khăn, thách thức đối với địa phương mình, xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, có quyết tâm và biện pháp, nhất là những biện pháp về cơ chế, chính sách tích cực, năng động, sáng tạo hơn nữa, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế của toàn tỉnh và của từng vùng, khuyến khích thu hút đầu tư của các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế trong tỉnh, ngoài tỉnh và nguồn đầu tư từ nước ngoài, phấn đấu tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, đưa kinh tế của tỉnh phát triển với tốc độ nhanh hơn, hiệu quả và bền vững hơn, nhằm từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân. Đồng thời chăm lo phát triển văn hóa, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết tốt những vấn đề về xã hội, giữ vững ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng và an ninh.

- Xem xét bổ sung quy hoạch phát triển của tỉnh, ngành, huyện, cơ sở, các vùng trọng điểm, các khu đô thị mới, trong đó, cần chú ý đến khu vực miền tây của tỉnh. Làm tốt công tác quy hoạch để xây dựng thành phố Vinh trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa không chỉ của tỉnh, mà còn của cả khu vực Bắc Trung Bộ. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện và khai thác tốt lợi thế về du lịch của địa phương.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy tổ chức tinh gọn, có hiệu quả. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đặc biệt coi trọng thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân, tạo nên sự đồng thuận

cao trong xã hội, mọi người đồng lòng góp sức xây dựng quê hương, đất nước.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào Công giáo và miền núi. Có chính sách thích hợp để thu hút cán bộ, nhân tài góp phần đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (khóa VIII) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX về việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Quan tâm củng cố hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành theo phương châm “hướng về cơ sở”. Tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc thực hiện các nghị quyết gắn với phân công trách nhiệm cụ thể của từng cấp ủy viên.

Bộ Chính trị mong rằng tập thể các cấp ủy của tỉnh giữ vững và phát huy truyền thống cách mạng đoàn kết nhất trí, khắc phục khó khăn, phấn đấu đưa nền kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh, bền vững, chính trị ổn định, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao, xứng đáng với niềm tin và mong đợi của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh nhà, cũng như nhân dân cả nước.

4. Về các kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Bộ Chính trị cho rằng các kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về cơ bản là hợp lý. Bộ Chính trị giao cho Ban Cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành:

- Chỉ đạo việc quy hoạch, đầu tư xây dựng thành phố Vinh trở thành không chỉ là trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh, mà còn là trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ. Xây dựng quy hoạch các khu công nghiệp Nam Thanh - Bắc Nghệ; Bắc Vinh, Nam Cẩm và Cửa Lò; khu đô thị mới Hoàng Mai và khu vực phía tây của tỉnh. Chính phủ xem xét giúp đỡ địa phương trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp. Nghiên cứu quy hoạch xây dựng một số nhà máy: xi măng, bột giấy, soda và một số nhà máy khác phù hợp với quy hoạch tổng thể của từng ngành để sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên dồi dào sẵn có ở Nghệ An. Nghiên cứu phê duyệt, triển khai thực hiện dự án “Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử - văn hóa Kim Liên gắn với phát triển du lịch Nghệ An” để kịp phục vụ nhân dịp kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Bác Hồ theo phương châm: dân tộc, hiện đại, văn minh.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc, Bộ Giao thông vận tải cùng các cơ quan có liên quan nghiên cứu trình Bộ Chính trị và Chính phủ về chế độ, chính sách cũng như quy hoạch, nhất là giao thông, thủy lợi, điện và bưu chính viễn thông ở các huyện miền núi biên giới của cả nước, trong đó có 10 huyện miền núi phía tây Nghệ An theo hướng phối hợp lồng ghép với nguồn vốn Chương trình 135 để phục vụ cho việc khai hoang phát triển sản xuất, giúp cho các hộ nghèo xóa nhà tranh tre, xóa đói, giảm nghèo với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Triển khai sớm việc xây dựng một số tuyến đường dọc biên giới nối quốc lộ 48 với quốc lộ 7 nhằm khai thác tốt hơn tiềm năng của các huyện miền tây của tỉnh kết hợp đảm bảo quốc

phòng, an ninh. Triển khai nghiên cứu tiền khả thi dự án thủy lợi và thủy điện bản Mông (Quỳ Châu) để đầu tư xây dựng trong những năm tới.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các cơ quan có liên quan rà soát lại quy hoạch hệ thống các trường đại học, nghiên cứu nâng cấp một số trường cao đẳng hiện có tại thành phố Vinh thành các trường đại học để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực Bắc Trung Bộ. Xây dựng bệnh viện đa khoa khu vực đặt tại thành phố Vinh phục vụ việc khám, chữa bệnh cho nhân dân Nghệ An; các tỉnh trong khu vực và có phần hỗ trợ khám, chữa bệnh cho ba tỉnh nước bạn Lào (Xiêng Khoáng, Po Ly Khăm Xay, Hủa Phăn), trình Chính phủ xem xét phê duyệt.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học - Công nghệ, Bộ Thủy sản nghiên cứu, tổ chức hợp lý các Trung tâm nghiên cứu khoa học của Trung ương trên địa bàn tỉnh Nghệ An để tạo điều kiện đưa nhanh tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất đáp ứng nhu cầu phát triển của Nghệ An và các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

- Đồng ý lấy năm 2005 là năm du lịch của Nghệ An. Tổng cục Du lịch phối hợp với tỉnh Nghệ An xây dựng đề án “Du lịch Nghệ An năm 2005”, nhân dịp kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Bác trình Chính phủ quyết định.

Bộ Chính trị tin tưởng Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghệ An tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng; anh hùng, phấn đấu lập nhiều thành tựu mới; không chỉ sớm đưa Nghệ An “trở thành một trong những tỉnh khá nhất miền Bắc” như Bác Hồ hằng mong muốn, mà còn, trở thành một trong

những tỉnh khá nhất cả nước, cùng cả nước vững bước tiến lên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XV, tạo tiền đề cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾ HOẠCH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 03-KH/TW, ngày 6 tháng 6 năm 2003

Về kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2002

Thực hiện Chương trình kiểm tra số 90-CTr/TW, ngày 15-5-2003 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2003, Ban Bí thư xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2002 như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Qua kiểm tra, nhằm đánh giá việc chấp hành và thực hiện các kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra theo Kế hoạch số 01, 02 (kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm) của Ban Bí thư năm 2002.

- Qua kiểm tra, phát huy ưu điểm, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, góp phần thúc đẩy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở các địa phương, đơn vị.
- Đề xuất với Bộ Chính trị những nội dung bổ sung, sửa đổi Quy định về những điều đảng viên không được làm.
- Việc kiểm tra phải bảo đảm nghiêm túc, đúng mục đích, yêu cầu, nội dung, kế hoạch của Ban Bí thư; tránh tình trạng kiểm tra mang tính hình thức, gây lãng phí, ít hiệu quả.

II- NỘI DUNG VÀ ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

A. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kết luận của Ban Bí thư về thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

2. Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kết luận của Ban Bí thư về Quy định những điều đảng viên không được làm.

Hai nội dung trên tập trung đi sâu kiểm tra việc khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm các nội dung kết luận của Ban Bí thư và kiến nghị của Đoàn kiểm tra.

3. Nhận xét và đề nghị:

- Những vấn đề còn tồn đọng chưa khắc phục được cần phải tiếp tục giải quyết và những vấn đề mới phát sinh.
- Phương hướng, kế hoạch giải quyết xử lý tiếp.

B. Đối tượng kiểm tra

- Ban Bí thư trực tiếp tổ chức các đoàn kiểm tra tại các địa phương và ngành: thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,

Nam Định, Phú Yên, Bến Tre, Sóc Trăng, Quảng Ninh, Nghệ An và Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao.

- Tất cả các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đều phải tự kiểm tra, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban thường vụ cấp ủy, ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng để đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kết luận về hai cuộc kiểm tra theo Kế hoạch số 01, 02 năm 2002 của Ban Bí thư.

- Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy và tương đương, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo việc chọn điểm kiểm tra để tiến hành kiểm tra một số địa phương, đơn vị cấp dưới.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ở Trung ương

Ban Bí thư thành lập các đoàn kiểm tra các địa phương, đơn vị nêu trên, mỗi đoàn do một đồng chí lãnh đạo của các ban sau đây làm trưởng đoàn: Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Thanh tra Nhà nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Ban Dân vận Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2).

Đoàn kiểm tra trung tập từ 3 đến 5 cán bộ cấp vụ, chuyên viên của các cơ quan nói trên giúp việc đoàn.

2. Ở các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

- Thành lập các đoàn kiểm tra, mỗi đoàn do một đồng chí

trong ban thường vụ cấp ủy hoặc lãnh đạo ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, ủy ban kiểm tra, ban dân vận, ban tổ chức, Thanh tra Nhà nước làm trưởng đoàn.

- Đoàn kiểm tra trưng tập một số cán bộ, chuyên viên của các cơ quan nói trên giúp việc đoàn.

3. Phương pháp và cách tiến hành

- Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tổ chức quán triệt trong cán bộ chủ chốt về chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và kế hoạch kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra của cấp mình bao gồm tự kiểm tra và kiểm tra một số tổ chức đảng cấp dưới trực thuộc.

- Kết hợp kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên (đối với nơi được Đoàn kiểm tra của Trung ương kiểm tra) với tự kiểm tra của mỗi tổ chức đảng.

4. Thời gian thực hiện

- Tháng 10-2003: Triển khai xong kế hoạch kiểm tra từ Trung ương đến cơ sở.

- Từ tháng 10 đến hết tháng 11-2003: Tiến hành xong các cuộc kiểm tra từ Trung ương đến cơ sở.

- Tháng 12-2003: Các đoàn kiểm tra của Trung ương tổng hợp kết quả ở các điểm kiểm tra của đoàn; các địa phương, bộ, ngành báo cáo kết quả tự kiểm tra với Ban Bí thư (qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương). Ban Bí thư giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo dõi, đôn đốc và tổng hợp báo cáo Ban Bí thư.

5. Về kinh phí

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí phục vụ hoạt động cho các đoàn kiểm tra của Ban Bí thư do Ủy ban Kiểm tra Trung ương dự trù. Thành viên của các đoàn kiểm tra do cơ quan của thành viên đó bảo đảm các chế độ và phương tiện hoạt động.

- Đối với các đoàn kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương do các tổ chức đảng xem xét, giải quyết theo quy định.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN CHI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾ HOẠCH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 04-KH/TW, ngày 6 tháng 6 năm 2003

Về việc kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện Chương trình kiểm tra số 90-CTr/TW, ngày 15-5-2003 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2003, Ban Bí thư xây dựng kế hoạch kiểm tra về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Qua kiểm tra đánh giá đúng tình hình lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức thực hiện của các tổ chức đảng trong việc triển khai các chủ trương, chính sách, chế độ quy định của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Qua kiểm tra, chỉ rõ những nơi chấp hành thực hiện tốt quy định, chế độ, nơi thực hiện chưa nghiêm túc, vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì các tổ chức đảng xem xét theo quy

định của Điều lệ Đảng. Rút ra những kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, nhằm thực hiện nghiêm chỉnh trong thời gian tới.

- Kiến nghị, đề xuất với cấp ủy đảng các cấp, Ban Bí thư, Bộ Chính trị về những nội dung bổ sung, sửa đổi quy định, chế độ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn chưa phù hợp.

- Việc kiểm tra phải bảo đảm nghiêm túc, có hiệu quả, đúng mục đích, yêu cầu, nội dung kế hoạch của Ban Bí thư; tránh tình trạng kiểm tra mang tính hình thức, làm lướt, không mang lại hiệu quả thiết thực.

II- NỘI DUNG VÀ ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

A. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị (khóa VIII), chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Việc ban hành và hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra thực hiện những văn bản của địa phương, bộ, ngành để thực hiện chỉ thị, quy định chế độ, chính sách của Nhà nước, chỉ thị, quy định của Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (tập trung kiểm tra việc cấp phát ngân sách, thực hiện các quy định về chế độ chi tiêu, trang bị, sử dụng xe ô tô, sử dụng điện thoại, xây dựng trụ sở, quà biếu, tổ chức các cuộc họp, hội nghị).

- Việc cụ thể hóa thành chủ trương, biện pháp để chỉ đạo thực hiện tại địa phương, đơn vị đối với các chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Kết quả tổ chức thực hiện:

- Thực trạng tình hình về chấp hành các chỉ thị, nghị định, pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các địa phương và đơn vị (chủ yếu từ đầu nhiệm kỳ Đại hội IX đến nay).

- Kết quả thực hiện: tốt, chưa tốt (có địa chỉ và số liệu cụ thể).

3. Nhận xét và đề nghị:

- Đánh giá ưu, khuyết điểm và nguyên nhân của ưu điểm, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Những vấn đề còn tồn tại cần phải tự rà soát để khắc phục sửa chữa.

B. Đối tượng kiểm tra

- Ban Bí thư trực tiếp tổ chức các đoàn kiểm tra các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tại các địa phương và ngành: Bạc Liêu, Bình Dương, Lào Cai, Khánh Hòa, Phú Thọ, Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

- Tất cả các tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở đều phải tự kiểm tra, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban đảng để đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy và tương đương, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo việc chọn điểm kiểm tra để tiến hành kiểm tra một số địa phương, đơn vị cấp dưới.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ở Trung ương

- Ban Bí thư thành lập các đoàn kiểm tra các địa phương, đơn vị nêu trên, mỗi đoàn do một đồng chí lãnh đạo của các ban sau đây làm trưởng đoàn: Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2).

- Đoàn kiểm tra trưng tập từ 3 đến 5 cán bộ cấp vụ, chuyên viên của cơ quan nói trên giúp việc đoàn.

2. Ở các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

- Thành lập các đoàn kiểm tra, mỗi đoàn do một đồng chí trong ban thường vụ cấp ủy hoặc lãnh đạo ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Ủy ban kiểm tra, Ban Dân vận, Ban Tổ chức, Thanh tra Nhà nước làm trưởng đoàn.

- Đoàn kiểm tra trưng tập một số cán bộ, chuyên viên của các cơ quan nói trên giúp việc đoàn.

3. Phương pháp và cách tiến hành

- Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tổ chức quán triệt trong cán bộ chủ chốt về chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và kế hoạch kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2003.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra của cơ quan, đơn vị.

- Kết hợp kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên (đối với nơi

được Đoàn kiểm tra của Trung ương kiểm tra) với tự kiểm tra của mỗi tổ chức đảng.

4. Thời gian thực hiện

- Tháng 7-2003: Triển khai xong kế hoạch kiểm tra từ Trung ương đến cơ sở.

- Từ tháng 7 đến hết tháng 8-2003: Tiến hành xong các cuộc kiểm tra từ Trung ương đến cơ sở.

- Tháng 9-2003: Các đoàn kiểm tra của Trung ương tổng hợp kết quả ở các điểm kiểm tra của đoàn; các địa phương, bộ, ngành báo cáo kết quả tự kiểm tra với Ban Bí thư (qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương). Ban Bí thư giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo dõi, đôn đốc và tổng hợp báo cáo Ban Bí thư.

5. Về kinh phí

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí phục vụ hoạt động cho các đoàn kiểm tra của Ban Bí thư do Ủy ban Kiểm tra Trung ương dự trù. Thành viên của các đoàn kiểm tra do cơ quan của thành viên đó bảo đảm các chế độ và phương tiện hoạt động.

- Đối với các đoàn kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, do các tổ chức đảng xem xét giải quyết theo quy định.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN CHI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 76-QĐ/TW, ngày 6 tháng 6 năm 2003

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Website
Đảng Cộng sản Việt Nam**

- Căn cứ Chỉ thị số 58-CT/TW, ngày 17-10-2000 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Căn cứ Thông báo số 73-TB/TW, ngày 1-8-2002 của Ban Bí thư về triển khai thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW (khóa VIII) và Đề án tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2001 - 2005;

- Căn cứ Thông báo số 111-TB/TW, ngày 3-6-2003 của Ban Bí thư về đổi mới Website Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Website Đảng Cộng sản Việt Nam, gồm các thành viên sau:

1. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Trưởng ban.

2. Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Phó Trưởng Ban Thường trực.

3. Đồng chí Đặng Hữu, Trưởng Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan Đảng, Phó Trưởng ban.

4. Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban.

5. Đồng chí Đào Duy Quát, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

6. Một đồng chí Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng ban.

7. Một đồng chí Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, Ủy viên.

8. Một đồng chí Phó Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, Ủy viên.

9. Một đồng chí Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên.

10. Một đồng chí Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy viên.

11. Một đồng chí Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Ủy viên.

12. Một đồng chí lãnh đạo Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo, định hướng nội dung, chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về hoạt động của Website Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 3. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin của cơ quan Đảng và các thành viên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 28-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2003

**Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới
và phát triển nông, lâm trường quốc doanh**

**I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NÔNG, LÂM TRƯỜNG
QUỐC DOANH**

Nông, lâm trường quốc doanh được thành lập với nhiệm vụ chủ yếu là khai hoang mở rộng diện tích canh tác ở các vùng đất mới, phát triển sản xuất nông, lâm sản hàng hóa cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp; làm trung tâm xây dựng một số vùng kinh tế mới, nông thôn mới; kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng ở những vùng xung yếu, khó khăn.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhất là từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước trong nông nghiệp, các nông, lâm trường quốc doanh đã có những chuyển đổi quan trọng cả về tổ chức quản lý và nội dung,

phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống người lao động. Nông, lâm trường quốc doanh đã có đóng góp nhất định vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên nhiều địa bàn nông thôn, miền núi. Nhiều nông, lâm trường đã trở thành nòng cốt phát triển một số ngành hàng nông, lâm sản quan trọng, hình thành và phát triển vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, tạo thuận lợi cho xây dựng cơ sở chế biến nông, lâm sản.

Một số nông, lâm trường đã làm tốt vai trò trung tâm kinh tế - kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, cung cấp giống cây trồng, giống vật nuôi, dịch vụ kỹ thuật và tiêu thụ, chế biến nông sản cho nông dân trong vùng; thực hiện sản xuất, kinh doanh tổng hợp, gắn sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ nông, lâm sản đạt hiệu quả kinh tế cao, tạo được một số mô hình mới về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhiều nông, lâm trường đã tích cực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, hình thành các tụ điểm văn hóa, trung tâm kinh tế - xã hội, thị trấn, thị tứ trên địa bàn, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng biên giới, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc, góp phần ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, các nông, lâm trường còn những yếu kém sau đây:

Hiệu quả sử dụng đất đai còn thấp, diện tích đất chưa sử dụng còn nhiều; quản lý đất đai, tài nguyên rừng còn

nhiều yếu kém; tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất đai giữa hộ dân với nông trường xảy ra ở nhiều nơi. Chủ trương giao khoán đất đai, vườn cây, rừng ổn định lâu dài cho hộ thành viên chậm được thực hiện, hoặc thực hiện không đúng; một số nông, lâm trường đã khoán trắng cho người nhận khoán. Việc chỉ đạo thí điểm bán vườn cây, đàn gia súc ở một số nơi thiếu chặt chẽ làm thất thoát tài sản của Nhà nước và của nông, lâm trường. Việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất chậm được đổi mới, chủ yếu vẫn sử dụng giống cây, con cũ, giống đã thoái hóa; kỹ thuật canh tác, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cơ sở công nghiệp chế biến còn lạc hậu. Sản phẩm của nông, lâm trường chưa đa dạng, chất lượng còn thấp. Sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả thấp, số nông, lâm trường làm ăn có lãi chưa nhiều, mức nộp ngân sách hàng năm ít, công nợ phải trả lớn. Hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong nông, lâm trường xuống cấp nghiêm trọng. Đời sống cán bộ, công nhân viên còn nhiều khó khăn, việc đóng bảo hiểm xã hội cho cán bộ, công nhân viên trong nông, lâm trường chưa được thực hiện nghiêm túc. Một số nông trường chưa quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào tại chỗ, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số gắn bó với nông trường, ổn định sản xuất, đời sống. Bộ máy quản lý của các nông, lâm trường tuy có giảm nhiều so với trước, nhưng vẫn còn lớn, hiệu quả điều hành thấp.

Nguyên nhân của những yếu kém trên có phần do nông, lâm trường hoạt động trên những địa bàn khó khăn, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí

thấp, kinh tế chậm phát triển, sản xuất có nhiều rủi ro, nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan sau:

1. Sự chỉ đạo của Chính phủ và các ngành, các cấp chưa tương xứng, chưa đủ cụ thể. Một thời gian dài thiếu quan tâm và buông lỏng chỉ đạo, thiếu kiên quyết khắc phục những thiếu sót, yếu kém. Một số chính sách của Nhà nước đối với nông, lâm trường không còn phù hợp nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung đồng bộ. Chưa làm rõ chức năng, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh với nhiệm vụ công ích của nông, lâm trường, nên lúng túng trong tổ chức lại sản xuất, đổi mới cơ chế quản lý nông, lâm trường. Chưa làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để phát huy những ưu điểm, nhân điển hình tiên tiến và kịp thời chấn chỉnh, khắc phục yếu kém, khuyết điểm của nông, lâm trường.

2. Nhiều cấp ủy đảng ở địa phương có nông, lâm trường chưa quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của nông, lâm trường; chưa nhận thức đúng vai trò, vị trí của nông, lâm trường nên chưa tập trung chỉ đạo, giúp đỡ nông, lâm trường đổi mới, phát triển. Tổ chức cơ sở đảng trong nông, lâm trường chưa làm tốt vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình.

3. Các nông, lâm trường được xây dựng và tồn tại quá lâu trong cơ chế tập trung, bao cấp nên nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, cán bộ và công nhân ở nhiều nông, lâm trường còn biểu hiện thụ động, trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, không tích cực chuyển đổi nội dung và phương thức hoạt động theo cơ chế mới.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH

A. Mục tiêu, quan điểm

1. Đổi mới nông, lâm trường quốc doanh phải góp phần thực hiện tốt các chủ trương đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn: nâng cao hiệu quả sử dụng bền vững tài nguyên đất đai, tài nguyên rừng, vườn cây lâu năm và cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện có; hình thành các vùng sản xuất nông, lâm sản hàng hóa tập trung, chuyên canh, thâm canh quy mô lớn gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; nâng cao hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, bảo vệ môi trường sinh thái và góp phần xóa đói, giảm nghèo.

2. Đổi mới nông, lâm trường quốc doanh phải tạo được cơ chế quản lý mới và hình thức tổ chức phù hợp để thúc đẩy ứng dụng nhanh và có hiệu quả các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông, lâm nghiệp; tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân bổ lại lao động và dân cư; làm điểm tựa cho phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng ở những vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Đổi mới nông, lâm trường quốc doanh phải gắn với đổi mới về cơ chế quản lý theo hướng phân biệt rõ nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và nhiệm vụ công ích. Nông, lâm trường làm nhiệm vụ kinh doanh là chủ yếu thì phải chuyển hẳn

sang sản xuất và hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự hỗ trợ cần thiết và có điều kiện của Nhà nước. Những nông, lâm trường tuy đã chuyển sang kinh doanh nhưng còn phải đảm nhận một phần chức năng xã hội và an ninh, quốc phòng thì Nhà nước có chính sách hỗ trợ thích hợp. Nông, lâm trường được giao nhiệm vụ công ích là chủ yếu thì hoạt động theo loại hình doanh nghiệp công ích.

B. Phương hướng, nhiệm vụ

1. Nông trường

a) Những nông trường chuyên canh cây lâu năm (như cao su, cà phê, chè, cây ăn quả...), có cơ sở hạ tầng tương đối hoàn chỉnh cần tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả theo hướng: tập trung đầu tư thâm canh diện tích vườn cây đã trồng, gắn với đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở chế biến hiện có hoặc xây dựng cơ sở chế biến mới (theo hướng huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nông trường tham gia góp cổ phần) để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; chỉ mở rộng thêm diện tích trồng mới khi có dự án thực sự hiệu quả; diện tích đất chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả thì chính quyền địa phương thu hồi để sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Những nông trường sản xuất cây hàng năm và chăn nuôi thì chuyển đổi theo hướng:

Nông trường chuyên canh mía, dứa, dâu tằm, bông, thuốc lá..., phải được tổ chức lại sản xuất gắn với cơ sở chế biến, đồng thời phải chuyển nhanh sang sản xuất giống, xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phục vụ nông trường và thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp trong vùng.

Những nông trường sản xuất cây lương thực, cây hàng năm khác và chăn nuôi phải chuyển hẳn sang sản xuất giống và xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để chuyển giao cho hộ nông dân sản xuất; đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở chế biến hiện có hoặc xây dựng cơ sở chế biến mới và tổ chức kinh doanh để hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

c) Tiếp tục giữ lại hoặc thành lập mới những nông trường ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và có yêu cầu phục vụ cho định canh, định cư, an ninh, quốc phòng. Nông trường chỉ quản lý một diện tích đất phù hợp để sản xuất giống, xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật và xây dựng cơ sở chế biến để phục vụ đồng bào trong vùng; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với an ninh, quốc phòng.

d) Chuyển sang loại hình sở hữu khác hoặc giải thể những nông trường nhiều năm làm ăn thua lỗ hoặc thu nhập dựa chủ yếu từ nguồn thu cho thuê đất, không có yêu cầu giữ lại.

2. Lâm trường

a) Những lâm trường đang quản lý chủ yếu là rừng sản xuất và đất trồng rừng nguyên liệu cần được tiếp tục đầu tư thâm canh, sử dụng giống mới, gắn lâm trường (vùng nguyên liệu) với nhà máy chế biến (cả về tổ chức và hợp đồng kinh tế) và hoạt động theo cơ chế sản xuất, kinh doanh.

b) Những lâm trường đang quản lý chủ yếu là đất có rừng tự nhiên và diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thì chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu (ban quản lý).

c) Những lâm trường quản lý diện tích đất lâm nghiệp ít, phân bố xen kẽ với đất nông nghiệp và gần khu dân cư thì thu hẹp diện tích, chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu, làm dịch vụ sản xuất cây giống, xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân trong vùng. Diện tích còn lại thì chính quyền địa phương thu hồi để đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

d) Những lâm trường không cần giữ lại thì giải thể, chính quyền địa phương thu hồi đất để sử dụng theo quy định của pháp luật.

C. Một số giải pháp chủ yếu

1. Thực hiện tốt việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, quy hoạch sử dụng đất và xác định rõ nhiệm vụ của từng nông, lâm trường

Rà soát lại quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch, kế hoạch phát triển nông, lâm trường trên từng địa bàn, từng vùng sinh thái và từng địa phương. Xác định rõ nhiệm vụ của từng nông, lâm trường theo phương hướng sắp xếp, đổi mới nêu trên.

Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng nông, lâm trường, tiến hành rà soát, làm rõ tình hình đất đai của các nông, lâm trường trên bản đồ và trên thực địa. Xác định rõ diện tích đất cần giữ lại cho từng nông trường, lâm trường; diện tích đất dôi ra giao lại cho chính quyền địa phương để giao cho các hộ nông dân theo pháp luật gắn với thực hiện tốt chủ trương giao đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, khắc phục nhanh tình trạng

đồng bào không có đất ở, không có đất sản xuất, nhất là ở các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ.

Đất nông, lâm trường sử dụng không đúng mục đích, không đúng quy hoạch và kém hiệu quả thì ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi để giao hoặc cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đất nông, lâm trường đã cho các tổ chức, hộ gia đình thuê, mượn, nếu đang sản xuất nông, lâm nghiệp phù hợp với quy hoạch và quy định của pháp luật thì được tiếp tục sử dụng và phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước theo đúng các quy định hiện hành.

Đất của nông, lâm trường bị lấn chiếm thì phải thu hồi. Đất tranh chấp giữa hộ dân cư với nông, lâm trường cần được xem xét từng trường hợp cụ thể để giải quyết theo pháp luật đất đai. Đất tranh chấp giữa các tổ chức khác với nông, lâm trường thì căn cứ theo quy hoạch của địa phương (cấp tỉnh) và chức năng, nhiệm vụ của nông, lâm trường và tổ chức đang tranh chấp để giải quyết theo quy định của pháp luật đất đai.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng nông, lâm trường, căn cứ vào quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp trên địa bàn và diện tích đất đã được rà soát điều chỉnh lại, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấm mốc, xác định rõ ranh giới và ra quyết định giao đất hoặc cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông, lâm trường. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần hoàn thành chậm nhất vào năm 2005.

2. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý của nông, lâm trường

Đối với nông, lâm trường có chức năng, nhiệm vụ sản

xuất, kinh doanh là chính thì chuyển sang thuê đất của Nhà nước và được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư trong nước. Nông, lâm trường phải thực hiện chế độ khoán sản phẩm cuối cùng, ổn định lâu dài cho cán bộ, công nhân viên, hộ gia đình công nhân, nông dân (theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về “Tiếp tục đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”) và thực hiện tiêu thụ nông, lâm sản thông qua hợp đồng với người nhận khoán trong và ngoài nông, lâm trường.

Đối với nông, lâm trường chuyển sang đơn vị sự nghiệp có thu thì được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Nông, lâm trường phải quản lý đất đai, rừng và tổ chức sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch được giao; Nhà nước quy định về tổ chức quản lý và giao biên chế phù hợp với nhiệm vụ; có chính sách tài chính phù hợp đối với phần thu của nông, lâm trường.

Các nông, lâm trường phải tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức khoán ổn định, lâu dài đến hộ công nhân, người lao động theo hướng tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý, điều hành của nông, lâm trường; đồng thời, nâng cao tính năng động của người nhận khoán để sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao hơn; gắn lợi ích của người lao động với kết quả sản xuất, bảo đảm hài hòa lợi ích của nông, lâm trường và người lao động.

Đối với diện tích đất đã thực hiện khoán đến hộ công nhân và người lao động, nếu thực hiện đúng hợp đồng, sử dụng đúng mục đích thì hộ nhận khoán được tiếp tục sử dụng đất đai theo hợp đồng đã ký kết và có điều chỉnh, bổ sung

phù hợp trách nhiệm quản lý đất của nông, lâm trường. Những diện tích đất khoán trắng cho người nhận khoán (thực chất là cho thuê đất), thì phải thu hồi để chuyển sang hình thức giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

Cần tiến hành sơ kết việc thực hiện giao khoán đất, khoán vườn cây, khoán rừng trong các nông, lâm trường để sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh cơ chế khoán đạt hiệu quả cao hơn và khắc phục các lệch lạc. Đối với diện tích đất chưa khoán phải tổ chức khoán ổn định, lâu dài cho cán bộ, công nhân viên nông, lâm trường và nông dân trong vùng.

Đối với những lâm trường có diện tích rừng tự nhiên và đất có khả năng phục hồi thành rừng tự nhiên thì áp dụng chế độ khoán bảo vệ, khoanh nuôi, chăm sóc ổn định lâu dài cho các hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng thôn bản.

3. Về khoa học, công nghệ

Các nông, lâm trường phải đẩy mạnh triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ mới, công nghệ cao vào sản xuất, chế biến và các khâu sau thu hoạch. Hợp tác, liên kết với các cơ sở nghiên cứu khoa học để bảo vệ nguồn gen, chọn lọc, lai tạo và sản xuất giống cây nông nghiệp, lâm nghiệp và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao. Có chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách cho việc nhập khẩu những nguồn gen quý, giống tốt có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng để sản xuất giống tốt cung cấp cho nhu cầu sản xuất của nông, lâm trường và nông dân trong vùng.

Nông, lâm trường phải là trung tâm chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới, công nghệ cao, cung cấp dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, thông tin thị trường

đối với nông dân trong vùng. Có chính sách hỗ trợ kinh phí khuyến nông, khuyến lâm phù hợp cho nông, lâm trường.

4. Chính sách tài chính

Các nông, lâm trường chuyển sang hoạt động sản xuất, kinh doanh phải hạch toán kinh tế theo *Luật doanh nghiệp*. Nông, lâm trường phải thực hiện quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh.

Tiền thanh lý vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc, tiền trích khấu hao cơ bản, tiền thuế thu nhập doanh nghiệp được để lại cho nông, lâm trường để đầu tư cho thâm canh, trồng rừng mới và trồng lại vườn cây, mua sắm thiết bị, đổi mới công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nông, lâm trường được hỗ trợ đầu tư từ nguồn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; thời hạn vay vốn theo chu kỳ kinh doanh của từng loại cây trồng, vật nuôi; được Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy hoạch, kế hoạch và vùng dự án.

Các nông, lâm trường bàn giao đường giao thông, hệ thống điện, công trình thủy lợi, trường học, bệnh xá... xây dựng trước đây để phục vụ nhu cầu chung trên địa bàn về cho các địa phương quản lý và được giảm vốn tương ứng với giá trị tài sản khi bàn giao. Đối với các nông, lâm trường được duy trì, xây dựng ở vùng đặc biệt khó khăn do yêu cầu an ninh - quốc phòng, làm nhiệm vụ công ích được ngân sách bố trí kế hoạch để đầu tư, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Thực hiện cổ phần hóa các nhà máy, cơ sở chế biến của nông, lâm trường theo quy định hiện hành; thí điểm cổ phần

hóa vườn cây, rừng trồng của nông, lâm trường gắn với cổ phần hóa doanh nghiệp chế biến, có chính sách để người sản xuất nguyên liệu được hưởng lợi ích mua cổ phần ưu đãi như người chế biến; không cổ phần hóa rừng tự nhiên và những diện tích đất có khả năng phục hồi thành rừng tự nhiên.

Đối với các nông, lâm trường chuyển sang hoạt động công ích được thực hiện chính sách như doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Cần rà soát các định mức trồng, khoanh nuôi, bảo vệ, tái sinh rừng để điều chỉnh những định mức không phù hợp; đồng thời tăng cường đầu tư cho lực lượng kiểm lâm nhân dân. Các yếu kém về tài chính, như các khoản lỗ, nợ quá hạn... được xử lý theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) và các quyết định của Chính phủ.

5. Chính sách đối với người lao động

Hộ gia đình cán bộ, công nhân viên nông, lâm trường (bao gồm cả những người đang làm việc, người nghỉ mất sức, người nghỉ hưu và những người xin thôi việc) cư trú hợp pháp trên địa bàn, chưa được cấp đất ở thì chính quyền địa phương giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở trên cơ sở quy hoạch khu dân cư của địa phương.

Đối với những nông, lâm trường đã giải thể hoặc hộ công nhân viên không còn làm việc ở nông, lâm trường thì các hộ gia đình này được chính quyền địa phương xem xét giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cán bộ, công nhân viên nông, lâm trường trong danh sách, đang làm việc, không hưởng lương do nông, lâm trường trả, nhưng có thu nhập từ kết quả sản xuất do nhận khoán đất, nhận khoán rừng, vườn cây, đàn gia súc của nông, lâm

trường có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước.

Lao động dồi dư trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại nông, lâm trường cần được giải quyết theo quy định của pháp luật về chính sách đối với người lao động dồi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

Nhà nước có chính sách đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật của nông, lâm trường nhằm nâng cao trình độ, năng lực điều hành, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới; có chính sách hỗ trợ nông, lâm trường đào tạo lao động người dân tộc thiểu số tại chỗ thành nông, lâm trường viên để giúp đồng bào ổn định cuộc sống, gắn bó với nông trường.

6. Phân cấp quản lý nông, lâm trường

Đối với những nông, lâm trường làm nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh trồng cây công nghiệp phải gắn với nhà máy chế biến hoặc thị trường tiêu thụ thì tiếp tục giữ và đưa vào làm thành viên của các doanh nghiệp nhà nước.

Cấp ủy đảng và chính quyền địa phương thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý nhà nước đối với các nông, lâm trường theo các quy định hiện hành như đối với doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp có thu của Nhà nước.

III- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Nghị quyết của Bộ Chính trị về việc “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh”, Ban Cán sự đảng Chính phủ có chương trình triển khai thực hiện, phấn đấu đến năm 2005 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc

doanh; thành lập Ban chỉ đạo phù hợp để chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết này.

2. Ban Cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các tổng công ty có liên quan xây dựng đề án tổng thể về “sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh” và tổ chức chỉ đạo, thực hiện; kịp thời đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải pháp xử lý những vướng mắc trong quá trình sắp xếp, đổi mới, phát triển nông, lâm trường quốc doanh.

3. Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương lập đề án cụ thể về sắp xếp, đổi mới, phát triển nông, lâm trường quốc doanh của địa phương mình và tổ chức chỉ đạo thực hiện; đặc biệt quan tâm củng cố các tổ chức đảng trong nông, lâm trường quốc doanh vững mạnh, coi đây là nhân tố quan trọng đảm bảo sự thành công của việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường.

4. Giao Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Các nghị quyết của Trung ương Đảng

2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 2004, tr. 297-313.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 77-QĐ/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2003

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư
kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận
của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư
năm 2002 và kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;
- Căn cứ Chương trình số 90-CTr/TW, ngày 15-5-2003 về Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2003;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2002 và kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gồm các đồng chí có tên sau:

- Nguyễn Văn Chi, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng ban

- Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Phó Trưởng ban

- Vũ Quốc Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiêm Trưởng Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), Ủy viên

- Trần Văn Truyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên

- Trần Hòa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên

- Nguyễn Văn Thám, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên

- Phạm Thị Hải Chuyên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên

- Hoàng Kim Sơn, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên

- Đặng Ngọc Thanh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên

- Phạm Chí Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên

- Lê Văn Giảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên

- Phạm Thị Hòe, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên

- Lê Hồng Liêm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra theo Kế hoạch 03, 04-KH/TW, ngày 6-6-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Điều 3. Các tỉnh ủy, thành ủy; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN CHI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX***

Ngày 2 tháng 7 năm 2003

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Trước hết, thay mặt Bộ Chính trị, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí Trung ương và các đại biểu đã về dự Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

Theo chương trình toàn khóa của Trung ương, tại Hội nghị này, chúng ta sẽ tập trung bàn hai vấn đề. Một là, thảo luận và quyết định Phương hướng chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Hai là, cho ý kiến về Đề án Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công. Đây là hai nội dung hệ trọng và cũng là hai vấn đề còn lại trong chương trình làm việc toàn khóa mà Ban Chấp hành Trung ương cần bàn, cụ thể hóa nhằm thực hiện

* Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp từ ngày 2 đến ngày 12-7-2003 (B.T).

thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Ngoài hai nội dung trên, Bộ Chính trị sẽ trình Trung ương xem xét, quyết định một số việc quan trọng khác.

Thưa các đồng chí,

“Dựng nước đi đôi với giữ nước” là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, quy luật đó được biểu hiện tập trung trong hai nhiệm vụ chiến lược có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong các kỳ Đại hội của mình, Đảng ta luôn khẳng định và chỉ đạo sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược đó. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã xác định “Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc”.

Đây là quan điểm của Đảng ta về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Quan điểm đó được hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa truyền thống lịch sử, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học về sự tác động của tình hình thế giới, trong nước; từ quan niệm an ninh tổng hợp, toàn diện cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, đối ngoại và mọi mặt đời sống xã hội; từ quan điểm xem xét các mối đe dọa, các nguy cơ không chỉ từ bên ngoài mà cả từ bên trong; trong mối quan hệ hữu cơ, biện chứng giữa xây dựng và bảo vệ.

Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta tiến hành trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang không ngừng phát triển với những bước tiến nhảy vọt; cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc vẫn diễn ra gay go, quyết liệt dưới nhiều hình thức; tình hình thế giới, khu vực đã và đang trải qua những biến đổi sâu sắc, phức tạp, chứa đựng nhiều yếu tố khó lường. Trước mắt, đất nước ta đứng trước cả cơ hội lớn và thách thức lớn.

Với quyết tâm nắm bắt cơ hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra đường lối “phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Trong các Hội nghị Trung ương trước, chúng ta đã thảo luận, cụ thể hóa nhiều nội dung quan trọng về chính trị, về xây dựng Đảng; phát triển kinh tế - xã hội trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Lần này chúng ta bàn về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Vấn đề đặt ra cho chiến lược đó là phải bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định lâu dài cho sự nghiệp xây dựng đất nước; phải giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phải tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn nhất của đất nước, phát huy cao độ nội lực, giành thế chủ động chiến lược trong mọi tình huống... Trong Hội nghị này, chúng ta sẽ thảo luận đánh giá tình hình chính trị, an ninh quốc tế và sự tác động của nó đối với nước ta; kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng đến nay; trên cơ sở đó đề ra mục tiêu, quan điểm,

nhiệm vụ và những giải pháp chủ yếu nhằm đáp ứng kịp thời và đầy đủ yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thưa các đồng chí,

Vấn đề cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công là nội dung hết sức hệ trọng. Đảng ta coi chính sách tiền lương là chính sách đầu tư cho con người, cho phát triển kinh tế - xã hội và là một trong những giải pháp hạn chế những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, công chức. Chính sách tiền lương năm 1993 và những bước điều chỉnh tiếp sau đã mang lại kết quả thiết thực, nhưng vẫn bộc lộ nhiều khiếm khuyết quan trọng. Đại hội IX của Đảng đã đề ra chủ trương: “Cải cách cơ bản tiền lương đối với cán bộ, công chức nhà nước. Tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương, điều chỉnh tiền lương bảo đảm mức sống tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội. Hệ thống thang, bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người giỏi, lao động có năng suất cao. Thay đổi cơ chế tài chính đối với khu vực sự nghiệp, tạo điều kiện đổi mới chế độ tiền lương của khu vực này. Thông qua cải cách chế độ tiền lương, thúc đẩy việc tinh giản biên chế bộ máy công quyền”... “Tách hệ thống cơ quan hành chính công với hệ thống cơ quan sự nghiệp, áp dụng cơ chế tài chính thích hợp”. Những chủ trương đó đã được nghiên cứu và cụ thể hóa trong đề án của Ban Cán sự đảng Chính phủ trình Hội nghị lần này và nhiệm vụ của chúng ta là nghiên cứu, cho ý kiến để Chính phủ hoàn chỉnh đề án trình Quốc hội xem xét quyết định. Vấn đề đặt ra cho việc nghiên cứu cải cách tiền

lương và trợ cấp hiện nay là phải khẩn trương tiến tới khắc phục một cách cơ bản những bất hợp lý, không công bằng về thu nhập trong các khu vực hành chính, sự nghiệp, sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tính tích cực, năng động của người lao động, thúc đẩy sản xuất phát triển; nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao uy tín và hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đồng thời góp phần quan trọng đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi. Đây là một vấn đề có nhiều khó khăn, phức tạp do các tồn tại của điều kiện lịch sử và tính đa dạng của các loại hình hoạt động được hưởng lương và có thu; đồng thời đây cũng là một vấn đề rất nhạy cảm vì có sự tác động trực tiếp đến lợi ích thiết thân của đông đảo các thành phần trong xã hội. Vì vậy, đề án cần được xem xét kỹ cả về định hướng, quan điểm, nội dung cải cách và các bước tổ chức thực hiện, bảo đảm tính hợp lý, cân đối trong các quan hệ vĩ mô, giữ được ổn định xã hội.

Thưa các đồng chí,

Những vấn đề đặt ra trong chương trình Hội nghị lần này đều có ý nghĩa quan trọng đặc biệt, vừa mang tính thời sự trước mắt, vừa có tầm chiến lược lâu dài.

Tôi đề nghị Ban Chấp hành Trung ương nêu cao trách nhiệm cá nhân, phát huy trí tuệ tập thể, dân chủ thảo luận để có quyết nghị đúng đắn, khả thi đối với các vấn đề đã nêu, góp phần tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe.
Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.
Xin cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BẢN TRÌNH BÀY
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 149/TLHN, ngày 12 tháng 7 năm 2003

**Về ý kiến thảo luận của Trung ương đối với Đề án
“Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội
và trợ cấp ưu đãi người có công”**

Trong hai ngày (8 và 9-7-2003) Trung ương đã thảo luận Đề án “Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công” đã có 122 ý kiến thảo luận ở tổ và 13 ý kiến thảo luận ở hội trường. Đa số ý kiến cho rằng Hội nghị Trung ương lần này bàn về tiền lương là cần thiết và đây là vấn đề đã được Đại hội IX đề ra cần phải bàn để triển khai thực hiện. Đề án đã được chuẩn bị công phu, tỉ mỉ, các tư liệu, số liệu phong phú để làm rõ các nội dung của Đề án. Đã nghiên cứu kỹ và kế thừa những nội dung hợp lý của chính sách tiền lương hiện hành, từ đó đề ra được nội dung cải cách mới phù hợp. Nội dung của Đề án cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, giải quyết được các cân đối lớn của đất nước, quan tâm đến đối tượng lương thấp và lương trung bình, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của đông đảo cán bộ, công chức, viên chức đương chức và người nghỉ hưu, người có công.

Thực hiện tốt Đề án, đời sống cán bộ, công chức, viên chức, người nghỉ hưu và người có công sẽ được cải thiện. Lộ trình thực hiện Đề án mang tính khả thi cao.

Nhiều ý kiến đóng góp bổ sung cụ thể về nhiều nội dung nêu trong Đề án và có một số ý kiến khác với Đề án, Bộ Chính trị xin tiếp thu và giải trình theo 10 nhóm vấn đề như sau:

1. Về phạm vi và tên gọi của Đề án

- *Phạm vi của Đề án bao gồm cả vấn đề tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công.* Tuy 3 chính sách này có liên quan mật thiết với nhau, nhưng có vai trò, ý nghĩa quan trọng tương đối độc lập, cần có đề án riêng. Việc cải cách toàn diện chính sách bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công là những vấn đề rất rộng lớn và phức tạp, Bộ Chính trị đang chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ chuẩn bị đề án để trình Quốc hội ban hành Luật bảo hiểm xã hội và chuẩn bị tổng kết 8 năm thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công để hoàn chỉnh chính sách đối với người có công. Vì vậy, trọng tâm của Đề án này là cải cách chính sách tiền lương (với nội dung chủ yếu là tiền lương tối thiểu, quan hệ tiền lương tối thiểu - trung bình - tối đa, thang lương, bảng lương và phụ cấp); đồng thời tách rõ sự khác nhau về cơ chế quản lý tài chính, quản lý biên chế và trả lương giữa cơ quan hành chính với các đơn vị hoạt động sự nghiệp để đẩy mạnh xã hội hóa, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp (dịch vụ công), có chính sách bảo vệ người nghèo, giảm bớt gánh nặng chi ngân sách và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Các nội dung cải cách về bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công đề cập

trong Đề án này mới chỉ là những định hướng lớn và cũng chỉ là những giải pháp đồng bộ liên quan trực tiếp đến cải cách chính sách tiền lương.

- Về tên gọi của Đề án:

Đa số ý kiến Trung ương đồng tình với tên gọi Đề án do Bộ Chính trị trình, một số ý kiến đề nghị là “cải cách một bước” hoặc “điều chỉnh một bước” chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công, Bộ Chính trị xin giải trình như sau:

Phạm vi và nội dung cải cách nêu trong Đề án bao gồm nhiều vấn đề quan trọng như:

1- Tăng tiền lương tối thiểu và cải cách theo hướng phân biệt giữa mức lương tối thiểu chung (sàn) của xã hội với mức tiền lương tối thiểu của từng khu vực, đặc biệt là khu vực do ngân sách nhà nước trả lương;

2- Quan hệ tiền lương tối thiểu - trung bình - tối đa cải cách theo hướng tăng thêm nhiều hơn mức lương trung bình, mức lương thấp và khuyến khích chuyên gia có trình độ cao;

3- Hệ thống thang lương, bảng lương và phụ cấp cải cách theo hướng thu gọn và đơn giản hơn, dễ áp dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc luân chuyển cán bộ;

4- Tách rõ cơ chế quản lý tài chính, quản lý biên chế và trả lương giữa các cơ quan hành chính với các đơn vị sự nghiệp; thay đổi cơ chế bảo đảm nguồn trả lương từ nhiều nguồn khác nhau (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, một phần nguồn thu từ phát triển hoạt động sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp có thu);

5- Chính sách bảo hiểm xã hội cải cách theo hướng mở rộng mạng lưới an sinh xã hội, đa dạng hóa các loại hình bảo

hiểm xã hội; bảo đảm quan hệ hợp lý giữa đóng và hưởng; bảo đảm an toàn và phát triển quỹ bảo hiểm xã hội...;

6- Từng bước tách dần chính sách trợ cấp ưu đãi người có công với chính sách tiền lương; bảo đảm mức trợ cấp ưu đãi người có công theo mức sống trung bình của xã hội.

Thực hiện đồng bộ những nội dung nêu trên, tuy có thể có vấn đề về mức độ và bước đi chưa được như mong muốn, nhưng trong điều kiện và khả năng thực tế của đất nước ta thì đây thực sự là một cuộc cải cách có quy mô lớn, ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt kinh tế - xã hội, vì vậy Bộ Chính trị đề nghị giữ tên gọi của Đề án là *Đề án “Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công”*.

Tuy nhiên, cải cách tiền lương và trợ cấp xã hội là vấn đề rất phức tạp và nhạy cảm, tác động trực tiếp đến các quan hệ cân đối kinh tế vĩ mô và đời sống của hàng triệu người hưởng lương và hưởng trợ cấp xã hội; đến ổn định xã hội, động lực phát triển kinh tế và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Do đó, việc cải cách phải được thực hiện từng bước vững chắc trên cơ sở khả năng của nền kinh tế, mức tăng năng suất lao động, bảo đảm các cân đối kinh tế vĩ mô và quan hệ thu nhập chung trong xã hội, không thể thực hiện ngay tại một thời điểm tất cả các mục tiêu và nội dung của cải cách. Tờ trình của Bộ Chính trị và Đề án đã thể hiện rõ tinh thần này.

2. Về đánh giá thực trạng

Bộ Chính trị xin tiếp thu các ý kiến góp ý của Trung ương để chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh Đề án trình

Quốc hội như: Nhấn mạnh thêm chính sách tiền lương hiện nay còn chưa công bằng, làm rõ hơn về quan hệ giữa tiền lương của người hưởng lương so với mức tăng thu nhập chung trong xã hội, tiếp tục nghiên cứu tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương, mức lương còn thấp đối với người giỏi nhưng lại cao đối với người năng lực kém, chưa quản lý được thu nhập ngoài lương. Quan hệ giữa đóng và hưởng bảo hiểm xã hội còn chưa hợp lý. Mức trợ cấp ưu đãi người có công còn thấp so với mức sống trung bình trong xã hội. Quản lý chi tiêu ngân sách còn lãng phí làm hạn chế nguồn ngân sách cho cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công.

3. Về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc

Hầu hết ý kiến phát biểu đều nhất trí cao với các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc nêu trong Đề án. Có ý kiến còn băn khoăn về vấn đề chi lương đúng cho cán bộ, công chức và người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển nhưng mức tăng lương trong Đề án còn chưa tương xứng, Bộ Chính trị xin giải trình như sau:

Theo Đề án thì mức lương tối thiểu của công chức năm 2002 là 210.000 đồng/tháng, đến năm 2007 là 400.000 đồng/tháng, bằng 1,9 lần so với năm 2002. Mức lương trung bình của công chức năm 2002 là 373.800 đồng/tháng (năm 2002 hệ số lương trung bình 1,78 x 210.000 đồng/tháng), đến năm 2007 là 936.000 đồng/tháng (năm 2007 hệ số lương trung bình 2,34 x 400.000 đồng/tháng) bằng 2,5 lần so với năm 2002.

Mức lương tối thiểu nêu trên tuy đã có tăng nhưng còn thấp, nhưng nếu tính ở mức lương trung bình là tăng cao hơn so với mức tăng trưởng GDP và mức tăng chi cho đầu tư phát

triển (số liệu này đã thể hiện trong bảng cân đối ở trang 27 và 28 của Tờ trình). Trong điều kiện thực tế của nền kinh tế nước ta, thực hiện phương án cải cách tiền lương này là một cố gắng rất lớn.

- Có ý kiến nêu phải gắn cải cách chính sách tiền lương với cải cách hành chính và tinh giản biên chế, Bộ Chính trị xin giải trình và tiếp thu như sau:

Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị đã được triển khai thực hiện từ năm 1999. Tuy nhiên việc thực hiện tinh giản biên chế còn chậm và còn nhiều hạn chế, Bộ Chính trị sẽ tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh sắp xếp tổ chức tinh giản biên chế để tạo điều kiện cho cải cách chính sách tiền lương có hiệu quả cao hơn; đồng thời trong cải cách chính sách tiền lương phải đề cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan trong việc kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác của các cơ quan, đơn vị.

4. Về tiền lương tối thiểu

- Đa số ý kiến đồng tình với phương án tiền lương tối thiểu nêu trong Đề án, nhưng cũng có ý kiến đề nghị đẩy nhanh hơn mức tăng tiền lương tối thiểu.

Bộ Chính trị cho rằng, tuy tiền lương tối thiểu là một trong những nội dung cơ bản của Đề án (là căn cứ để tính các mức lương trong hệ thống thang lương, bảng lương), nhưng trên thực tế hiện nay không có cán bộ, công chức nào hưởng mức lương tối thiểu vì đều qua đào tạo. Việc điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu cùng với việc mở rộng quan hệ tiền lương tối thiểu - trung bình - tối đa sẽ làm quỹ lương

tăng lên rất nhanh, vì vậy phải có bước đi phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách nhà nước. Xin Trung ương cho giữ lộ trình tăng lương tối thiểu như trong Đề án. Và khi điều kiện kinh tế cho phép, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo thúc đẩy nhanh hơn tiến độ điều chỉnh tiền lương tối thiểu.

- Về tiền lương thực tế khi thực hiện lộ trình cải cách của Đề án:

Theo bước đi về tiền lương tối thiểu nêu trong Đề án, thì đến năm 2007 mức tiền lương tối thiểu của công chức đạt 400.000 đồng/tháng, *tăng 90%* so với năm 2002 (400.000 đồng: 210.000 đồng), nếu so với mức tăng giá sinh hoạt (dự kiến 4%/năm) thì đến năm 2007 giá tăng khoảng 22% so với năm 2002. *Như vậy tiền lương thực tế (tính ở mức lương tối thiểu) đến năm 2007 tăng khoảng 55% so với năm 2002* (nếu tính ở mức lương trung bình thì tiền lương thực tế còn cao hơn, mức tăng khoảng 100% so với năm 2002). Tuy nhiên, nếu giá tăng cao hơn dự kiến thì Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo điều chỉnh tiền lương tối thiểu cho phù hợp với mức tăng giá sinh hoạt.

- Mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu của khu vực do ngân sách nhà nước chi trả và bước đi tiền lương tối thiểu từ năm 2003 đến năm 2007 nêu trong Đề án đã được tính toán theo phương án tích cực trên cơ sở các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã được Đại hội IX thông qua (mức tăng trưởng GDP 7 - 8%/năm, thu ngân sách nhà nước tăng 10 - 12%/năm). Qua tính toán của các cơ quan chuyên môn thì mức lương tối thiểu giai đoạn 2003 - 2007 trong Đề án bảo đảm được quan hệ so với thu nhập chung trong xã hội, giữ

được các quan hệ cân đối kinh tế vĩ mô, bảo đảm được tính tích cực của tiền lương. Xin Trung ương cho giữ mức lương tối thiểu chung, mức lương tối thiểu của khu vực do ngân sách nhà nước chi trả và bước đi tiền lương tối thiểu như trong Đề án.

5. Về quan hệ tiền lương

Có ý kiến đề nghị thực hiện ngay quan hệ tiền lương 1 - 2,5 - 11 để cải thiện nhiều hơn ở mức lương trung bình và mức lương thấp, Bộ Chính trị cho rằng việc mở rộng quan hệ tiền lương tối thiểu - trung bình (tốt nghiệp đại học qua tập sự) - tối đa (chuyên gia cao cấp bậc cuối cùng) từ 1 - 1,78 - 8,5 hiện nay lên 1 - 2,34 - 10, thì ở mức lương trung bình đã tăng 31,5%/năm, đồng thời với việc điều chỉnh tiền lương tối thiểu cũng đã cải thiện một bước lương trung bình và lương thấp. Đây là sự cố gắng rất lớn, vì thực hiện lương tối thiểu và quan hệ tiền lương 1 - 2,34 - 10 như Đề án đã trình Trung ương thì dự toán ngân sách nhà nước trong 2 năm 2005 và 2006 thiếu khoảng 6.344 tỉ đồng. Phần thiếu hụt phải được bảo đảm bằng nguồn phần đầu tăng thu ngân sách nhà nước. Vì vậy, nếu thực hiện ngay quan hệ tiền lương 1 - 2,5 - 11 thì không đảm bảo được nguồn chi cho đầu tư và sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến cân đối kinh tế vĩ mô và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Xin Trung ương cho thực hiện quan hệ tiền lương 1 - 2,34 - 10 như phương án đã trình. Tuy nhiên, khi điều kiện kinh tế và ngân sách cho phép, sẽ chỉ đạo thực hiện quan hệ 1 - 2,5 - 11 hoặc cao hơn vào thời điểm thích hợp.

Như vậy, thực hiện Đề án cải cách chính sách tiền lương lần này không chỉ tăng tiền lương tối thiểu mà cả mức lương

trung bình và mức lương tối đa cũng được cải thiện đáng kể (mức tăng cụ thể đã được trình bày rõ trong Đề án).

6. Về tiền tệ hóa xe ô tô và nhà ở

- *Về xe ô tô*: Vấn đề này đã được trình bày trong Tờ trình của Bộ Chính trị và được đa số ý kiến đồng tình, vì ô tô công tác là phương tiện làm việc, trong điều kiện hiện nay chưa thể đưa chi phí sử dụng ô tô vào cơ cấu tiền lương. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ có chính sách quản lý phù hợp và chặt chẽ hơn chế độ sử dụng xe công vụ (bao gồm cả xe con) để phục vụ tốt cho hoạt động công vụ và tiết kiệm công quỹ.

- *Về nhà ở*: Cải cách chính sách tiền lương năm 1993 đã đưa một phần tiền thuê nhà ở vào tiền lương nhưng còn ở mức thấp. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ nghiên cứu kỹ và đồng bộ hơn về chính sách nhà ở, đất ở phù hợp với thực tế của ta.

7. Về hệ thống thang lương, bảng lương và phụ cấp

Trong thảo luận, đa số ý kiến đồng tình với đề nghị bộ trưởng và tương đương trở lên thì hưởng chế độ lương theo chức vụ lãnh đạo; còn từ bí thư tỉnh, thành phố, chủ tịch ủy ban nhân dân, thứ trưởng và tương đương trở xuống thực hiện chế độ xếp lương chuyên môn cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo để bảo đảm công bằng, phù hợp cho việc luân chuyển cán bộ trong hệ thống chính trị. Nhưng cũng có ý kiến đề nghị từ bộ trưởng trở xuống cũng thực hiện lương chuyên môn cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo.

Vấn đề này Bộ Chính trị xin đề nghị như sau:

- Định hướng chung trong Đề án lần này là thực hiện chế độ lương chuyên môn cộng phụ cấp chức vụ để khuyến khích cán bộ, công chức phát triển chuyên môn nghiệp vụ, không chỉ phấn đấu vào giữ chức vụ; đồng thời tạo điều kiện thu gọn thang lương, bảng lương, thuận lợi cho việc thực hiện chủ trương của Đảng về luân chuyển cán bộ. Còn chế độ lương chức vụ quy định ở cấp nào, chức danh nào là phù hợp, xin Trung ương giao cho Chính phủ nghiên cứu cân nhắc thêm và báo cáo Bộ Chính trị xem xét để trình Quốc hội khi thiết kế cụ thể hệ thống thang, bảng lương.

- Quan hệ tiền lương giữa các chức vụ bầu cử, bổ nhiệm trong hệ thống chính trị sẽ được thiết kế theo nguyên tắc giữ chức vụ tương đương trong hệ thống chính trị thì xếp lương và phụ cấp như nhau để đảm bảo quan hệ cân đối giữa các chức vụ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể (từ trung ương đến cơ sở).

Về quan hệ giữa lương của bí thư so với chủ tịch (từ Trung ương đến cấp xã), Bộ Chính trị đề nghị giữ như Đề án đã trình là mức lương của bí thư cao hơn so với mức lương của Chủ tịch. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, khi thiết kế cụ thể bảng lương sẽ xác định mức chênh lệch cho phù hợp hơn.

- Có ý kiến đề nghị thu gọn hơn nữa thang lương, bảng lương và bậc lương trong ngạch để đơn giản hơn hệ thống thang lương, bảng lương.

Bộ Chính trị đề nghị việc thu gọn thang lương, bảng lương cần thực hiện từng bước, đề nghị Trung ương cho giữ 6 hệ thống thang lương, bảng lương như Đề án, các yếu tố về điều kiện lao động và ưu đãi ngành, nghề (kể cả các ngành tư pháp)

thực hiện bằng chế độ phụ cấp đơn giản thang lương, bảng lương, thuận lợi cho việc luân chuyển cán bộ.

- Đối với lực lượng vũ trang:

Có nhiều ý kiến thảo luận về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình và đề nghị như sau:

Trong quá trình chỉ đạo xây dựng Đề án đã có sự tham gia và thảo luận thống nhất của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an (Bộ Quốc phòng và Bộ Công an là thành viên Ban Chỉ đạo nghiên cứu cải cách chính sách tiền lương Nhà nước), nội dung các phương án nêu trong Tờ trình và Đề án luôn thể hiện nhất quán các nguyên tắc:

+ Lực lượng vũ trang là lao động đặc biệt; có bảng lương riêng cho lực lượng vũ trang;

+ Bảo đảm giữ mức ưu đãi về tiền lương và phụ cấp đối với lực lượng vũ trang cao hơn như hiện nay so với cán bộ, công chức tương đương trong hệ thống chính trị; Đề án này không làm giảm lương lực lượng vũ trang mà khi thực hiện điều chỉnh tiền lương tối thiểu và mở rộng quan hệ tiền lương theo như Đề án thì tiền lương của lực lượng vũ trang cũng được tăng tương ứng.

Tuy nhiên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc luân chuyển cán bộ (số ra quân tuổi còn trẻ, đã qua đào tạo, rèn luyện) bổ sung cho đội ngũ cán bộ cốt cán trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và số cán bộ sĩ quan nghỉ hưu sau này (sau năm 2004), nếu thực hiện nguyên tắc mà Đề án đề cập chung cho tất cả các ngành là không đưa phụ cấp ưu đãi vào tính đóng - hưởng bảo hiểm xã hội thì sẽ không còn chênh lệch nhiều về mức hưởng lương hưu so với tương quan chung, nên Bộ Chính trị nêu phương án này để Trung ương thảo luận.

Qua các ý kiến thảo luận của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị thực hiện phương án 1 đã nêu trong Đề án và đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện chính sách chuyển ngành để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ra quân nhằm sử dụng tốt đội ngũ cán bộ, sĩ quan đã được đào tạo, rèn luyện ra làm việc trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước.

- Đối với các ngành thuộc khối nội chính như tòa án, kiểm soát, thanh tra, kiểm tra Đảng... Bộ Chính trị đề nghị thực hiện theo bảng lương chung như Đề án đã nêu, đồng thời để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong xã hội, cần thực hiện chế độ *dưỡng liêm* bằng chế độ phụ cấp ưu đãi phù hợp đối với các ngành này.

- Đối với ngành y tế:

Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị có chế độ phụ cấp ưu đãi phù hợp với ngành y tế, bảo đảm tương quan chung so với các ngành và so với ngành giáo dục.

- Về ý kiến cần phân cấp và giao quyền rộng hơn cho thủ trưởng cơ quan trong việc xếp lương, nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, Bộ Chính trị cho rằng: Tiền lương của cán bộ, công chức khác với tiền lương của người lao động trong các doanh nghiệp, phải thực hiện thang lương, bảng lương thống nhất theo quy định chung và phải được quản lý thống nhất. Tuy vậy, cần kết hợp phân cấp gắn với thẩm quyền, trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết nâng cao bậc lương sớm hoặc kéo dài thời hạn nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức theo quy định chung.

8. Về cơ chế tạo nguồn trả lương đối với các đơn vị sự nghiệp

Có ý kiến còn băn khoăn về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình như sau:

Để thực hiện có kết quả cơ chế tạo nguồn trả lương đối với các đơn vị sự nghiệp, phải thực hiện phân loại các đơn vị sự nghiệp theo 3 loại: tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động, bảo đảm một phần và ngân sách nhà nước chi toàn bộ. Trên cơ sở phân loại thực hiện tự chủ tài chính và thực hiện hạch toán thu - chi, đơn vị sự nghiệp được quyền sử dụng các nguồn thu từ phát triển các hoạt động sự nghiệp và từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để tự chủ trong việc thực hiện nhiệm vụ, sử dụng biên chế và tự chủ về trả lương đối với người lao động trong đơn vị; thủ trưởng cơ quan, đơn vị được quyền chủ động ban hành quy chế trả lương trong nội bộ cơ quan, đơn vị để khuyến khích người tài, người làm việc giỏi. Trường hợp đơn vị không tự đảm bảo được tiền lương như cán bộ, công chức khu vực hành chính, thì ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch thấp hơn này. Đồng thời, Bộ Chính trị sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội khi sử dụng dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp để thực hiện tốt hơn công bằng xã hội; và ban hành chính sách huy động và quản lý các nguồn thu cho phù hợp và có hiệu quả. Việc thực hiện cơ chế tự chủ này sẽ thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp phát triển lành mạnh, góp phần giảm gánh nặng bao cấp từ ngân sách nhà nước đối với các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công. Trong quá trình thực hiện cơ chế này, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ xây dựng Đề án tự chủ

phù hợp với từng ngành, bảo đảm nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và thực hiện tốt hơn chính sách đối với người nghèo.

9. Về cải cách bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công

- Về bảo hiểm xã hội:

Bảo hiểm xã hội là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, góp phần bảo đảm ổn định và an sinh xã hội, đồng thời nếu làm tốt sẽ là một nguồn vốn đầu tư lớn cho phát triển kinh tế - xã hội. Qua thảo luận có ý kiến còn băn khoăn về vấn đề này, Bộ Chính trị xin giải trình như sau:

+ Về điều chỉnh lương hưu trước tháng 9-1985 và trước tháng 4-1993:

Từ năm 2000 đến năm 2003 đã thực hiện 2 lần điều chỉnh tăng mức lương hưu đối với những người nghỉ hưu trước tháng 9-1985 và trước tháng 4-1993 để giảm bớt chênh lệch về lương hưu giữa các thời kỳ.

Năm 2004, theo Đề án sẽ tiếp tục điều chỉnh mức lương hưu ngay từ đầu năm đối với các đối tượng nghỉ hưu trước tháng 9-1985 và trước tháng 4-1993.

+ Đối tượng nghỉ hưu trước năm 1995 vẫn do ngân sách nhà nước bảo đảm chi trả. Đối tượng nghỉ hưu từ năm 1995 trở về sau do quỹ bảo hiểm xã hội chi trả, vì vậy việc điều chỉnh tăng dần mức đóng bảo hiểm xã hội theo Đề án là để khắc phục bất hợp lý giữa đóng và hưởng, bảo đảm an toàn và phát triển quỹ bảo hiểm xã hội, thực hiện tốt hơn công bằng xã hội, giảm bớt bao cấp từ ngân sách nhà nước, thực hiện cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

Tuy nhiên các nội dung cải cách về bảo hiểm xã hội nêu trong Đề án mới chỉ là những định hướng về quan điểm, nguyên tắc. Các ý kiến góp ý cụ thể của Trung ương, Bộ Chính trị xin tiếp thu để chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ xây dựng Đề án cải cách toàn diện chính sách bảo hiểm xã hội trình Quốc hội ban hành Luật bảo hiểm xã hội vào cuối năm 2005.

- Về trợ cấp ưu đãi người có công:

Từ trước đến nay mức trợ cấp ưu đãi người có công gắn với chính sách tiền lương, Đề án cải cách lần này theo hướng tách dần với chính sách tiền lương và thực hiện việc điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công theo mức sống trung bình trong xã hội; đồng thời tiếp tục thực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi một lần đối với những người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương tổng kết thành tích kháng chiến.

10. Về giải pháp và bước đi thực hiện Đề án

- Về giải pháp bảo đảm nguồn thực hiện Đề án:

Đề án đã đề cập đến bốn giải pháp quan trọng, đó là:

1- Trên cơ sở cân đối ngân sách, bảo đảm mức chi cho đầu tư phát triển khoảng 30% của tổng chi ngân sách (mức đã đạt được của năm 2001 - 2002), dành khoảng 50% số tăng thu ngân sách để thực hiện Đề án.

2- Thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên (không bao gồm chi lương và có tính chất lương) của tất cả các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện chi cho tiền lương tại chính cơ quan, đơn vị đó.

3- Thực hiện quyền tự chủ tài chính gắn với hạch toán thu - chi đối với tất cả các đơn vị sự nghiệp để tự đảm bảo một phần tiền lương từ việc dành khoảng 50% tổng các

nguồn thu phí, lệ phí và các nguồn thu khác ngoài kinh phí ngân sách nhà nước cấp hoặc hỗ trợ.

4- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, giảm áp lực tăng chi xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí ngân sách nhà nước. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp nhằm đảm bảo cải thiện khá hơn cho người nghèo và diện chính sách xã hội được hưởng dịch vụ công cần thiết, tài trợ cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chi đầu tư xây dựng cơ bản; chi nghiên cứu khoa học và chi đào tạo đội ngũ cán bộ, viên chức.

Trong các giải pháp nêu trên, thì giải pháp cơ bản và quan trọng nhất là đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo tốc độ tăng trưởng GDP từ 7 - 8%/năm, trên cơ sở đó đảm bảo tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân hằng năm từ 20 - 21% GDP, trong đó thuế, phí, lệ phí khoảng 18 - 19%; đồng thời phải đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế, coi đây là tiền đề quan trọng để thực hiện Đề án cải cách tiền lương.

- Về giải pháp tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể chi lương) và nguồn trả lương từ ngân sách địa phương còn có ý kiến băn khoăn, Bộ Chính trị xin giải trình như sau:

Việc thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên 10% (không kể chi lương) đã được thực hiện từ đầu năm 2003. Kết quả thực hiện đã góp phần sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm được chi hành chính (văn phòng phẩm, điện, nước, xăng xe...) khắc phục tình trạng thu nhập ngoài lương, tăng thêm được tiền lương cho cán bộ, công chức trong đơn vị. Đây là một biện pháp quản lý tổng hợp để tăng cường trách nhiệm và quyền hạn cho thủ trưởng các cơ quan, đơn vị để

góp phần thúc đẩy cải cách hành chính; việc tính toán rà soát các định mức chi tiêu ngân sách sẽ được thực hiện trong quá trình cải cách tài chính công trong chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước (2001 - 2010).

- Về nguồn trả lương từ ngân sách địa phương: Các giải pháp bảo đảm nguồn trả lương nêu trong Đề án được thực hiện theo hướng huy động nhiều nguồn (từ ngân sách Trung ương, từ ngân sách địa phương, từ một phần nguồn thu theo chế độ quy định ở các đơn vị có thu và tiết kiệm chi) và tăng cường trách nhiệm của các cấp ngân sách trong việc bảo đảm nguồn cho cải cách tiền lương. Trường hợp ngân sách địa phương qua cân đối có khó khăn trong việc trả lương thì ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Về quản lý thu nhập ngoài lương: Bộ Chính trị đề nghị các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị phải tổ chức quản lý thu nhập ngoài lương thông qua cơ chế thực hiện quyền tự chủ về tài chính và trả lương trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; hợp thức hóa các nguồn thu nhập ngoài lương hợp pháp ở các cơ quan, đơn vị; làm rõ và xóa bỏ những loại thu nhập ngoài lương không hợp pháp và không hợp lý; thực hiện công khai thu nhập cá nhân và điều tiết thu nhập cá nhân thông qua thuế thu nhập.

- *Bước đi thực hiện Đề án:*

Để đảm bảo vững chắc các quan hệ cân đối kinh tế vĩ mô và bảo đảm được tỷ lệ chi đầu tư phát triển từ ngân sách, chống lạm phát và giữ quan hệ hợp lý về tiền lương của cán bộ, công chức so với mức thu nhập chung trong xã hội, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho thực hiện theo như lộ trình đã nêu trong Đề án (thực hiện trong 5 năm từ 2003 đến 2007).

Tuy nhiên nếu tình hình kinh tế phát triển khá hơn dự kiến thì sẽ đẩy nhanh hơn tiến độ thực hiện, nếu khó khăn đột xuất thì tùy tình hình cụ thể có thể xem xét kéo dài thêm thời gian thực hiện Đề án một cách phù hợp.

Ngoài những nội dung đã trình bày trên, Bộ Chính trị xin tiếp thu các ý kiến góp ý cụ thể, hợp lý khác của Trung ương để chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp tục hoàn chỉnh Đề án “Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công” trình Quốc hội xem xét vào phiên họp Quốc hội cuối năm 2003.

Trên đây là báo cáo giải trình và tiếp thu những ý kiến của Trung ương về Đề án “Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công” Bộ Chính trị xin trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Số 30-NQ/TW, ngày 12 tháng 7 năm 2003

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp tại Hà Nội từ ngày 2 đến ngày 12-7-2003, sau khi xem xét và thảo luận các báo cáo và tờ trình của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Thông qua toàn bộ nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương tại Hội nghị để hoàn chỉnh, ban hành nghị quyết chính thức và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện.

2. Thông qua Kết luận Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương tại Hội nghị để hoàn chỉnh, ban hành kết luận chính thức và chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh đề án để Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Đồng ý với Tờ trình của Bộ Chính trị về chủ trương xử lý các tồn đọng về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 1-7-1991.

Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội và các cơ quan hữu quan tiếp thu ý kiến đóng góp của Trung ương để hoàn chỉnh Đề án của Chính phủ trình kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XI và đề nghị Quốc hội ra nghị quyết riêng về vấn đề này; chuẩn bị để ban hành nghị định của Chính phủ ngay sau khi có nghị quyết của Quốc hội và tổ chức thực hiện thống nhất trong cả nước.

4. Đồng ý với Tờ trình của Bộ Chính trị về phương án nâng cấp thành phố Cần Thơ lên thành phố trực thuộc Trung ương, thành lập tỉnh Hậu Giang; chia tách tỉnh Đắc Lắc thành hai tỉnh Đắc Lắc và Đắc Nông; chia tách tỉnh Lai Châu thành hai tỉnh Lai Châu và Điện Biên.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương, chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh Đề án về vấn đề này để Chính phủ trình kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XI xem xét, quyết định.

5. Ban Chấp hành Trung ương đã nghe báo cáo về tình hình triển khai xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới), biểu thị tán thành phương án kiến trúc đã được Chính phủ chọn, và góp một số ý kiến để Chính phủ và các cơ quan chức năng cân nhắc hoàn thiện thêm Đề án nhằm bảo đảm công trình được trang trọng, hiện đại, thể hiện đậm nét hơn bản sắc dân tộc, đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân.

6. Ban Chấp hành Trung ương đồng ý với đề nghị của Bộ Chính trị về cách Trung ương cho ý kiến về kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004 như sau: sau khi có Đề án của

Ban Cán sự đảng Chính phủ, Bộ Chính trị sẽ cho gửi đến các đồng chí Ủy viên Trung ương để góp ý kiến vào văn bản. Trung ương ủy nhiệm cho Bộ Chính trị tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Trung ương và chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh Đề án kế hoạch năm 2004 trước khi chính thức trình Quốc hội; không triệu tập hội nghị Trung ương để bàn riêng về vấn đề này.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Số 21-KL/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2003
Về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội
và trợ cấp ưu đãi người có công

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX họp từ ngày 2 đến ngày 12-7-2003, sau khi nghe Tờ trình của Bộ Chính trị về “Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công”, đã thảo luận và kết luận:

I- VỀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG
CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI
VÀ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG

Ban Chấp hành Trung ương cơ bản thống nhất với các nội dung đánh giá nêu trong Đề án, đồng thời nhấn mạnh một số điểm:

- Chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công năm 1993 và các bước triển khai tiếp theo đã từng bước thể chế hóa những quan điểm của Đảng về tiền

lương, trợ cấp xã hội, cơ bản xóa bỏ được chế độ phân phối bằng định lượng hiện vật. Quá trình thực hiện đã bảo đảm được các yêu cầu đề ra là: ổn định các cân đối vĩ mô của nền kinh tế, tăng chi đầu tư phát triển, kiểm soát được lạm phát, giữ ổn định kinh tế, chính trị - xã hội; có tác động tích cực đến kinh tế, quốc phòng, an ninh và đời sống của những người hưởng lương, hưởng trợ cấp xã hội, nhất là trong những năm đầu thực hiện.

- Chính sách tiền lương và phụ cấp đã khắc phục một bước tính bình quân trong tiền lương, khuyến khích người lao động làm việc ở những ngành, vùng khó khăn, quan trọng, đặc biệt là lực lượng vũ trang và giáo viên đứng lớp. Đã tách được cơ chế trả lương và thu nhập của khu vực doanh nghiệp nhà nước với khu vực hưởng lương từ ngân sách; bước đầu thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp có thu, tạo điều kiện cho các đơn vị tự chủ trong việc trả lương, đem lại kết quả tích cực trong quản lý lao động và tài chính khu vực sự nghiệp, thúc đẩy xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công, từng bước giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, nhất là mỗi khi điều chỉnh tiền lương.

- Chính sách bảo hiểm xã hội bước đầu được đổi mới, quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành và từng bước hoạt động theo nguyên tắc hạch toán thu - chi, bảo toàn và phát triển vốn; phạm vi và đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được mở rộng... góp phần từng bước xóa bỏ cơ chế bao cấp, làm lành mạnh cơ cấu chi ngân sách nhà nước.

- Chính sách ưu đãi người có công đã được chú trọng, qua đó đã chăm lo tốt hơn đời sống của những người có công và giảm bớt phức tạp trong việc quản lý.

Tuy nhiên, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công còn bộc lộ nhiều hạn chế:

- Tiền lương của cả người đang công tác và người nghỉ hưu, người có công hưởng trợ cấp ưu đãi nhìn chung còn thấp. Đời sống của một bộ phận đối tượng này còn nhiều khó khăn.

- Chính sách tiền lương chưa thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động, chưa quan tâm đúng mức đến đối tượng có mức lương trung bình và lương thấp; hệ thống thang, bảng lương phức tạp, còn nhiều bất hợp lý, chưa phản ánh đúng các mối tương quan về tiền lương trong xã hội, gây khó khăn cho công tác luân chuyển cán bộ; chưa khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi. Việc áp dụng chung cơ chế tiền lương giữa khu vực hành chính và khu vực sự nghiệp đã làm cho hoạt động sự nghiệp bị hành chính hóa, hạn chế tính chủ động, tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp, làm tăng biên chế và quỹ lương của khu vực này. Thu nhập ngoài lương của các đơn vị hưởng lương từ ngân sách chưa được kiểm soát, tiền lương cơ bản thấp, nhưng thu nhập ngoài lương có xu hướng gia tăng, một bộ phận cán bộ, công chức không sống chủ yếu bằng tiền lương mà bằng nhiều nguồn thu nhập ngoài lương, làm cho chế độ tiền lương mất dần tác dụng tích cực lúc ban đầu.

- Chính sách bảo hiểm xã hội chưa chú trọng đến việc mở rộng mạng lưới an sinh xã hội qua chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện; chậm ban hành chế độ bảo hiểm thất nghiệp; quan hệ giữa đóng và hưởng bảo hiểm xã hội còn bất hợp lý, có thể dẫn đến việc mất cân đối quỹ bảo hiểm trong tương lai. Các bất hợp lý về lương hưu đối với cán bộ nghỉ hưu trước tháng 9-1985 và tháng 4-1993 chậm được khắc phục.

Những yếu kém trên do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, nền kinh tế tuy đang phát triển nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, khả năng ngân sách hạn hẹp trong khi còn phải giải quyết nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội, nên chưa bố trí đủ nguồn cho việc giải quyết tiền lương và trợ cấp.

Thứ hai, nền kinh tế đã chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng cơ chế tiền lương còn chậm sửa đổi cho phù hợp. Mặt khác, nội dung của chính sách tiền lương chưa hoàn chỉnh, quá trình bổ sung lấp vá, thiếu tính đồng bộ, tổ chức thực hiện không nghiêm, làm nảy sinh và tăng thêm bất hợp lý. Chính sách lương hưu và các chế độ trợ cấp người có công còn phụ thuộc vào chính sách tiền lương, nên mỗi khi điều chỉnh chế độ cho đối tượng này thì rất khó khăn.

Thứ ba, việc cải cách chính sách tiền lương chưa đồng bộ và chưa gắn với cải cách hành chính, cải cách tài chính công, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và các chính sách bảo hiểm xã hội, học phí, viện phí. Chủ trương xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp chưa được thống nhất cao, triển khai chưa mạnh mẽ.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất với các quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc nêu trong báo cáo, đồng thời nhấn mạnh một số điểm như sau:

- Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công phải gắn với sự phát triển kinh tế -

xã hội của đất nước, bảo đảm các nguyên tắc cân đối vĩ mô của nền kinh tế, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội.

- Việc điều chỉnh tiền lương phải trên cơ sở tăng năng suất lao động, tăng thu nhập quốc dân, và sự phát triển của nền kinh tế, đồng thời coi việc trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực để kinh tế phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ công, góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Chính sách tiền lương phải phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần hình thành thị trường lao động lành mạnh, thu hút được lao động có chất lượng cao vào những khu vực quan trọng của Nhà nước và xã hội, khuyến khích lao động nâng cao trình độ nghề nghiệp, ưu đãi lực lượng vũ trang, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức các lĩnh vực khoa học, giáo dục, y tế, văn hóa, nghệ thuật, tư pháp, thanh tra, kiểm tra và những người công tác ở vùng khó khăn.

- Cải cách chính sách tiền lương phải gắn với cải cách hành chính và phải được tiến hành từng bước, đồng bộ với việc đổi mới cơ chế quản lý tài chính, biên chế và trả lương ở khu vực sự nghiệp; tách dần chính sách tiền lương với chính sách bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công.

III- NỘI DUNG CẢI CÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chính sách tiền lương

a) Tiền lương tối thiểu

Tiếp tục thực hiện cơ chế mức lương tối thiểu chung là

mức sàn thấp nhất để làm căn cứ điều chỉnh các quan hệ lao động trong xã hội theo Bộ luật lao động và làm căn cứ quy định đóng - hưởng bảo hiểm xã hội; việc điều chỉnh mức lương sàn phải phù hợp với mặt bằng tiền lương, tiền công trên thị trường lao động và mức tăng thu nhập chung trong xã hội.

Trong từng khu vực, cho phép áp dụng mức lương tối thiểu khác nhau, bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu chung. Đối với khu vực hành chính nhà nước, căn cứ vào khả năng ngân sách, từng bước điều chỉnh mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu sàn để bảo đảm cho cán bộ, công chức có thu nhập ở mức trung bình khá trong xã hội. Đối với doanh nghiệp nhà nước, tùy thuộc vào mức tăng năng suất lao động và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; đối với các đơn vị sự nghiệp, tùy kết quả hoạt động dịch vụ và khả năng tự bảo đảm kinh phí mà quyết định mức tiền lương tối thiểu áp dụng trong đơn vị mình. Có cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp không đủ khả năng tự trang trải kinh phí trả lương để bảo đảm mức tiền lương tối thiểu ở những đơn vị này tương ứng với khu vực hành chính.

b) Về quan hệ tiền lương tối thiểu - trung bình - tối đa

Khi xây dựng quan hệ tiền lương tối thiểu - trung bình - tối đa phải chú trọng nâng thêm mức lương cho các đối tượng lương trung bình và thấp, đồng thời nâng mức lương tối đa để khuyến khích những người có trình độ chuyên môn cao. Theo hướng đó, từ tháng 10-2004, điều chỉnh quan hệ tiền lương tối thiểu - trung bình - tối đa từ 1 - 1,78 - 8,5 hiện nay lên 1 - 2,34 - 10.

c) Về hệ thống thang, bảng lương

Đồng ý thu gọn hệ thống thang, bảng lương như trong Đề án, trong đó lưu ý một số đối tượng sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm): thực hiện nguyên tắc lương chuyên môn cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ nghiên cứu về chế độ lương chức vụ áp dụng ở cấp nào, chức danh nào trình Bộ Chính trị xem xét để trình Quốc hội.

- Đối với cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ (từ cán sự và tương đương trở lên đến chuyên gia cao cấp) làm việc ở các ngành hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể, tòa án, kiểm sát, thanh tra, tư pháp: áp dụng thống nhất một bảng lương. Các điều kiện lao động cao hơn bình thường và ưu đãi ngành, nghề thực hiện bằng phụ cấp; các ngành tòa án, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra, thực hiện phụ cấp trách nhiệm; giảm bớt số bậc trong các ngạch và thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung để công chức yên tâm làm việc trong ngạch.

- Đối với cán bộ, viên chức ở các ngành sự nghiệp: áp dụng chung một bảng lương để làm căn cứ cho việc cấp hoặc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước, để đóng - hưởng bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm y tế, trả lương ngày nghỉ chế độ. Tiền lương thực trả phụ thuộc vào nguồn thu và kết quả hoạt động của từng đơn vị sự nghiệp. Các ngành giáo dục, y tế... được thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi phù hợp.

- Đối với lực lượng vũ trang: giữ bảng lương và phụ cấp như hiện nay. Nghiên cứu hoàn thiện chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho việc luân chuyển, tiếp nhận, sử dụng tốt đội ngũ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp được đào tạo và rèn luyện ra làm việc ở các cơ quan Đảng, Nhà nước.

d) Về các chế độ phụ cấp

Hoàn thiện các chế độ phụ cấp cho phù hợp như: điều chỉnh phụ cấp chức vụ lãnh đạo; thu gọn các chế độ phụ cấp, trợ cấp, bồi dưỡng có tính chất ưu đãi ngành, nghề; điều chỉnh các chế độ phụ cấp hiện hành tương ứng với việc mở rộng quan hệ tiền lương, nhưng không mở rộng phạm vi và đối tượng được hưởng. Xây dựng chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung, chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đứng đầu cơ quan, tổ chức khác và chế độ phụ cấp quân, binh chủng đặc biệt.

đ) Cơ chế quản lý biên chế, tiền lương và thu nhập trong khu vực hành chính, sự nghiệp

- Đối với các cơ quan hành chính: đẩy mạnh thực hiện chương trình tổng thể về cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2010. Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, tiếp tục thực hiện khoán biên chế và chi hành chính.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp: trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức, đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tất cả các đơn vị đều thực hiện hạch toán thu - chi và được quyền tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quản lý và sử dụng lao động, quản lý các nguồn lực tài chính và trả lương cho người lao động. Thực hiện chế độ hợp đồng lao động đối với cán bộ, viên chức khu vực này.

Sửa đổi quy định về thu và sử dụng các loại phí, lệ phí về cơ chế hỗ trợ kinh phí từ ngân sách và cơ chế hạch toán phù hợp với từng loại hình đơn vị sự nghiệp. Đồng thời, có chính sách hỗ trợ đối với người nghèo, đối tượng chính sách xã hội khi sử dụng dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp, đặc biệt là

trong lĩnh vực giáo dục và y tế để bảo đảm thực hiện tốt chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

- Về nhà ở, trong điều kiện hiện nay chưa cho phép tính đủ ngay chi phí về nhà ở vào tiền lương, vì vậy cần có các chính sách phù hợp về nhà ở đối với cán bộ, công chức.

- Về chi phí sử dụng ô tô con: chưa đưa chi phí sử dụng ô tô vào lương, song cần quy định rõ ràng chế độ sử dụng xe ô tô con phục vụ cho hoạt động công vụ, đồng thời xử lý nghiêm khắc đối với những người sử dụng xe con không đúng mục đích, tiêu chuẩn.

2. Chính sách bảo hiểm xã hội

- Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội tương ứng với lộ trình cải cách chính sách tiền lương, trước mắt tập trung vào các vấn đề sau:

Giải quyết bất hợp lý về lương hưu đối với người nghỉ hưu trước tháng 9-1985 và trước tháng 4-1993.

Xem xét nâng dần mức đóng, điều chỉnh mức hưởng của các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 1-1-1995 về sau để bảo đảm cân đối và tăng quỹ bảo hiểm xã hội.

Nghiên cứu ban hành chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

- Sớm xây dựng Luật bảo hiểm xã hội trình Quốc hội.

3. Chế độ trợ cấp ưu đãi người có công

Điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công bảo đảm tương ứng với mức sống trung bình của xã hội, bổ sung chế độ mai táng đối với người có công thuộc diện hưởng trợ cấp hàng

tháng mà không hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Tiếp tục thực hiện trợ cấp một lần đối với người được tặng thưởng huân chương, huy chương kháng chiến.

4. Các giải pháp và bước đi

Để thực hiện Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công, Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ triển khai các giải pháp:

- Lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp phát huy tốt các nguồn lực, tranh thủ thời cơ, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP từ 7% - 8%/năm, tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách từ 20% - 21%. Trên cơ sở giữ mức chi đầu tư phát triển bằng khoảng 30% của tổng chi ngân sách nhà nước, dành khoảng 50% số tăng thu ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện Đề án này.

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể chi lương và có tính chất lương), đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để có thêm nguồn trả lương trong mỗi cơ quan, đơn vị. Đồng thời xem xét cơ cấu lại các khoản chi từ ngân sách nhà nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Đổi mới cơ chế quản lý tài chính, biên chế và trả lương trong khu vực sự nghiệp. Thực hiện quyền tự chủ tài chính gắn với hạch toán thu - chi để các đơn vị sự nghiệp có thu nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ và dành khoảng 50% nguồn thu cho trả lương; đồng thời cần có chính sách hỗ trợ đối với người nghèo, người có công khi sử dụng dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp (miễn giảm học phí, viện phí...).

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, giảm áp lực tăng chi tiền lương từ ngân sách nhà nước.

- Tổ chức việc quản lý thu nhập ngoài lương thông qua cơ chế thực hiện quyền tự chủ về tài chính và trả lương cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; hợp thức các nguồn thu nhập ngoài lương hợp pháp ở các cơ quan, đơn vị; chỉ ra và xóa bỏ những loại thu nhập ngoài lương không hợp pháp và không hợp lý; thực hiện công khai thu nhập cá nhân và điều tiết thu nhập cá nhân thông qua thuế thu nhập cá nhân.

Về bước đi thực hiện cải cách tiền lương và trợ cấp xã hội:

Các nội dung cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công được thực hiện từng bước và hoàn thành trong 5 năm, từ năm 2003 đến năm 2007. Nếu có điều kiện thuận lợi về kinh tế và ngân sách thì đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án; trường hợp khó khăn đột xuất thì có thể kéo dài thời gian thực hiện.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự đảng Chính phủ, trên cơ sở kết luận này, hoàn chỉnh Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
Ngày 12 tháng 7 năm 2003

Thưa các đồng chí,

Sau 10 ngày làm việc khẩn trương, tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã hoàn thành chương trình đề ra. Nghị quyết và các kết luận được Hội nghị biểu quyết thông qua với sự nhất trí cao là sản phẩm kết tinh trí tuệ của Ban Chấp hành Trung ương, là một bước cụ thể hóa đường lối, chủ trương do Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra, đồng thời là sự biểu thị ý chí, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta biến đường lối của Đảng thành hiện thực thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bộ Chính trị đã báo cáo giải trình ý kiến thảo luận của Hội nghị, tôi chỉ xin nhấn mạnh và làm rõ thêm một số vấn đề.

Thưa các đồng chí,

Bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của

cách mạng Việt Nam. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và quyết định vấn đề hệ trọng này theo chương trình làm việc của Trung ương được quyết định từ đầu khóa. Nhiệm vụ xây dựng đất nước luôn luôn kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu mà nhân dân ta đã giành được trong sự nghiệp xây dựng đất nước gắn liền với những thành tựu đạt được trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm qua, chúng ta đã giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh phát triển kinh tế; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng và chế độ; tạo lập và củng cố môi trường quốc tế thuận lợi, mở rộng quan hệ đối ngoại; củng cố và tăng cường thế và lực của đất nước. Những thành tựu cơ bản đó đã chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo trong đường lối cách mạng của Đảng ta, đồng thời cũng khẳng định tiềm năng và sức mạnh to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong khi khẳng định những thành tựu đạt được là cơ bản, cần thấy rõ những khuyết điểm, yếu kém đã ảnh hưởng đến sức mạnh tổng hợp của quốc gia, thế ổn định của đất nước và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cơ bản của cách mạng và cũng là lợi ích căn bản của quốc gia; nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc luôn luôn gắn liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của chúng ta hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân

dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc phải là sức mạnh tổng hợp của đất nước. Đó là sức mạnh về chính trị, tư tưởng, kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...; là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành thống nhất của Nhà nước với lực lượng vũ trang làm nòng cốt; là tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, không ngừng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân phù hợp với hoàn cảnh mới.

Chúng ta kiên định lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước.

Nội dung và yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xuất phát từ quan điểm an ninh quốc gia tổng hợp và toàn diện. Bảo vệ không chỉ là phòng ngừa mà trước hết phải chăm lo xây dựng, làm cho mình mạnh lên. Kết hợp chặt chẽ xây dựng và bảo vệ từ trong mỗi con người, mỗi cơ sở; việc gì có lợi cho dân, cho nước, có lợi cho độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa thì phải quyết tâm làm. Mọi hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối nội, đối ngoại... đều phải nắm vững và thực hiện đúng yêu cầu bảo đảm an ninh trong từng lĩnh vực, từng địa phương thuộc phạm vi mình phụ trách, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu an ninh chung theo quan điểm kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược; gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; lấy việc ổn định và phát triển kinh

tế - xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước làm nền tảng giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng; lấy ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng làm điều kiện để giữ vững ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Chúng ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; hợp tác bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc thì sức mạnh bên trong là nhân tố quyết định; nắm chắc nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kết hợp chặt chẽ các nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nội dung quan trọng nhất là phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, đúng định hướng, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4, khóa IX. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Phát huy vai trò các tổ chức trong hệ thống chính trị là cơ sở giữ vững và phát huy sức mạnh khối đoàn kết thống nhất toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, phát huy nhân tố mới tích cực, kiên quyết chống tha hóa, biến chất, buông lỏng nguyên tắc, xa rời quần chúng, chống quan liêu, tham nhũng... Phải làm cho Đảng, Nhà nước ta thật sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó máu thịt với nhân dân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi chúng ta phải thường xuyên chăm lo xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước, trước hết là tiềm lực về chính trị, tinh thần, tiềm lực kinh tế; tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân mà mấu chốt là thế trận lòng dân; đẩy mạnh giáo dục quốc phòng; phát triển phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đủ sức làm nòng cốt cùng toàn dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong mọi tình huống.

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp vĩ đại của dân tộc ta, là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, trong đó các lực lượng vũ trang đóng vai trò nòng cốt.

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc tư tưởng Hồ Chí Minh về dựng nước và giữ nước, Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là trách nhiệm chính trị của mọi cấp, mọi ngành, mọi người, trước hết là của các cấp ủy đảng, của các đồng chí bí thư cấp ủy. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với nỗ lực cao nhất để góp phần giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Trong tình hình thực tiễn của nước ta, các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công có quan hệ chặt chẽ với nhau. Đó là những chính sách đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính sách kinh tế - xã hội, liên quan trực tiếp đến lợi ích của hàng triệu người, đến ổn định chính trị - xã hội, đến động lực phát triển kinh tế và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Nhà nước ta đã mấy lần cải cách các chính sách nói trên; lần cải cách năm 1993 đã có những thay đổi cơ bản nhận thức về vai trò tiền lương và trợ cấp xã hội trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, phân phối chủ yếu bằng hiện vật sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phân phối theo giá trị. Từ đó đến nay cũng đã có những bổ sung, điều chỉnh. Những chính sách đó đã có tác dụng tích cực trong một số năm đầu nhưng đã bộc lộ nhiều chỗ bất hợp lý, chưa theo kịp diễn biến của thị trường lao động và những thay đổi về kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới. Vì vậy, đòi hỏi phải cải cách cơ bản theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt hơn công bằng xã hội, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Các đồng chí đã thảo luận sôi nổi bản đề án do Ban Cán sự đảng Chính phủ chuẩn bị. Bộ Chính trị đã giải trình với Hội nghị những vấn đề Trung ương thảo luận. Trên cơ sở ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Cán sự đảng

Chính phủ sẽ chỉ đạo chỉnh sửa đề án để Chính phủ trình Quốc hội xem xét và quyết định.

Như trên đã đề cập, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công là một chính sách lớn, rất quan trọng, liên quan tới lợi ích của hàng triệu người lao động và hàng triệu người có công với nước. Nhưng chính sách đó phải gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm các cân đối vĩ mô của nền kinh tế, bảo đảm quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, quan hệ giữa tăng quỹ lương và trợ cấp với tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách, bảo đảm cải cách tiền lương và giữ được ổn định kinh tế - xã hội, không để xảy ra lạm phát và tăng giá đột biến; bảo đảm đầu tư cho phát triển để giữ nhịp độ phát triển ở mức cao và bền vững; chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân và người lao động một cách cơ bản.

Trong quá trình đổi mới tư duy, xuất phát từ đánh giá vai trò quyết định của nguồn lực con người trong lao động, sáng tạo, Đảng ta đã khẳng định: trả lương đúng cho cán bộ, công chức và người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực để tăng trưởng kinh tế, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng lao động sự nghiệp. Do đó, chính sách tiền lương phải góp phần hình thành thị trường lao động lành mạnh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm người lao động đủ sống, thu hút được lao động có chất lượng cao vào các khu vực quan trọng của Nhà nước và xã hội, khuyến khích người lao động đi sâu vào nghề nghiệp, khuyến khích và ưu đãi những tài năng, không ngừng tăng năng suất lao động, năng lực sáng tạo, làm việc hết sức mình vì đời sống của bản thân, gia đình và vì lợi ích toàn xã hội.

Trong thời kỳ đổi mới, giữa các lĩnh vực và các ngành còn tồn tại sự phát triển không đồng đều; đặc biệt, số đông người làm nông nghiệp thu nhập còn thấp. Do đó, cần từng bước có biện pháp bảo đảm mối quan hệ hợp lý giữa thu nhập của người hưởng lương và người hưởng trợ cấp xã hội với thu nhập của các đối tượng lao động khác để tạo ra sự đồng thuận trong xã hội.

Để thực hiện những quan điểm cơ bản trên đây, cần phải có bước đi thích hợp. Trước mắt, chú trọng nâng thêm mức lương của những người thu nhập thấp và trung bình, thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối theo lao động và theo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tính công khai, minh bạch trong thu nhập, kiểm soát và hợp thức hóa các khoản thu nhập chính đáng có tính chất lương, từng bước bảo đảm tiền lương trở thành nguồn thu nhập chính và cơ bản đủ sống cho cán bộ, công chức và người hưởng lương, xóa bỏ các hưởng thụ ngoài tiêu chuẩn.

Đất nước ta còn nghèo, tổng giá trị sản phẩm và tổng thu ngân sách hàng năm còn hạn hẹp, lại phải giải quyết nhiều vấn đề trọng đại và bức xúc. Chúng ta cũng chỉ có thể chỉ tiêu trên cơ sở những gì làm ra. Đề án cải cách tiền lương đã vạch ra một lộ trình thực hiện trong một số năm. Để có thể có cơ sở vững chắc từ nội lực thực hiện đề án cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công, đòi hỏi chúng ta phải phấn đấu rất cao để bảo đảm mức tăng trưởng như Đại hội lần thứ IX của Đảng đã quyết định và phải đẩy mạnh sản xuất, ra sức tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô. Đó cũng là trách nhiệm và nghĩa vụ của

các cấp, các ngành, của mọi cán bộ, đảng viên, công chức, chiến sĩ và toàn dân.

Thưa các đồng chí,

Đến Hội nghị Trung ương lần này, Ban Chấp hành Trung ương đã cụ thể hóa những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Vấn đề có ý nghĩa quyết định và cũng là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và các đồng chí cán bộ chủ chốt của các cấp, các ngành, đơn vị là phải nói đi đôi với làm, quyết tâm biến nghị quyết của Đảng thành thực tiễn cuộc sống.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

Chúc các đồng chí khỏe mạnh và thành công trong công tác.

Xin cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Từ ngày 2 đến ngày 12-7-2003, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX). Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, nêu cao trách nhiệm cá nhân, phát huy trí tuệ tập thể, Hội nghị đã dân chủ thảo luận và thông qua Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; cho ý kiến về Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công. Hội nghị cũng đã xem xét, quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

I- VỀ CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ TỔ QUỐC
TRONG TÌNH HÌNH MỚI

“Dựng nước đi đôi với giữ nước” là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, quy luật đó được biểu hiện tập trung trong hai nhiệm vụ chiến lược có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau:

xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị Trung ương lần này đã kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng đến nay; trên cơ sở đó đề ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và những giải pháp chủ yếu nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

1. Hội nghị khẳng định, thành tựu cơ bản bao trùm trong hơn 10 năm qua là: chúng ta đã giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới; tạo lập được môi trường quốc tế thuận lợi, mở rộng quan hệ đối ngoại; không ngừng tăng cường thế và lực của đất nước. Tuy còn có những khuyết điểm, yếu kém không nhỏ cần quyết tâm phấn đấu khắc phục, nhưng chúng ta hoàn toàn có khả năng giữ vững hòa bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Hội nghị xác định: kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước. Hội nghị nêu rõ những nhiệm vụ cơ bản bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới:

Một là, giữ vững môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, duy trì nền hòa bình lâu dài;

bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Hai là, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ; giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng Đảng, Nhà nước, toàn bộ hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân; bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Ba là, nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế gắn liền với phát triển văn hóa - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, chú trọng nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm công bằng xã hội; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Bốn là, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng dân chủ xã hội đi đôi với tăng cường trật tự, kỷ cương, thực hiện tốt chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo của Đảng; nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Năm là, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, quốc phòng và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. củng cố, hoàn thiện thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân. Xây dựng các cơ quan nội chính, bảo vệ pháp luật trong sạch, vững mạnh.

Sáu là, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, chủ động mở rộng hợp tác quốc tế theo tinh thần “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” nhằm củng cố môi trường quốc tế thuận lợi để giữ vững hòa bình, ổn định chính trị - xã hội, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao vị thế của nước ta ở khu vực và trên thế giới.

3. Để thực hiện tốt mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Hội nghị nhất trí đề ra một số giải pháp chủ yếu trên các lĩnh vực: xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác chính trị - tư tưởng, kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại v.v..

II- VỀ ĐỀ ÁN “CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG”

1. Hội nghị đánh giá: nhìn chung, chính sách hiện hành về tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công đã từng bước thể chế hóa những quan điểm của Đảng đề ra về tiền lương và trợ cấp xã hội, cơ bản xóa bỏ được chế độ trả lương bằng hiện vật, thực hiện chế độ trả lương và trợ cấp bằng tiền, khắc phục một bước tính bình quân trong tiền lương, khuyến khích người lao động làm việc ở những ngành, vùng khó khăn, quan trọng; góp phần chăm lo tốt hơn đời sống của người hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi.

Quá trình thực hiện đã bảo đảm được các yêu cầu ổn định các cân đối vĩ mô của nền kinh tế, tăng chi cho đầu tư

phát triển, kiểm soát được lạm phát, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tuy nhiên, tiền lương của cả người đang công tác và người nghỉ hưu, người hưởng trợ cấp ưu đãi nhìn chung còn thấp; đời sống của một bộ phận đối tượng này còn khó khăn; chính sách tiền lương chưa bảo đảm tốt nguyên tắc phân phối theo lao động, hệ thống thang bảng lương phức tạp, còn nhiều bất hợp lý, chưa khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi. Chưa kiểm soát được thu nhập ngoài lương của các đơn vị hưởng lương từ ngân sách.

2. Hội nghị đã thảo luận những quan điểm, nguyên tắc và các nội dung chủ yếu của việc tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công trong thời gian tới, nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công phải gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm các nguyên tắc cân đối vĩ mô của nền kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Việc điều chỉnh tiền lương phải trên cơ sở tăng năng suất lao động, tăng thu nhập quốc dân và sự phát triển của nền kinh tế. Coi việc trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực để tăng trưởng kinh tế, góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, nâng cao chất lượng các dịch vụ công.

Hai là, chính sách tiền lương phải phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; góp phần hình thành thị trường lao động lành mạnh, thu hút được lao động có chất lượng cao và lao động kỹ thuật vào những khu

vực quan trọng của Nhà nước và của xã hội, khuyến khích người lao động nâng cao trình độ nghề nghiệp, ưu đãi lực lượng vũ trang, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức các lĩnh vực khoa học, giáo dục, y tế, văn hóa, nghệ thuật, những người công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; thực hiện chính sách phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ các ngành kiểm sát, tòa án, thanh tra, kiểm tra.

Ba là, cải cách chính sách tiền lương phải thực hiện từng bước và đồng bộ với cải cách hành chính, đổi mới cơ chế quản lý tài chính, biên chế và trả lương ở các đơn vị sự nghiệp; tách dần chính sách tiền lương với chính sách bảo hiểm xã hội; điều chỉnh chính sách trợ cấp ưu đãi người có công.

3. Việc cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công cần đạt được những mục tiêu cơ bản sau:

- Phải khắc phục được bao cấp, giảm bớt tính bình quân; thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối theo lao động và theo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

- Từng bước tách rõ giữa chính sách tiền lương của cán bộ, công chức hành chính với cán bộ, công chức khu vực sự nghiệp trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, thực hiện quyền tự chủ về tài chính, về sử dụng biên chế và trả lương trong các đơn vị sự nghiệp, nhằm thúc đẩy phát triển lành mạnh các hoạt động sự nghiệp.

- Chú trọng nâng thêm mức lương trung bình và các mức lương thấp. Đồng thời khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng suất lao động và chất lượng, hiệu quả công tác.

- Thực hiện công khai, minh bạch về thu nhập, kiểm soát và hợp thức hóa các khoản thu nhập hợp pháp ngoài lương, làm rõ và xóa bỏ những loại thu nhập ngoài lương không hợp pháp và không hợp lý, để tiền lương trở thành nguồn thu nhập chính đảm bảo cuộc sống cán bộ, công chức và người hưởng lương.

- Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc mức hưởng trên cơ sở mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo đảm an toàn và phát triển quỹ bảo hiểm xã hội. Ưu tiên giải quyết một số bất hợp lý về lương hưu đối với người về hưu trước tháng 9-1985 và trước tháng 4-1993. Mở rộng phạm vi, đối tượng, loại hình bảo hiểm xã hội (thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp).

- Sớm xây dựng Luật bảo hiểm xã hội.

- Điều chỉnh trợ cấp ưu đãi để bảo đảm đời sống của người có công bằng mức sống trung bình của xã hội.

4. Hội nghị đã xác định các nội dung chủ yếu và các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công.

Những kết luận trên đây của Hội nghị Trung ương sẽ là cơ sở để Chính phủ hoàn chỉnh đề án trình kỳ họp thứ tư của Quốc hội khóa XI quyết định.

*

* *

Nhận rõ ý nghĩa quan trọng của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm nắm bắt cơ hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thành công Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám

Ban Chấp hành Trung ương, tiếp tục đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống, trước mắt thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2003 - năm “bản lề” của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 78-QĐ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2003

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Cán sự đảng Ngoài nước

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;
- Căn cứ Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII),

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Ban Cán sự đảng Ngoài nước

Ban Cán sự đảng Ngoài nước là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương và giải pháp lớn đối với công tác đảng, công tác quần chúng ở ngoài nước; đồng thời là một cấp ủy được Ban Bí thư ủy nhiệm chỉ đạo và quản lý các tổ chức đảng, các đảng bộ và đảng viên ở ngoài nước.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Cán sự đảng Ngoài nước

Về chức năng tham mưu:

1. Nghiên cứu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, các giải pháp lớn trong lĩnh vực công tác đảng, công tác quần chúng ở ngoài nước; chủ trì hoặc tham gia chuẩn bị các chỉ thị, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các mặt công tác nói trên.

2. Thẩm định và tham gia thẩm định các báo cáo, tờ trình, đề án... về các lĩnh vực có liên quan đến công tác đảng, công tác quần chúng ở ngoài nước do các tổ chức, cơ quan hữu quan chuẩn bị trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng về công tác đảng, công tác quần chúng ở ngoài nước.

Về chức năng cấp ủy:

4. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng ở ngoài nước về các mặt: chính trị tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, bảo vệ Đảng và công tác quần chúng của các đảng bộ ngoài nước nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan đại diện, của tổ chức và cá nhân cán bộ, nhân viên, chuyên gia, lưu học sinh, người hợp tác lao động, kinh doanh; tuyên truyền và vận động cộng đồng người Việt Nam ở ngoài nước đoàn kết, hướng về quê hương và tuyên truyền cho đất nước.

5. Được Trung ương ủy quyền thành lập, giải thể, tách nhập các tổ chức đảng, đảng bộ ngoài nước; chỉ định các ban chấp hành đảng bộ tại các nước; chuẩn y các chi ủy trực thuộc Ban do đại hội chi bộ bầu cử, chuẩn y ủy ban kiểm tra

của các đảng bộ; làm công tác đảng vụ theo quy định của Điều lệ Đảng.

6. Tham gia ý kiến thẩm định, nhận xét khi bổ nhiệm, đề bạt cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý là đảng viên đã từng có thời gian sinh hoạt tại các đảng bộ ngoài nước; tham gia ý kiến trong việc lựa chọn, bổ nhiệm người phụ trách cơ quan đại diện ở ngoài nước do Trung ương quy định.

7. Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, sử dụng cán bộ chuyên trách công tác đảng ngoài nước, cán bộ tham mưu giúp việc của cơ quan Ban Cán sự đảng Ngoài nước; bồi dưỡng cấp ủy viên kiêm nhiệm ở ngoài nước.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Ban Cán sự đảng Ngoài nước

1. Cơ cấu tổ chức của Ban gồm các đơn vị sau đây:

- Vụ Nghiên cứu tổng hợp,
- Vụ Tuyên huấn - Dân vận,
- Vụ Tổ chức,
- Ủy ban Kiểm tra,
- Văn phòng Ban.

2. Lãnh đạo Ban:

Ban Cán sự đảng Ngoài nước do Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương chỉ định, gồm: Bí thư chuyên trách là Trưởng ban, một số Phó Bí thư chuyên trách là Phó Trưởng ban, một số Phó Bí thư và ủy viên kiêm nhiệm đại diện cho một số ban, bộ, ngành và đoàn thể có liên quan.

3. Về biên chế:

Ban Cán sự đảng Ngoài nước trao đổi với Ban Tổ chức

Trung ương thống nhất xác định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban và chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

Ngoài số biên chế theo quy định, Ban Cán sự đảng Ngoài nước được thực hiện chế độ cộng tác viên phục vụ công tác nghiên cứu của Ban.

Điều 4. Quy chế làm việc

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế, Ban Cán sự đảng Ngoài nước tiến hành xây dựng và hoàn thiện Quy chế làm việc của Ban.

2. Quan hệ công tác giữa Ban Cán sự đảng Ngoài nước với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thực hiện theo chức năng và theo quy định của Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này thay cho Quyết định số 67-QĐ/TW, ngày 6-4-1993 của Ban Bí thư (khóa VII) và có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Ban Cán sự đảng Ngoài nước, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 79-QĐ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2003

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;
- Căn cứ Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII),

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương là cơ quan quản lý tài chính, tài sản của Đảng và bảo đảm hậu cần của Trung ương.

Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương

1. Nghiên cứu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương,

Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chế độ và nguyên tắc quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

2. Tổng hợp báo cáo dự toán, quyết toán ngân sách và tình hình công tác tài chính của Đảng để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương.

3. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chế độ, nguyên tắc quản lý tài chính, tài sản đối với các cơ quan đảng các cấp.

4. Được Bộ Chính trị ủy quyền là chủ sở hữu tài sản của Đảng; trực tiếp quản lý tài sản và quản lý, thực hiện dự toán ngân sách của các cơ quan đảng ở Trung ương theo đúng chế độ, chính sách của Đảng và quy định, pháp luật của Nhà nước.

5. Bảo đảm các điều kiện vật chất, trang bị kỹ thuật phục vụ hoạt động của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và bộ máy Trung ương Đảng; phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và các hội nghị do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư triệu tập.

6. Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ lão thành cách mạng và cán bộ diện chính sách theo quy định của Bộ Chính trị và Ban Bí thư; chăm lo đời sống của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cán bộ cao cấp và cán bộ, công chức của các cơ quan đảng Trung ương.

7. Quản lý về quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của Trung ương Đảng theo đúng quy định của pháp luật.

8. Tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp có thu và các doanh nghiệp (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 100% vốn của Đảng) theo đúng pháp luật và có hiệu quả.

9. Thực hiện nhiệm vụ quan hệ quốc tế về công tác tài chính với các đảng và các tổ chức chính trị có quan hệ với Đảng ta theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương

1. Lãnh đạo Ban gồm:

Trưởng ban và các Phó Trưởng ban.

2. Cơ cấu tổ chức của Ban gồm:

- Văn phòng Ban,
- Vụ Tài chính,
- Vụ Quản lý đầu tư và xây dựng,
- Cục Quản trị A (Hà Nội),
- Cục Quản trị T78 (Thành phố Hồ Chí Minh),
- Cục Quản trị T26 (Đà Nẵng),
- Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng của Đảng ở

Trung ương.

- Các đơn vị kinh doanh và sự nghiệp có thu trực thuộc Ban:
 - + Công ty trách nhiệm hữu hạn An Phú
 - + Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồ Tây
 - + Công ty trách nhiệm hữu hạn in Tiến Bộ.

Khi cần điều chỉnh, bổ sung cơ cấu tổ chức, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Về biên chế:

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương để thống nhất xác định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban và chức danh tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

Điều 4. Quy chế làm việc

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương xây dựng và hoàn chỉnh Quy chế làm việc của Ban.

2. Quan hệ công tác giữa Ban Tài chính - Quản trị Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thực hiện theo chức năng và theo quy định của Ban Bí thư.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này thay thế Quyết định số 33-QĐ/TW, ngày 7-9-1992 của Ban Bí thư (khóa VII) về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 113-TB/TW, ngày 7 tháng 7 năm 2003

**Về việc tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 100 năm
Ngày sinh đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên
của Đảng (1-5-1904 – 1-5-2004)**

Ngày 18-6-2003, sau khi xem xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (số 2985-CV/TTVH, ngày 3-4-2003) về việc tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Trần Phú, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Việc tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của đồng chí Trần Phú (1-5-1904 – 1-5-2004) nhằm tưởng nhớ công lao đồng chí Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng, giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho toàn Đảng, toàn dân.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cần hướng dẫn việc tổ chức, tuyên truyền, giáo dục trong các hoạt động kỷ niệm và thẩm định chất lượng chính trị, tư tưởng các hoạt động, các công trình nghiên cứu và các ấn phẩm.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Thành ủy Hà Nội tổ chức lễ Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Trần Phú tại Hà Nội.

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan và các địa phương tổ chức Hội thảo khoa học về thân thế, sự nghiệp cách mạng của đồng chí Trần Phú. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia cùng với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, tổ chức biên soạn, xuất bản sách về đồng chí Trần Phú.

- Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo xây dựng một số tác phẩm điện ảnh, sân khấu, công trình Tượng đài đồng chí Trần Phú có tác dụng giáo dục, quy mô hợp lý.

- Tỉnh ủy Hà Tĩnh chủ trì, cùng với thành phố Hà Nội, tỉnh Quảng Ngãi, Thành phố Hồ Chí Minh có phương án tiến hành tu bổ, tôn tạo các di tích, khu lưu niệm và các công trình tưởng niệm đồng chí Trần Phú tại các địa phương, nhất là ở xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (tu bổ, nâng cấp khu lưu niệm, khu mộ đồng chí Trần Phú và mộ các cụ thân sinh đồng chí Trần Phú; nâng cấp tuyến đường ngã tư Yên Trung đi khu lưu niệm; xây dựng công viên và dựng Tượng đài đồng chí Trần Phú tại thị xã Hà Tĩnh, xây dựng một số công trình hạ tầng cơ sở có liên quan khác...).

Tỉnh ủy Hà Tĩnh chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thẩm định các hoạt động, các ấn phẩm của địa phương về thân thế, sự nghiệp cách mạng của đồng chí Trần Phú.

- Đề nghị Chính phủ, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí cho các cơ quan và các địa phương được giao nhiệm vụ tổ chức các hoạt động nói trên.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 32-NQ/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2003

**Về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng
trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa
đất nước**

**I- TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

1. Hải Phòng là thành phố cảng lâu đời, nằm ở vị trí trung tâm vùng duyên hải Bắc Bộ, lá chắn cho Thủ đô Hà Nội, là đầu mối giao thông quan trọng và cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc, giao lưu thuận lợi với các địa phương trong nước và quốc tế.

Trải qua hơn một thế kỷ xây dựng và phát triển, luôn phát huy truyền thống cách mạng và năng động, sáng tạo trong sự nghiệp đổi mới, đến nay Hải Phòng đã trở thành một thành phố công nghiệp, đô thị loại I của đất nước; một cực tăng trưởng của vùng kinh tế động lực phía Bắc; một trọng điểm phát triển kinh tế biển - đảo; có vị trí trọng yếu cả về kinh tế và quốc phòng - an ninh.

Xây dựng và phát triển Hải Phòng về nhiều mặt còn có ý nghĩa quan trọng đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước.

2. Những năm qua, nhất là hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng đã và đang kế thừa truyền thống cách mạng vẻ vang, đoàn kết, nhất trí, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu, *giành được nhiều thành tựu quan trọng, tạo nên những chuyển biến tích cực và sâu sắc trên nhiều lĩnh vực*, nổi bật là: đã phát huy tốt hơn tiềm năng, lợi thế và nội lực, đưa kinh tế tăng trưởng liên tục với tốc độ khá cao, tạo tiền đề vững chắc cho việc hoàn thành vượt mức mục tiêu đề ra cho năm 2005; cơ cấu kinh tế đang có bước chuyển dịch tích cực, đúng hướng, trong đó một số ngành như công nghiệp đóng tàu, sản xuất thép, dịch vụ vận tải hàng hóa thông qua cảng... có bước phát triển khá nhanh; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là cơ sở hạ tầng đô thị và thu hút đầu tư nước ngoài có tiến bộ; thu ngân sách tăng nhanh; việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế hợp tác và kinh tế tư nhân được triển khai tích cực, đạt nhiều kết quả.

Công tác quản lý và phát triển đô thị có những chuyển biến rõ nét. Sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm thực hiện các chính sách xã hội... được quan tâm và có những tiến bộ mới. Mặt bằng dân trí, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân Thành phố được nâng lên một bước; bộ mặt

nhiều vùng nông thôn ngoại thành và huyện đảo có nhiều khởi sắc.

Chính trị, xã hội ổn định; an ninh trên đất liền, trên biển - đảo và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và việc xây dựng khu vực phòng thủ được củng cố một bước vững chắc; các vụ việc nổi cộm, nhất là khiếu kiện đông người được xử lý tốt hơn, không để diễn biến xấu.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được coi trọng và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ và các tổ chức cơ sở đảng được củng cố và nâng cao; công tác kiểm tra, tổ chức và công tác cán bộ có tiến bộ, đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành về chất lượng chính trị và năng lực; phương thức lãnh đạo, điều hành, mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền và đoàn thể nhân dân gắn bó chặt chẽ hơn; nội bộ cấp ủy đoàn kết, thống nhất; niềm tin và uy tín của Đảng bộ đối với nhân dân Thành phố ngày càng được nâng cao.

Kết quả trên đây đã giúp Thành phố bước đầu phát huy vai trò là một cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế động lực phía Bắc, đồng thời tạo điều kiện để Thành phố vươn lên thực hiện tốt các nhiệm vụ còn lại của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

3. Bên cạnh những thành tựu đạt được, Thành phố còn *một số hạn chế, yếu kém*: tuy kinh tế tăng trưởng gấp 1,5 lần so với mức tăng trưởng bình quân chung của cả nước, nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, vị trí, vai trò là cực tăng trưởng quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm; sự lan tỏa

và sức thu hút đối với sự phát triển trong vùng còn hạn chế. Chất lượng, hiệu quả của sự phát triển chưa cao, thiếu tính bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, chưa vững chắc; các lợi thế và nguồn lực chưa được phát huy tốt, thu hút đầu tư nước ngoài chưa mạnh; thu ngân sách chưa vững chắc (thu nội địa mới đáp ứng 80% chi ngân sách của Thành phố); du lịch phát triển chậm; kim ngạch xuất khẩu, chất lượng hàng hóa, dịch vụ, khả năng cạnh tranh và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế.

Quản lý và phát triển đô thị còn nhiều bất cập, chất lượng công tác quy hoạch thấp, quản lý đất đai còn thiếu sót; cơ sở hạ tầng đô thị chưa đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển chung. Một số tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn và còn diễn biến phức tạp; tỷ lệ hộ nghèo cao hơn mức bình quân chung của khu vực đồng bằng sông Hồng; đời sống nhân dân ở một số vùng còn khó khăn; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn những yếu tố mất ổn định; lĩnh vực khoa học, công nghệ chưa được quan tâm đúng mức, ngang tầm với vị trí của Thành phố.

Công tác cán bộ, củng cố và kiện toàn tổ chức, bộ máy chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tình trạng hẫng hụt cán bộ vẫn còn diễn ra ở một số cấp, ngành và nhất là cấp cơ sở; cải cách hành chính chưa mạnh; công tác chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả chưa cao...

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, yếu kém trên đây là do:

- Về chủ quan:

+ Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và một bộ phận cán bộ lãnh

đạo và quản lý chưa tương xứng với yêu cầu phát triển của Thành phố; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước còn bất cập, kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở có nơi còn hình thức.

+ Chưa có những cơ chế, chính sách mang tính đột phá và những biện pháp đồng bộ để phát huy tốt nhất nội lực, các tiềm năng, lợi thế của Thành phố; chưa tranh thủ đúng mức sự chỉ đạo, hợp tác, giúp đỡ của các cơ quan Trung ương, các địa phương và chưa khai thác tốt nguồn lực bên ngoài cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Chưa làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh giỏi; một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn có biểu hiện thụ động, ỷ lại.

- Về khách quan: điểm xuất phát thấp; cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, nhất là ở những vùng ven biển, hải đảo còn khó khăn. Nguồn đầu tư của Trung ương cho Hải Phòng còn hạn chế, chưa tương xứng với vị trí của Thành phố. Một số cơ chế, chính sách vĩ mô của Nhà nước chưa phù hợp với điều kiện đặc thù của Thành phố; một số bộ, ngành Trung ương chưa chủ động phối hợp chặt chẽ, kịp thời với Thành phố trong việc triển khai các quyết định của Chính phủ, nhất là trong việc xây dựng và thực hiện các quy hoạch phát triển ngành trên địa bàn.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2020

1. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Hải Phòng có những thuận lợi cơ bản,

song cũng đứng trước những khó khăn, thách thức gay gắt, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Thành phố phải nỗ lực phấn đấu vượt bậc.

Với vị trí, vai trò của mình, từ nay đến năm 2020, Thành phố phải tập trung xây dựng và phát triển để *Hải Phòng xứng đáng là thành phố cảng, công nghiệp hiện đại; là đô thị trung tâm cấp quốc gia; đầu mối giao thông quan trọng và cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc, có cảng nước sâu (nếu điều kiện kỹ thuật cho phép); một cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế động lực phía Bắc; một trọng điểm phát triển kinh tế biển; một trong những trung tâm công nghiệp, thương mại lớn của cả nước và trung tâm dịch vụ, du lịch, thủy sản, giáo dục và y tế của vùng duyên hải Bắc Bộ; một pháo đài bất khả xâm phạm về quốc phòng - an ninh; có tổ chức đảng và hệ thống chính trị không ngừng lớn mạnh, đời sống nhân dân ngày một nâng cao.*

Phấn đấu Hải Phòng là một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp văn minh, hiện đại trước năm 2020.

2. Để thực hiện phương hướng, mục tiêu trên, Đảng bộ thành phố Hải Phòng cần *tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:*

2.1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm phát huy tối đa các nguồn lực và lợi thế cho đầu tư, phát triển kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững để Hải Phòng cùng với Hà Nội, Quảng Ninh tạo thành tam giác kinh tế năng động, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của cả nước và ngược lại. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp

hóa và đô thị hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đó, chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp nặng có lợi thế và tiềm năng như đóng mới, sửa chữa tàu biển, kể cả chế tạo động cơ và các trang bị cho tàu thủy; công nghiệp sản xuất các sản phẩm cơ khí nặng, các sản phẩm siêu trường, siêu trọng, cán thép, xi măng và hóa chất. Chú trọng phát triển sản xuất các sản phẩm và các ngành công nghiệp công nghệ cao; hình thành và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cụm công nghiệp, khu công nghiệp; tận dụng lợi thế về nguồn nhân lực và nguồn nguyên liệu trong vùng để phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng, chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu. Nâng cao năng lực các cảng biển hiện có, xúc tiến nghiên cứu xây dựng cảng nước sâu để đáp ứng kịp yêu cầu vận tải biển đang tăng nhanh. Phát triển mạnh du lịch, kinh tế biển và thủy sản. Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp, gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, nhất là các dịch vụ cao cấp và dịch vụ có hàm lượng chất xám cao. Tập trung cao hơn mọi nguồn lực của cả địa phương và Trung ương, tạo môi trường thuận lợi nhất, với các cơ chế, chính sách hấp dẫn, đủ mạnh để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo bước đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong thời gian tới.

2.2. Phải đặc biệt coi trọng công tác quy hoạch, tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể không gian đô thị và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố;

khẩn trương xây dựng các quy hoạch chi tiết, thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài để làm tốt công tác này. Thiết lập trật tự, kỷ cương trong công tác quản lý quy hoạch và quản lý đô thị. Đẩy mạnh việc nâng cấp và chỉnh trang đô thị đi đôi với khẩn trương xây dựng hình thành các khu đô thị mới, trước hết là khu đô thị mới bắc sông Cẩm theo tiêu chí văn minh, hiện đại để xây dựng Hải Phòng xứng đáng là đô thị loại I, đô thị trung tâm cấp quốc gia.

2.3. Đẩy nhanh hơn tiến trình sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh các thành phần kinh tế khác. Chủ động phối hợp, liên kết chặt chẽ với Thủ đô Hà Nội, Quảng Ninh và các địa phương khác trong vùng để cùng phát huy tiềm năng, lợi thế, vì sự phát triển chung.

2.4. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội, chú trọng giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội bức xúc (việc làm, xóa đói, giảm nghèo, ma túy, mại dâm, tội phạm xã hội). Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục quan tâm chăm lo việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là ở hai huyện đảo và những vùng khó khăn của Thành phố.

2.5. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; giữ vững chủ quyền quốc gia trên biển - đảo, có phương án kịp thời đối phó với mọi tình huống xấu xảy ra; xử lý kịp thời và đúng đắn các vấn đề phức tạp nảy sinh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2.6. Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh; giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ.

2.7. Thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng, tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4, khóa IX; quan tâm củng cố, xây dựng hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo phương châm “hướng về cơ sở”; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến; quan tâm chăm lo xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong nhân dân.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng với tốc độ nhanh, bền vững, vì Hải Phòng, vì vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước. Trách nhiệm này trước hết là của Đảng bộ và nhân dân Thành phố, đồng thời cũng là trách nhiệm của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các ban, bộ, ngành, các đoàn thể nhân dân ở Trung ương và sự phối hợp thường xuyên của các địa phương trong vùng và cả nước.

2. Thành phố cần chủ động phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương; đồng thời, các ban, bộ,

ngành Trung ương cần có ý thức và trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ, giúp đỡ Thành phố trong xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển các ngành trên địa bàn, kiểm tra và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho Thành phố. Các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh trong khu vực cần chủ động phát triển quan hệ liên kết, hợp tác với Thành phố trên các lĩnh vực, tạo nên sự gắn bó và sức mạnh chung.

3. Giao cho Ban Cán sự đảng Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương khẩn trương thực hiện các chủ trương sau:

3.1. Trên cơ sở xác định vị trí của Thành phố đến năm 2020, cần tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, bổ sung, cập nhật, điều chỉnh đồng bộ quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch ngành và quy hoạch tổng thể phát triển Thành phố về đô thị và kinh tế - xã hội đến năm 2010 và năm 2020; giúp Thành phố làm tốt việc cụ thể hóa các quy hoạch chi tiết, phù hợp với một thành phố cảng, công nghiệp hiện đại theo hướng mở và phát huy mạnh mẽ lợi thế riêng của Thành phố.

3.2. Chỉ đạo việc thực hiện đầy đủ các cơ chế hiện hành đã phân cấp cho địa phương, đồng thời tiếp tục phân cấp mạnh hơn, toàn diện hơn cho Thành phố, nhất là về đầu tư, tài chính, ngân sách, tổ chức cán bộ và thẩm quyền quyết định để tạo điều kiện cho Thành phố phát triển nhanh hơn.

3.3. Về những vấn đề cụ thể:

- Bộ Tài chính chủ trì nghiên cứu trình Chính phủ cho phép Hải Phòng được áp dụng cơ chế tài chính ưu đãi trong phân bổ ngân sách của Trung ương, để lại một số nguồn thu tại chỗ cho địa phương, nhất là nguồn thu từ quỹ đất, tương tự như đã áp dụng cho các đô thị loại I cấp quốc gia hoặc các

cửa khẩu, tạo nguồn để Thành phố có thêm vốn đầu tư cho các chương trình, dự án xây dựng hạ tầng đô thị và giao thông; xây dựng khu đô thị mới bắc sông Cấm; xây dựng hạ tầng du lịch và đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực hội nhập cho các doanh nghiệp.

- Bộ Giao thông vận tải cùng các ngành chức năng và Thành phố khẩn trương điều tra, khảo sát và nghiên cứu bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển ở Hải Phòng và vùng Đông Bắc, trong đó có việc nghiên cứu xây dựng cảng nước sâu tại Lạch Huyện như đề nghị của Thành phố và một số cơ quan chức năng chuyên ngành của Trung ương để trình Chính phủ sớm quyết định. Xác định việc huy động các nguồn lực, phân kỳ đầu tư, từng bước xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng kéo dài tới Đình Vũ; hiện đại hóa, nâng cấp đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng ra Đình Vũ; xây dựng các cầu (hoặc đường hầm) ra các huyện đảo và nâng cấp, mở rộng sân bay Cát Bi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế động lực và Thành phố.

- Bộ Thủy sản, Tổng cục Du lịch nghiên cứu xây dựng đảo Bạch Long Vĩ sớm trở thành trung tâm chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tỉnh ven biển Bắc Bộ; xây dựng đảo Cát Bà cùng với Đồ Sơn, Hạ Long trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế của cả nước.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Ủy ban Thể dục - Thể thao sớm trình Chính phủ việc thành lập Trường Đại học Hải Phòng (trên cơ sở nâng cấp Trường Đại học Sư phạm Hải Phòng) theo mô hình đại học đa ngành; xây dựng Bệnh viện Việt - Tiệp thành bệnh viện đa khoa khu vực với các chuyên khoa sâu, chất lượng cao nhằm phục vụ cho cả vùng duyên

hải Bắc Bộ, góp phần giảm tải cho Thủ đô Hà Nội; nghiên cứu xây dựng khu liên hợp thể thao theo tiêu chuẩn hiện đại, đóng vai trò là một trong những trung tâm thể thao mạnh của cả nước.

- Bộ Quốc phòng phối hợp với Thành phố xây dựng các phương án kết hợp quốc phòng với kinh tế trên các vị trí phòng thủ trọng yếu của Thành phố; nghiên cứu xây dựng quân cảng tại Hải Phòng.

- Bộ Nội vụ cùng với Ban Tổ chức Trung ương sớm xem xét việc để Hải Phòng được hưởng các cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy và cán bộ theo tiêu chuẩn quy định đối với đô thị loại I.

4. Hàng năm, Ban Bí thư và Chính phủ làm việc với lãnh đạo thành phố Hải Phòng để nắm tình hình, chỉ đạo xử lý kịp thời các vướng mắc, tạo điều kiện cho Thành phố phát triển nhanh, bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Các nghị quyết của Trung ương Đảng
2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2004, tr. 314-326.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 26-CT/TW, ngày 19 tháng 8 năm 2003

**Về việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt
và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám
Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX)
về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới**

Thực hiện chương trình làm việc toàn khóa, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX) đã thông qua Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là nhiệm vụ quan trọng, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài, vừa là đòi hỏi bức bách hiện nay. Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành nắm vững mục đích, yêu cầu và thực hiện theo kế hoạch sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn

dân, toàn quân nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; làm cho mọi người thấm suốt tinh thần “Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc”, “Toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước”.

2. Mỗi cấp ủy đảng tiến hành kiểm điểm sâu sắc việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời gian qua nhằm đánh giá đúng thành tựu, khuyết điểm, yếu kém và những bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nghị quyết về bảo vệ Tổ quốc từ Đại hội VII đến nay; trong đó chú trọng kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) và Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về chiến lược an ninh quốc gia.

3. Thống nhất nhận định và dự báo tình hình, quán triệt sâu sắc những quan điểm, phương châm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản và giải pháp chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong đó có cách tư duy mới về đối tác, đối tượng.

4. Trên cơ sở đó, các cấp ủy đảng xây dựng và triển khai thực hiện chương trình hành động của địa phương, đơn vị mình; tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước, trước hết là tiềm lực chính trị - tinh thần, tiềm lực kinh tế, tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đủ sức đóng vai trò nòng cốt cùng toàn dân thực hiện và hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

II- KẾ HOẠCH TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 8

1. Mở hội nghị cán bộ chủ chốt của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương (Dưới đây nói chung là các lớp của tỉnh ủy, thành ủy, còn các đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương thực hiện tương tự)

a) Hội nghị ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy:

Trước khi mở hội nghị cán bộ chủ chốt, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mở hội nghị ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, để:

- Đồng chí bí thư cấp ủy truyền đạt những nội dung chủ yếu của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và chỉ thị này của Ban Bí thư.

- Thảo luận báo cáo kiểm điểm của cấp ủy địa phương và đơn vị về việc thực hiện Nghị quyết của Đảng về bảo vệ Tổ quốc, nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) và Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị (khóa VIII).

- Xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của cấp ủy địa phương, đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới ở địa phương, đơn vị.

b) Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt của các tỉnh ủy, thành ủy

- Thành phần:

Các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố;

trưởng, phó các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, thành phố; ủy viên đảng ủy quân sự và đảng ủy công an tỉnh, thành phố; các đồng chí trong ban thường vụ các huyện ủy, quận ủy, thị ủy và các đảng bộ trực thuộc tỉnh, thành phố, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân, chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh, thành phố.

(Đối với đảng ủy các khối trực thuộc Trung ương gồm: lãnh đạo cơ quan, đảng ủy cơ quan, lãnh đạo các cục, vụ, viện, đơn vị trực thuộc).

- *Nội dung:*

+ Giới thiệu nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8.

+ Báo cáo của các tỉnh ủy, thành ủy về kết quả thực hiện các nghị quyết của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ Đại hội VII đến nay.

+ Báo cáo và thảo luận dự thảo chương trình hành động.

+ Hướng dẫn kế hoạch tổ chức quán triệt thực hiện Nghị quyết ở cấp huyện, thị xã.

- *Tài liệu:*

+ Bài khai mạc, bế mạc Hội nghị Trung ương 8 của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh.

+ Đề cương giới thiệu Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8.

- *Thời gian:* 2 ngày, hoàn thành trước ngày 10-10-2003.

- *Báo cáo viên:* đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp giới thiệu.

2. Lớp cán bộ chủ chốt cấp huyện

- *Thành phần:*

Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện

(quận, thị xã, thành phố, đảng bộ trực thuộc); ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã (phường, thị trấn) và đảng ủy viên các đảng ủy trực thuộc, thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện.

- *Nội dung:*

+ Giới thiệu nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8.

+ Báo cáo của huyện ủy (quận ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc) về kết quả thực hiện các nghị quyết của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ Đại hội VII đến nay.

+ Báo cáo và thảo luận chương trình hành động.

+ Hướng dẫn kế hoạch tổ chức quán triệt Nghị quyết cho các tổ chức đảng ở cơ sở và tổ chức tuyên truyền trong nhân dân.

- *Thời gian:* 2 ngày, hoàn thành trước ngày 30-10-2003.

- *Báo cáo viên:* đồng chí bí thư huyện ủy (quận ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc) trực tiếp giới thiệu.

3. Các lớp cho đảng viên ở cơ sở (xã, phường, thị trấn)

- *Nội dung:*

+ Giới thiệu nội dung cơ bản Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8.

+ Báo cáo của cấp ủy về kết quả thực hiện các nghị quyết của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ Đại hội VII đến nay.

+ Báo cáo và thảo luận chương trình hành động.

- *Tài liệu:* tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn.

- *Thời gian:* 1 ngày rưỡi, hoàn thành trước ngày 30-11-2003.

4. Các lớp do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương mở các lớp cho các đồng chí trưởng ban tuyên giáo tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ngành, đoàn thể chính trị ở Trung ương, báo cáo viên của các tỉnh, thành phố và đảng bộ trực thuộc Trung ương, cán bộ chủ chốt hội văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, báo chí, xuất bản.

- *Nội dung:*

+ Giới thiệu nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8.

+ Báo cáo bổ sung: về quốc phòng; an ninh; đối ngoại; tư tưởng - văn hóa.

(Tùy đối tượng từng lớp phổ biến các nội dung này cho thích hợp).

- *Tài liệu:* Như lớp của cấp tỉnh.

- *Thời gian:* Mỗi lớp 2 ngày. Hoàn thành xong trước ngày 30-10-2003. Lớp báo cáo viên hoàn thành trước ngày 20-9-2003.

5. Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 trong lực lượng vũ trang do Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương quyết định

6. Tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân

Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 trong đoàn thể của mình. Sử dụng tài liệu của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn. Hoàn thành trước ngày 31-12-2003.

7. Các phương tiện thông tin đại chúng có kế hoạch tuyên truyền cụ thể thông qua các chuyên trang, chuyên mục về Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 và tiếp tục tuyên truyền việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, nghị quyết và kết luận của các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX).

III- TỔ CHỨC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CÁC CẤP ỦY

- Đối với các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tiến hành kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và bảo đảm an ninh trật tự, trong đó chú trọng kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) về chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ; Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị khóa VIII về Chiến lược an ninh quốc gia. Lựa chọn những vấn đề bức xúc cần tập trung chỉ đạo để xây dựng chương trình hành động, thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 đã đề ra.

Riêng đối với một số ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần đi sâu kiểm điểm một số vấn đề cụ thể sau:

- Ban Cán sự đảng Chính phủ kiểm điểm việc đầu tư cho an ninh, quốc phòng, kết hợp kinh tế và ngoại giao với an ninh - quốc phòng, trang bị phương tiện và thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng vũ trang, căn cứ vào đó xây dựng chương trình hành động tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đảng ủy Quân sự Trung ương đi sâu kiểm điểm và xây dựng chương trình hành động, tổ chức triển khai các phương án phòng thủ biên giới, biển đảo, phương án phòng thủ khu vực, kết hợp quốc phòng với an ninh, kinh tế, đối ngoại, vấn đề xây dựng, phát triển kỹ thuật công nghệ, công tác bố trí thể trận quốc phòng trong mối quan hệ với thể trận an ninh nhân dân và các thể trận khác, công tác sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, bảo đảm chế độ, chính sách đối với Quân đội.

- Đảng ủy Công an Trung ương tập trung kiểm điểm và xây dựng chương trình hành động về công tác nghiên cứu dự báo tình hình, tham mưu chiến lược về an ninh quốc gia, công tác xây dựng, tổ chức, triển khai các phương án bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng, các lĩnh vực trọng điểm; công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, bảo đảm trang bị phương tiện kỹ thuật và thực hiện chế độ, chính sách cho Công an.

- Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao tập trung kiểm điểm và xây dựng chương trình hành động về chiến lược, sách lược đối ngoại trong tình hình mới, nhất là đối với các nước trong khu vực, các nước lớn.

- Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng tập trung kiểm điểm và xây dựng chương trình hành động thực hiện trên một số lĩnh vực cụ thể: đấu tranh chống các quan điểm sai trái và các luận điệu của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, công tác tuyên truyền giáo dục trong cán bộ, đảng viên và nhân dân để nâng cao cảnh giác, chống diễn biến hòa bình, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; định hướng, nâng cao chất lượng công tác quản lý báo chí,

xuất bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, xây dựng hệ thống lý luận theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền, tăng cường mạnh mẽ công tác tuyên truyền đối ngoại phù hợp với yêu cầu thực hiện đường lối đối ngoại trong giai đoạn mới.

- Đối với hệ thống nhà trường, học viện của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở Trung ương và các địa phương nghiên cứu biên soạn giáo trình, bài giảng theo nội dung mà Nghị quyết đã đề ra, để đưa vào chương trình giảng dạy, học tập cho phù hợp.

IV- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức học tập và quán triệt nghị quyết, đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, bí thư cấp ủy trực tiếp truyền đạt và giới thiệu Nghị quyết. Riêng các Đảng bộ Quân sự Trung ương, Đảng bộ Công an Trung ương, các đảng bộ khối trực thuộc Trung ương do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách các đảng bộ trực tiếp truyền đạt và giới thiệu nghị quyết.

2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp về mọi mặt thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Định kỳ hàng năm và đột xuất khi cần thiết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng nghe báo cáo đánh giá kết quả và cho ý kiến chỉ đạo về thực hiện Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, xem xét, quyết định những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc,

gắn chiến lược bảo vệ Tổ quốc với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

4. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan cụ thể hóa các hệ thống giải pháp, xây dựng và triển khai các dự án về kinh tế, xã hội, nhất là ở các vùng, lĩnh vực trọng điểm liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

5. Các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương hàng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh trật tự ở địa phương, đơn vị.

6. Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao cho Ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia phối hợp với Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao, Văn phòng Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương theo dõi kết quả tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 115-TB/TW, ngày 19 tháng 8 năm 2003

**Về Đề án phát hành trái phiếu chính phủ
để xây dựng một số công trình hạ tầng
kinh tế - xã hội quan trọng
của Nhà nước**

Ngày 15-8-2003, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về “Đề án phát hành trái phiếu chính phủ để xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Nhà nước” (Tờ trình số 69/BCS, ngày 17-7-2003) và ý kiến của một số bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Đồng ý chủ trương phát hành trái phiếu chính phủ để bổ sung thêm vốn đầu tư một số công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước (ngoài các dự án đã được bố trí vốn đầu tư theo kế hoạch) như nêu trong Đề án của Chính phủ. Đây là một trong những giải pháp phát huy nội lực cho đầu tư phát triển kinh tế theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

2. Quy mô phát hành trái phiếu chính phủ trong từng năm cần được tính toán kỹ và phải được chỉ đạo sát sao để bảo đảm giữ an ninh tài chính quốc gia, giữ tổng mức dư nợ Chính phủ và dư nợ nước ngoài của quốc gia trong mức an toàn theo thông lệ quốc tế, giữ bội chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Trong quá trình thực hiện, cần vừa làm vừa rút kinh nghiệm để đáp ứng tốt các yêu cầu nói trên.

3. Việc lựa chọn các công trình được đầu tư từ nguồn thu phát hành trái phiếu chính phủ phải được cân nhắc chọn lọc kỹ và tập trung làm những công trình có nhu cầu cấp thiết trước, bảo đảm đầu tư dứt điểm, tránh dàn trải. Theo tinh thần đó, cần tiếp tục rà soát, sắp xếp lại danh mục thứ tự ưu tiên các công trình; chú ý đến các dự án giao thông vành đai phía Bắc; nhưng cần phân kỳ đầu tư hợp lý cho từng thời gian cụ thể, không nhất thiết hoàn thành trong cùng một thời gian; bổ sung việc đầu tư xây dựng sớm dự án đường Đông Trường Sơn.

Căn cứ kết luận của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo hoàn chỉnh Đề án trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định để có thể sớm tổ chức thực hiện từ ngày 1-10-2003 và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ tư sắp tới.

Ban Cán sự đảng Chính phủ cùng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tổ chức tuyên truyền, động viên đảng viên, nhân dân ủng hộ chủ trương quan trọng này của Đảng và Nhà nước, bảo đảm việc phát hành trái phiếu đạt được yêu cầu đề ra.

Nếu thấy cần thiết, trước khi phát hành chính thức, Ban Cán sự đảng Chính phủ chuẩn bị để Bộ Chính trị ra chỉ thị về vấn đề này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 117-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2003

Về Đại hội IX Công đoàn Việt Nam

Ngày 25-8-2003, sau khi nghe báo cáo của Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ý kiến các ban, ngành có liên quan về Đề án Đại hội lần thứ IX Công đoàn Việt Nam, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đồng ý về cơ bản với nội dung văn kiện trình Đại hội và lưu ý một số điểm sau:

- Về khẩu hiệu hành động, cần nhấn mạnh xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh, góp phần tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tư tưởng chỉ đạo Đại hội là: “Đoàn kết, trí tuệ, dân chủ, đổi mới”.

- Về chức năng của tổ chức công đoàn, cần vận dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn ba chức năng cho phù hợp với tổ chức công đoàn ở từng thành phần kinh tế, từng loại hình công đoàn cơ sở. Coi trọng chức năng đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công nhân viên chức, người lao động.

- Đề nghị Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì cùng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương nghiên cứu để có quy định về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) đã có chủ trương: “Nghiên cứu việc giao cho tổ chức công đoàn giới thiệu những công nhân ưu tú kết nạp vào Đảng”, Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện chủ trương này.

- Đề nghị Ban Cán sự đảng Chính phủ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nghiên cứu vấn đề thu kinh phí công đoàn đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Việc Ban Chấp hành Trung ương bàn và ra nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới là cần thiết. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan chuẩn bị đề án về vấn đề này.

2. Về nhân sự

Số lượng Ban Chấp hành khóa IX từ 150 đến 155 ủy viên; Đoàn Chủ tịch từ 17 - 19 ủy viên; Thường trực Đoàn Chủ tịch gồm 1 chủ tịch và 5 phó chủ tịch.

Đồng ý với dự kiến cơ cấu của Ban Chấp hành như đề nghị của Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, chú ý tăng thêm cơ cấu nữ, dân tộc ít người và người ngoài Đảng.

3. Về thời gian tổ chức Đại hội

Đại hội IX Công đoàn Việt Nam tổ chức trong 4 ngày, từ ngày 10-10-2003, tại Thủ đô Hà Nội.

4. Ban Bí thư đồng ý về nguyên tắc: Nhân dịp Đại hội IX Công đoàn Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng

tặng Bức trưởng cho giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam. Nội dung Bức trưởng, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Ban Dân vận Trung ương đề xuất và trình Ban Bí thư quyết định.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGÔ VĂN DỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 118-TB/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2003

**Về Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
năm 2004**

Ngày 5 và 6-9-2003, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được sự ủy quyền của Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2003 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 và ý kiến của các bộ, ban, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về cơ bản nhất trí với đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2003 và định hướng kế hoạch năm 2004 nêu trong Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 của Ban Cán sự đảng Chính phủ. Đồng thời Bộ Chính trị nhấn mạnh một số điểm sau:

a) Do năm 2003 là năm bản lề thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, nên khi đánh giá tình hình nhiệm vụ kế hoạch năm 2003 phải nhìn lại tình hình thực hiện kế hoạch của 3 năm vừa qua và đối chiếu với các mục tiêu đã được Đại hội IX xác định để đề ra nhiệm vụ cho năm 2005.

b) Về đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch năm 2003

Về ưu điểm:

- Năm 2003, mặc dù phải đương đầu với những khó khăn và thách thức rất lớn, cả ở trong nước và ngoài nước, nhưng đất nước ta tiếp tục thu được những thành tựu quan trọng, tình hình kinh tế - xã hội có nhiều nét tiến bộ. Nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, ước cả năm khoảng 7,2 - 7,3%, cao hơn năm trước khoảng 0,26%; một số lĩnh vực sản xuất và dịch vụ phát triển khá, nổi bật là sản xuất công nghiệp tăng khá cao, kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh; thu ngân sách nhà nước vượt dự toán đầu năm; nguồn lực cho phát triển kinh tế được huy động tốt hơn, đạt 35,6% so với GDP, trong đó vốn trong nước chiếm 70%; hạ tầng kinh tế và xã hội được cải thiện một bước rõ rệt. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển biến theo hướng tăng hiệu quả.

- Một số lĩnh vực xã hội có những tiến bộ; phong trào toàn dân chăm lo cho giáo dục được đẩy mạnh; công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được nhiều kết quả mới; chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt được nhiều kết quả tích cực, đặc biệt đã khống chế và kiểm soát thành công được bệnh dịch SARS; phong trào phòng, chống tệ nạn xã hội đã thu hút nhân dân tham gia; nạn ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông đã bước đầu được khống chế. Thu nhập, sức mua của nhiều vùng dân tăng lên, đời sống của nông dân từng bước được cải thiện.

Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Về tồn tại, yếu kém:

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu đáng khích lệ, tình hình kinh tế - xã hội năm 2003 vẫn còn nhiều yếu kém cần

được phân tích kỹ, đánh giá đậm nét hơn để có biện pháp khắc phục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong năm tới như:

- Tốc độ tăng trưởng tuy cao hơn năm 2002 song vẫn chưa đạt được mục tiêu tăng trưởng bình quân Đại hội IX đã xác định, mức tăng trưởng chưa tương xứng với tăng mức đầu tư; chất lượng tăng trưởng thấp, tính bền vững, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, nhất là chi phí sản xuất của nhiều sản phẩm còn khá cao, hạn chế khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Thu, chi ngân sách nhà nước chưa vững chắc.

- Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư toàn xã hội chưa cao, trong một số lĩnh vực còn giảm sút; cơ cấu đầu tư chưa thật hợp lý, chuyển dịch chậm, đầu tư dàn trải và kéo dài; công tác quản lý đầu tư và quản lý xây dựng còn nhiều yếu kém chưa được khắc phục. Nợ xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách khá lớn đang có tác động xấu đến những cân đối vĩ mô. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm, giải ngân nguồn vốn ODA chậm.

- Tình trạng bao cấp về đầu tư, bao cấp trong sản xuất kinh doanh qua tín dụng, qua tài chính và nhiều hình thức bảo hộ khác có xu hướng mở rộng; chiều hướng chuyển độc quyền nhà nước sang độc quyền doanh nghiệp ở một số ngành chưa được tháo gỡ... làm giảm khả năng cạnh tranh và tự vươn lên của các doanh nghiệp, ảnh hưởng bất lợi cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là ở khu vực kinh tế nhà nước.

- Cán cân thương mại chưa được cải thiện, nhập siêu lớn, ngày càng gia tăng là dấu hiệu đáng lo ngại, nếu không có biện pháp ngăn chặn kịp thời sẽ tác động đến sự phát triển

kinh tế và cán cân quốc tế. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế triển khai còn chậm.

- Thực hiện sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước chậm, kết quả thấp. Các thành phần kinh tế khác còn khó tiếp cận với các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước.

- Môi trường kinh tế vĩ mô còn nhiều bất hợp lý. Hoạt động của hệ thống ngân hàng còn yếu kém, tăng trưởng tín dụng nóng, việc điều hành lãi suất còn lúng túng, thiếu cơ chế hữu hiệu; chất lượng tín dụng chưa được kiểm soát, tình trạng nợ xấu còn ở mức cao; cơ cấu huy động cho vay còn bất hợp lý. Chưa tạo dựng được khung pháp lý đồng bộ cho các yếu tố của thị trường và các loại thị trường phát triển. Thị trường bất động sản chưa được quản lý, tính đầu cơ nghiêm trọng, tác động xấu đến thị trường tài chính - tiền tệ và đầu tư.

- Chất lượng giáo dục vẫn ở trình độ thấp và đang trở thành vấn đề bức xúc, lo ngại của toàn xã hội, quy mô đào tạo không cân đối, cơ cấu đào tạo bất hợp lý; thu nhập và đời sống của nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai còn khó khăn; nạn tham nhũng, các loại tệ nạn xã hội (mại dâm, ma túy...) và tai nạn giao thông chưa giảm, trật tự trị an ở một số vùng còn phức tạp...

- Công tác cải cách hành chính tiến hành chậm, chưa đáp ứng được những đòi hỏi bức xúc của cuộc sống. Tình trạng vi phạm kỷ luật hành chính còn khá phổ biến; chất lượng cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của tình hình hiện nay. Tình trạng quan liêu và nhũng nhiễu nhân dân, các đơn vị và doanh nghiệp còn diễn ra ở nhiều nơi.

Ngoài ra, một số đánh giá cần phải xem xét, phân tích kỹ nguyên nhân để có thể đưa ra giải pháp phù hợp như:

Vấn đề cơ cấu đầu tư bất hợp lý ở chỗ nào, cần phân tích cơ cấu đầu tư theo lĩnh vực, theo ngành, khu vực; đánh giá về nợ đầu tư tồn đọng loại nào vào công trình cơ sở hạ tầng, loại nào vào sản xuất kinh doanh, loại nào có kế hoạch, không có kế hoạch; đánh giá về mặt ưu điểm trong lĩnh vực giáo dục cần cân nhắc thêm để có sức thuyết phục, ăn khớp với đánh giá yếu kém. Cần phải bổ sung đánh giá tình hình yếu kém trong hệ thống doanh nghiệp nhà nước; bao cấp của Nhà nước cho khu vực này thế nào? Vì sao việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết Trung ương 3 quá chậm.

c) Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004

Bộ Chính trị nhất trí với các mục tiêu và chỉ tiêu kế hoạch năm 2004 nêu trong báo cáo và đồng thời nhấn mạnh thêm một số điểm như sau:

Về đánh giá tình hình trong nước, quốc tế năm 2004:

Tình hình sẽ còn nhiều khó khăn, có mặt còn gay gắt hơn. Tuy nhiên, thế và lực mới của nước ta đang tăng lên, thời cơ cũng rất lớn, chúng ta tiếp tục giữ được ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế, sự ủng hộ của các nước trên thế giới ngày càng lớn, nhiều nước hứa hẹn tăng cường hợp tác và đầu tư vào nước ta.

Về phương án phát triển kinh tế - xã hội năm 2004:

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu của Đại hội IX về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005, đòi hỏi phải quyết tâm phấn đấu cho được tốc độ tăng trưởng (GDP) từ 7,5 - 8% so với năm 2003. Trong điều kiện thuận lợi, tập trung chỉ đạo phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng trên 8%.

Về các biện pháp, cần tiếp tục nghiên cứu để có những giải pháp có tính đột phá, lưu ý một số giải pháp:

- Các giải pháp để tăng hiệu quả của sản xuất kinh doanh và của nền kinh tế. Tạo sự chuyển biến trong nhận thức của các ngành, các cấp và các doanh nghiệp về việc nâng cao hiệu quả kinh tế.

Nâng cao hiệu quả đầu tư. Cần đưa ra các tiêu chí cụ thể để phấn đấu tăng hiệu quả trong đầu tư như phấn đấu giảm suất đầu tư, giảm thời gian đầu tư, tăng chất lượng đầu tư công trình... Phải soát xét kỹ lại quy hoạch phát triển các ngành, các sản phẩm để có cơ sở tập trung đầu tư, kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Tập trung đầu tư tạo sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu kinh tế, phát triển những ngành, những sản phẩm có hiệu quả cao, có sức cạnh tranh cao.

Cần làm tốt hơn việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn (trong nước và ngoài nước) cho đầu tư phát triển. Trong đó khôi phục cho được mức thu hút cao vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và đẩy mạnh việc giải ngân, sử dụng có hiệu quả vốn ODA.

Cần quan tâm đầu tư phát triển mạnh hơn các ngành dịch vụ (dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, tư vấn, dịch vụ kỹ thuật...), để tạo ra sự phát triển nhanh, có hiệu quả của nền kinh tế.

Có giải pháp và bước đi để tăng giá trị gia tăng, giảm giá thành, giảm lỗ và các khoản nợ xấu trong doanh nghiệp. Đẩy nhanh việc ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới thiết bị, công nghệ trong tất cả các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ).

- Tiếp tục các giải pháp để đổi mới kinh tế mạnh mẽ hơn nữa.

Có lộ trình rõ ràng từng bước xóa bỏ bao cấp trong từng khâu (quy hoạch, kế hoạch, bao cấp qua tín dụng, qua cấp vốn, bao cấp trong độc quyền xây dựng...), khắc phục tình trạng biến độc quyền nhà nước sang độc quyền doanh nghiệp.

Tăng cường chỉ đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc triển khai Nghị quyết Trung ương 3 về sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô lớn, làm ăn có lãi (mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn) để cung cấp hàng hóa cho thị trường chứng khoán. Trên cơ sở phát triển các thành phần kinh tế, mở rộng và thúc đẩy cạnh tranh.

Xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng doanh nghiệp, từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế về nâng cao tính cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; trước hết là trong việc thực hiện các cam kết quốc tế liên quan đến CEPT - AFTA và Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, trong việc đàm phán gia nhập WTO; phấn đấu gia nhập WTO vào năm 2005.

Thúc đẩy việc thu hút rộng rãi các nguồn vốn trong xã hội, phát triển mạnh mẽ các hình thức huy động vốn trong dân. Ngoài vốn đầu tư từ ngân sách, tín dụng đầu tư, cần tiếp tục phát hành công trái giáo dục, trái phiếu chính phủ, trái phiếu công trình để đầu tư các công trình lớn. Thúc đẩy hoạt động thị trường chứng khoán, tạo điều kiện cho việc cung cấp hàng hóa phong phú trên thị trường này để tạo thành kênh cung ứng vốn cho đầu tư xã hội.

Rà soát lại các quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước, khắc phục tình trạng ưu đãi tràn lan. Tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích nhân dân tự đầu tư làm cho các doanh nhân thông thoáng về tư tưởng để đầu tư lớn. Tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc, cải thiện môi trường đầu tư để thu hút mạnh mẽ hơn đầu tư trực tiếp nước ngoài (từ Nhật Bản, EU, Đài Loan, Mỹ, các nước khác). Tăng cường việc xây dựng hệ thống luật pháp.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn công tác tổ chức bộ máy và cán bộ. Phân công, phân cấp rõ ràng, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan tổ chức. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm mạnh những thủ tục phiền hà, tập trung giải quyết tình trạng khiếu nại, tố cáo của nhân dân ngay tại cơ sở, bảo đảm an sinh cho nhân dân. Có biện pháp để thay đổi cán bộ ở các vị trí công việc trì trệ.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực lên một bước, phát huy dân chủ, đề cao kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm minh mọi cán bộ sai phạm, làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể từ Trung ương đến cơ sở.

- Tập trung giải quyết để đạt cho được một bước chuyển biến quan trọng, có ý nghĩa về một số vấn đề xã hội bức xúc. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, làm tốt công tác xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm, tai nạn giao thông, mất trật tự an toàn xã hội.

- Về tỷ lệ điều tiết ngân sách của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Ban Cán sự đảng Chính phủ

và Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các ngành liên quan tính toán, cân nhắc kỹ, báo cáo lại Bộ Chính trị.

2. Trên cơ sở các ý kiến trên, Ban Cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh lại báo cáo và tờ trình để gửi xin ý kiến các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, đồng thời gửi Đảng đoàn Quốc hội để chỉ đạo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến; sau đó tổng hợp tiếp thu ý kiến báo cáo Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội tại kỳ họp sắp tới.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các ngành khẩn trương báo cáo Bộ Chính trị một số đề án liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội theo chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2003 như Đề án về nợ quốc gia; Chiến lược về thuế; Đề án đánh giá tình hình triển khai cải cách hành chính nhà nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾ HOẠCH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 05-KH/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2003

Về việc kiểm tra thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai

Thực hiện Chương trình kiểm tra năm 2003 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Công văn số 90-CTr/TW ngày 15 tháng 5 năm 2003, Kết luận của Bộ Chính trị về kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai tại Thông báo số 108-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2003 và chỉ đạo của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện chương trình kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai trong hai năm 2003 và 2004 tại Công văn số 4134-CV/VPTW, ngày 19 tháng 8 năm 2003; kế hoạch triển khai việc kiểm tra cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá đúng tình hình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

và Chính phủ về công tác kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai.

- Đánh giá kết quả, hiệu quả công tác kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai năm 2002 và việc triển khai tiếp của năm 2003.

- Đánh giá đúng hiệu quả đầu tư xây dựng trong những năm qua, đồng thời phát hiện những sơ hở, vi phạm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai ở một số bộ, ngành, địa phương để có biện pháp khắc phục và hoàn thiện về cơ chế, chính sách; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nhằm đưa hoạt động đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai đi vào nền nếp; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Phải tìm ra những nơi chấp hành tốt và chưa tốt, những việc cần phải làm, khắc phục trong thời gian tới.

- Việc kiểm tra phải đảm bảo nghiêm túc, tránh tình trạng kiểm tra mang tính hình thức, làm lướt, không mang lại hiệu quả thiết thực.

II- NỘI DUNG VÀ ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Quyết định 273/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 03/2003/NQ-CP, ngày 29 tháng 1 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương, bộ, ngành.

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra năm 2002 và 6 tháng đầu năm 2003, cần đi sâu làm rõ:

+ Về đầu tư xây dựng: Thực trạng đầu tư, xây dựng tại địa phương, bộ, ngành; hiệu quả của dự án sau khi công trình đi vào hoạt động, trên cơ sở đó đánh giá rõ đúng, sai trong chủ trương đầu tư, trong tổ chức triển khai xây dựng công trình.

+ Về quản lý, sử dụng đất đai: Công tác quản lý nhà nước tại địa phương, bộ, ngành; thực trạng và hiệu quả sử dụng đất đai; những vướng mắc nổi cộm trong quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương, bộ, ngành.

- Kế hoạch, biện pháp xử lý, khắc phục những sai phạm, vướng mắc về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai nêu trên.

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn, đơn đốc kiểm tra thực hiện những văn bản, kế hoạch của địa phương, bộ, ngành về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai.

- Cơ chế giám sát việc đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai ở địa phương, bộ, ngành.

- Những nội dung liên quan khác.

2. Đối tượng kiểm tra

- Bộ Chính trị giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì, trực tiếp chỉ đạo việc kiểm tra của Trung ương tại: Bình Phước, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Bộ Giao thông vận tải và Bộ Xây dựng về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Quyết định 273/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 03/2003/NQ-CP của Chính phủ về kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai.

- Tất cả các tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở đều phải tự kiểm tra, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban đảng để đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai.

- Trong năm 2004, tập trung thanh tra, kiểm tra trực tiếp các dự án, công trình lớn thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng và các địa phương, đơn vị có nhiều vấn đề nổi cộm trong việc quản lý, sử dụng đất đai.

III- PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

- Căn cứ nội dung kiểm tra nêu trên, các đoàn kiểm tra xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể; yêu cầu, hướng dẫn các địa phương, đơn vị được kiểm tra chuẩn bị đầy đủ những nội dung cần báo cáo.

- Đoàn kiểm tra trực tiếp nghe và cho ý kiến về báo cáo của địa phương, đơn vị được kiểm tra.

- Nhận xét, đánh giá sau khi kiểm tra; kiến nghị đối với địa phương, đơn vị về biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm; nếu thấy cần thiết thì kiến nghị thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành để tập trung làm rõ; tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị (qua Ban Cán sự đảng Chính phủ).

- Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương (kể cả các địa phương, đơn vị được kiểm tra nêu tại Tiết a, Điểm 1, Mục IV) căn cứ chỉ đạo của Bộ Chính trị và kế hoạch này xây dựng kế hoạch tự kiểm tra ở địa phương, bộ, ngành; báo cáo kết quả lên Bộ Chính trị (qua Ban Cán sự đảng Chính phủ).

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ở Trung ương

a) Theo sự phân công của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ tổ chức 5 đoàn kiểm tra, mỗi đoàn kiểm tra do một đồng chí lãnh đạo ban, bộ, ngành ở Trung ương làm trưởng đoàn; mỗi đoàn trưng tập từ 3 đến 5 cán bộ cấp vụ hoặc chuyên viên cao cấp của một số cơ quan, bộ, ngành tham gia làm thành viên, cụ thể như sau:

- Đoàn kiểm tra tại tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn: Do một đồng chí lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng đoàn, 1 cán bộ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 1 cán bộ thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, 1 cán bộ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1 cán bộ thuộc Bộ Xây dựng và 1 cán bộ thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia là thành viên.

- Đoàn kiểm tra tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Phước: Do một đồng chí lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường làm Trưởng đoàn, 1 cán bộ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1 cán bộ thuộc Ủy ban Kiểm tra Trung ương, 1 cán bộ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 1 cán bộ thuộc Bộ Xây dựng và 1 cán bộ thuộc Thanh tra Nhà nước tham gia là thành viên.

- Đoàn kiểm tra tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và An Giang: Do một đồng chí lãnh đạo Thanh tra Nhà nước làm Trưởng đoàn, 1 cán bộ thuộc Thanh tra Nhà nước, 1 cán bộ thuộc Ban Nội chính Trung ương, 1 cán bộ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1 cán bộ thuộc Bộ Xây dựng và 1 cán bộ thuộc Văn phòng Chính phủ tham gia là thành viên.

- Đoàn kiểm tra tại Bộ Giao thông vận tải: Do một đồng chí lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm Trưởng đoàn,

1 cán bộ thuộc Ủy ban Kiểm tra Trung ương, 1 cán bộ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 1 cán bộ thuộc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), 1 cán bộ thuộc Bộ Xây dựng, 1 cán bộ thuộc Thanh tra Nhà nước và 1 cán bộ thuộc Văn phòng Chính phủ tham gia là thành viên.

- Đoàn kiểm tra tại Bộ Xây dựng: Do một đồng chí lãnh đạo Ban Nội chính Trung ương làm Trưởng đoàn, 1 cán bộ thuộc Ban Nội chính Trung ương, 1 cán bộ thuộc Văn phòng Quốc hội, 1 cán bộ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 1 cán bộ thuộc Thanh tra Nhà nước và 1 cán bộ thuộc Văn phòng Chính phủ tham gia là thành viên.

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra của Bộ Chính trị, Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, lựa chọn điểm kiểm tra, quyết định thành lập các Đoàn kiểm tra của Trung ương về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai trong năm 2004; đồng thời hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai, thực hiện việc tự kiểm tra.

2. Ở các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương

Bộ Chính trị giao các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thành lập các đoàn kiểm tra, mỗi đoàn do một đồng chí trong ban thường vụ cấp ủy hoặc lãnh đạo ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, hoặc trưởng các ban của đảng, chánh thanh tra tỉnh, thành phố làm trưởng đoàn. Đoàn kiểm tra trưng tập một số cán bộ, chuyên viên có trình độ, năng lực tham gia làm thành viên để tiến hành cuộc kiểm tra.

Đối với các bộ, ngành và địa phương được các Đoàn của Trung ương kiểm tra, cần chủ động phối hợp để xây dựng kế hoạch kiểm tra ở đơn vị mình cho phù hợp.

3. Thời gian thực hiện

a) Đối với kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra đầu tư, xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai:

- Đến 15 tháng 10 năm 2003: Triển khai xong kế hoạch kiểm tra từ Trung ương đến cơ sở, cụ thể:

+ Các ban, bộ, ngành nói tại Tiết a, Điểm 1, Mục IV gửi danh sách Trưởng đoàn và các thành viên về Ban Cán sự đảng Chính phủ trước ngày 20 tháng 9 năm 2003 để quyết định thành lập các đoàn kiểm tra của Trung ương.

+ Các đoàn kiểm tra của Trung ương xây dựng kế hoạch cụ thể xong trước ngày 5 tháng 10 năm 2003.

+ Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ vào kế hoạch này quyết định thời gian triển khai cụ thể.

- Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2003: Tiến hành xong các cuộc kiểm tra từ Trung ương đến cơ sở. Các đoàn kiểm tra của Trung ương, các địa phương, bộ, ngành tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra và tự kiểm tra lên Bộ Chính trị (qua Ban Cán sự đảng Chính phủ) trước ngày 15 tháng 12 năm 2003; Ban Cán sự đảng Chính phủ tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị trước ngày 31 tháng 12 năm 2003.

b) Đối với kiểm tra, thanh tra trực tiếp về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai:

- Giao Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường căn cứ tinh thần Quyết định 273/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2004, dự kiến điểm và thời gian thanh tra, kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 11 năm 2003.

- Từ tháng 1 năm 2004 đến tháng 11 năm 2004 tiến hành xong các cuộc thanh tra, kiểm tra.

- Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai trong phạm vi cả nước, báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ trước ngày 15 tháng 12 năm 2004 để tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị.

4. Về kinh phí

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí phục vụ hoạt động cho các đoàn kiểm tra của Trung ương (theo Tiết a, Điểm 1, Mục IV). Thành viên của các đoàn kiểm tra này do cơ quan chủ quản của thành viên đó bảo đảm các chế độ và phương tiện đi lại.

- Đối với các đoàn kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương do các tổ chức đảng xem xét, giải quyết theo quy định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN VĂN KHẢI

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 80-QĐ/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2003

**Thành lập Tiểu ban Chỉ đạo Trung ương kiểm điểm
việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5
(khóa VIII)**

- Căn cứ quyết định của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về việc kiểm điểm 5 năm (1998 - 2003) thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
- Theo đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tiểu ban Chỉ đạo Trung ương kiểm điểm 5 năm (1998 - 2003) việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gồm các đồng chí sau đây:

- Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Trưởng Tiểu ban.

- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Tiểu ban.

- Đồng chí Đào Duy Quát, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên Thường trực.

- *Các Ủy viên:*

+ Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

+ Đồng chí Sơn Song Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Dân tộc.

+ Đồng chí Ngô Yên Thi, Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ.

+ Đồng chí Hồ Ngọc Hải, Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia.

+ Đồng chí Đỗ Đức Ngọc, Phó Chủ tịch, Trưởng Ban Tuyên giáo Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

+ Đồng chí Nguyễn Phương Minh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

+ Đồng chí Nguyễn Hữu Mai, Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.

+ Đồng chí Phùng Khắc Đăng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam.

+ Đồng chí Hữu Thịnh, Phó Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

+ Đồng chí Lưu Trần Tiêu, nguyên Thứ trưởng Thường trực, Chuyên gia cao cấp Bộ Văn hóa - Thông tin.

+ Đồng chí Lê Truyền, Ủy viên Ban Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Đồng chí Lê Mạnh Hùng, Bí thư Trung ương Đoàn, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Đồng chí Trịnh Đình Thắng, Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Hội Cựu Chiến binh Việt Nam.

+ Đồng chí Lê Quý Vương, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Bộ Công an.

+ Đồng chí Trần Văn Nhung, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đồng chí Hoàng Văn Huây, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 81-QĐ/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2003

**Về thành lập Hội đồng Lý luận - phê bình
văn học nghệ thuật Trung ương**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn học nghệ thuật¹;
- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật Trung ương gồm chủ tịch, 2 phó chủ tịch và 28 ủy viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật Trung ương là cơ quan tư vấn tham mưu cho Đảng và Nhà

1. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16-7-1998 về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

nước trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư và quản lý trực tiếp của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Hội đồng Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật Trung ương có nhiệm vụ:

- Xem xét đánh giá tình hình sáng tác, lý luận - phê bình, những khuynh hướng nảy sinh trong đời sống văn học nghệ thuật, biểu dương những khuynh hướng lành mạnh, đề cao các giá trị thẩm mỹ và nhân văn sâu sắc; phê phán những biểu hiện lệch lạc, trái với quan điểm văn học nghệ thuật của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất phương hướng, giải pháp để Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương xem xét, trình Ban Bí thư và các cơ quan nhà nước quyết định.

- Phối hợp với các cơ quan trong khối tư tưởng - văn hóa tổng kết việc thực hiện đường lối văn nghệ của Đảng; bảo vệ những thành tựu lý luận - phê bình đã đạt được; kết luận một số vấn đề lý luận - thực tiễn văn nghệ còn có ý kiến khác nhau; không ngừng đổi mới, hoàn chỉnh đường lối văn nghệ của Đảng, xây dựng cơ sở lý luận của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam trong tình hình mới. Chỉ đạo đấu tranh chống các hoạt động tuyên truyền, lý luận thù địch, sai trái trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ.

- Xây dựng quan hệ hợp tác, liên kết đội ngũ những người làm công tác lý luận - phê bình chuyên và không chuyên trong cả nước, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, hình thành sinh hoạt trao đổi, tranh luận sôi nổi, lành mạnh, động viên cổ vũ giới lý luận - phê bình làm tốt hơn nữa trách nhiệm của người văn nghệ sĩ trong tình hình mới. Nghiên cứu đề xuất với Đảng và Nhà nước về các chủ trương, chính sách liên

quan tới công tác lý luận - phê bình, như xây dựng lực lượng, đào tạo, xét tặng giải thưởng...

- Kiến nghị các bộ, ngành hữu quan về chủ trương, biện pháp tuyên truyền phổ cập nghệ thuật, nâng cao giáo dục thẩm mỹ với công chúng (ngoài xã hội, trong nhà trường, trên các địa bàn dân cư...), góp phần hình thành đời sống văn nghệ phong phú, lành mạnh.

- Nghiên cứu, tiếp thu những khuynh hướng văn học nghệ thuật tiến bộ của nhân loại.

Hội đồng Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật Trung ương cần có quy chế làm việc chặt chẽ, thiết thực và hiệu quả. Kế hoạch hoạt động hàng năm của Hội đồng do Ban Bí thư thông qua.

Điều 3. Kinh phí phục vụ cho Hội đồng Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật Trung ương do Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp.

Điều 4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Đảng đoàn Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và các đồng chí có tên trong danh sách có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
Hội đồng Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật
Trung ương
(Kèm theo Quyết định số 81-QĐ/TW,
ngày 10 tháng 9 năm 2003)

1. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chủ tịch Hội đồng.
2. Đồng chí Hồng Vinh, Tiến sĩ, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng.
3. Đồng chí Hữu Thịnh, nhà thơ, Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng.
4. Đồng chí Nguyễn Ngọc Thiệp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ chuyên ngành lý luận - phê bình văn học, Ủy viên Thường trực Hội đồng.
5. Đồng chí Trọng Bằng, Giáo sư, Tiến sĩ, Nghệ sĩ nhân dân, Tổng Thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Ủy viên.
6. Đồng chí Thế Bảo, Phó Giáo sư, Tiến sĩ âm nhạc, Ủy viên.
7. Đồng chí Đỗ Bảo, Phó Giáo sư, Tiến sĩ ngành mỹ thuật, Ủy viên.
8. Đồng chí Trần Khánh Chương, họa sĩ, Tổng Thư ký Hội Mỹ thuật Việt Nam, Ủy viên.
9. Đồng chí Hà Minh Đức, Giáo sư, nhà lý luận - phê bình văn học, Ủy viên.

10. Đồng chí Lê Duy Hạnh, Phó Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Ủy viên.

11. Đồng chí Trần Hoàn, nhạc sĩ, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên.

12. Đồng chí Trần Luân Kim, Giáo sư, Tiến sĩ, Tổng Thư ký Hội Điện ảnh Việt Nam, Ủy viên.

13. Đồng chí Nguyễn Xuân Kính, Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Tổng Thư ký Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Ủy viên.

14. Đồng chí Hoàng Đạo Kính, Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ủy viên.

15. Đồng chí Mai Quốc Liên, Giáo sư, Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Ủy viên.

16. Đồng chí Nguyễn Trục Luyện, kiến trúc sư, Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ủy viên.

17. Đồng chí Hải Ninh, đạo diễn, Nghệ sĩ nhân dân, Hội Điện ảnh Việt Nam, Ủy viên.

18. Đồng chí Nguyễn Công Nhạc, Nghệ sĩ nhân dân, Phó Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam, Ủy viên.

19. Đồng chí Lê Phúc, Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, Ủy viên.

20. Đồng chí Chu Thuý Quỳnh, Nghệ sĩ nhân dân, Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam, Ủy viên.

21. Đồng chí Trần Đình Sử, Giáo sư, Tiến sĩ chuyên ngành lý luận - phê bình văn học, Ủy viên.

22. Đồng chí Lò Ngân Sủn, nhà thơ, Tổng Thư ký Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ủy viên.

23. Đồng chí Ngô Thảo, nhà văn, Phó Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, Ủy viên.

24. Đồng chí Tô Ngọc Thanh, Giáo sư, Tiến sĩ, Tổng Thư ký Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Ủy viên.

25. Đồng chí Chu Chí Thành, Phó Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, Ủy viên.

26. Đồng chí Lê Tiến Thọ, Nghệ sĩ nhân dân, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy viên.

27. Đồng chí Đỗ Kim Công, nhà văn, Vụ trưởng Vụ Văn nghệ, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

28. Đồng chí Đinh Xuân Dũng, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Vụ trưởng Vụ Xuất bản, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

29. Đồng chí Vũ Duy Thông, nhà thơ, Tiến sĩ, Vụ trưởng Vụ Báo chí, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

30. Đồng chí Phan Trọng Thuởng, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện trưởng Viện Văn học, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Ủy viên.

31. Đồng chí Trần Đăng Tuấn, Tiến sĩ, Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Ủy viên.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 83-QĐ/TW, ngày 12 tháng 9 năm 2003

**Bổ sung Ban Chỉ đạo
tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn
qua 20 năm đổi mới ở Việt Nam**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;
- Xét đề nghị của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Công văn số 14/BCSD, ngày 12-8-2003),

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vào Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới ở Việt Nam.

Điều 2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương,

các cơ quan có liên quan và đồng chí Tô Huy Rứa thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 22-KL/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2003

**Về “Kết quả kiểm tra qua hơn một năm
thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị
về hội nhập kinh tế quốc tế”**

Thực hiện chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, ngày 19-8-2003, sau khi nghe Ban Kinh tế Trung ương trình bày báo cáo (Công văn số 382-CV/KTTW, ngày 30-7-2003) và các ý kiến phát biểu của các bộ, ngành Trung ương, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

Kiểm tra, đánh giá thực hiện các nghị quyết của Đảng theo định kỳ là cần thiết. Đây là việc làm có tác dụng tốt, giúp cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư nắm được những kết quả bước đầu trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết và các nội dung cần tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo để nghị quyết được thực hiện một cách thắng lợi. Báo cáo kiểm điểm đánh giá của Ban Kinh tế Trung ương về hội nhập kinh tế quốc tế đã thể hiện được tinh thần nêu trên.

Về cơ bản, Ban Bí thư đồng ý với nội dung báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương trình bày tại Hội nghị. Báo cáo có nhiều nội dung tốt, góp phần vào việc chuẩn bị báo cáo kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Trong thời gian vừa qua, các cấp ủy đảng đã tích cực tập trung chỉ đạo, phổ biến, quán triệt nghị quyết, trên cơ sở đó góp phần nâng cao nhận thức cho đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân về nhiệm vụ này và tổ chức thực hiện đạt một số kết quả bước đầu. Tuy nhiên, còn một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức chưa đầy đủ, nên việc tổ chức triển khai thực hiện còn chậm và lúng túng, nhiều doanh nghiệp chưa chuẩn bị sẵn sàng cho hội nhập kinh tế quốc tế.

Để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế, thời gian tới cần tập trung làm tốt một số nội dung sau:

- Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và doanh nghiệp bằng nhiều hình thức thích hợp tiếp tục tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho mọi người về sự cần thiết phải hội nhập kinh tế quốc tế, hội nhập là để phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế song phải giữ vững độc lập tự chủ của đất nước.

Các cấp, các ngành, nhất là các doanh nghiệp cần có chương trình cụ thể để thật sự chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Gấp rút hoàn thành chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế trong năm 2003. Sớm xác định kế hoạch tổng

thể của các vòng đàm phán, thực hiện đàm phán một cách chủ động, thiết thực để gia nhập WTO vào năm 2005.

- Thực hiện tốt chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2003 - 2006, nếu xét thấy cần thiết thì điều chỉnh chương trình xây dựng và thông qua luật (hoặc ban hành pháp lệnh) phục vụ kịp thời cho yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Các sản phẩm thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước do Nhà nước định giá, áp dụng nguyên tắc về giá không cao hơn mức giá các sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực.

- Các cấp, các ngành kiểm điểm, đánh giá một cách nghiêm túc, xác định trách nhiệm và có biện pháp khắc phục tình trạng nhập siêu có xu hướng gia tăng; việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) liên tục giảm trong điều kiện tình hình chính trị - xã hội nước ta được đánh giá là ổn định nhất trong khu vực; việc giải ngân vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) rất thấp. Các cơ quan quản lý và sử dụng vốn nước ngoài cần đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, chuẩn bị báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình vay và trả nợ nước ngoài vào dịp kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội IX.

- Xây dựng chương trình đào tạo (cả ở trong nước và ngoài nước) đáp ứng đủ về số lượng, nâng dần chất lượng cho đội ngũ cán bộ kinh tế đối ngoại, các nhà quản lý và công

nhân lành nghề. Kiện toàn Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, tăng cường đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực chuyên môn cao cho Ủy ban cũng như đoàn đàm phán gia nhập WTO của Chính phủ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 23-KL/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2003

Về việc thực hiện các Nghị quyết số 13, 14 và 15 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX

Thực hiện chương trình làm việc của Ban Bí thư về kiểm tra, đánh giá thực hiện các nghị quyết của Đảng, ngày 19-8-2003, sau khi nghe Ban Kinh tế Trung ương trình bày báo cáo “Một năm thực hiện Nghị quyết số 13, 14 và 15 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX” và các ý kiến phát biểu của các bộ, ngành Trung ương, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

- Về cơ bản, đồng ý với nội dung báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương trình bày tại Hội nghị (Công văn số 342-BC/KTTW, ngày 5-7-2003). Nội dung của báo cáo đã giúp Ban Bí thư nắm được tình hình kết quả sau hơn một năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, trên cơ sở đó giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết.

Sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) đạt được một số kết quả bước đầu, có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là khu vực nông nghiệp và nông thôn.

- Để thực hiện tốt các nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX), cần quan tâm chỉ đạo một số công việc sau đây:

Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt một cách sâu sắc hơn các nội dung của Nghị quyết để nâng cao nhận thức và giải đáp những băn khoăn, nghi ngại còn tồn đọng trong tư tưởng đảng viên, cán bộ, nhân dân về nhiệm vụ này. Tạo nên sự thống nhất trong xã hội với các quyết sách nêu trong các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm (khóa IX), để tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ mà nghị quyết đã đề ra.

Tiến hành hướng dẫn về tổ chức và hoạt động để phát triển mạnh kinh tế hợp tác và hợp tác xã trên các vùng, các lĩnh vực, phân loại các hợp tác xã để có giải pháp phù hợp, củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Nghiên cứu để tháo gỡ các khó khăn cho việc phát triển kinh tế hợp tác, giải quyết số nợ còn tồn đọng của hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới để nhân rộng.

Phát triển kinh tế tư nhân hiện nay đang tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và khu vực nông thôn. Cần khẳng định phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, từ đó làm cho các

doanh nhân yên tâm về tư tưởng đem hết sức mình phát triển sản xuất, kinh doanh. Thực hiện khuyến khích và bảo hộ bằng pháp luật cho việc phát triển kinh tế tư nhân.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gia tăng giá trị trên một đơn vị diện tích, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo..., góp phần làm chuyển biến một cách cơ bản bộ mặt nông thôn. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn cần phát huy mạnh mẽ nội lực, đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể và các thành phần kinh tế khác. Đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích cá nhân hoặc tổ chức có tiềm lực, có khả năng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

Chính phủ tổ chức chỉ đạo các cơ quan chức năng, bố trí sắp xếp đảm bảo ở các cấp, các ngành đều có bộ phận, có người chịu trách nhiệm tổ chức triển khai quản lý việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX), cần tập trung chỉ đạo hình thành mô hình nông thôn mới để mở rộng.

Ban Kinh tế Trung ương tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện các nghị quyết Trung ương là việc làm tốt, có tác dụng thiết thực. Vì vậy, cần tiếp tục đưa việc làm này trở thành thường xuyên, mỗi nghị quyết sau một thời gian nhất định

cần tiến hành kiểm tra, đánh giá, báo cáo để Bộ Chính trị, Ban Bí thư nắm được kết quả, để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng. Cùng với việc kiểm tra, đánh giá thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 có liên quan đến khu vực nông nghiệp, nông thôn, giao Ban Tổ chức Trung ương tiến hành kiểm điểm, đánh giá Nghị quyết Trung ương 5 “Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn”, báo cáo Ban Bí thư vào quý I năm 2004.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 28-CT/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2003

**Về vận động toàn dân tham gia
mua trái phiếu chính phủ để xây dựng
một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng
của đất nước**

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 đã xác định phải nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Thời gian qua, bên cạnh ưu tiên bố trí các nguồn lực tài chính tập trung cho đầu tư phát triển, Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều biện pháp như phát hành công trái xây dựng Tổ quốc năm 1999, công trái giáo dục năm 2003... để bổ sung nguồn vốn đầu tư, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng - an ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo; phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo ở các vùng khó khăn.

Tuy nhiên, để thực hiện được Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2020, cần phải đẩy nhanh hơn nữa tốc độ huy động vốn đầu tư cho nền kinh tế. Do vậy, đồng thời với việc tăng cường bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, huy động các nguồn vốn của nước ngoài và của doanh nghiệp, Nhà nước cần huy động thêm vốn đầu tư từ phát hành trái phiếu chính phủ để xây dựng và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành một số công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi quan trọng nhằm sớm phát huy tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an ninh - quốc phòng, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước gắn với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Phát hành trái phiếu chính phủ trong giai đoạn 2003 - 2010 là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy nội lực, huy động sự đóng góp của toàn dân cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Nguồn thu từ trái phiếu chính phủ được sử dụng để đầu tư cho một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước, góp phần hình thành và nâng cấp một cách cơ bản hệ thống giao thông và thủy lợi nước ta trong 10 năm tới, bao gồm đường Hồ Chí Minh nối liền từ Pắc Bó đến Đất Mũi Cà Mau, các đường vành đai biên giới phía Bắc, vùng Đông Bắc, Tây Bắc, Trung Bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, vùng sâu thuộc đồng bằng sông Cửu Long; hệ thống các hồ thủy lợi, đặc biệt là ở miền Trung và Tây Nguyên phục vụ tưới tiêu và khắc phục thiên tai ở các khu vực này.

Để thực hiện tốt chủ trương này, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo cuộc vận động toàn dân tham gia mua trái phiếu chính phủ với những yêu cầu và nội dung như sau:

1. Việc phát hành trái phiếu chính phủ nhằm huy động vốn từ mọi tầng lớp nhân dân và các tổ chức, để tập trung đầu tư xây dựng phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, phát triển kinh tế - xã hội và hiện đại hóa đất nước, góp phần xóa đói, giảm nghèo. Tham gia mua trái phiếu chính phủ là thể hiện sự chăm lo phát triển sự nghiệp giao thông, thủy lợi của toàn dân, thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch:

“Muốn cho nhân dân ăn no, thì phải đẩy mạnh phát triển nông nghiệp. Muốn phát triển tốt nông nghiệp thì phải làm tốt thủy lợi”¹. “Thủy lợi càng tốt, dân càng ấm no”². “Làm thủy lợi phải là phong trào của toàn dân”³.

“Công việc cầu đường là rất quan trọng”⁴. “*Đường sá thông* thì mọi việc đều dễ dàng”⁵.

2. Nhà nước khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân thực hành tiết kiệm trong tiêu dùng và trong sản xuất, tích cực tham gia mua trái phiếu chính phủ; bảo đảm lợi ích của người mua và sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo kịp thời việc ban hành cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể triển khai thực hiện tốt chủ trương phát hành trái phiếu chính phủ, đồng thời có biện pháp tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc

1, 2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 14, tr. 211, 213; t. 12, tr. 284; t. 8, tr. 237, 236 (B.T).

thực hiện chủ trương này, vận động mọi công dân Việt Nam, kiều bào ta đang sinh sống ở trong nước hoặc ngoài nước và các tổ chức tham gia mua trái phiếu chính phủ.

4. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan tăng cường quản lý việc phát hành, thanh toán và sử dụng nguồn vốn huy động từ trái phiếu chính phủ; tiền thu từ phát hành trái phiếu chính phủ phải được đầu tư cho các công trình giao thông, thủy lợi theo đúng mục đích đề ra và quản lý chặt chẽ việc sử dụng để đạt được hiệu quả cao nhất. Thực hiện việc công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả phát hành và sử dụng nguồn vốn trái phiếu chính phủ.

Ban Cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh, thành phố được giao nhiệm vụ đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước từ nguồn vốn trái phiếu chính phủ phải tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện khẩn trương, dứt điểm, sớm đưa công trình vào sử dụng và phát huy hiệu quả, kiên quyết không để công trình dở dang kéo dài nhiều năm; tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, đảm bảo chất lượng, đúng chế độ quy định; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

5. Các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức quán triệt tới từng đảng viên chủ trương này. Cán bộ, đảng viên tùy theo điều kiện và khả năng cụ thể của mình, gương mẫu trong việc mua trái phiếu chính phủ.

6. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, vận động toàn dân tham gia mua trái phiếu chính phủ.

Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh và các đoàn thể, các hội quần chúng nhân dân khác lấy việc thi đua mua trái phiếu chính phủ và giám sát việc sử dụng nguồn vốn huy động từ trái phiếu chính phủ làm một nội dung sinh hoạt quan trọng trong công tác vận động quần chúng của mình; qua mỗi năm cần có đánh giá, rút kinh nghiệm và kịp thời biểu dương những điển hình tiên tiến.

Phát động toàn dân mua trái phiếu chính phủ là cuộc vận động chính trị rộng lớn, kéo dài nhiều năm, cần tuyên truyền động viên mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi công dân, các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hưởng ứng chủ trương quan trọng này của Đảng và Nhà nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 84-QĐ/TW, ngày 1 tháng 10 năm 2003

**Về ban hành quy định
chế độ chi hoạt động công tác đảng
của tổ chức đảng các cấp**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa IX);
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX);
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Bộ Tài chính,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp (văn bản kèm theo).

Điều 2. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Bộ Tài chính và Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn, theo dõi thực hiện thống nhất quy định trong toàn Đảng. Các cấp

ủy và tổ chức đảng, đảng viên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định về chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp trái với Quy định này đều bãi bỏ.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH

Chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 84-QĐ/TW,
ngày 1-10-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)*

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở ở xã, phường, thị trấn; chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở và các cấp trên cơ sở trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức; tổ chức đảng cấp trên cơ sở (gọi tắt là tổ chức đảng các cấp).

2. Chi hoạt động thường xuyên công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng quy định trong quy định này gồm:

- Chi mua báo, tạp chí của Đảng.
- Chi tổ chức đại hội đảng các cấp.
- Chi khen thưởng hoạt động công tác đảng.
- Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác đảng... và các chi phí đảng vụ khác.

Các khoản chi tiền lương, sinh hoạt phí, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công đoàn phí (nếu có) của cán bộ, nhân viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác đảng áp dụng theo quy định chung của Đảng và Nhà nước, không nằm trong chi hoạt động thường xuyên của quy định này.

3. Chi hoạt động thường xuyên của tổ chức đảng cấp trên cơ sở áp dụng định mức chi như đơn vị dự toán cơ quan đảng cùng cấp; chi đại hội đảng, chi khen thưởng hoạt động công tác đảng thực hiện theo các điểm 2 và 3, Điều 3 Quy định này.

Điều 2. Nguồn kinh phí

1. Đối với chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở ở xã, phường, thị trấn; chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở và các cấp trên cơ sở trong các cơ quan, đơn vị hành chính - sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang và trong các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức đảng cấp trên cơ sở không có cơ quan, đơn vị chính quyền cùng cấp:

Kinh phí hoạt động thường xuyên công tác đảng do ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối theo nguyên tắc: ngân sách nhà nước cấp chênh lệch giữa tổng nguồn thu từ đảng phí được trích giữ lại và thu khác (theo chế độ quy định) với tổng dự toán chi được duyệt (bao gồm chi tiền lương, sinh hoạt phí, phụ cấp, các khoản chi khác theo lương và chi hoạt động thường xuyên của tổ chức đảng theo mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4 quy định này).

2. Đối với tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động:

Kinh phí hoạt động thường xuyên công tác đảng do các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự bảo đảm và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sau khi đã trừ đi số thu từ đảng phí được trích giữ lại theo quy định và thu khác (nếu có).

3. Đối với tổ chức đảng trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài thành phần kinh tế nhà nước kinh phí hoạt động thường xuyên được bảo đảm từ các nguồn:

- Thu đảng phí được trích giữ lại theo quy định.
- Hỗ trợ từ doanh nghiệp, tổ chức. Các khoản chi hỗ trợ cho hoạt động thường xuyên công tác đảng (nếu có) được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đó.
- Bảo đảm từ ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối chi hoạt động cho các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài thành phần kinh tế nhà nước trong trường hợp số thu từ đảng phí và hỗ trợ của đơn vị không đảm bảo chi hoạt động tối thiểu cho cơ sở đảng.

4. Các mức chi trong quy định này là mức chi tối thiểu, là căn cứ xác định dự toán chi cho tổ chức đảng các cấp. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng tài chính, ngân sách, ủy ban nhân dân các cấp, các doanh nghiệp, các tổ chức, đơn vị quy định mức hỗ trợ bổ sung để nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng các cấp.

5. Việc quản lý kinh phí hoạt động thường xuyên công tác đảng của tổ chức đảng các cấp được bảo đảm tuân thủ theo các quy định quản lý tài chính của Đảng và Nhà nước hiện hành.

II- NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ chi hoạt động thường xuyên đối với tổ chức đảng cấp cơ sở

1. Chi mua báo, tạp chí của Đảng

Việc chi mua báo, tạp chí của Đảng cho các tổ chức đảng các cấp thực hiện theo quy định tại Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 28-12-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII).

2. Chi đại hội đảng

Định mức kinh phí cho việc tổ chức đại hội đảng như sau:

- Đại hội chi bộ và đảng bộ bộ phận trực thuộc các đảng bộ xã, phường, thị trấn, mức chi: 10.000 đồng/đại biểu dự đại hội.

- Đại hội đảng tổ chức cơ sở và các cấp trên cơ sở: việc xác định kinh phí cho tổ chức đại hội đảng tổ chức cơ sở và cấp trên cơ sở căn cứ vào quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về số ngày tổ chức đại hội, số đại biểu dự đại hội đảng các cấp và quy định cụ thể về chế độ chi đại hội của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính.

3. Chi khen thưởng hoạt động công tác đảng

- Mức chi cho các danh hiệu được khen thưởng theo phụ lục kèm theo.

- Thẩm quyền quyết định khen thưởng; đối tượng, tiêu chuẩn, hình thức và thủ tục xét khen thưởng thực hiện theo Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị khóa IX “Quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng” (điểm 36) và hướng dẫn thực hiện của Ban Tổ chức Trung ương.

Cấp ra quyết định khen thưởng chịu trách nhiệm chi khen thưởng theo các mức quy định.

4. Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền liên lạc, chi hội nghị, công tác phí, chi cho công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng đảng viên mới, đối tượng kết nạp Đảng... và các chi phí đảng vụ khác (ngoài 3 khoản chi trên đây) của chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở được quy định như sau:

a) *Đối với các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng, Nhà nước; các tổ chức chính trị - xã hội và trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài thành phần kinh tế nhà nước:*

- Từ đảng viên thứ 30 trở xuống: 250.000 đồng/đảng viên/năm.

- Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100: 150.000 đồng/đảng viên/năm.

- Từ đảng viên thứ 101 trở lên: 50.000 đồng/đảng viên/năm.

Mức chi tối thiểu cho một chi bộ cơ sở có 10 đảng viên trở xuống là 2.500.000 đồng/năm.

b) *Đối với các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn* (không kể các xã đặc biệt khó khăn):

- Từ đảng viên thứ 30 trở xuống: 300.000 đồng/đảng viên/năm.

- Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100: 200.000 đồng/đảng viên/năm.

- Từ đảng viên thứ 101 trở lên: 60.000 đồng/đảng viên/năm.

Mức chi tối thiểu cho một chi bộ cơ sở có 10 đảng viên trở xuống là 3.000.000 đồng/năm.

c) Đối với các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Nhà nước:

- Từ đảng viên thứ 30 trở xuống: 350.000 đồng/đảng viên/năm.

- Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100: 250.000 đồng/đảng viên/năm.

- Từ đảng viên thứ 101 trở lên: 75.000 đồng/đảng viên/năm.

Mức chi tối thiểu cho một chi bộ cơ sở có 10 đảng viên trở xuống là 3.500.000 đồng/năm.

d) Đối với các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân, công an nhân dân):

- Nếu làm nhiệm vụ thường xuyên sẵn sàng chiến đấu; đóng quân trên các địa bàn biên giới, hải đảo, các tàu hải quân, các xã đặc biệt khó khăn được áp dụng mức chi như đối với các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở thuộc các xã đặc biệt khó khăn quy định tại điểm c.

- Nếu đóng quân trên các địa bàn khác được thực hiện mức chi như quy định ở điểm a.

e) Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động:

- Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở có tỷ lệ đảng viên trên tổng số cán bộ công nhân viên từ 25% trở lên: chi hoạt động công tác đảng được tính mức 0,5% (năm phần nghìn) trên tổng quỹ tiền lương thực tế của đơn vị.

- Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở có tỷ lệ đảng viên trên tổng số cán bộ công nhân viên dưới 25% được tính mức 0,4% (bốn phần nghìn) trên tổng quỹ tiền lương thực tế của đơn vị.

Điều 4. Chi hoạt động thường xuyên của tổ chức đảng cấp trên cơ sở

1. Các tổ chức đảng cấp trên cơ sở do ngân sách nhà nước bảo đảm:

Kinh phí hoạt động hàng năm được áp dụng mức chi như đối với các cơ quan đảng cùng cấp. Cụ thể:

- Chi thường xuyên: theo định mức phân bổ ngân sách nhà nước quy định cho các đơn vị dự toán ngân sách đảng cùng cấp.

- Các khoản chi ngoài mức chi thường xuyên như: chi đại hội, chi khen thưởng hoạt động công tác đảng, thực hiện theo quy định tại điểm 2 và 3 của Điều 3 trên đây; chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi đặc thù hoạt động công tác đảng thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính.

2. Tổ chức đảng cấp trên cơ sở thuộc hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động:

- Tổ chức đảng cấp trên cơ sở có doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cùng cấp thì do doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp bảo đảm kinh phí hoạt động theo định mức và cách tính như quy định tại điểm 1 điều này.

- Tổ chức đảng cấp trên cơ sở không có doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cùng cấp thì do ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động theo định mức và cách tính như quy định tại điểm 1 Điều này.

Điều 5. Quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động công tác đảng*1. Đối với các tổ chức đảng do ngân sách bảo đảm kinh phí:*

Hàng năm theo định kỳ, tổ chức cơ sở, các cấp trên cơ sở của Đảng được ngân sách nhà nước cấp kinh phí theo quy định, trao đổi với thủ trưởng cơ quan, đơn vị chính quyền cùng cấp lập dự toán chi hoạt động công tác đảng của cấp mình trình cấp ủy phê duyệt; cơ quan tài chính nhà nước các cấp tổng hợp, cân đối dự toán ngân sách nhà nước trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Các cấp ủy đảng trong các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước chưa tổ chức hạch toán kế toán riêng thì đơn vị chính quyền cùng cấp tổng hợp dự toán, quyết toán chi hoạt động của cấp ủy đảng vào dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

Kết thúc năm ngân sách các cấp ủy có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo quyết toán kinh phí chi hoạt động công tác đảng theo quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

Các tổ chức đảng có trách nhiệm hạch toán kế toán theo đúng quy định của quản lý tài chính hiện hành.

2. Tổ chức cơ sở và cấp trên cơ sở của Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động có đơn vị chính quyền cùng cấp:

Hàng năm căn cứ quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng, trao đổi thống nhất với thủ trưởng đơn vị chính quyền cùng cấp, lập dự toán trình cấp ủy duyệt, làm cơ sở để doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp lập kế hoạch tài chính

và báo cáo quyết toán tài chính của toàn doanh nghiệp, đơn vị.

3. Đối với các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài thành phần kinh tế nhà nước:

Cấp trên cơ sở của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài thành phần kinh tế nhà nước căn cứ tình hình kinh phí hoạt động thực tế và nhiệm vụ chính trị của cơ sở, lập dự toán để ngân sách nhà nước cân đối bảo đảm như các đối tượng quy định ở điểm 1 Điều này.

4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân:

- Bí thư cấp ủy đảng các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng cấp mình theo quy định.

- Đơn vị cơ quan tài chính đảng cấp trên và ủy ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra chế độ chi hoạt động công tác đảng theo cơ chế quản lý tài chính hiện hành của Đảng và Nhà nước.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức triển khai

1. Cấp ủy các cấp phải nhận thức đầy đủ, đề cao trách nhiệm, chấp hành đúng các quy định về chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện đúng và đầy đủ chế độ kế toán, thống kê theo quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

2. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Bộ Tài chính và Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện cụ thể.

3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự đảng Ngoài nước và các cơ quan liên quan tổ chức nghiên cứu chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng ở ngoài nước.

4. Quy định này được phổ biến đến các cấp ủy đảng, đảng viên.

Điều 7. Kiểm tra, theo dõi và điều chỉnh

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Tài chính và Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện các định mức chi thường xuyên trên đây, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mức chi cho phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước và thực tế để bảo đảm chất lượng hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 120-TB/TW, ngày 3 tháng 10 năm 2003

Về kết quả 2 năm rưỡi
thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng
và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La
lần thứ XI, phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2005
và những năm tiếp theo

Ngày 23-9-2003, tại Hà Nội, Ban Bí thư đã làm việc với tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La về kết quả sau gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Sơn La, phương hướng, nhiệm vụ những năm còn lại của nhiệm kỳ trong điều kiện Đảng và Nhà nước đã quyết định xây dựng Nhà máy Thủy điện Sơn La. Ban Bí thư cơ bản tán thành báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng thời lưu ý và nhấn mạnh thêm một số điểm sau đây:

1. Về kết quả sau gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Sơn La

Sơn La là một tỉnh miền núi có điều kiện tự nhiên thuận

lợi để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch và thủy điện. Nhân dân các dân tộc Sơn La có truyền thống yêu nước cách mạng, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Sau gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, phát huy truyền thống đoàn kết cách mạng, ý chí tự lực, tự cường vươn lên giành được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường tiềm lực an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng vững mạnh.

- Kinh tế đạt nhịp độ tăng trưởng khá (GDP tăng bình quân 9,63%/năm), trong đó công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 26,2%/năm, thương mại, dịch vụ tăng 12%/năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường; các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế đều có bước phát triển; bước đầu phát huy tốt nội lực, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài; kết cấu hạ tầng được tăng cường, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tạo tiền đề cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.

Từ sau khi có quyết định của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ về việc xây dựng Nhà máy Thủy điện Sơn La, công trình thủy điện lớn nhất của đất nước, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nghị quyết để triển khai tổ chức thực hiện và đã chủ động chuẩn bị các điều kiện phục vụ việc khởi công xây dựng Nhà máy đúng tiến độ.

- Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục thể thao, khoa học công nghệ, xóa đói, giảm nghèo... đạt nhiều thành tựu quan trọng và khá toàn diện (tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 26% năm 2000 xuống còn 17% năm 2002).

- Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị; phòng chống có hiệu quả âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn và an ninh biên giới cơ bản được giữ vững. Mối quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện với tỉnh Hỏa Phấn, Luông Pha Bông và các tỉnh Bắc Lào ngày càng được củng cố.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân đạt nhiều kết quả. Ban Thường vụ Tỉnh ủy coi trọng thực hiện quy chế làm việc, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt cấp ủy; có tiến bộ trong đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành, tập trung vào việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm với tinh thần năng động, sáng tạo. Đặc biệt Sơn La trong nhiều năm là một trong những tỉnh làm tương đối tốt công tác cán bộ, nhất là việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ. Đoàn kết nội bộ trong cấp ủy và Ban Thường vụ tiếp tục được củng cố.

Ban Bí thư ghi nhận và biểu dương Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La về những thành tựu quan trọng đã đạt được trong gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh.

Bên cạnh những tiến bộ đạt được, tình hình của tỉnh Sơn La còn một số khuyết điểm cần phải khắc phục, nổi lên một số vấn đề đáng chú ý là:

- Tuy kinh tế tăng trưởng khá, đạt mức bình quân đề ra của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), song chưa vững chắc, tỷ

trọng nông, lâm nghiệp giảm chậm; công nghiệp, xây dựng, dịch vụ có tăng trưởng nhưng chất lượng chưa cao. Năng suất, chất lượng của nhiều ngành kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu.

Giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích sản xuất nông, lâm nghiệp thấp (hiện là 7,6 triệu đồng/ha); đã bước đầu hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa song quy mô còn nhỏ bé, giá thành sản phẩm còn cao; khả năng cạnh tranh của sản phẩm yếu.

Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, công tác quản lý đầu tư còn bất cập, tiến độ triển khai một số chương trình kinh tế trọng điểm chậm, nợ đầu tư xây dựng cơ bản lớn.

Doanh nghiệp nhà nước nhỏ bé, nhiều doanh nghiệp thua lỗ kéo dài. Việc sắp xếp, đổi mới, củng cố, phát triển doanh nghiệp nhà nước còn nhiều khó khăn; kinh tế hợp tác xã yếu, kinh tế cá thể, tư nhân, kinh tế trang trại phát triển chậm; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhỏ bé.

- Văn hóa xã hội còn một số vấn đề bức xúc, có mặt gay gắt. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng xa, ở một số địa phương vẫn còn xảy ra đói giáp hạt. Tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn cao. Một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng, còn xảy ra một số vụ buôn bán, vận chuyển chất ma túy lớn; tai nạn giao thông không giảm. Tình trạng di dịch cư tự do, truyền đạo trái phép tuy chững lại, nhưng còn diễn biến phức tạp; nghiện hút ma túy chưa được ngăn chặn và giải quyết có hiệu quả.

- Quốc phòng, an ninh có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Công tác chỉ đạo, nắm bắt, phân tích, đánh giá

tình hình có nơi, có thời điểm chưa kịp thời; xử lý một số vụ việc xảy ra còn lúng túng.

- Cải cách hành chính tiến hành chậm. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, cấp ủy đảng, nhất là ở cơ sở còn thấp. Đoàn kết nội bộ trong cấp ủy và Ban Thường vụ tiếp tục được tăng cường song cần lưu ý xây dựng, củng cố vững chắc hơn.

Các yếu kém trên đây có nguyên nhân khách quan, song nguyên nhân chủ quan là: công tác dự báo và quy hoạch còn nhiều hạn chế, chất lượng thấp, quản lý quy hoạch chưa chặt chẽ, còn chồng chéo giữa quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, quy hoạch lãnh thổ và chi tiết; cơ chế, chính sách đổi mới chưa đồng bộ, chưa tạo ra động lực để khơi dậy, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn nội lực cho đầu tư phát triển. Một số địa phương, đơn vị còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu năng động, sáng tạo. Cải cách hành chính thiếu kiên quyết. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, lãnh đạo chủ chốt ở một số nơi còn biểu hiện bảo thủ, trì trệ, trình độ, năng lực hạn chế, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ mới. Một số cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên tu dưỡng rèn luyện, giảm sút về phẩm chất và tín nhiệm. Việc phát hiện và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở chưa kịp thời. Một số cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể chưa thường xuyên quan tâm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ.

2. Một số định hướng và giải pháp chủ yếu đến năm 2005 và những năm tiếp theo

Ban Bí thư tán thành với phương hướng, mục tiêu do

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định, đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau: việc Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ quyết định xây dựng Thủy điện Sơn La đặt ra cho tỉnh những nhiệm vụ mới, hết sức nặng nề, nhưng cũng tạo ra cơ hội to lớn để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiệm vụ tổng quát của Sơn La trong thời gian tới là: *nắm vững thời cơ và những thuận lợi mới, vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh, hiệu quả và bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, chuẩn bị để khởi công công trình thủy điện đúng tiến độ và phục vụ tốt cho xây dựng công trình. Chăm lo bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người; phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc. Phấn đấu không còn hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc và biên giới hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong sạch, vững mạnh. Quyết tâm đưa Sơn La thoát khỏi tình trạng tỉnh đặc biệt khó khăn vào năm 2005, vươn lên trở thành tỉnh phát triển khá ở vùng núi phía Bắc vào năm 2010. Để thực hiện được mục tiêu tổng quát này, tỉnh cần lưu ý mấy vấn đề sau:*

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể và chính sách di dân tái định cư Thủy điện Sơn La của Chính phủ, tổ chức tốt đời sống và sản xuất cho các hộ dân tái định cư cả ở nơi đi và nơi đến, bảo đảm để nhân dân có cuộc sống vật chất và tinh thần tốt hơn, quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tái định cư, đặc biệt lưu ý chống thất thoát, lãng phí. Trước mắt, tỉnh cần phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương tổng kết mô hình tái định cư thí điểm ở xã Tân Lập, huyện Mộc Châu; hoàn thành việc đền bù giải phóng mặt bằng cho xây dựng đường quốc lộ 6 và các tuyến đường vào công trình Thủy điện Sơn La; khẩn trương tiến hành quy hoạch chi tiết và xây dựng các điểm tái định cư để khởi công và xây dựng Thủy điện Sơn La đúng tiến độ.

- Cần nghiên cứu kỹ tiềm năng và lợi thế của tỉnh để xây dựng quy hoạch phát triển hợp lý và bền vững. Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ gắn với phát triển thị trường để tạo đà cho sự tăng trưởng kinh tế trong những năm tiếp theo.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cần phải rất coi trọng vấn đề chất lượng và hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt chống tư tưởng bao cấp, ỷ lại; phải phát huy tối đa nội lực, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tiền vốn của Nhà nước, tất cả vì lợi ích của nhân dân.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy nhanh phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp theo hướng tích cực gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đưa các giống cây, con có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất. Phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế

đồi rừng. Phát triển chăn nuôi nói chung và nuôi bò sữa với cách làm và bước đi thích hợp. Đẩy mạnh sản xuất, đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm phục vụ đời sống của nhân dân và công trường Thủy điện Sơn La.

- Tiếp tục phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với những ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh và có khả năng cạnh tranh cao, mà trước tiên là công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí sửa chữa, may mặc và phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống của địa phương. Xây dựng công nghiệp phải cân nhắc kỹ điều kiện, bảo đảm khi xây xong, công trình hoạt động có hiệu quả lâu dài.

- Chăm lo phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch, nhất là thị trường mới hình thành khi công trình thủy điện được khởi công, cùng thị trường nông thôn và các trung tâm cụm xã để đẩy mạnh sản xuất phát triển, nâng cao đời sống nhân dân.

- Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như đường giao thông, thủy lợi, điện, nước, trường học, trạm xá...

- Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế cần đặc biệt chăm lo giải quyết tốt các vấn đề về văn hóa xã hội, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh. củng cố, tăng cường đoàn kết trong nội bộ Đảng, cũng như xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế Việt - Lào. Ngăn chặn những nhân tố tiềm ẩn gây mất ổn định, chia rẽ đoàn kết dân tộc, cục bộ địa phương. Lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc kiểm điểm giữa nhiệm kỳ trong Đảng bộ.

- Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, chống chủ nghĩa cá nhân, chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước; củng cố tổ chức, tăng cường sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, giữ vững kỷ luật, kỷ cương; công tác thanh tra, kiểm tra; đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; làm tốt công tác quy hoạch, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và chính sách cán bộ. Tập trung chăm lo việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực và trách nhiệm của cán bộ các cấp trong công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản...

- Đổi mới phong cách và lề lối làm việc của tập thể cấp ủy và cá nhân các đồng chí lãnh đạo, gần dân, sát dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm để huy động mọi nguồn lực sẵn có trong dân và tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ từ bên ngoài, phục vụ mục tiêu xây dựng tỉnh Sơn La ngày càng giàu đẹp.

3. Về các kiến nghị của tỉnh

Ban Bí thư ghi nhận và cơ bản đồng tình về những kiến nghị của tỉnh về chương trình tái định cư Thủy điện Sơn La;

về phát triển kinh tế; về phát triển văn hóa xã hội; về bảo đảm quốc phòng - an ninh; về điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện, xã; về bổ sung Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và một số huyện; về xây dựng và phát triển đô thị. Các bộ, ban, ngành liên quan phối hợp với tỉnh báo cáo Chính phủ để quyết định cụ thể theo tinh thần tạo điều kiện thuận lợi để Sơn La thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ mục tiêu đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phục vụ tốt cho xây dựng công trình Thủy điện Sơn La.

*

* *

Trên đây là kết luận của Ban Bí thư về những kết quả đạt được và những vấn đề cần lưu ý sau gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh, phương hướng phát triển đến năm 2005 và những năm tiếp theo của tỉnh Sơn La.

Ban Bí thư tin tưởng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La nắm vững thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu, thu được nhiều thành tựu mới trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; sớm đưa Sơn La thoát ra khỏi tình trạng là tỉnh đặc biệt khó khăn và trở thành một trong những tỉnh khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 85-QĐ/TW, ngày 6 tháng 10 năm 2003

Ban hành mẫu thẻ đảng viên mới

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mẫu thẻ đảng viên mới, thay mẫu thẻ đảng viên ban hành theo Quyết định số 03-QĐ/TW, ngày 2-11-1977 của Ban Bí thư (khóa IV).

Thẻ đảng viên có 2 mặt, hình chữ nhật, chiều cao 9,8cm, chiều ngang 6,9cm; bên ngoài ép nhựa trắng trong để bảo vệ; được sử dụng từ ngày 19-5-2004.

Mặt 1: Nền màu đỏ, chung quanh có khung hoa văn. Phía trên có dòng chữ: “ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM”, ở giữa: có hình búa liềm, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, phía dưới có dòng chữ “THẺ ĐẢNG VIÊN”.

Mặt 2: Nền hoa văn màu hồng, giữa có hình bản đồ Việt Nam và hình búa liềm:

Phía trên: có dòng chữ “THẺ ĐẢNG VIÊN”, “Số thẻ đảng viên”, “họ và tên”, “sinh ngày”, “quê quán”, “vào Đảng ngày”, “chính thức ngày”, “nơi cấp thẻ”, “ngày, tháng, năm” và đóng dấu Ban Chấp hành Trung ương.

Phía dưới: Bên trái dán ảnh đảng viên và đóng dấu nổi ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng bộ trực thuộc Trung ương; bên phải có các ô “1-2-3-4-5” để kiểm tra kỹ thuật theo quy định.

Các tiêu chí của đảng viên trên thẻ được đánh máy vi tính.

Điều 2. Về sử dụng và bảo quản thẻ đảng viên.

1. Thẻ đảng viên là giấy chứng nhận quan trọng của đảng viên, đảng viên sử dụng và bảo quản thẻ đảng viên như sau:

- Được dùng thẻ đảng viên thay cho việc dùng giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng tạm thời đến đảng bộ khác ở trong nước.

- Phải mang theo thẻ đảng viên khi kiểm điểm đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm và khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ mới.

- Phải giữ gìn cẩn thận, không tẩy xóa, không cho người khác mượn, khi làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức ra nước ngoài phải giao thẻ đảng viên cho Ban Cán sự đảng Ngoài nước quản lý.

- Nếu bị mất hoặc bị hỏng thẻ đảng viên phải báo cáo ngay với cấp ủy cơ sở bằng văn bản để xét việc cấp lại hoặc làm lại thẻ đảng viên theo quy định.

2. Thẻ đảng viên được kiểm tra kỹ thuật theo định kỳ (5 năm 1 lần). Thẻ đảng viên chưa được kiểm tra và đóng dấu kiểm tra thì không có giá trị sử dụng (Quy định này thay cho quy định thu thẻ đảng viên của đảng viên ra khỏi Đảng).

3. Nghiêm cấm việc làm giả thẻ đảng viên; đổi và cấp thẻ đảng viên cho người không đủ tư cách đảng viên.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

1. Các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm phát hành và quản lý thẻ đảng viên. Đảng ủy Công an Trung ương chỉ đạo in thẻ đảng viên theo mẫu đã được duyệt, việc bảo vệ, chống làm giả thẻ đảng viên. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bảo đảm kinh phí cho việc in thẻ, đổi thẻ, cấp thẻ đảng viên.

3. Quyết định này thay cho Quyết định số 03-QĐ/TW, ngày 2-11-1977 của Ban Bí thư (khóa IV) và có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 121-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2003

Về dự án Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 10-10-2003, sau khi nghe báo cáo của Đảng đoàn Quốc hội và ý kiến của các ban, ngành có liên quan về dự án Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Bộ luật tố tụng hình sự là bộ luật lớn, quan trọng, quy định việc tiến hành các hoạt động đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân, có liên quan và tác động đến toàn xã hội. Việc sửa đổi Bộ luật này cần phải quán triệt và thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn quan điểm, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; bảo đảm cho các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phát hiện, xử lý kịp thời, đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội; bảo đảm tốt hơn các quyền tự do, dân chủ và sự an toàn về

mặt pháp lý cho công dân, khắc phục tình trạng oan sai trong tố tụng hình sự.

Về những nội dung cơ bản cần sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Bộ luật do Đảng đoàn Quốc hội trình (Tờ trình số 143/ĐĐQH11, ngày 24-9-2003):

1. Về thẩm quyền của tòa án cấp huyện

Đồng ý tăng thẩm quyền xét xử cho tòa án cấp huyện như quy định trong dự thảo Bộ luật.

Tòa án cấp huyện ở địa phương nào có đủ điều kiện thực hiện thì giao ngay thẩm quyền xét xử mới khi Bộ luật này có hiệu lực; tòa án cấp huyện ở địa phương nào chưa đủ điều kiện thì tiếp tục củng cố và sẽ được giao thẩm quyền xét xử mới khi có đủ điều kiện, nhưng chậm nhất không quá 5 năm. Sau 5 năm, kể từ ngày Bộ luật có hiệu lực thi hành, tất cả các tòa án cấp huyện trên phạm vi toàn quốc đều thực hiện đầy đủ thẩm quyền này. Việc giao thẩm quyền cụ thể cho các tòa án cấp huyện do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định trên cơ sở đề nghị của các cơ quan hữu quan.

2. Về việc tổ chức cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và cơ quan điều tra thuộc Công an nhân dân

Nên tổ chức cơ quan điều tra quân sự khu vực phù hợp với mô hình tổ chức của tòa án quân sự và viện kiểm sát quân sự khu vực. Nếu Bộ Quốc phòng đề nghị tổ chức cơ quan điều tra ở tất cả các bộ chỉ huy quân sự tỉnh và các cấp tương đương thì cần phải giải trình rõ trước Quốc hội và phải phân biệt rõ chức năng điều tra của cơ quan điều tra với chức

năng thanh tra, kiểm tra, xác minh, xử lý các hành vi vi phạm kỷ luật, điều lệnh quân đội.

Tổ chức các cơ quan điều tra thuộc Công an nhân dân ở các địa phương, trước mắt giữ như hiện nay.

3. Về quyền hạn điều tra của bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

Tiếp tục giao bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra và quy định bổ sung thẩm quyền này cho lực lượng cảnh sát biển. Không nên giao cho các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thêm các thẩm quyền như: bắt khẩn cấp; điều tra toàn bộ vụ án đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng và chuyển thẳng hồ sơ đề nghị viện kiểm sát truy tố.

Không nên quy định hoạt động điều tra bí mật trong dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự.

4. Về quy định bắt người vào ban đêm

Nên quy định rõ trong Bộ luật là “Không được bắt người vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật này”.

Việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp và phạm tội quả tang cũng phải quy định thật chặt chẽ.

5. Về vấn đề bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản

Nên tiếp tục quy định về các biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh và đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, viện kiểm sát hoặc tòa án, nhằm giảm bớt việc phải tạm giam bị can, bị cáo trong trường hợp không nhất thiết phải giam giữ.

6. Về thời điểm tham gia tố tụng của người bào chữa

Đồng ý với quy định của dự thảo luật: Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật này thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội phạm an ninh quốc gia thì viện trưởng viện kiểm sát có quyền quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra.

7. Về việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa

Cần quy định rõ nội dung tranh luận tại phiên tòa của kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

8. Về thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm

Đồng ý với quy định của dự thảo Bộ luật, không giao cho Hội đồng giám đốc thẩm có quyền sửa bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

9. Về thẩm quyền kháng nghị tái thẩm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Không nên quy định Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị tái thẩm đối với quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

10. Về giới hạn của việc xét xử

Nên mở rộng giới hạn xét xử của tòa án, để tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà viện kiểm sát đã truy tố.

Ngoài các vấn đề nêu trên, Đảng đoàn Quốc hội cần chỉ đạo các cơ quan hữu quan tổ chức nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp để quy định rõ trong luật về vấn đề trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và công dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm và thi hành các bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật và trình Quốc hội xem xét quyết định.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị xem xét trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 33-NQ/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2003

**Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng
trong thời kỳ công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước**

**I- TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ
NHỮNG NĂM QUA**

1. Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của đất nước, có vị trí trọng yếu cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh; là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cửa ngõ chính ra Biển Đông của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và các nước tiểu vùng Mê Kông.

Đà Nẵng cùng với Quảng Nam là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, kiên cường trong kháng chiến chống ngoại xâm. Trong sự nghiệp đổi mới và xây dựng đất nước, Đà Nẵng tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, năng động, sáng tạo, xây dựng Thành phố phát triển khá trên nhiều mặt, trở thành một Thành phố cảng biển lớn, là đô thị

trung tâm cấp quốc gia, là một trong những trọng điểm phát triển của đất nước, góp phần quan trọng thúc đẩy các tỉnh khác trong khu vực phát triển và trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Xây dựng và phát triển Đà Nẵng có ý nghĩa rất quan trọng về nhiều mặt đối với miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

2. Từ khi trở thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, nhất là trong gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII của Đảng bộ Thành phố, Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng đã đoàn kết, nhất trí, khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng, lợi thế, huy động nội lực, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để xây dựng và phát triển Thành phố đạt được nhiều thành tựu đáng biểu dương, trong một số lĩnh vực đã có cách làm sáng tạo và có những mô hình tốt.

Thành phố luôn duy trì được nhịp độ phát triển kinh tế khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, các ngành sản xuất và dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao; thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh; thu ngân sách tăng khá, là một trong những địa phương có nguồn thu ngân sách lớn.

Đặc biệt, Thành phố đã thực hiện tốt chủ trương gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, quan tâm nhân tố con người, chú trọng đầu tư cho giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, tích cực thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội, an toàn giao thông...

Trong chỉ đạo điều hành, Thành phố đã có cách làm mới, sáng tạo, khơi dậy và phát huy ý chí, nguồn lực của địa phương; tạo được sự đồng thuận trong xã hội, sự phối hợp

chặt chẽ giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, giữa Thành phố với các ban, bộ, ngành Trung ương và các tỉnh trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thành phố đã đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng trong khai thác nguồn lực trong dân, khai thác có hiệu quả quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị; làm tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng, không để xảy ra khiếu kiện đông người, vượt cấp; có giải pháp quản lý chặt chẽ, tiết kiệm trong đầu tư xây dựng; chương trình “5 không” được sự đồng tình của nhân dân, đã đem lại kết quả tích cực.

Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được củng cố. Công tác xây dựng Đảng được chú trọng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ các cấp được nâng lên, hệ thống chính trị được kiện toàn, đội ngũ cán bộ trưởng thành một bước; quan hệ giữa Đảng với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân gắn bó chặt chẽ hơn; nội bộ cấp ủy đoàn kết, thống nhất; niềm tin, uy tín của Đảng bộ đối với nhân dân Thành phố ngày càng được nâng cao.

Bước đầu Đà Nẵng đã có một số lĩnh vực phát huy vai trò trung tâm đối với khu vực miền Trung và Tây Nguyên như giáo dục - đào tạo, y tế và công nghệ thông tin...

Những thành tựu trên đây là tiền đề để Thành phố vươn lên thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ còn lại mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, từng bước phát huy vai trò trung tâm của khu vực và đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển của đất nước.

3. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, thành phố Đà Nẵng cũng còn một số tồn tại, yếu kém cần được khắc phục.

Trước hết, phát triển kinh tế chưa thực sự vững chắc, chất lượng chưa cao, quy mô nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Thành phố. Vai trò trung tâm, sức lan tỏa, lôi kéo các tỉnh lân cận và các tỉnh Tây Nguyên còn hạn chế. Kinh tế phát triển nhưng chưa định hình rõ được ngành mũi nhọn, chưa có sản phẩm chủ lực; việc quan tâm thúc đẩy các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đầu tư phát triển còn hạn chế, vai trò kinh tế tư nhân chưa được khơi dậy và phát huy tốt; đổi mới công nghệ còn chậm, khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế còn yếu, các lợi thế về kinh tế biển chưa được khai thác tốt, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài còn thấp.

Hai là, chưa có giải pháp tốt đối với một số vấn đề xã hội, trong đó có các vấn đề phát sinh trong quá trình đô thị hóa, công tác tái định cư còn một số nội dung phải tiếp tục quan tâm giải quyết.

Ba là, công tác xây dựng Đảng đạt nhiều kết quả, song sự chuyển biến ở một số đơn vị, nhất là cấp cơ sở chưa mạnh, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Bốn là, công tác cán bộ vẫn còn nhiều bất cập, chưa có giải pháp mang tính đột phá để xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp trưởng thành nhanh hơn, có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố.

Năm là, phong trào quần chúng phát triển chưa đều, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở còn lúng túng, bị động.

Những tồn tại, yếu kém trên do nhiều nguyên nhân.

Về chủ quan, chủ yếu là do năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa đều, chưa tương xứng và ngang tầm với yêu cầu phát triển của Thành phố; chưa làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ; tính chiến lược về phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn chưa được coi trọng; chưa khai thác tốt các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Về khách quan, vị trí, vai trò của Đà Nẵng chưa được xác định và nhận thức rõ; việc quy hoạch và tập trung đầu tư phát triển để Thành phố giữ vai trò trung tâm trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên còn hạn chế.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2020

1. Đà Nẵng bước vào thời kỳ phát triển mới trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, cơ hội lớn, nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức gay gắt, đặc biệt Thành phố phát triển trong xu thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài ngày càng tăng.

Trên cơ sở tiếp tục quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về phương hướng phát triển đất nước, Đảng bộ và nhân dân Thành phố phải nỗ lực phấn đấu vượt bậc, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy tính năng động, sáng tạo để xây dựng và phát triển Thành phố theo hướng:

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế - xã hội lớn của miền Trung với vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại,

du lịch và dịch vụ; là thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính - viễn thông và tài chính - ngân hàng; một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ của miền Trung; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và cả nước.

Đà Nẵng phải phấn đấu để trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020.

2. Để thực hiện phương hướng, mục tiêu trên, Đảng bộ Thành phố phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

Làm tốt công tác quy hoạch đô thị, đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ, theo hướng thành phố công nghiệp văn minh, hiện đại.

Tiếp tục phát huy tiềm năng và lợi thế so sánh, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển Thành phố tương xứng với tầm vóc là trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung, có tác động lan tỏa đối với sự phát triển của các tỉnh lân cận, Tây Nguyên và với cả hành lang kinh tế Đông - Tây, tiểu vùng Mê Kông.

Có kế hoạch và bước đi trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nay đến năm 2010 theo hướng cơ cấu kinh tế công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, sau năm 2010 chuyển sang cơ cấu dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Trong đó chú trọng phát triển công nghiệp có công nghệ cao, dịch vụ có chất lượng cao, xây dựng trung tâm công nghệ cao; khai thác tiềm năng kinh

tế biển; phát triển các ngành, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh; quan tâm đến đổi mới công nghệ, tiếp cận với công nghệ hiện đại.

Phát triển nhanh các dịch vụ mà Thành phố có thể mạnh như vận tải đường sắt, đường bộ, cảng biển, sân bay quốc tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, tư vấn, chuyển giao công nghệ. Đầu tư phát triển mạnh du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Thành phố; xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm du lịch lớn của đất nước, là đầu mối trung chuyển, quá cảnh và giao lưu hàng hóa - dịch vụ của miền Trung - Tây Nguyên.

Phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, đổi mới quản lý, sắp xếp tổ chức lại các doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn. Phát triển kinh tế tư nhân, hợp tác, hợp tác xã.

Tập trung cao hơn nguồn lực địa phương và Trung ương, tạo môi trường thuận lợi để đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại.

Quan tâm phát triển văn hóa - xã hội tương xứng với sự phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế, tiếp tục giảm nghèo và nâng cao đời sống của nhân dân, giải quyết các vấn đề bức xúc về xã hội và môi trường sinh thái, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của Thành phố.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng hoạt động của các ngành nội chính, bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố.

Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, phát huy dân chủ cả trong Đảng và trong xã hội, giữ vững đoàn kết nhất trí trong Đảng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Tiếp tục chỉ đạo tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng và sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp với phương châm hướng mạnh về cơ sở; kiện toàn hệ thống tổ chức chính trị cơ sở, chỉ đạo tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc của cơ sở; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tốt đơn, thư và xử lý nghiêm minh các vụ việc vi phạm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

Tổ chức tốt việc kiểm điểm sơ kết giữa nhiệm kỳ trong Đảng bộ để đề ra phương hướng, biện pháp thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp.

Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tiếp tục đổi mới, tạo bước đột phá về công tác cán bộ, tích cực chuẩn bị nhân sự cho bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2004 - 2009 và nhân sự cho Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2005 - 2010.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trên địa bàn; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tập trung sức xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng với tốc độ nhanh và bền vững, tạo động lực quan trọng thúc đẩy các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Đây là trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân thành phố Đà Nẵng, đồng thời là trách nhiệm của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và các địa phương trong cả nước.

Các cơ quan Trung ương phải thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thành phố Đà Nẵng thực hiện tốt phương hướng phát triển mà Bộ Chính trị đã đề ra.

Các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh trong khu vực cần tích cực xây dựng và củng cố mối quan hệ liên kết, hợp tác với Thành phố, tạo không gian kinh tế thống nhất để cùng phát triển và thúc đẩy vùng kinh tế trọng điểm miền Trung phát triển.

2. Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

Khẩn trương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng để Bộ Chính trị cho ý kiến. Trong đó, chú ý đến các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho Đà Nẵng là hạt nhân, đóng vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Mặt khác, thành phố Đà Nẵng phải nhận thức rõ hơn nữa trách nhiệm của mình với sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên để có hướng liên kết, phối hợp tích cực hơn, khẩn trương hơn.

Trên cơ sở đó, cần tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh đồng bộ quy hoạch tổng thể phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2010 và năm 2020; đồng thời, có giải pháp và bước đi trong việc triển khai cụ thể các quy hoạch chi tiết, phù hợp với yêu cầu xây dựng một thành phố cảng biển, công nghiệp hiện đại theo hướng mở, phát huy mạnh mẽ những lợi thế của Thành phố.

Khẩn trương ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành và các địa phương trong vùng nhằm tạo không gian kinh tế thống nhất cho toàn vùng, trong đó Đà Nẵng là một cực phát triển, đóng vai trò trung tâm phối hợp hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác để khai thác tiềm năng, thế mạnh của cả vùng.

Chỉ đạo thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hiện hành, kiểm tra tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, ban hành các cơ chế, chính sách mới nhằm tạo thuận lợi thúc đẩy Thành phố phát triển; tiếp tục phân cấp mạnh hơn, toàn diện hơn cho Thành phố, nhất là về thẩm quyền quyết định đầu tư tài chính, ngân sách.

3. Về một số vấn đề cụ thể:

Sớm có quyết định đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, có tác động đến sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, như dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường Đà Nẵng - Hội An, nâng cấp mở rộng ga hàng không quốc tế Đà Nẵng; nghiên cứu việc chuẩn bị xây dựng cảng Liên Chiểu và đường sắt hai chiều Đà Nẵng - Quảng Ngãi, xây dựng Làng đại học Đà Nẵng trở thành 1 trong 3 trung tâm đại học của cả nước; xây dựng khu liên hợp thể thao theo tiêu chuẩn hiện đại đóng vai trò là một

trong những trung tâm quốc gia tại Đà Nẵng; đầu tư xây dựng khu công nghệ cao; xây dựng các viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành; di dời ga đường sắt, kho vũ khí, kho xăng dầu ra khỏi trung tâm Thành phố, khu dân cư và các điểm du lịch.

Thành phố Đà Nẵng cùng với Bộ Quốc phòng xây dựng các phương án kết hợp kinh tế với quốc phòng trên các địa bàn chiến lược của Thành phố, đặc biệt là khu vực bán đảo Sơn Trà, Hải Vân; thống nhất xác định cụ thể việc quy hoạch sử dụng khu vực bán đảo Sơn Trà, Hải Vân phục vụ cho phát triển kinh tế - văn hóa - du lịch - dịch vụ gắn với quốc phòng - an ninh, trừ một số khu vực có các công trình phòng thủ; có phương án triển khai và giải pháp bảo đảm bí mật cho các công trình quốc phòng.

Điều chỉnh quy hoạch, sử dụng khu vực sân bay Nước Mặn cho phát triển du lịch, đồng thời bảo đảm có thể huy động sử dụng tốt cho công tác quốc phòng - an ninh khi cần thiết. Trước mắt, đồng ý với kết luận của Bộ Quốc phòng tại Thông báo số 3646/VP, ngày 15-9-2003 về sân bay Nước Mặn. Khi triển khai xây dựng các dự án cụ thể, Thành phố cần trao đổi để có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng.

Sớm xây dựng thành phố Đà Nẵng thành một trong những trung tâm du lịch mang tầm cỡ quốc tế. Có cơ chế để thực hiện thí điểm kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước xây dựng một số khu du lịch cao cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế, trong đó cho phép mở dịch vụ vui chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài, trên cơ sở phải có biện pháp quản lý chặt chẽ. Thành phố phối hợp với Tổng cục Du lịch xây dựng đề án từng bước triển khai thực hiện.

Thực hiện thí điểm việc bán nhà gắn liền với quyền sử dụng đất đối với người nước ngoài có tham gia đầu tư, hoặc thường trú lâu dài ở Việt Nam tại những vị trí hợp lý, đảm bảo kiểm soát được, theo quy định của pháp luật.

Thành phố có phương án trình Chính phủ phê duyệt thí điểm thực hiện một số cơ chế mới đối với những vấn đề mà thực tiễn Thành phố đặt ra nhưng chưa có quy định hoặc đã quy định nhưng không còn phù hợp.

Về cơ chế tạo vốn đầu tư phát triển, Thành phố cần huy động tối đa các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển Thành phố.

Tăng thỏa đáng tỷ lệ điều tiết cho ngân sách thành phố đối với các khoản thu phân chia giữa Trung ương và Thành phố và ổn định trong 5 năm, đồng thời hàng năm ngân sách Trung ương hỗ trợ nguồn vốn đầu tư phát triển có mục tiêu theo dự án đối với các công trình cơ sở hạ tầng quan trọng do Thành phố quản lý. Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ báo cáo Quốc hội quyết định.

Thực hiện thí điểm từng bước phát hành trái phiếu đô thị thành phố cho đầu tư một số công trình quan trọng. Bộ Tài chính tạo điều kiện thuận lợi cho Thành phố được vay vốn từ nước ngoài để đầu tư một số dự án có tính khả thi cao, có yêu cầu đầu tư nhanh trên cơ sở kiểm soát được nợ vay của Chính phủ, Thành phố bảo đảm khả năng và tiến độ trả nợ.

4. Ban Bí thư và Chính phủ định kỳ làm việc với tập thể lãnh đạo thành phố Đà Nẵng để chỉ đạo xử lý kịp thời

các vướng mắc, tạo điều kiện cho Thành phố phát triển nhanh, bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Các nghị quyết của Trung ương Đảng
2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2004, tr. 327-340.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 86-QĐ/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2003

**Thành lập Ban Chỉ đạo giúp Bộ Chính trị
kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận
của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý,
sử dụng đất đai**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;
- Căn cứ Chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2003 (số 90-CTr/TW, ngày 15-5-2003);
- Xét đề nghị của Ban Cán sự đảng Chính phủ,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo giúp Bộ Chính trị kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai, gồm các đồng chí có tên sau:

- Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban.

- Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Thường trực.
- Vũ Quốc Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiêm Trưởng Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), Phó Trưởng ban.
- Trần Đại Hùng, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Phó Trưởng ban.
- Nguyễn Văn Lâm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên Thường trực.
- Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, Ủy viên.
- Nguyễn Văn Quyền, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Ủy viên.
- Trần Quốc Trường, Phó Tổng Thanh tra Nhà nước, Ủy viên.
- Nguyễn Xuân Thảo, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.
- Đặng Hùng Võ, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra theo Kế hoạch số 05-KH/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Bộ Chính trị và sử dụng con dấu của Ban Chấp hành Trung ương để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Giao Văn phòng Chính phủ làm nhiệm vụ Thường trực của Ban Chỉ đạo, có bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo là các đồng chí lãnh đạo cấp vụ, chuyên viên của các bộ, ban, ngành Trung ương; được sử dụng con dấu của Ban Cán sự đảng Chính phủ để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 122-TB/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2003

Về Đại hội Hội Sinh viên Việt Nam lần thứ VII
và việc lấy tháng 3 hàng năm
là Tháng Thanh niên

Tại phiên họp ngày 1-10-2003, sau khi nghe báo cáo của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam và ý kiến của các ban, ngành về Đại hội Hội Sinh viên Việt Nam lần thứ VII và việc lấy tháng 3 hàng năm là Tháng Thanh niên, Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- VỀ ĐẠI HỘI HỘI SINH VIÊN VIỆT NAM LẦN THỨ VII

1. Đại hội Hội Sinh viên Việt Nam lần thứ VII trong thời điểm đất nước ta bước vào những năm đầu của thế kỷ mới, nên có vị trí và ý nghĩa rất quan trọng. Đại hội cần khẳng định sinh viên Việt Nam - đội ngũ trí thức trẻ của đất nước, được đào tạo cơ bản, là nguồn lực quan trọng góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội cần tổng kết, biểu dương sự đóng góp của phong trào sinh viên và Hội Sinh viên trong nhiệm kỳ qua; đánh giá đúng sự nỗ lực rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nâng cao chất lượng học tập, sáng tạo nghiên cứu khoa học của sinh viên; đồng thời, cũng nêu rõ những yếu kém, hạn chế cần phải khắc phục. Chú ý đánh giá chất lượng hoạt động của các cấp hội và phong trào sinh viên thông qua các chương trình công tác.

Cần dự báo những tác động của môi trường xã hội, của tình hình trong và ngoài nước vào đối tượng sinh viên.

Về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và chương trình hành động của Hội trong nhiệm kỳ mới, chú trọng những nội dung nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị và lối sống văn hóa trong sinh viên, phát huy hơn nữa tinh thần sáng tạo, năng động, tiên phong của sinh viên trong nghiên cứu khoa học, góp sức vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các cấp hội cần đổi mới hình thức và phương thức hoạt động; tích cực, phối hợp giữa các lực lượng để tập hợp sinh viên, giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi chính đáng của sinh viên. Đại hội lần này cần thể hiện tinh thần đổi mới, hình thức sinh động, thực hiện tốt chương trình đối thoại của sinh viên với lãnh đạo Chính phủ, với lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Về Điều lệ sửa đổi, tán thành với dự thảo. Riêng vấn đề tổ chức Hội Sinh viên ở nước ngoài, cần được nghiên cứu kỹ thêm, trước mắt phân công một đồng chí trong Ban Chấp hành Hội phụ trách.

3. Về nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa VII, lưu ý tăng thêm sinh viên đang trực tiếp học tập và sinh viên là người dân tộc.

Ban Thư ký Hội Sinh viên Việt Nam nên có thêm một Phó Chủ tịch Hội ở khu vực các trường đại học, cao đẳng miền Trung.

4. Đồng ý việc Ban Chấp hành Trung ương Đảng trao tặng sinh viên Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam bức thưống nhân dịp Đại hội Hội Sinh viên Việt Nam. Trung ương Đoàn Thanh niên trao đổi với Ban Dân vận Trung ương về nội dung bức thưống để trình Ban Bí thư cho ý kiến.

5. Thời gian tổ chức Đại hội vào khoảng cuối tháng 12-2003, tại Hà Nội. Đại hội cần tổ chức thiết thực, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức.

II- VỀ VIỆC LẤY THÁNG 3 HÀNG NĂM LÀ THÁNG THANH NIÊN

Ban Bí thư đồng ý việc lấy tháng 3 hàng năm là Tháng Thanh niên. Chú ý Tháng Thanh niên mỗi năm cần có những chủ đề cụ thể, thiết thực.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 29-CT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003

Về việc đổi thẻ đảng viên

Việc thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW, ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư (khóa IV) “về việc phát thẻ đảng viên” đã góp phần nâng cao ý thức Đảng cho đảng viên, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và củng cố tổ chức cơ sở đảng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng trong thời gian qua.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát thẻ đảng viên còn bộc lộ những thiếu sót cả về nhận thức và tổ chức thực hiện, nên ý nghĩa chính trị của thẻ đảng viên chưa được phát huy, tác dụng giáo dục đảng viên và củng cố tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế.

Để thi hành Điều lệ Đảng, phát huy kết quả và khắc phục những thiếu sót trong 24 năm thực hiện công tác phát thẻ đảng viên, được Bộ Chính trị ủy nhiệm, Ban Bí thư chỉ thị:

1. Tiến hành đổi thẻ đảng viên trong toàn Đảng.

2. Đổi thẻ đảng viên phải bảo đảm mục đích, yêu cầu sau:

- Đổi thẻ đảng viên nhằm nâng cao ý thức Đảng cho

đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, thúc đẩy thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

- Phải thực hiện đúng Điều lệ Đảng và Quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng (số 14-QĐ/TW, ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị), các nguyên tắc, thủ tục đổi thẻ, phát thẻ và sử dụng, bảo quản thẻ đảng viên.

- Gắn việc đổi thẻ đảng viên với xây dựng, chỉnh đốn Đảng; trên cơ sở đánh giá đúng chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên để tiến hành đổi thẻ đảng viên.

3. Nguyên tắc đổi thẻ đảng viên

- Thẻ đảng viên chỉ đổi cho đảng viên chính thức đã có thẻ đảng viên và có đủ tư cách đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Chưa đổi thẻ đảng viên cho đảng viên vi phạm tư cách.

4. Những đối tượng chưa đổi thẻ đảng viên

- Qua đánh giá chất lượng, đảng viên bị xếp vào loại đảng viên vi phạm tư cách.

Những trường hợp nói trên, sau 6 tháng phấn đấu, được cấp ủy cơ sở công nhận đã sửa chữa, tiến bộ thì được đổi thẻ đảng viên. Sau thời hạn 6 tháng, đảng viên chưa sửa chữa, tiến bộ thì cấp ủy cơ sở xem xét gia hạn thêm (thời gian gia hạn không quá 6 tháng) để đảng viên tiếp tục sửa chữa khuyết điểm; sau thời gian gia hạn được cấp ủy cơ sở công

nhận đã sửa chữa, tiến bộ thì được đổi thẻ đảng viên; nếu vẫn không sửa chữa, tiến bộ thì vận động đảng viên đó xin ra khỏi Đảng hoặc xóa tên đảng viên theo quy định tại Điều 8, Điều lệ Đảng.

- Đảng viên đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, cấp ủy viên đang bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, đảng viên có đơn, thư tố cáo và có nghi vấn về lịch sử chính trị mà tổ chức đảng đang tiến hành điều tra, xác minh.

Sau khi cấp ủy có thẩm quyền kết luận đảng viên không vi phạm, có đủ tư cách thì được đổi thẻ đảng viên.

- Đảng viên đang bị bệnh tâm thần (mất trí nhớ) thì chưa đổi thẻ đảng viên. Khi được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận khỏi bệnh thì được đổi thẻ đảng viên.

- Đảng viên sinh hoạt ở chi bộ yếu kém (kể cả chi bộ cơ sở) (trừ số đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng, đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng, có đủ tư cách). Khi những chi bộ này đã được củng cố, khắc phục yếu kém, được cấp ủy cấp trên trực tiếp công nhận tiến bộ thì đảng viên ở chi bộ đó được xét đổi thẻ đảng viên.

5. Trong thời gian đổi thẻ đảng viên, đảng viên dự bị được công nhận là đảng viên chính thức thì được phát thẻ đảng viên (theo mẫu mới)

6. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng về đổi thẻ đảng viên

Các cấp ủy đảng chịu trách nhiệm về đổi thẻ đảng viên theo quy định của Trung ương, bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy phải trực tiếp phụ trách công tác đổi thẻ đảng viên. Các ban

tổ chức, tuyên giáo, dân vận và ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp trực tiếp giúp cấp ủy chỉ đạo, kiểm tra việc đổi thẻ đảng viên.

- Trách nhiệm của từng cấp:

+ Chi bộ, cấp ủy cơ sở có trách nhiệm giáo dục đảng viên nắm vững mục đích, yêu cầu và các nguyên tắc về đổi thẻ đảng viên; tiến hành đánh giá đúng chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên để làm thủ tục đề nghị đổi thẻ đảng viên cho đảng viên đủ tiêu chuẩn; định thời gian để đảng viên thuộc diện chưa được đổi thẻ đảng viên phấn đấu; xét đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; tổ chức trang trọng lễ đổi thẻ đảng viên.

+ Huyện ủy và tương đương chỉ đạo thực hiện việc đổi thẻ đảng viên và thẩm định kết quả đánh giá chất lượng đảng viên; xét và quyết định đổi thẻ đảng viên cho đảng viên có đủ tiêu chuẩn theo đề nghị của cơ sở; kiểm tra việc hoàn thiện thẻ đảng viên, lập danh sách đảng viên được đổi thẻ đảng viên báo cáo tỉnh ủy, thành ủy và tương đương (qua ban tổ chức của cấp ủy).

+ Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương lãnh đạo, kiểm tra chặt chẽ các cấp ủy trực thuộc thực hiện việc đổi thẻ đảng viên và đánh giá chất lượng đảng viên; tổng hợp kết quả đổi thẻ đảng viên báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

- Trách nhiệm của các ban Trung ương Đảng:

Giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ban Dân vận Trung ương,

Văn phòng Trung ương giúp Ban Bí thư chỉ đạo và kiểm tra việc đổi thẻ đảng viên ở tất cả các cấp. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn và trực tiếp chỉ đạo nghiệp vụ đổi thẻ đảng viên.

7. Tổ chức thực hiện

- Việc đổi thẻ đảng viên được thực hiện trong 5 đợt (19-5, 2-9, 7-11-2004, 3-2-2005 và cơ bản hoàn thành việc đổi thẻ đảng viên vào dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh 19-5-2005), gắn với đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Đợt đầu đổi thẻ đảng viên vào dịp kỷ niệm 114 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-2004) đối với những đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng có đủ tư cách; đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng có đủ tư cách và đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ở các chi bộ, đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh.

- Ban Cán sự đảng Ngoài nước xét và quyết định đổi thẻ đảng viên cho đảng viên đủ tư cách ở ngoài nước.

- Các cấp ủy đảng phải coi trọng lãnh đạo công tác tư tưởng và tổ chức, giáo dục đảng viên hiểu rõ vinh dự và trách nhiệm, tổ chức đánh giá đúng chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên theo hướng dẫn của Trung ương, vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp ý cho tổ chức đảng và đảng viên; lựa chọn những cán bộ có phẩm chất tốt, có tinh thần trách nhiệm trực tiếp làm nghiệp vụ đổi thẻ đảng viên.

Sau mỗi đợt đổi thẻ đảng viên, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương sơ kết rút kinh nghiệm;

khi hoàn thành việc đổi thẻ đảng viên, tiến hành tổng kết thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư trong đảng bộ.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Các nghị quyết của Trung ương Đảng

2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 2004, tr. 517-522.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 123-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003
Về Dự án Luật thi đua, khen thưởng

Tại phiên họp ngày 12-10-2003, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ban, ngành có liên quan về một số nội dung cơ bản của Dự án Luật thi đua, khen thưởng, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1- Về cờ thi đua của Chủ tịch nước, không nên quy định hình thức khen thưởng cờ thi đua của Chủ tịch nước.

2- Về tặng thưởng huân chương, huy chương, nên quy định chỉ có Nhà nước mới tặng thưởng huân chương, huy chương; các bộ, ban, ngành, đoàn thể sử dụng thống nhất hình thức khen thưởng chung là kỷ niệm chương.

Không nên quy định hình thức khen thưởng “Huân chương Tấm lòng vàng” và hình thức khen thưởng “Huy chương Vẻ vang”; nên bổ sung hình thức khen thưởng “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”.

3- Về danh hiệu vinh dự Nhà nước, nên giữ như quy định của các văn bản pháp luật hiện hành về danh hiệu vinh dự Nhà nước cho thầy thuốc, nhà giáo, nghệ sĩ, chỉ bổ

sung thêm danh hiệu vinh dự Nhà nước cho nghệ nhân; chưa nên bổ sung các danh hiệu vinh dự Nhà nước đối với các đối tượng khác.

Chưa đặt vấn đề mở rộng diện được phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” và không xem danh hiệu liệt sĩ là một danh hiệu vinh dự Nhà nước (không nêu cả hai vấn đề này ra kỳ họp Quốc hội).

4- Về *khen thưởng đối với đại biểu dân cử*, không quy định hình thức khen thưởng riêng đối với đại biểu dân cử.

5- Về *cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng*, giao cho Chính phủ quy định về tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng; tập trung việc xét duyệt khen thưởng về cơ quan nói trên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 124-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003
Về Dự án Luật đất đai (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 10-10-2003, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ban, ngành có liên quan về dự án Luật đất đai (sửa đổi), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Dự án Luật đất đai (sửa đổi) đã quán triệt và thể chế hóa được các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về đất đai; thực hiện đúng các nội dung, yêu cầu về tiếp tục đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy (khóa IX). Dự án Luật cũng đã được tổ chức công bố lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân, các ngành, các cấp thể hiện sự chuẩn bị chu đáo của các cơ quan hữu quan.

2. Về một số nội dung cơ bản của dự án Luật, đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 144/ĐĐQH11, ngày 24-9-2003, lưu ý:

- Quy định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước được giao quyền đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai.

- Xác định nguyên tắc định giá đất của Nhà nước sát giá thị trường, cần nói thêm ý “loại trừ yếu tố đầu cơ”. Không nên quy định việc đăng ký giá đất.

- Cần nghiên cứu tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Trung ương để chỉnh lý, bổ sung một số nội dung cụ thể của dự án Luật cho phù hợp với tinh thần các nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX).

Quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị xem xét trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 125-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003

**Về Dự án Luật tổ chức hội đồng nhân dân
và ủy ban nhân dân (sửa đổi), Luật bầu cử
đại biểu hội đồng nhân dân (sửa đổi)**

Tại phiên họp ngày 12-10-2003, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ban, ngành có liên quan về một số nội dung cơ bản của Dự án Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi), Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (sửa đổi), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về dự án Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi)

- Về mô hình tổ chức hội đồng nhân dân, chưa nên đặt vấn đề thay đổi mô hình tổ chức hội đồng nhân dân trong lần sửa đổi luật này.

Chính phủ nghiên cứu kỹ vấn đề này trên cơ sở tổng kết thực tế hoạt động của hội đồng nhân dân ở mỗi cấp trong những năm vừa qua và những yêu cầu về đổi mới tổ chức,

hoạt động của hội đồng nhân dân trong thời gian tới, trọng tâm là vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của các cấp chính quyền ở các đô thị và có phương án cụ thể trình Quốc hội xem xét, quyết định.

- Về thường trực hội đồng nhân dân, không xác định thường trực hội đồng nhân dân là cơ quan của hội đồng nhân dân.

Thường trực hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện gồm chủ tịch, phó chủ tịch và ủy viên thường trực. Chức danh ủy viên thường trực của hội đồng nhân dân cấp tỉnh nên phân công kiêm chánh văn phòng (không ghi vấn đề này vào luật).

Thường trực hội đồng nhân dân cấp xã gồm chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng nhân dân.

- Về các ban của hội đồng nhân dân, đồng ý duy trì số lượng các ban của hội đồng nhân dân như hiện nay.

Không nên quy định trong luật về hoạt động chuyên trách của trưởng, phó ban của hội đồng nhân dân, vấn đề này nên để quy định trong các văn bản hướng dẫn.

- Về văn phòng hội đồng nhân dân cấp tỉnh, không quy định trong luật, giao cho Chính phủ hướng dẫn theo tinh thần: Văn phòng hội đồng nhân dân và văn phòng ủy ban nhân dân là một cơ quan; trong đó, mỗi văn phòng đều có chánh văn phòng, phó văn phòng và một số chuyên viên nghiên cứu giúp việc; còn bộ phận tổ chức hành chính, quản trị là phục vụ chung cho cả hai văn phòng.

2. Về dự án Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (sửa đổi)

Việc sửa đổi Luật bầu cử hội đồng nhân dân lần này phải quán triệt và thể hiện rõ các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta

về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, động viên mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia xây dựng, củng cố chính quyền; tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân có thể lựa chọn được những đại biểu xứng đáng của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương nhằm nâng cao chất lượng đại biểu hội đồng nhân dân và chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân.

Nên quy định rõ số người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị đó ít nhất là hai người.

Đảng đoàn Quốc hội có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan hữu quan tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, chỉnh lý, hoàn thiện hai dự án Luật nêu trên trình Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp thứ tư (tháng 10-2003); quá trình Quốc hội thảo luận nếu có vấn đề gì cần thiết thì báo cáo Bộ Chính trị xem xét trước khi Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 24-KL/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003

Về Dự án tổng thể đường Hồ Chí Minh

Tại phiên họp ngày 26-9-2003, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về Dự án tổng thể đường Hồ Chí Minh và ý kiến của các bộ, ngành, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến kết luận như sau:

1. Cơ bản nhất trí với những nội dung chủ yếu của Dự án tổng thể đường Hồ Chí Minh do Ban Cán sự đảng Chính phủ trình.
2. Đường Hồ Chí Minh là trục dọc xuyên Việt thứ hai ở phía tây đất nước. Đường Hồ Chí Minh là kết cấu hạ tầng quan trọng và cần thiết để phát triển vùng đất đai rộng lớn, giàu tiềm năng ở phía tây của Tổ quốc, là cơ sở quan trọng để xây dựng thực hiện các quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, phân bố lại lao động, dân cư, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. Đồng thời, đóng vai trò quan trọng trong việc phòng thủ quốc gia và giữ vững an ninh, quốc phòng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị (khóa VIII) tại Thông báo số 271-TB/TW, ngày 23-12-1999 về dự án xây dựng một số đoạn trên tuyến đường Hồ Chí Minh ở khu vực miền Trung, sau 3 năm thực hiện giai đoạn I của dự án đường Hồ Chí Minh, đoạn từ Hà Tĩnh đến Kon Tum dài 962km đã cơ bản hoàn thành đảm bảo đúng kế hoạch và chất lượng công trình. Sự hình thành tuyến đường này tạo thêm điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh - quốc phòng khu vực phía tây đất nước; hỗ trợ quốc lộ 1 khi giao thông bị ách tắc trong mùa lũ, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống cho nhân dân ở các khu vực này. Đạt được kết quả đó là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, của các cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ của các lực lượng, sự tham gia tích cực của nhân dân các địa phương, cùng đội ngũ cán bộ công nhân, những người thợ cầu đường trên công trường xây dựng đường Hồ Chí Minh đã đoàn kết nhất trí, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Để phát huy tác dụng của tuyến đường và khai thác sử dụng có hiệu quả vùng đất phía tây của Tổ quốc, Chính phủ cần khẩn trương chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để đưa tuyến đường vào sử dụng đúng kế hoạch, đạt hiệu quả cao. Tiến hành xây dựng, bổ sung quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, du lịch, quy hoạch dân cư... để góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương có đường đi qua, cũng như của cả nước.

Điều đặc biệt cấp bách là Chính phủ cần sớm có quy định và biện pháp cụ thể để quản lý bảo vệ đường, chống sạt lở đường, bảo vệ rừng và các di tích lịch sử văn hóa; kiên quyết

ngăn chặn và xử lý nghiêm minh ngay từ đầu các hành vi chặt phá, khai thác rừng bừa bãi, tự ý xây dựng nhà ở và các công trình dọc tuyến đường trái quy định, xâm phạm vào diện tích đất thuộc phạm vi hành lang an toàn giao thông và quy hoạch dự phòng cho việc mở rộng đường trong tương lai. Các bộ, ngành Trung ương, cùng các cấp ủy, chính quyền địa phương có đường đi qua có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này. Đồng thời, chú trọng đến công tác tuyên truyền giáo dục vận động nhân dân tự giác tham gia thực hiện.

3. Bộ Chính trị nhấn mạnh việc xây dựng tuyến đường Hồ Chí Minh trong thời gian tới phải quán triệt các nguyên tắc cơ bản là:

- Quy hoạch và xây dựng tuyến đường Hồ Chí Minh phải được đặt trong tổng thể quy hoạch mạng đường bộ toàn quốc một cách hài hòa trên cơ sở hình thành thêm một trục dọc đường bộ phía tây đất nước, bảo đảm giao thông thông suốt quanh năm, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường an ninh, quốc phòng.

- Việc lựa chọn hướng tuyến phải bảo đảm tương đối thẳng theo hướng trục vận tải Bắc - Nam, giảm thiểu việc đi qua làng mạc, khu dân cư. Đồng thời, tạo nên tuyến đường gần với các khu đô thị, dân cư, các khu công nghiệp.

- Việc xác định phân kỳ đầu tư và quy mô đầu tư cho từng đoạn cần xem xét cụ thể về nhu cầu phát triển, khả năng cân đối vốn và phù hợp với quy hoạch tổng thể chung, ưu tiên đầu tư những đoạn có nhu cầu bức xúc về giao thông vận tải, nghiên cứu nhằm kết hợp, tận dụng các đoạn tuyến hiện có để nâng cao hiệu quả và tiết kiệm vốn đầu tư.

4. Đồng ý chọn Pắc Bó (tỉnh Cao Bằng) làm điểm đầu và Đất Mũi (tỉnh Cà Mau) là điểm cuối của tuyến đường Hồ Chí Minh; với quy mô mặt cắt ngang của từng đoạn tuyến như trong dự án.

5. Về phạm vi dự án Bộ Chính trị đồng ý:

Tuyến công trình đường Hồ Chí Minh đi qua địa phận 29/61 tỉnh, thành phố suốt từ Bắc - Trung - Nam với tổng chiều dài của công trình đường Hồ Chí Minh theo quy hoạch xấp xỉ 3.129km. Trong đó: Tuyến chính dài khoảng 2.619km và nhánh phía tây dài khoảng 500km như trong dự án mà Chính phủ đã trình.

Riêng phương án hướng tuyến đoạn từ thị xã Tuyên Quang về Hòa Lạc (Hà Tây), đề nghị Chính phủ trên cơ sở quán triệt các nguyên tắc Bộ Chính trị đã nêu, chỉ đạo các cơ quan liên quan chuẩn bị thuyết minh rõ lý do đề nghị chọn phương án hướng tuyến đi qua Phú Thọ, đồng thời cũng nêu cả ý kiến đề nghị phương án đi qua Yên Bái để trình Quốc hội xem xét, lựa chọn.

6. Về phân chia giai đoạn đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh:

Trong điều kiện nguồn vốn có hạn, trước mắt Chính phủ cần có kế hoạch ưu tiên bố trí vốn đầu tư để tập trung xây dựng hoàn thành các tuyến đường như Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, quốc lộ 6, 2, 3, 4, 32, 70... đang có nhu cầu rất bức xúc về giao thông vận tải; về đường Hồ Chí Minh, đồng ý trước mắt tập trung đầu tư và xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn từ Hòa Lạc (Hà Tây) đến Mỹ An (Đồng Tháp). Trong đó, ưu tiên đầu tư nâng cấp đoạn từ

Kon Tum đến thành phố Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk); các đoạn tuyến còn lại của đường Hồ Chí Minh từng bước cải tạo và nâng cấp một số đoạn đường bị đứt, xây dựng một số cầu, cống để thuận tiện cho việc đi lại và phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Sau đó tùy thuộc vào yêu cầu và khả năng cân đối nguồn tài chính, để tiếp tục mở rộng, nâng cấp đường theo đúng quy hoạch.

7. Giao cho Chính phủ chỉ đạo các cơ quan hữu quan tính toán kỹ về tổng mức đầu tư và nguồn vốn bảo đảm, để khi quyết toán công trình ít phát sinh so với tổng dự toán đã được duyệt. Đồng ý cho phát hành trái phiếu Chính phủ để đầu tư công trình này. Trong quá trình xây dựng tiếp theo của đường Hồ Chí Minh, phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản.

8. Các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường của cả tuyến đường và các điểm nhạy cảm như Cúc Phương, Bến En, Vũ Quang, Ngọc Linh... đều phải được cân nhắc, tính toán giải quyết thỏa đáng với sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành liên quan để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; đảm bảo phương án xây dựng hợp lý nhất, hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, cảnh quan của đoạn tuyến qua Vườn quốc gia Cúc Phương và đoạn Cam Lộ - Túy Loan qua Vườn quốc gia Bạch Mã.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành và các địa phương liên quan nêu cao trách nhiệm, tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, quản lý kiểm tra chặt chẽ bảo đảm việc xây dựng công trình đạt chất lượng, hiệu quả cao,

đúng tiến độ, triệt để tiết kiệm, không để xảy ra lãng phí, tiêu cực.

9. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo hoàn chỉnh dự án trình Quốc hội theo quy định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 25-KL/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003

Về Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam

Tại phiên họp ngày 25-9-2003, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo về Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 và định hướng đến năm 2020 và ý kiến của các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và cơ bản nhất trí với Báo cáo chiến lược đã trình, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

1. Ngành cơ khí Việt Nam được hình thành, phát triển từ thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và ngày càng có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, đã phát huy tác dụng tích cực trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, đi vào kinh tế thị trường, do đặc điểm của ngành cơ khí là đầu tư ban đầu lớn, chu kỳ sản xuất dài, vòng quay vốn chậm, lợi nhuận thấp hơn các ngành khác, lại đòi hỏi tổ chức chuyên môn hóa, hợp tác hóa cao, trong khi đó chúng ta lại thiếu các chính sách để

hỗ trợ phát triển và bảo vệ thị trường trong nước, nên ngành cơ khí không chuyển đổi kịp, chậm thích ứng được với cơ chế mới, sức cạnh tranh kém, nhiều sản phẩm từng là thế mạnh hàng chục năm trước như máy động lực nhỏ, máy kéo nhỏ, xe đạp, quạt điện... mất dần thị trường tiêu thụ.

Song những năm gần đây, ngành cơ khí cả nước đã từng bước đổi mới và nâng cao khả năng thiết kế, năng lực công nghệ và thiết bị, trình độ quản lý và điều hành đã phục hồi, phát triển với tốc độ tăng trưởng từ 21,2%/năm. Nhiều doanh nghiệp cơ khí đã tự vươn lên tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ - thiết bị tiên tiến, đã có thể làm tổng thầu (EPC) chế tạo và cung cấp thiết bị cho một số dự án lớn như nhiệt điện, xi măng, bột giấy; mở rộng mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm kiếm và mở rộng thị trường, từng bước làm chủ được thị trường nội địa (máy động lực cỡ nhỏ, quạt điện, xe đạp, thiết bị điện, đóng tàu biển 6.500 tấn và 12.000 tấn), xuất khẩu được một số mặt hàng, chuẩn bị để hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Những kết quả đó của ngành cơ khí đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cải thiện, nâng cao đời sống của nhân dân và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Bên cạnh những kết quả đó, ngành cơ khí còn những hạn chế sau:

- Công tác xây dựng, quy hoạch chiến lược phát triển của ngành chưa được quan tâm đúng mức nên định hướng về mục tiêu, phương hướng, ngành nghề mũi nhọn, trọng tâm, trọng điểm, công nghệ chưa được xác định rõ. Phần lớn công nghệ và thiết bị của ngành cơ khí đều cũ, lạc hậu so với khu

vực và thế giới; 95% là các thiết bị lẻ, không đồng bộ, không có chuyển giao công nghệ, phần lớn đã hết khấu hao; trong khi đó, đầu tư cho cơ khí nhỏ bé lại phân tán, dàn trải, ít quan tâm đến đầu tư chiều sâu để đổi mới trang thiết bị và công nghệ nên các sản phẩm cơ khí mẫu mã chưa đa dạng, chất lượng còn thấp, giá thành cao, sức cạnh tranh kém so với các nước trong khu vực.

- Trình độ quản lý và tổ chức sản xuất còn yếu kém, lạc hậu, không theo kịp tiến trình đổi mới nền kinh tế. Tổ chức sản xuất còn khép kín, thiếu chuyên môn hóa, mức độ hợp tác hóa còn thấp, tư tưởng bao cấp, trông chờ vào sự bảo hộ của Nhà nước trong nhiều doanh nghiệp còn khá nặng nề. Việc tổ chức sắp xếp lại ngành cơ khí cả nước đã được đặt ra, nhưng chưa thực hiện tốt; công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này còn phân tán và bị buông lỏng.

- Chưa tích cực tổ chức thị trường trong nước để tạo điều kiện cho sản xuất cơ khí phát triển. Trong khi đó các doanh nghiệp cơ khí chưa thực sự chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

- Công tác nghiên cứu phục vụ cho phát triển ngành cơ khí còn yếu. Công tác tư vấn thiết kế, công nghệ, thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu đã hạn chế đến khả năng làm chủ việc chế tạo các sản phẩm cơ khí phức tạp.

- Công tác đào tạo chưa được quan tâm đúng mức, số người học nghề và học đại học ngành cơ khí ngày một giảm sút, dẫn đến tình trạng thiếu thợ giỏi có tay nghề cao.

3. Về định hướng chiến lược phát triển ngành cơ khí, Bộ Chính trị nhấn mạnh một số nội dung đã được Nghị quyết Đại hội IX xác định, đó là:

- Phải coi cơ khí là một ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm độc lập tự chủ về kinh tế, củng cố an ninh, quốc phòng, góp phần nâng cao đời sống nhân dân.

- Phải xây dựng ngành cơ khí để đủ sức cạnh tranh vươn lên trong cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Khắc phục tình trạng bao cấp trong đầu tư phát triển ngành cơ khí, các chính sách khuyến khích áp dụng bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế, tập trung vào các nhóm sản phẩm có lợi thế và phù hợp với lộ trình hội nhập AFTA và WTO.

- Tập trung phát triển ngành cơ khí một cách có hiệu quả, bền vững trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực trong nước kết hợp với nguồn lực bên ngoài. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành cơ khí một cách có tổ chức, bảo đảm sự phân công và hợp tác thích hợp; đồng thời, tiếp tục đổi mới, sắp xếp, phát triển và củng cố doanh nghiệp nhà nước về cơ khí đủ mạnh để giữ vai trò nòng cốt, là lực lượng chủ lực của ngành.

- Khai thác và phát huy tốt các tiềm năng về tài nguyên, nguồn nhân lực để tập trung phát triển có chọn lọc một số chuyên ngành, sản phẩm cơ khí trọng điểm có lợi thế, có sức cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu cơ bản của nền kinh tế và xuất khẩu.

- Bộ Công nghiệp phải tập trung vào thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với toàn ngành cơ khí, đối với các doanh nghiệp cơ khí thuộc mọi thành phần kinh tế; từng bước tách khỏi chức năng chủ quản đối với doanh nghiệp cơ khí nhà nước, xóa bỏ sự phân biệt cơ khí trung ương, cơ khí địa phương.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, chế tạo, đẩy mạnh việc tiếp thu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đạt trình độ công nghệ trung bình tiên tiến của khu vực, tạo ra nhiều sản phẩm cơ khí có khả năng cạnh tranh cao.

- Phấn đấu đến năm 2010 ngành cơ khí đáp ứng tối thiểu 45 - 50% nhu cầu sản phẩm cơ khí của cả nước, trong đó xuất khẩu đạt 30% giá trị sản lượng.

4. Về chính sách và biện pháp, cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Phát huy tốt nội lực, đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển ngành cơ khí.

- Tăng cường sự liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp cơ khí trong các ngành kinh tế khác nhau thuộc mọi thành phần kinh tế theo hướng hợp tác hóa, chuyên môn hóa; kết hợp chặt chẽ cơ khí dân sự với cơ khí quốc phòng, ra sức phát huy năng lực công nghiệp cơ khí quốc phòng phục vụ phát triển kinh tế trong thời bình. Khắc phục tình trạng chia cắt, phân tán trong ngành cơ khí hiện nay.

- Hình thành các tổng công ty hoặc tập đoàn cơ khí mạnh về công nghệ và tài chính, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp cơ khí Nhà nước không cần giữ 100% vốn, kể cả bán cổ phần cho người nước ngoài để tạo vốn đầu tư phát triển và đa dạng hóa nguồn vốn.

- Thực hiện bảo hộ có chọn lọc, có điều kiện và có thời hạn đối với một số sản phẩm cơ khí trong nước. Đồng thời, Nhà nước có cơ chế hỗ trợ về lãi suất và thời hạn vay vốn lưu động cho các nhà sản xuất thiết bị cơ khí, các công trình chế

tạo thiết bị toàn bộ cần vốn lớn, chu kỳ sản xuất dài, các dự án sản xuất các sản phẩm cơ khí trọng điểm.

- Tổ chức tốt thị trường trong nước cũng như tạo điều kiện để ngành cơ khí đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm, góp phần thúc đẩy sản xuất cơ khí phát triển. Nghiên cứu xây dựng, ban hành một số chính sách nhằm khuyến khích, tăng khả năng tiêu thụ các sản phẩm cơ khí trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

- Nhà nước ưu tiên đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo ngành cơ khí và hỗ trợ kinh phí cử cán bộ, công nhân giỏi đi đào tạo và thực tập tại nước ngoài theo các chương trình, dự án được phê duyệt.

Trên cơ sở kết luận của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc bổ sung, hoàn chỉnh và tổ chức thực hiện tốt chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 26-KL/TW, ngày 24 tháng 10 năm 2003

Về Chiến lược và quy hoạch phát triển ngành điện lực Việt Nam

Tại phiên họp ngày 25-9-2003, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ Báo cáo chiến lược và quy hoạch phát triển ngành điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010, định hướng đến năm 2020, ý kiến của các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và cơ bản nhất trí với Báo cáo chiến lược đã trình, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

1. Ngành điện là một ngành công nghiệp hoạt động mang tính hệ thống với trình độ công nghệ cao và hiện đại, là ngành công nghiệp hạ tầng quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm đầu tư thích đáng cho việc xây dựng và phát triển ngành điện.

Trong thời gian qua, ngành điện Việt Nam đã có nhiều cố gắng có sự phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng. Đã đáp ứng cơ bản nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quy mô nguồn và lưới điện được mở rộng;

đến nay, công suất các nhà máy điện tăng 3,5 lần so với năm 1990. Đã huy động được nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển điện. Hiệu quả vận hành hệ thống điện được nâng cao, tỷ lệ tổn thất điện năng đã giảm từ 28,7% năm 1990 xuống còn 13,5% năm 2002. Công tác đưa điện về nông thôn được quan tâm đúng mức; mức độ phủ điện khu vực nông thôn của Việt Nam đã cao hơn một số nước trong khu vực. Tổng lợi nhuận trong giai đoạn 1996 - 2002 đạt 14.375 tỉ đồng, tổng thu nộp ngân sách nhà nước đạt 17.100 tỉ đồng. Giá trị tài sản cố định năm 2001 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam tăng hơn 3 lần so với năm 1995.

Tuy nhiên, ngành điện vẫn còn trong tình trạng chậm phát triển và có một số hạn chế sau:

- Trình độ phát triển của ngành điện nước ta còn thấp so với nhiều nước trong khu vực và mức trung bình của thế giới.
- Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao. Chưa thu hút được đáng kể vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước vào sự phát triển ngành điện.
- Vẫn còn hiện tượng của quyền trong kinh doanh điện làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung.
- Việc định giá điện trong công nghiệp - xây dựng cao để bù cho giá điện thấp dùng cho ánh sáng, sinh hoạt gây bất lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh và không phù hợp với xu hướng chính sách giá điện của các nước trong khu vực và trên thế giới.
- Đầu tư phát triển điện còn thấp so với nhu cầu, thủ tục đầu tư thực hiện chậm, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng trong xây dựng các công trình điện lực gặp nhiều trở ngại ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư nguồn và

lưới điện, đã xảy ra tình trạng thiếu điện vào các tháng mùa khô trong một số năm, tình trạng quá tải lưới điện xảy ra ở nhiều địa phương.

- Trong ngành điện vẫn còn nhiều nhà máy thiết bị công nghệ cũ, lạc hậu, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, năng suất lao động thấp, gây ô nhiễm môi trường.

2. Về quan điểm, mục tiêu phát triển ngành điện, cần bổ sung thêm nội dung sau:

- Phát triển điện phải đi trước một bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân và cho an ninh, quốc phòng. Đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Đẩy mạnh điện khí hóa nông thôn, nhất là các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo.

Bảo đảm chất lượng điện năng để cung cấp dịch vụ điện cho xã hội với chất lượng ngày càng cao và với giá cạnh tranh. Đặc biệt coi trọng tiết kiệm điện năng từ khâu phát, truyền tải đến khâu sử dụng.

- Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn năng lượng sơ cấp của đất nước như nguồn thủy năng (kết hợp với thủy lợi), khí, than cho sản xuất điện, sử dụng khoa học công nghệ tiên tiến và giảm ô nhiễm môi trường. Tiến hành khảo sát, nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để xây dựng nhà máy điện nguyên tử (sau năm 2015) đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sử dụng, nhằm đa dạng hóa các nguồn năng lượng. Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo được để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện, đặc biệt đối với các hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

- Từng bước hình thành thị trường điện cạnh tranh trong nước, đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện, khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia, không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Nhà nước chỉ giữ độc quyền khâu truyền tải điện, xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện lớn, các nhà máy điện nguyên tử. Tham gia hội nhập và mua bán điện với các nước trong khu vực.

- Xây dựng giá điện phải đạt mục tiêu khuyến khích đầu tư cho phát triển ngành điện, tăng sức cạnh tranh về giá điện, nhất là giá điện phục vụ sản xuất, so với các nước trong khu vực; tách phần chính sách xã hội ra khỏi giá điện. Có chính sách thích hợp về sử dụng điện ở nông thôn, miền núi.

- Kết hợp giữa điều hành mạng lưới điện thống nhất trong cả nước với xây dựng và điều hành hệ thống điện an toàn theo từng khu vực nhằm đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới truyền tải, phân phối điện quốc gia để cung cấp dịch vụ điện đảm bảo chất lượng, liên tục, an toàn, hiệu quả.

- Phấn đấu đến năm 2005, điện năng sản xuất đạt sản lượng khoảng 53 tỉ kWh; năm 2010 đạt sản lượng từ khoảng 88 đến 93 tỉ kWh và năm 2020 đạt sản lượng từ 201 tới 250 tỉ kWh.

- Đẩy nhanh chương trình đưa điện về nông thôn, miền núi, phấn đấu đến năm 2010 đạt 90% số hộ nông thôn có điện, đến năm 2020 đạt 100% số hộ dân nông thôn có điện.

3. Về chính sách, giải pháp:

- Nghiên cứu xây dựng đầy đủ các khuôn khổ pháp lý, các điều kiện để sớm hình thành thị trường điện lực cạnh tranh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách trong đó có chính sách đa dạng hóa phương thức đầu tư, để phát huy tốt mọi nguồn lực

đáp ứng nhu cầu phát triển ngành điện và yêu cầu phát triển của đất nước.

- Tiếp tục thực hiện cải cách giá điện theo lộ trình đã được duyệt và nghiên cứu điều chỉnh biểu giá điện theo hướng giảm bù chéo quá lớn giữa các nhóm khách hàng.

- Khuyến khích đa dạng hóa trong đầu tư và quản lý lưới điện nông thôn trên cơ sở tăng cường kiểm soát giá bán điện ở nông thôn để bảo đảm không vượt giá trần do Chính phủ quy định.

- Cổ phần hóa các công trình điện mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn. Thí điểm phát hành trái phiếu công trình và phát hành cổ phiếu ra thị trường chứng khoán.

- Tăng cường đầu tư khoa học - công nghệ và quản lý để tiếp tục phấn đấu giảm tổn thất điện năng xuống khoảng 10% vào năm 2010 và dưới 10% vào những năm sau.

- Tính toán xây dựng phương án nhập khẩu điện của các nước Lào, Campuchia và Trung Quốc hợp lý.

- coi trọng đào tạo và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành điện.

Căn cứ vào kết luận của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc bổ sung, hoàn chỉnh và tổ chức thực hiện tốt chiến lược, quy hoạch phát triển ngành điện lực giai đoạn 2001 - 2010 và định hướng tới năm 2020.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 126-TB/TW, ngày 5 tháng 11 năm 2003
Về Đề án xây dựng nhà Quốc hội
và Hội trường Ba Đình mới

Tại phiên họp ngày 1-11-2003, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội, các Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Xây dựng, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia báo cáo về kết quả bước đầu khai quật khảo cổ học khu vực dự định xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới và những đề xuất, kiến nghị liên quan đến việc này, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Thời gian vừa qua, thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Quốc hội về việc xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới, Chính phủ đã chỉ đạo theo đúng quy trình từ khâu xây dựng luận chứng, khảo sát thiết kế và tiến hành khảo cổ theo quy định của Luật di sản văn hóa. Trong quá trình khảo cổ đã phát hiện được những di tích và hiện vật tại khu vực phía tây Hoàng thành Thăng Long xưa, cùng một số lượng lớn các hiện vật phong phú, quý giá gắn với lịch sử hơn 1.000 năm dựng nước và giữ

nước của dân tộc, của Thủ đô Hà Nội, với các tầng văn hóa kế tiếp nhau qua các thời kỳ từ thế kỷ VII tiếp nối đến thời đại Hồ Chí Minh. Kết quả khai quật giúp chúng ta thêm hiểu rõ và tự hào về lịch sử dân tộc, về Thủ đô Hà Nội. Với ý nghĩa đó, Bộ Chính trị đồng ý tiếp tục nghiên cứu, khai quật khảo cổ trên diện tích đã được Chính phủ phê duyệt để có đánh giá, kết luận đầy đủ hơn về quần thể di tích lịch sử này.

2. Đồng ý lùi tiến độ thi công công trình nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới để tiếp tục khảo cổ theo chủ trương trên. Trước mắt, Quốc hội tiếp tục sử dụng Hội trường Ba Đình hiện nay để hội họp và sẽ lưu giữ Hội trường Ba Đình làm di tích lịch sử.

- Về đề án xây dựng nhà Quốc hội: sau khi có báo cáo kết quả khai quật khảo cổ của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia và các cơ quan chức năng, sẽ xem xét và quyết định cụ thể.

- Về đề án xây dựng Hội trường Ba Đình mới (Trung tâm Hội nghị quốc gia), Bộ Chính trị đồng ý với đề nghị của Chính phủ, giao các cơ quan chức năng lựa chọn địa điểm, tiến hành triển khai các thủ tục xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc gia tại một địa điểm mới trên đường Láng - Hòa Lạc gần khu vực sân vận động quốc gia Mỹ Đình, để kịp phục vụ Hội nghị cấp cao APEC (tháng 10-2006) và nếu điều kiện cho phép, phấn đấu để kịp phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Trung tâm Hội nghị quốc gia phải bảo đảm tính hiện đại, tính dân tộc, đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng và đảm bảo chất lượng cao của công trình.

3. Giao Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia chỉ đạo

Viện Khảo cổ học tiếp tục khai quật khảo cổ theo kế hoạch đã được phê duyệt để sớm có kết luận về vấn đề này, đồng thời khẩn trương xây dựng phương án, bảo quản, bảo tồn và phát huy ý nghĩa lịch sử của di tích, gắn với việc quy hoạch xây dựng Bảo tàng Hà Nội và Bảo tàng quốc gia và phù hợp với điều kiện thực tế. Trong quá trình thực hiện cần tranh thủ ý kiến của các nhà khoa học trong nước và quốc tế để đạt kết quả tốt nhất.

4. Giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo các cơ quan báo chí, thông tin khách quan, trung thực về kết quả khảo cổ học tại khu vực trên, định hướng dư luận, tạo nên nhận thức đúng trong Đảng và nhân dân.

Theo tinh thần trên đây, giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các ngành chức năng khẩn trương tổ chức thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 127-TB/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2003

Về Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IV

Tại phiên họp ngày 4-11-2003, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam báo cáo và ý kiến của các ban, ngành về việc tổ chức Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IV, Ban Bí thư cơ bản nhất trí với Tờ trình của Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam (số 225/ĐĐ-HND, ngày 2-11-2003) và cho ý kiến như sau:

1. Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IV trong thời điểm những năm đầu của thế kỷ XXI, nên có vị trí và ý nghĩa rất quan trọng. Đại hội cần khẳng định nông dân là lực lượng tin cậy trong khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức; là một trong những lực lượng trung tâm, nòng cốt trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Cần quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về những vấn đề có liên quan đến nông dân, nông nghiệp và nông thôn; trên cơ sở đó làm rõ những mặt làm được, thẳng thắn thấy rõ

những yếu kém, hạn chế cần khắc phục; xác định rõ phương hướng hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới, tạo bước phát triển mới trong phong trào nông nghiệp và xây dựng tổ chức Hội trong thời kỳ đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

3. Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội, có vị trí và vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phải hết sức quan tâm xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, đoàn kết, dân chủ; thật sự là tổ chức chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của giai cấp nông dân. Các cấp hội cần chú ý đổi mới hình thức và phương thức hoạt động; các phong trào phải có tính thiết thực, thu hút tập hợp nông dân; sâu sát, nắm chắc tình hình diễn biến ở cơ sở để kịp thời phản ánh với Đảng và Nhà nước về những ý kiến nguyện vọng chính đáng của nông dân; có những biện pháp tích cực góp phần thúc đẩy phong trào sản xuất nông nghiệp phát triển, góp phần xóa đói, giảm nghèo; xây dựng nông thôn mới bảo đảm ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở.

4. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam nêu trong Tờ trình về số lượng, cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa IV và số lượng đại biểu dự Đại hội. Đại hội tổ chức vào hạ tuần tháng 11-2003, tại Hà Nội (Cung Văn hóa Hữu Nghị).

5. Đồng ý trao tặng giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam bức trưởng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhân dịp Đại hội. Về nội dung bức trưởng, Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam trao đổi với Ban Dân vận Trung ương,

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Văn phòng Trung ương
để trình Ban Bí thư quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 30-CT/TW, ngày 26 tháng 11 năm 2003

**Về kiểm điểm tự phê bình và phê bình
giữa nhiệm kỳ đối với cấp ủy, tổ chức đảng
và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp**

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (đầu tháng 1-2004) sẽ kiểm điểm 2 năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Bộ Chính trị yêu cầu tất cả các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp phải tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp đến nay theo những yêu cầu sau:

1. Việc kiểm điểm phải được tiến hành dân chủ, công khai, bảo đảm nguyên tắc tự phê bình và phê bình trên cơ sở đánh giá đúng ưu, khuyết điểm của tập thể, cá nhân trong nửa nhiệm kỳ qua; đề ra kế hoạch và biện pháp cụ thể để phát huy ưu điểm, khắc phục tồn tại, khuyết điểm, ngăn ngừa sai phạm, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Trong quá trình kiểm điểm phải đề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, tinh thần tự phê bình và phê bình của các cấp ủy, tổ chức đảng, của cán bộ lãnh đạo, quản lý; khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia đóng góp ý kiến; khắc phục biểu hiện nể nang, né tránh, “dĩ hòa, vi quý”, xuê xoa, hình thức; cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải gương mẫu trong kiểm điểm. Thông qua kiểm điểm phải kiểm tra làm rõ, kết luận đúng sai những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; xử lý nghiêm minh đối với những trường hợp cố tình vi phạm kỷ luật và Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, không tự giác nhận, sửa chữa khuyết điểm. Nghiêm cấm việc trù dập người tố cáo và người đấu tranh phê bình.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý từ Trung ương đến cơ sở đều phải tiến hành kiểm điểm, những nơi đã kiểm điểm tập thể trong dịp sinh hoạt giữa nhiệm kỳ vừa qua thì triển khai kiểm điểm cá nhân; phải liên hệ với những nội dung trong báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ để kiểm điểm; kiểm điểm tập thể trước, cá nhân sau; cán bộ lãnh đạo, quản lý phải liên hệ với kết quả kiểm điểm của tập thể để làm rõ trách nhiệm cá nhân trong phần kiểm điểm của bản thân.

- Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng kiểm điểm trong tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Bộ Chính trị, Ban Bí thư báo cáo kết quả kiểm điểm với Ban Chấp hành Trung ương. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị kiêm Bí thư Trung ương Đảng kiểm điểm trong Bộ Chính trị sau đó báo cáo với Ban Bí thư; kết quả kiểm điểm được thông báo đến chi bộ đảng nơi sinh hoạt.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng được phân công phụ trách các ban, bộ, ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị kiểm điểm trong tập thể lãnh đạo ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban thường vụ tỉnh, thành ủy.

- Các đồng chí trưởng, phó các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương kiểm điểm tại hội nghị lãnh đạo cơ quan mở rộng đến ban thường vụ đảng ủy cơ quan và các đồng chí vụ trưởng và chức danh tương đương với sự tham gia của đại diện các ban xây dựng đảng Trung ương.

- Các đồng chí bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ tỉnh, thành ủy; ủy viên ban thường vụ huyện, thị, thành ủy kiểm điểm trong ban thường vụ cấp ủy có đại diện cấp ủy và ban xây dựng đảng cấp trên dự. Các đồng chí bí thư, phó bí thư cấp ủy báo cáo kết quả kiểm điểm của mình trước ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện. Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện kiểm điểm trong tập thể lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, ban thường vụ cấp ủy nơi công tác trực tiếp. Ban thường vụ tỉnh, thành ủy chỉ đạo, hướng dẫn việc kiểm điểm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp dưới.

3. Nội dung kiểm điểm tập thể (đối với những nơi chưa kiểm điểm) tập trung vào những vấn đề sau: kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại; công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể; cần chú ý đi sâu làm rõ ưu, khuyết điểm trong nhận thức, trong việc cụ thể hóa và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng đoàn kết nội bộ.

- Nội dung kiểm điểm cá nhân tập trung vào việc rèn luyện, phấn đấu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thể hiện qua

các mặt: chống tham ô, sách nhiễu, lãng phí, quan liêu, của quyền, gia trưởng, độc đoán, xa hoa, đồi trụy... của bản thân, vợ, chồng, con và gia đình; hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ và chức trách được giao; khắc phục tình trạng trì trệ, yếu kém, tiêu cực của địa phương, cơ quan, đơn vị; trách nhiệm bản thân trước những khuyết điểm, yếu kém, tồn tại, những vấn đề “nổi cộm”, bức xúc của địa phương, cơ quan, đơn vị mình phụ trách; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; vấn đề xây dựng đoàn kết nội bộ, lãnh đạo thực hiện Quy chế dân chủ và các quy chế, quy định công tác của cơ quan, đơn vị. Kế hoạch khắc phục những khuyết điểm trên.

4. Tổ chức thực hiện:

- Các cấp ủy và tổ chức đảng liên hệ với đặc điểm, tình hình địa phương, đơn vị để xây dựng kế hoạch chỉ đạo tiến hành kiểm điểm của cấp ủy, tổ chức đảng với cấp dưới và cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp mình quản lý. Đồng chí bí thư cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải trực tiếp chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của cấp mình.

Đối với những vụ việc phức tạp có liên quan mà cán bộ chưa tự giác kiểm điểm thì cần tổ chức kiểm tra, thanh tra và có kết luận làm rõ.

- Việc gợi ý kiểm điểm của cấp ủy cấp trên đối với tập thể và cá nhân: đối với những nơi xét thấy cần thiết hoặc có vấn đề, cấp ủy cấp trên tập hợp ý kiến của các ban xây dựng đảng cùng cấp, đơn thư phản ánh của cán bộ, đảng viên và nhân dân, của các cơ quan thông tin đại chúng; ủy ban kiểm tra cùng cấp và cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ giúp cấp ủy, tổ chức đảng tập hợp, phân loại những thông tin liên quan,

thông báo đến cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và cán bộ được kiểm điểm, để tiếp thu, giải trình.

- Sau kiểm điểm, cấp ủy các cấp tổng hợp kết quả, đánh giá, phân loại theo ba mức: rèn luyện, phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; rèn luyện, phấn đấu chưa tốt và chưa hoàn thành nhiệm vụ.

- Thời gian kiểm điểm: các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc cơ bản thực hiện xong trong tháng 12-2003, chậm nhất là xong trước ngày 15-1-2004. Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiến hành kiểm điểm xong trong nửa đầu tháng 2-2004.

- Ban Bí thư chỉ đạo, theo dõi thực hiện Chỉ thị này. Để kịp phục vụ chỉ đạo cuộc bầu cử hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương chỉ đạo cấp mình thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả kiểm điểm tập thể và cá nhân diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý gửi về Bộ Chính trị (qua Ban Tổ chức Trung ương) trước ngày 15-1-2004.

Các ban đảng Trung ương và cơ quan liên quan, theo chức năng của mình, tham mưu giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp kết quả kiểm điểm của các cấp ủy, tổ chức đảng, báo cáo Bộ Chính trị.

Chỉ thị này phổ biến tới chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 31-CT/TW, ngày 26 tháng 11 năm 2003

Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã công bố quyết định tổ chức cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 vào ngày chủ nhật, 25 tháng 4 năm 2004.

Cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp lần này được tổ chức trong thời điểm sự nghiệp đổi mới của toàn Đảng, toàn dân ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Tình hình trong nước, thế giới và khu vực đang tạo ra những cơ hội mới, đồng thời cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức mới, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải có những nỗ lực cao hơn, nhằm giữ vững sự ổn định chính trị, xã hội, đẩy mạnh phát triển kinh tế, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với ý nghĩa là cuộc vận động chính trị và sinh hoạt dân chủ sâu rộng của nhân dân cả nước và là sự kiện chính trị

lớn của đất nước trong những năm đầu của thế kỷ XXI, sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và bầu cử Quốc hội khóa XI, cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp lần này cần đạt những mục tiêu, yêu cầu sau đây:

- Tổ chức bầu cử thực sự dân chủ, đúng pháp luật, bảo đảm an toàn, tiết kiệm và thể hiện không khí ngày hội của toàn dân.

- Lựa chọn bầu vào hội đồng nhân dân, vào các chức vụ chủ chốt trong hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân những đại biểu ưu tú, đủ tiêu chuẩn, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân địa phương; nâng cao chất lượng đại biểu hội đồng nhân dân để phát huy vai trò người đại biểu nhân dân của bộ máy chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Củng cố bộ máy chính quyền và toàn bộ hệ thống chính trị, tăng cường hiệu lực, hiệu quả và chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, nhất là cấp cơ sở.

- Bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia xây dựng bộ máy chính quyền ở địa phương; đổi mới công tác bầu cử, mở rộng dân chủ trong việc giới thiệu người ra ứng cử vào hội đồng nhân dân và vào các chức vụ chủ chốt trong hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

Để đạt được các mục tiêu trên, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng chỉ đạo chặt chẽ việc chuẩn bị và tiến hành cuộc bầu cử lần này, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến hết 6 tháng đầu năm 2004, cụ thể là:

1. Chỉ đạo đánh giá toàn diện, sâu sắc hiệu quả hoạt động trong nhiệm kỳ qua của cả hệ thống chính trị trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong hệ thống chính trị, sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng để phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư; tổng kết hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 1999 - 2004 theo quy chế hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân quy định trong Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi); kết hợp chặt chẽ việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với việc lựa chọn người ra ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân. Thông qua cuộc bầu cử lần này tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp ở địa phương trong nhiệm kỳ mới, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

2. Bằng nhiều hình thức phong phú tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa của cuộc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, quyền và nghĩa vụ của công dân đối với cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân, những nội dung cơ bản của Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (sửa đổi), Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi) được kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XI thông qua; động viên mọi cử tri tự giác, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, tích cực và chủ động tham gia bầu cử; mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu,

đề cao trách nhiệm, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân tích cực tham gia bầu cử.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, bảo đảm phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ; gắn công tác nhân sự của chính quyền các cấp khóa mới (2004 - 2009) với việc chuẩn bị nhân sự của đại hội đảng các cấp (nhiệm kỳ 2005 - 2010) và quy hoạch cán bộ.

Việc lựa chọn đại biểu hội đồng nhân dân và lãnh đạo chính quyền các cấp trước hết phải căn cứ vào tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, có tín nhiệm trong Đảng, trong nhân dân. Phải lấy tiêu chuẩn là thước đo quan trọng nhất. Các cấp ủy đảng phải cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với mỗi chức danh cán bộ ở từng cấp về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác; phong cách làm việc của cán bộ chính quyền địa phương phải gần dân, sát dân, biết lắng nghe ý kiến của dân, tận tâm với việc giải quyết các nhu cầu của dân, không quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu đối với dân.

Đồng thời, bảo đảm cơ cấu hợp lý về thành phần đại diện cho các giai tầng, giai cấp, độ tuổi, dân tộc, giới tính, tôn giáo, các thành phần kinh tế, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân địa phương; giảm số lượng đại biểu là cán bộ ở các cơ quan hành chính nhà nước; trên cơ sở tiêu chuẩn mà tăng số lượng đại biểu trẻ tuổi, đại biểu là người ngoài Đảng, phụ nữ, dân tộc thiểu số, tôn giáo, đại diện cho thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

4. Mở rộng dân chủ trong việc giới thiệu người ra ứng cử vào hội đồng nhân dân và vào các chức vụ chủ chốt trong hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, nhất là ở cấp cơ sở.

- Chỉ đạo tốt việc thực hiện bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp có số dư tối thiểu là 2 người ở mỗi đơn vị bầu cử như quy định của Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (sửa đổi).

- Thực hiện chủ trương bầu cử có số dư đối với tất cả các chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, từ chủ tịch trở xuống, ở cả 3 cấp chính quyền địa phương.

Tổ chức đảng các cấp chỉ giới thiệu 1 đại biểu đại diện cho tổ chức đảng cùng cấp tham gia ứng cử vào 1 chức danh trong hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quy trình chặt chẽ, thống nhất.

- Đảng viên không được tự ứng cử nếu không được tổ chức đảng cùng cấp đồng ý giới thiệu. Nếu đảng viên được Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, nhân dân tín nhiệm giới thiệu để bầu vào hội đồng nhân dân hoặc được đại biểu hội đồng nhân dân giới thiệu bầu vào các chức danh trong hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân thì đảng viên có quyền nhận hoặc không nhận; không coi đó là vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm.

- Đối với chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì cần tổ chức lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội, các trưởng thôn, ấp, bản, tổ dân phố trước khi hội đồng nhân dân tiến hành bầu cử.

5. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm chỉ đạo chính quyền các cấp bảo đảm các điều kiện, phương tiện vật chất cho cuộc bầu cử; đồng thời thực hiện tốt những nhiệm vụ kinh tế - xã

hội của địa phương, cơ quan, đơn vị, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2004, chuẩn bị tốt cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2005 và giai đoạn 2006 - 2010.

6- Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn, kiểm tra các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể ở địa phương thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp.

Các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương tập trung tuyên truyền kịp thời, sâu rộng về ý nghĩa của cuộc bầu cử, công tác chuẩn bị bầu cử và kết quả cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp.

Căn cứ Chỉ thị này của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội và Ban Tổ chức Trung ương chỉ đạo việc ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, cơ cấu đại biểu hội đồng nhân dân các cấp và quy trình công tác nhân sự; theo dõi và kịp thời báo cáo Bộ Chính trị tình hình chuẩn bị bầu cử và kết quả thực hiện.

Chỉ thị này phổ biến tới chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 32-CT/TW, ngày 9 tháng 12 năm 2003

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,
nâng cao ý thức chấp hành pháp luật
của cán bộ, nhân dân**

Trong những năm qua, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật. Với sự nỗ lực và cố gắng của các cấp, các ngành, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã có những chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của cán bộ và nhân dân. Tuy nhiên, sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được tập trung đúng mức; trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với công tác này chưa được xác định cụ thể, rõ ràng nên kết quả đạt được còn thấp hơn so với yêu cầu, sự hiểu biết pháp luật của cán bộ và nhân dân còn nhiều hạn chế.

Trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cần được tăng cường thường xuyên, liên tục và ở tầm cao hơn, nhằm làm cho cán bộ và nhân dân hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thông qua đó mà kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật.

Để đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của pháp luật trong thực tế, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, các ngành thực hiện tốt một số công tác sau đây:

1. Xác định rõ phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong những năm tới, cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thật tốt công tác này để góp phần tạo chuyển biến căn bản về ý thức tôn trọng pháp luật và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân.

2. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo chính quyền các cấp tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp với địa bàn và đối tượng khác nhau; xây dựng kế hoạch, chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật thiết thực cho các cấp, các ngành, các cơ quan, doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của từng thời kỳ. Mỗi cán bộ, đảng viên phải xác định việc tìm hiểu, học tập pháp luật là nhiệm vụ thường xuyên, là một trong những tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, đảng viên; thông qua việc gương mẫu chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên mà thuyết phục, giáo dục quần chúng, thành viên trong gia đình ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật.

3. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc phổ biến kịp thời và đầy đủ các luật mới được thông qua đến cán bộ và nhân dân, nhất là những quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Khi tiếp xúc với cử tri sau mỗi kỳ họp Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, trước hết là các đại biểu chuyên trách có trách nhiệm giới thiệu các luật mới được thông qua.

4. Ban Cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên về phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2003 đến năm 2007 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chuẩn bị kế hoạch, chương trình dài hạn về phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhiều năm sau.

Tiếp tục kiện toàn, đẩy mạnh hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp và hoạt động của các cơ quan có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Bộ, ngành nào chủ trì dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thì bộ, ngành đó phải chịu trách nhiệm chính về việc phổ biến và thực hiện văn bản pháp luật đó trong cán bộ, công chức của bộ, ngành mình; đồng thời có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp, các đoàn thể ở Trung ương và chính quyền các cấp triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân. Cần bố trí một khoản ngân sách cần thiết cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; có chính sách trợ giá các loại sách, tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hoặc phát miễn phí các loại sách và tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật cho

nhân dân, nhất là nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo đoàn thể, tổ chức của mình chủ động và tích cực phối hợp với các cơ quan nhà nước thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đoàn viên, hội viên, cộng tác viên; tuyên truyền, giáo dục và có các biện pháp vận động nhằm nâng cao hiểu biết về pháp luật, tạo thói quen nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; biểu dương, nhân rộng gương người tốt, việc tốt; giám sát việc thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức; kịp thời tập hợp ý kiến của nhân dân trong các đợt đóng góp ý kiến cho các dự án luật và trong việc thực hiện pháp luật để phản ánh, kiến nghị với các tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước.

6. Các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng các chuyên mục, chuyên trang về pháp luật với hình thức phong phú, sinh động; tăng thời lượng nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật bằng tiếng Việt và tiếng các dân tộc thiểu số. Phát triển và nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên viết về pháp luật, bảo đảm tuyên truyền đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

7. Tăng cường đổi mới các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật (đưa pháp luật vào giảng dạy trong nhà trường, xuất bản các tài liệu phổ thông về pháp luật; sử dụng hệ thống đài truyền thanh ở cơ sở, tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn...), đa dạng cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật

như tăng cường xuất bản và phát hành sách hỏi đáp pháp luật (kể cả sách song ngữ), tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo... củng cố, tăng cường đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và tạo những điều kiện, môi trường thuận lợi để đội ngũ này làm tốt nhiệm vụ.

8. Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương tiếp tục hoàn thiện chương trình, giáo trình, sách giáo khoa về pháp luật phục vụ trực tiếp cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường theo phương châm kết hợp nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành. Việc đưa nội dung pháp luật vào giảng dạy trong nhà trường phải được chọn lọc hợp lý, có hệ thống và bảo đảm hiệu quả thiết thực.

9. Ban Nội chính Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Các nghị quyết của Trung ương Đảng

2001 - 2004, Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 2004, tr. 523-528.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 88-QĐ/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2003

**Về việc thành lập Hội đồng Thẩm định nội dung
bồi dưỡng kiến thức mới đối với
cán bộ lãnh đạo, quản lý**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Thẩm định nội dung bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

3. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

4. Đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên.

5. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên.

6. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên Thường trực Hội đồng.

7. Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Ủy viên.

8. Đồng chí Ưông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên.

9. Đồng chí Lê Đức Thúy, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy viên.

10. Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

11. Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an, Ủy viên.

12. Đồng chí Vũ Đình Cự, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên.

Điều 2. Hội đồng Thẩm định nội dung bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý có trách nhiệm thẩm định nội dung các chuyên đề của lớp bồi dưỡng kiến

thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý và chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả của các lớp bồi dưỡng với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 89-QĐ/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2003

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo
tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với
cán bộ lãnh đạo, quản lý**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng ban.
2. Đồng chí Nguyễn Thị Kim Hồng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng ban.
3. Đồng chí Đặng Hữu Hải, Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ủy viên.

4. Đồng chí Nguyễn Văn Sáu, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên.

5. Đồng chí Đào Duy Quát, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.

6. Đồng chí Trần Quốc Vượng, Phó Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị phục vụ tốt cho lớp học.

Điều 3. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Công an, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 33-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2003

**Về lãnh đạo thực hiện chia tách tỉnh
và điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh Cần Thơ,
Đắk Lắk, Lai Châu và Lào Cai**

Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ tư, đã thông qua Nghị quyết về việc chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh Cần Thơ, Đắk Lắk, Lai Châu và Lào Cai. Đây là quyết định quan trọng, đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính nhà nước, phù hợp với nguyện vọng của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương.

Công tác chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh có liên quan đến nhiều bộ, ban, ngành, đoàn thể; có tác động trực tiếp đến việc sắp xếp tổ chức, nhân sự của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, đến công tác, đời sống, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh được chia tách.

Do đó, Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, các ban, ngành, cơ quan, đoàn thể liên quan triển khai gấp và làm tốt những việc sau đây:

1. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính nhanh, gọn, hiệu quả, đúng pháp luật của Nhà nước và nguyên tắc tổ chức của Đảng theo các yêu cầu sau:

- Làm tốt công tác tư tưởng trong Đảng và nhân dân địa phương, giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết, tương trợ, kiên quyết chống mọi biểu hiện lệch lạc, cục bộ địa phương.

- Bảo đảm mọi hoạt động bình thường của các địa phương trước, trong và sau khi chia tách tỉnh, nhất là giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và việc chăm lo đời sống nhân dân địa phương; hết sức lưu ý đến các địa bàn biên giới, không để xảy ra sơ hở về an ninh, trật tự và phòng thủ biên giới.

- Bảo đảm các điều kiện cơ bản để các tỉnh, thành phố sau khi chia tách nhanh chóng ổn định tổ chức và hoạt động có hiệu quả, tiếp tục góp phần tích cực cùng cả nước đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Bảo đảm quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản và các nguồn kinh phí, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, tham nhũng, lãng phí, chống phô trương hình thức.

2. Thực hiện phân vạch địa giới hành chính theo đúng Nghị quyết của Quốc hội và quy định của pháp luật.

3. Tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy và phân công bố trí cán bộ

Ban Thường vụ cấp ủy cần thống nhất chỉ đạo việc sắp

xếp lại tổ chức bộ máy và phân công, bố trí cán bộ trong quá trình chia tách tỉnh để việc này được tiến hành đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục và quy chế làm việc của cấp ủy, quy định của pháp luật và điều lệ của các đoàn thể; bảo đảm những yêu cầu đã nêu ở phần trên.

a) Về tổ chức bộ máy

Trong phân chia, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cần quán triệt tinh thần đổi mới và chỉnh đốn Đảng, yêu cầu cải cách hành chính để xây dựng bộ máy đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội gọn nhẹ, có hiệu lực, hiệu quả; không nhất thiết hiện nay có sở, ban, ngành nào thì tỉnh mới tách cũng phải có đủ các sở, ban, ngành đó, mà phải căn cứ vào yêu cầu và điều kiện cụ thể của từng nơi.

b) Về cán bộ

- Cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, phẩm chất, năng lực để bố trí cán bộ, bảo đảm vừa thực hiện tốt nhiệm vụ trước mắt, vừa có hướng chuẩn bị cho lâu dài và ưu tiên cán bộ cho vùng có nhiều khó khăn.

- Không bố trí cán bộ không đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực; không để bết ồ ạt, thiếu cân nhắc dẫn đến tình trạng cán bộ không đảm đương được nhiệm vụ, gây khó khăn cho việc kiện toàn cán bộ sau này. Trường hợp thiếu nhân sự hoặc chuẩn bị chưa kịp thì tạm phân công hoặc chỉ định kiêm nhiệm, chưa bổ nhiệm ngay.

- Việc chuẩn bị nhân sự cấp ủy và ủy ban nhân dân lâm thời phải căn cứ vào quy hoạch cán bộ và gắn với việc chuẩn bị

nhân sự hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2004 - 2009 và nhân sự Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2005 - 2010; đảm bảo dân chủ, tập thể, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của pháp luật và chính sách cán bộ của Đảng.

- Ban Thường vụ cấp ủy cần tăng cường lãnh đạo, kiểm tra thực hiện, ngăn ngừa những việc làm tùy tiện, lạm dụng trong điều động, đề bạt, bổ nhiệm, chuyển chuyển, nâng lương cho cán bộ trong thời gian sắp xếp tổ chức mới.

4. Tiến hành phân chia tài sản và tài chính

Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện và kiểm tra chặt chẽ việc phân chia tài sản, tài chính, ngân sách ở các tỉnh trong diện chia tách; xem xét quyết định ngân sách năm 2004 và giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2004 cho các tỉnh mới chia tách, đảm bảo khớp đúng tổng mức dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định.

Cấp ủy, chính quyền địa phương phải chỉ đạo tiến hành kiểm kê tài sản, tài chính trước khi xây dựng phương án phân chia tài sản, tiền vốn và ngân sách để đảm bảo sự công bằng, hợp lý, không thất thoát.

5. Tổ chức thực hiện

Đảng đoàn Quốc hội có kế hoạch chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội giám sát việc thực hiện công tác chia tách tỉnh.

Ban Cán sự đảng Chính phủ có kế hoạch cụ thể, chỉ đạo các bộ, ngành liên quan phối hợp với các địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ chia tách tỉnh và điều chỉnh địa giới hành chính.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban đảng, bộ, ngành và tổ chức chính trị - xã hội có liên quan trong việc hướng dẫn các tỉnh ủy thực hiện công tác chuẩn bị nhân sự theo đúng quy chế, trình tự thống nhất, bảo đảm dân chủ, tập thể để Bộ Chính trị sớm chỉ định các tỉnh ủy lâm thời và cán bộ chủ chốt của các tỉnh sau khi chia tách. Các ban đảng, đảng đoàn, các đoàn thể chính trị - xã hội chủ động phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra theo trách nhiệm được phân công.

Tập thể Tỉnh ủy, chủ trì là đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, chịu trách nhiệm trước Trung ương, đảng bộ và nhân dân địa phương về việc lãnh đạo công tác chia tách tỉnh, từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc, bàn giao công việc cho cấp ủy mới được chỉ định. Trong quá trình chia tách và điều chỉnh địa giới tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có trách nhiệm thường xuyên báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng về tình hình thực hiện và những vấn đề phát sinh đột xuất để kịp thời chỉ đạo, xử lý.

Chỉ thị này được phổ biến đến các tỉnh ủy, huyện ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh ở những tỉnh có chia tách, điều chỉnh địa giới hành chính và các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các ban đảng ở Trung ương để quán triệt và thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 131-TB/TW, ngày 26 tháng 12 năm 2003

**Về lựa chọn địa điểm, dự kiến quy mô và tổ chức
thực hiện dự án Trung tâm Hội nghị quốc gia**

Tại phiên họp ngày 22-12-2003, sau khi nghe Ban Cán sự đảng Chính phủ trình bày báo cáo về lựa chọn địa điểm, dự kiến quy mô và tổ chức thực hiện dự án Trung tâm Hội nghị quốc gia (Báo cáo số 100/BCS, ngày 5-12-2003), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Nhất trí lựa chọn phương án địa điểm số 1 (khu đất thuộc thôn Mễ Trì Thượng và Mễ Trì Hạ, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội) để xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc gia.

2. Kế thừa kết quả cuộc thi phương án kiến trúc công trình nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới), đồng ý tiếp tục chọn tổ chức đã trúng thầu là Liên danh tư vấn Von Gerkan, Mark and Partner (GMP) - Inros - Lackner (Đức) làm tổ chức tư vấn quy hoạch, thiết kế công trình Trung tâm Hội nghị quốc gia; đồng thời lưu ý một số vấn đề sau:

- Tổ chức tư vấn phải đề xuất 3 đến 5 phương án quy hoạch kiến trúc để Hội đồng Kiến trúc quy hoạch xem xét, đánh giá, lựa chọn phương án tốt nhất báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Quy hoạch, thiết kế công trình phải gắn với quy hoạch kiến trúc tổng thể toàn bộ khu đất đã lựa chọn để bảo đảm tính đồng bộ trong kiến trúc và thuận tiện trong khai thác, sử dụng. Kiến trúc công trình phải bảo đảm là công trình vĩnh cửu, kết hợp hài hòa giữa tính dân tộc và tính hiện đại.

- Chuẩn bị tốt các nguyên tắc, điều kiện để thương thảo với nhà thầu Đức (Liên danh tư vấn Von Gerkan, Mark and Partner (GMP) - Inros - Lackner) trước khi thiết kế công trình, đồng thời cố gắng tranh thủ sự giúp đỡ của Chính phủ Đức cho việc xây dựng công trình này.

3. Ban Cán sự đảng Chính phủ cần chỉ đạo chặt chẽ quá trình thương thảo với nhà tư vấn thiết kế, thiết kế, thi công công trình; tranh thủ được ý kiến góp ý của các nhà khoa học và quản lý trong nước; có các cơ chế và giải pháp phù hợp nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công trình để kịp phục vụ Hội nghị cấp cao APEC (tháng 10-2006) và nếu điều kiện cho phép, phấn đấu để kịp phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, nhưng phải đảm bảo chất lượng công trình, không để xảy ra các sai sót, tiêu cực, lãng phí trong quá trình đầu tư xây dựng.

Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo nghiên cứu xem xét điều chỉnh quy hoạch các vùng lân cận địa điểm xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc gia; bố trí các cơ sở hạ tầng đồng bộ để nâng cao hiệu quả việc khai thác sử dụng công trình.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI BUỔI THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI HỌC VIỆN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

Ngày 15 tháng 5 năm 2003

**Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, đổi mới, sáng tạo
của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới***

Thưa các đồng chí,

Hôm nay, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 113 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 – 19-5-2003), tôi rất vui mừng đến thăm Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Trong thời gian này, toàn Đảng đang triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư “Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới” nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng và Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tư tưởng, lý luận. Học viện các đồng chí cũng đang tích cực chuẩn bị tổng kết hơn 10 năm nghiên cứu và giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh.

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

Đây là thời điểm toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phấn đấu làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần, tư tưởng của xã hội ta, được quán triệt sâu sắc vào các hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong thời kỳ mới.

Tại Đại hội lần thứ II của Đảng (1951), trong văn kiện của mình, Đảng ta đã xác định vai trò, ý nghĩa, giá trị to lớn của đường lối chính trị, tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đến Đại hội lần thứ VII (1991), Đảng ta khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đó là một quyết định có tầm lịch sử quan trọng thể hiện bước tiến mới trong tư duy lý luận của Đảng ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã dẫn dắt dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong thế kỷ XX, tiếp tục có ý nghĩa quyết định sự tồn tại và phát triển của Đảng, Nhà nước và xã hội Việt Nam trong thế kỷ XXI. Đại hội lần thứ IX của Đảng (2001) khẳng định: *“Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”*. Đại hội Đảng chỉ rõ:

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc,

tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”¹. Đại hội đã nêu lên những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, nổi bật nhất là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã trình bày một cách ngắn gọn, khá toàn diện từ khái niệm, cơ sở hình thành đến những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một kho tàng hết sức sâu rộng, phong phú. Hôm nay, trong khuôn khổ cuộc gặp này, tôi xin đề cập một số vấn đề cơ bản trong tư tưởng của Người, những vấn đề có ý nghĩa thiết thực, trực tiếp chỉ đạo tư tưởng và hành động của chúng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới hiện nay.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 20.

Thưa các đồng chí,

Vấn đề nổi bật xuyên suốt, nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, là ý chí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, là tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường và sáng tạo, thể hiện trước hết trong việc hoạch định đường lối, chính sách, phương pháp, bước đi của con đường cách mạng nước ta.

Từ khi ra đi tìm đường cứu nước, ngay đầu những năm 20 của thế kỷ XX, trên đất Pháp, Người đã nói: “Tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn”¹; về sau Người lại khẳng định Việt Nam là “một dân tộc đã tự cường, tự lập”².

Hơn 60 năm hoạt động cách mạng sôi nổi và sáng tạo, Người đã tiếp thụ chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với truyền thống yêu nước Việt Nam, tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường dân tộc, tìm thấy con đường cứu nước và giải phóng dân tộc duy nhất đúng đắn là: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Con đường đó đã được vạch ra từ mùa xuân năm 1930, trong những văn kiện do Người soạn thảo được Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản thông qua, trở thành Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Với Cương lĩnh đó, những nét lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành và con đường cứu nước của Việt Nam đã được khẳng định.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.97.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.39.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự thể hiện rõ nét tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Từ những năm 20 của thế kỷ trước, trong khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh đã nêu rõ rằng ở phương Đông có những đặc điểm khác với phương Tây mà thời mình Mác chưa có điều kiện nghiên cứu, đồng thời mỗi dân tộc lại có những đặc điểm riêng.

Trong Điều lệ tạm thời của Hội Liên hiệp công nhân quốc tế năm 1864 do Mác khởi thảo, một tư tưởng cơ bản được nêu lên là: “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải do bản thân giai cấp công nhân tự giành lấy”¹. Hơn 60 năm sau, trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa, Hồ Chí Minh viết: “Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”². Người vạch rõ tính chủ động của cách mạng thuộc địa đối với cách mạng chính quốc: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.24.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sổ*, t.2, tr.138.

khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”¹. Người đã chỉ ra để mỗi người Việt Nam hiểu rằng ta phải tự lực, chủ động làm cách mạng giải phóng mình, không nên chỉ trông chờ “công nông Pháp cách mệnh thành công thì nhân dân Việt Nam sẽ được tự do” mà cần chủ động “An Nam dân tộc cách mệnh thành công, thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ”. Chính những luận điểm sáng tạo, mới mẻ đó đã dẫn Hồ Chí Minh đến những quyết định lịch sử. Tháng 8-1945, khi thời cơ xuất hiện, Người ra lời kêu gọi: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”². Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong những năm kháng chiến chống xâm lược, Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần “Dựa vào sức mình là chính”. Nếu như trong đấu tranh giành chính quyền, Người đòi hỏi phải “Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” thì những năm kháng chiến chống xâm lược, tư tưởng ấy của Người là “Dân ta phải giữ nước ta”. Khi miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người chỉ rõ: “Trước đây, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, trường kỳ kháng chiến,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.48.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.596.

thì ngày nay chúng ta càng phải nêu cao tinh thần *tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà*¹.

Nhân dân Việt Nam và tất cả những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới đều biết đến câu nói mang tính thời đại của Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Người nhấn mạnh: “Mỗi một người dân phải hiểu: có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do”².

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn, độc lập, tự chủ không có nghĩa là biệt lập, đứng một mình. Ngay từ năm 1947, Người đã chủ trương: “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”³. Người đề cao việc học tập, tiếp thu sáng tạo kinh nghiệm của các đảng anh em, đồng thời phê phán mọi sự sao chép, giáo điều.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là mẫu mực của tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới và sáng tạo. Trung thành và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vượt qua những thử thách to lớn, đặc biệt là vào thời điểm chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Đảng và nhân dân ta luôn kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ngay trong lúc sóng to gió cả; nghiêm túc học tập bạn bè, những nước đi trước, những kinh nghiệm hay và phù hợp nhưng không sao chép, rập khuôn; đã xác định đường lối đổi mới với các bước đi thích hợp. Thắng lợi của 17 năm đổi mới là thắng lợi của việc vận dụng sáng tạo và phát triển

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.27.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.553, 256.

tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết trong việc xác định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong giáo dục và rèn luyện cán bộ, đảng viên.

Hiện nay, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và trước tình hình thế giới diễn biến phức tạp, nhanh chóng, trên cơ sở những quan điểm có tính nguyên tắc, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hơn bao giờ hết, càng phải phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, chúng ta đang tận dụng mọi khả năng để thu hút ngày một nhiều hơn các nguồn lực bên ngoài, nhưng cần khẳng định rằng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết là sự nghiệp của bản thân nhân dân ta, do trí tuệ và sức lực của nhân dân ta. Văn kiện Đại hội lần thứ IX viết: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách... Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước”¹.

Học tập, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta cần vận dụng tinh thần cách mạng và khoa học của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Sđd, tr.25-26.

Người để giải quyết tốt những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đổi mới hiện nay, luôn luôn gắn lý luận với thực tiễn, từ tổng kết thực tiễn mà bổ sung, làm phong phú thêm lý luận, trước hết về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta và công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

Thưa các đồng chí,

Một trong những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh là “lấy dân làm gốc”, xác định mọi quyền hành, lực lượng đều ở nơi dân; Đảng và Nhà nước cũng như mọi cán bộ, công chức phải tôn trọng, lắng nghe ý kiến nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hết lòng chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân, thật sự là người lãnh đạo và là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Phải ra sức củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc không phải là sách lược trong một thời kỳ, một giai đoạn cách mạng mà là chiến lược cơ bản lâu dài xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh vô tận của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”¹. Người đòi hỏi mỗi người, trước hết là đảng viên, phải giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất như “giữ gìn con người của mắt mình”. Đoàn kết là sức mạnh. Với truyền thống đoàn kết, sức mạnh sẽ được nhân lên, trở thành nhân tố hàng đầu để giành và giữ độc lập dân tộc, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa, thể hiện trong câu nói nổi tiếng của Người:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng đoàn kết là “điểm mẹ”. “Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”. Người nhấn mạnh: “*Công, nông, trí, cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối*”¹. Người còn chủ trương đoàn kết với tất cả những ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Trong xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân, Người chăm chú tìm kiếm, nâng niu, trân trọng những điểm tương đồng, hạn chế, giảm dần những điểm khác biệt. Nguyên tắc được Người nêu lên từ năm 1946 là: “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang”².

Tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành đường lối, chiến lược đại đoàn kết của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội lần thứ IX của Đảng, đại hội đầu tiên trong thế kỷ XXI đã nêu rõ: “Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phấn đấu để tăng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.376.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.280-281.

cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng. “Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai... Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng”¹.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) vừa qua đã ra các nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, về công tác dân tộc, về công tác tôn giáo. Các nghị quyết đó đã cụ thể hóa tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Đại hội lần thứ IX, đồng thời làm sáng tỏ thêm bằng những luận điểm mới, cách luận giải mới và giải pháp mới. Nghị quyết Trung ương 7 là sự vận dụng, phát triển tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách của sự nghiệp xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc “trường xuân bất lão”² như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra cách đây hơn nửa thế kỷ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, *Sđd*, tr.123-124.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.47.

Thưa các đồng chí,

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc tới công tác xây dựng Đảng. Trong *Di chúc*, Người viết: “Trước hết nói về Đảng”. Người rất quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng. Người cho rằng muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”. Người luôn đòi hỏi mỗi người, nhất là người cán bộ cách mạng, phải kết hợp chặt chẽ phẩm chất và năng lực, hồng và chuyên, đức và tài, trong đó đức là gốc.

Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, bất kỳ khó khăn nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách, nghị quyết của Đảng, làm gương cho quần chúng, hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Từ quan niệm về đạo đức cách mạng nêu trên, Người coi đạo đức là cội nguồn của người cách mạng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, từ bản chất của mình con người luôn hướng tới sự hoàn thiện, hướng tới chân, thiện, mỹ. Đạo đức định hướng việc hình thành nhân cách, mục tiêu, động cơ, ý chí phấn đấu của mỗi con người. Đạo đức là nhân tố quyết định giúp người cách mạng hoàn thành

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.292.

nhiệm vụ được giao; đạo đức của cán bộ, đảng viên, công chức phải được xem xét toàn diện trong mọi lĩnh vực hoạt động, từ đời công đến đời tư như sinh hoạt, học tập, lao động, chiến đấu, lãnh đạo, quản lý... Người chỉ rõ: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹.

Từ truyền thống coi trọng đạo đức của dân tộc và đức là cái gốc của người cán bộ trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta chủ trương: “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị; coi trọng cả đức và tài, đức là gốc”².

Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi “xây” phải đi đôi với “chống”, nâng cao đạo đức cách mạng đi đôi với quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Người đã căn dặn cán bộ phải chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Năm 1955, Người lại nói rằng trong đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước có những người “đang mang một ba lô

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.601.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.145-146.

chủ nghĩa cá nhân”¹. Người rất quan tâm tới ý chí, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của các cá nhân nhưng phê phán những người mắc chủ nghĩa cá nhân. Đối với những người này, bất kỳ làm việc gì cũng xuất phát từ lòng ham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, không nghĩ đến lợi ích của Đảng, của dân; họ chỉ đòi hỏi mọi người vì mình mà không nghĩ mình vì mọi người. Người cho rằng chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, “là mẹ đẻ ra mọi tính hư tật xấu”. Do đó, “thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân”. Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh gọi chủ nghĩa cá nhân là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng” và chống chủ nghĩa cá nhân “là một cuộc cách mạng nội bộ”.

Trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta rất chú trọng việc nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên. Qua rèn luyện, số đông cán bộ, đảng viên vẫn giữ được đạo đức, phẩm chất cách mạng, lối sống lành mạnh, giản dị, gần bó với nhân dân. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

Bác Hồ dạy: “Muốn được dân tin, dân phục, dân yêu, cán bộ phải tự mình làm đúng đời sống mới. Nghĩa là phải *siêng năng, tiết kiệm, trong sạch, chính đáng*. Nếu không thực hành bốn điều đó, mà muốn được lòng dân, thì cũng như bắc giầy leo trời”². Hiện nay, trong hệ thống chính trị

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.522.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.240.

của ta có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức, kể cả một số cán bộ, đảng viên cấp cao không làm được bốn điều dạy đó, mắc vào chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng. Họ đã gây thiệt hại về kinh tế, chiếm đoạt tài sản của nhân dân, xa rời nhân dân, gây phiền hà cho nhân dân, gây mất đoàn kết nội bộ, đặc biệt là làm giảm sút niềm tin của nhân dân. Đây thật sự là một nguy cơ đối với Đảng và Nhà nước ta. Cả hệ thống chính trị nói chung và mỗi cấp, mỗi ngành nói riêng cần có những giải pháp thiết thực, mạnh mẽ hơn nữa để thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX; tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách hành chính, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu; nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình và tạo điều kiện để nhân dân góp ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên, công chức; biểu dương những cán bộ, đảng viên, công chức tốt, gương mẫu, được nhân dân tín nhiệm; kiên quyết đấu tranh, xử lý kỷ luật và xét xử theo Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước những người mắc lỗi, phạm tội, bất kể họ là ai. Cán bộ, đảng viên, công chức phải tu dưỡng đạo đức suốt đời, gương mẫu chấp hành kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, có trách nhiệm với gia đình trong việc thi hành luật pháp, thực hiện bằng được điều Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong *Di chúc*: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Thưa các đồng chí,

Tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trong những tác phẩm, bài nói, bài viết và toàn bộ cuộc đời của Người. Ở Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa tư tưởng và hoạt động thực tiễn, giữa lời nói và việc làm, đồng thời Người nghiêm khắc đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải thực hiện yêu cầu đó.

Từ giữa những năm 20 của thế kỷ XX, trên trang nhất cuốn *Đường cách mệnh* - tác phẩm nhập môn của người chiến sĩ cách mạng, Hồ Chí Minh nêu 23 điều của tư cách một người cách mệnh. Điều 10 chỉ rõ: người cách mạng “nói thì phải làm”. Hai mươi năm sau, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người cho rằng bốn phận của đảng viên là “làm kiểu mẫu cho quần chúng trong mọi việc”. Chỉ có nói được, làm được, mới đến được với quần chúng. Việc làm gương mẫu của cán bộ, đảng viên là lực hút mạnh mẽ để nhân dân tin và đi theo. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói “trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”. Người thường xuyên đòi hỏi những người cộng sản phải là tấm gương sống động trong thực tiễn chứ không chỉ tiên phong trong hội trường, trên lời nói. Từ năm 1947 đến năm 1969, Hồ Chí Minh hơn 10 lần nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Cũng từ năm 1947, Người đã nhận thấy và nghiêm khắc phê phán một số cán bộ: “Chỉ biết nói là nói, nói giờ này

qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được”¹.

Là những người tiên phong, những người giữ vai trò lãnh đạo cho nên lời nói, đặc biệt là việc làm của cán bộ, đảng viên, công chức luôn được nhân dân theo dõi, coi là khuôn mẫu. Mỗi cán bộ, đảng viên và gia đình phải thật sự là tấm gương mọi mặt cho quần chúng noi theo. Nếu cán bộ, đảng viên, công chức kêu gọi nhân dân cần kiệm mà mình lười biếng, sống xa xỉ, lãng phí thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích. Người so sánh “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”².

Đối với Hồ Chí Minh, tình cảm cách mạng cao đẹp, trong sáng phải được soi sáng bằng nhận thức khoa học và được chứng minh bởi những hành động kiên quyết, dũng cảm, khéo léo để biến tình cảm, lý tưởng thành hiện thực. Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất đạo đức, là tình cảm cao quý của mỗi người đối với dân, với nước nhưng phẩm chất, tình cảm ấy phải được chứng minh bằng hành động: “Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Người dạy chúng ta quyết tâm không phải ở lời nói mà phải trong công tác, trong hành động. Để đạt được điều đó, đối với một đảng, không thể chỉ dừng lại ở chủ trương, đường lối mà phải có các biện pháp thích hợp và đặc biệt phải có quyết tâm thực hiện. Người nói: “Đường lối, chủ trương có rồi, phải có *biện pháp* thực hiện cho tốt. Chủ nghĩa xã hội là phải có biện pháp. *Kế hoạch một*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.327.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.284.

phần, biện pháp phải hai phần, và quyết tâm phải ba phần, có như thế mới có thể hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước”¹.

Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã làm thay đổi bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhân tố hàng đầu tạo nên những thành tựu đó là sự đúng đắn trong đường lối của Đảng, sự phấn đấu bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong đó có vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Tuy vậy, cần thẳng thắn chỉ ra rằng vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên, công chức chưa có sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Còn có những cán bộ, đảng viên, công chức nói nhiều làm ít, thậm chí nói một đằng làm một nẻo, nói mà không làm. Để khắc phục tình trạng này, một trong những giải pháp lớn của Đảng đã được nêu trong văn kiện Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) là: “Toàn Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành kiên quyết thực hiện: *nói đi đôi với làm, nói và làm đúng đường lối, chính sách, pháp luật*”².

Thưa các đồng chí,

Như Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.25.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 141-142.

Đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, ngày 27-3-2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị “Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”. Đây là một sinh hoạt chính trị rộng lớn, rất quan trọng cần được tổ chức chặt chẽ, khoa học, có hệ thống, trở thành nền nếp thường xuyên trong hệ thống chính trị, các lực lượng vũ trang, hệ thống nhà trường và các tầng lớp nhân dân. Nhân kỷ niệm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh năm nay, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi đề nghị toàn Đảng, các cấp, các ngành, trong đó các cấp ủy đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cùng các cơ quan tư tưởng, lý luận của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và quân đội tổ chức tốt chương trình học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần phát triển đất nước nhanh chóng và bền vững trong thế kỷ XXI và xây dựng Đảng, bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tự hào được dẫn dắt bởi một đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phấn đấu giành những thắng lợi ngày càng lớn trong sự nghiệp mà Đại hội lần thứ IX đã nêu lên: “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Xin cảm ơn các đồng chí.

Báo Nhân Dân, số 17460,
ngày 16-5-2003.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM LẦN THỨ IX**

Ngày 11 tháng 10 năm 2003

**Xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn
vững mạnh là trách nhiệm không chỉ của riêng
tổ chức công đoàn mà còn là của Đảng và Nhà nước***

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các vị khách quý và toàn thể các vị đại biểu,

Hôm nay, trong không khí cả nước sôi nổi phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi rất vui mừng đến dự Đại hội lần thứ IX Công đoàn Việt Nam. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt chào mừng các vị khách quý và toàn thể các đồng chí đại biểu Đại hội, những người đại diện tiêu biểu cho phong trào công nhân và công đoàn nước ta. Qua các đồng chí, tôi gửi tới toàn thể anh chị em công nhân, viên chức, lao động cả nước lời thăm hỏi ân cần và lời chúc sức khỏe, hạnh phúc.

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

Tôi xin gửi lời chào nồng ấm đến các vị khách quốc tế, đại diện Liên hiệp Công đoàn thế giới, đại diện các tổ chức quốc tế, công đoàn các nước trong khu vực và thế giới đến dự Đại hội, thể hiện tình hữu nghị và tình đoàn kết cao cả với giai cấp công nhân, với Công đoàn và nhân dân Việt Nam.

Tôi mong rằng công đoàn các nước trên thế giới sẽ tăng cường hợp tác, giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm với Công đoàn Việt Nam nhằm cùng nhau góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, vì các quyền dân sinh, dân chủ, vì sự tiến bộ và quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên thế giới.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đại hội lần thứ IX Công đoàn Việt Nam diễn ra vào những năm đầu thế kỷ XXI và thiên niên kỷ mới, giữa lúc chúng ta đang tiến hành tổng kết nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đại hội sẽ quyết định mục tiêu, phương hướng hành động của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam trong nhiệm kỳ 2003 - 2008, nhiệm kỳ nối tiếp hai kế hoạch 5 năm nhằm thực hiện mục tiêu đến năm 2010 đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại mà Đại hội lần thứ IX của Đảng đã xác định.

Nhìn lại chặng đường gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, chúng ta tự hào vì giai cấp công nhân và nhân dân ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn và thách thức, đưa nước ta vững bước đi lên. Những thành tựu to lớn đạt được trong mấy năm qua đã chứng minh những nhận định, định hướng, giải

pháp phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra là đúng đắn. Bằng sự nỗ lực vượt bậc, chúng ta đã giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế, đưa tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân 7%/năm, các ngành công nghiệp và nông nghiệp, dịch vụ và xuất khẩu đều có sự phát triển; hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ cấu kinh tế có những chuyển biến tích cực; các mặt văn hóa - xã hội, y tế và giáo dục đều có tiến bộ mới, góp phần làm tăng hiệu quả của nền kinh tế, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, nâng dần chất lượng cuộc sống. Trong tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp, chúng ta phải thường xuyên đối mặt với những âm mưu và hành động chống phá, nền quốc phòng và an ninh của đất nước vẫn được củng cố và tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới đạt được nhiều kết quả tốt đẹp, uy tín nước ta ngày càng nâng cao trên trường quốc tế.

Phát huy vai trò và trách nhiệm to lớn của mình trong sự nghiệp đổi mới, trong thời gian qua, giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn Việt Nam đã bền bỉ phấn đấu, hướng theo đường lối, chủ trương của Đảng và các mục tiêu, nhiệm vụ chung của đất nước mà hành động, tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Công đoàn Việt Nam. Nội dung và phương pháp hoạt động của Công đoàn đã có đổi mới, hướng mạnh về cơ sở vận động, tập hợp và chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của công nhân, viên chức, lao động. Thông qua các hoạt động công đoàn và việc tổ chức các phong trào hành động cách mạng, thi đua yêu nước, Công đoàn đã góp phần xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh. Các phong trào lao động giỏi, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa,

nhân đạo, từ thiện,... đã khơi dậy tiềm năng và tạo điều kiện cho công nhân, viên chức, lao động phát huy quyền làm chủ trong sản xuất, kinh doanh và trong quản lý cơ quan, đơn vị, thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác, xây dựng dân chủ và công bằng xã hội. Giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn đã có đóng góp quan trọng vào sự ổn định chính trị, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bồi dưỡng nguồn nhân lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, Công đoàn đã mở rộng hoạt động quốc tế, góp phần thắt chặt tình đoàn kết và sự hợp tác với các tổ chức công đoàn trên thế giới.

Thay mặt Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương những thành tích, những tiến bộ của phong trào công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn trong thời gian qua.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Báo cáo của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa VIII tại Đại hội đã đánh giá khá toàn diện phong trào công nhân và hoạt động công đoàn nhiệm kỳ 1998 - 2003. Các đồng chí đã khẳng định những việc làm được, đồng thời nghiêm túc chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém, phân tích những nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. Tôi tán thành và ủng hộ mục tiêu nêu lên tại Đại hội này là: *“Xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức lao động, góp phần tăng cường đại*

đoàn kết dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Trước yêu cầu của tình hình mới, để giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam xứng đáng là giai cấp tiên phong, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tôi nêu lên một số vấn đề để Đại hội chúng ta cùng thảo luận.

Có thể nói, chưa bao giờ giai cấp công nhân Việt Nam đứng trước cơ hội lớn và cả những thách thức lớn như hiện nay.

Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong tình hình cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới có bước tiến nhảy vọt, kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra sâu rộng, đó là tiền đề, điều kiện để công nhân, lao động nước ta có cơ hội học tập, làm việc, tiếp cận với khoa học và công nghệ hiện đại, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và trình độ quản lý. Giai cấp công nhân Việt Nam có cơ sở khách quan thuận lợi để phát triển nhanh về số lượng, nâng cao về chất lượng, đổi mới về cơ cấu, có môi trường phát huy tài năng và vai trò của mình trong thời kỳ mới.

Bên cạnh đó, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế cũng có những mặt trái của nó. Cạnh tranh sẽ diễn ra gay gắt. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, tinh giản biên chế khu vực hành chính sự nghiệp không tránh khỏi dẫn đến tình trạng lao động dôi dư. Giải quyết việc làm và nạn thất nghiệp, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động, khắc phục sự phân hóa giàu nghèo,

xử lý các tranh chấp về lao động, chống sự xâm nhập của các luồng văn hóa độc hại, bảo vệ nền văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sống và phát triển đều là những vấn đề đặt ra một cách bức xúc. Song, dù trong hoàn cảnh nào, giai cấp công nhân Việt Nam vẫn là giai cấp tiên phong, có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam, là lực lượng nòng cốt liên minh với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hình thành sức mạnh tổng hợp, quyết định phương hướng phát triển nền kinh tế quốc dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Dù làm việc ở đâu, trong lĩnh vực hoạt động nào và trong thành phần kinh tế nào, giai cấp công nhân Việt Nam vẫn là chủ nhân một đất nước độc lập, tự do, là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất mới và là lực lượng đi tiên phong trong thực hiện đường lối đổi mới, góp phần quyết định thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sứ mệnh lịch sử và vai trò tiên phong đòi hỏi giai cấp công nhân Việt Nam phải tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn bản chất và truyền thống tốt đẹp của mình, tự khẳng định tầm vóc chính trị của mình bằng việc nâng cao trình độ mọi mặt, về nhận thức chính trị, tư tưởng, về kiến thức văn hóa và khoa học - công nghệ, về kỹ năng nghề nghiệp và quản lý... Phải nắm sát và tiếp cận nhanh với tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đưa công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh và đời sống, lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, đấu tranh tích cực chống quan liêu, lãng phí, tham nhũng và những hành vi vi phạm pháp luật.

Sức mạnh của giai cấp công nhân là sức mạnh nội lực của giai cấp đồng thời cũng bắt nguồn từ sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Giai cấp công nhân Việt Nam có vai trò tiên phong lãnh đạo nhưng là một bộ phận của dân tộc, đứng trong lòng dân tộc. Lợi ích của giai cấp công nhân, trước đây, hiện nay cũng như về sau, luôn luôn thống nhất với lợi ích của dân tộc, hòa quyện trong mục tiêu chung là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Việc xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh phải đặt trong tổng thể phát huy sức mạnh toàn dân tộc, coi đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh công nhân - nông dân - trí thức do Đảng lãnh đạo là động lực chủ yếu để phát triển đất nước.

Là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất của giai cấp công nhân, viên chức và người lao động, Công đoàn Việt Nam cần nhận rõ trách nhiệm của mình tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động nhằm tập hợp lực lượng, tuyên truyền giáo dục, nâng cao năng lực và trình độ mọi mặt cho công nhân lao động, trước hết là nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ công nhân đông đảo, nhất là công nhân trẻ, trong tất cả các loại hình doanh nghiệp - doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - về truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, rèn luyện tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, hiểu biết và gương mẫu chấp hành luật pháp, làm tròn

nghĩa vụ công dân. Xây dựng cho mỗi người công nhân, mỗi tập thể và toàn thể giai cấp công nhân ý chí vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, quyết tâm làm giàu cho bản thân, cho gia đình, góp phần làm giàu cho đất nước, xã hội có đời sống văn hóa tinh thần phong phú, tốt đẹp.

Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và đặc biệt là tổ chức Công đoàn có trách nhiệm tạo các điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần, xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực khuyến khích công nhân, lao động khắc phục khó khăn, tự giác rèn luyện, tích cực tham gia các chương trình đào tạo, đào tạo lại và tự đào tạo, từng bước tri thức hóa công nhân và hình thành xã hội học tập.

Hoạt động công đoàn cần phát huy quyền làm chủ của công nhân, viên chức, lao động trong sản xuất, kinh doanh, trong việc đóng góp ý kiến của mình thông qua đại hội công nhân, viên chức, hội nghị cán bộ, công chức, thông qua việc xây dựng và ký kết thỏa ước lao động tập thể, tổ chức và đại diện cho người lao động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật ở doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị. Công đoàn phải làm tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, chủ động trong việc giải quyết tranh chấp lao động và xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ trong doanh nghiệp.

Các cấp công đoàn cần có giải pháp thiết thực đẩy mạnh hơn nữa các phong trào thi đua yêu nước, phát huy tối đa các nguồn lực trong công nhân, viên chức, lao động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kịp thời phát hiện những nhân tố và điển hình tiên tiến, phổ biến kinh nghiệm và nhân thành phong trào rộng khắp. Thông qua hoạt động của mình và

thông qua các phong trào quần chúng, Công đoàn vừa đóng góp tích cực vào việc xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, vừa làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng với quần chúng, thường xuyên giúp Đảng và Nhà nước thu nhận những thông tin từ đời sống thực tế, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của quần chúng để đề ra các chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách ấy.

Xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh là trách nhiệm không chỉ của riêng tổ chức Công đoàn mà còn là của Đảng và Nhà nước. Các cấp ủy đảng, chính quyền cần tạo điều kiện phối hợp giúp đỡ để công đoàn hoạt động thuận lợi, thực hiện tốt chức năng và vai trò của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bản thân tổ chức Công đoàn phải nỗ lực vượt bậc, đổi mới, đa dạng hóa phương thức và nội dung hoạt động sao cho thiết thực và linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng ngành, từng loại hình doanh nghiệp và đơn vị, luôn luôn gắn liền với cơ sở, với công nhân, viên chức và người lao động, khắc phục chủ nghĩa quan liêu, bệnh hình thức và “hành chính hóa”. Cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền giáo dục để người lao động, đặc biệt là công nhân lao động trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hiểu rõ về tổ chức Công đoàn, tự nguyện vào công đoàn và tham gia hoạt động công đoàn.

Đội ngũ cán bộ công đoàn vừa phải thông thạo nghiệp vụ công đoàn, có năng lực vận động quần chúng, nhiệt tình và yêu nghề, vừa phải am hiểu pháp luật, có kiến thức kinh tế, nhạy bén tiếp cận những cái mới, có bản lĩnh vững vàng, dám

đấu tranh chống lại những hiện tượng tiêu cực và sự căm dỗ về vật chất, dũng cảm bảo vệ lẽ phải, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, lao động. Để có được một đội ngũ như vậy, các cấp công đoàn phải chú trọng công tác đào tạo, có chương trình bồi dưỡng về chính trị, văn hóa, nghiệp vụ và nâng cao trình độ, bổ sung kiến thức thường xuyên cho cán bộ công đoàn. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cần chủ động phối hợp với Nhà nước nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, chính sách bảo vệ cán bộ công đoàn, quan tâm bồi dưỡng và giới thiệu cho Đảng những cán bộ, đoàn viên ưu tú trưởng thành từ phong trào công nhân.

Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn là công việc hệ trọng. Công đoàn cần làm tốt công việc ấy, xác định rõ hơn nữa vai trò của giai cấp công nhân và vị trí, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, đưa việc xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh phát triển lên một tầm cao mới.

Về đối ngoại, Công đoàn cần tích cực, chủ động hoạt động nhằm mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè năm châu, cùng phấn đấu vì mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thưa các đồng chí,

Tôi tin tưởng rằng, dưới tiêu thức **“Đoàn kết, trí tuệ, dân chủ, đổi mới”**, Đại hội lần này của Công đoàn Việt Nam sẽ đánh dấu một bước tiến mới mạnh mẽ của phong trào công nhân và công đoàn nước ta, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung: *“Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Chúc các vị khách quý và toàn thể các vị đại biểu mạnh khỏe và hạnh phúc.

Báo Nhân Dân, số 17608,
ngày 12-10-2003.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IV
HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 11 năm 2003

Hội Nông dân Việt Nam phát huy mạnh mẽ
vai trò trung tâm, nòng cốt trong phong trào
nông dân và xây dựng nông thôn mới*

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách quý, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng,
Thưa các vị khách quốc tế,

Hôm nay, tôi vui mừng đến dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Hội Nông dân Việt Nam, một sự kiện lớn trong đời sống chính trị, xã hội của giai cấp nông dân và của nhân dân nước ta. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt chào mừng các đại biểu về dự Đại hội - những cán bộ,

* Đầu đề do báo *Nhân Dân* đặt (B.T).

hội viên, nông dân ưu tú tiêu biểu cho ý chí, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, quyết tâm đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tôi xin gửi lời chào nồng nhiệt tới các vị khách quý và các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; chào mừng các vị khách quốc tế, các vị trong đoàn ngoại giao đã đến dự Đại hội, đem đến cho giai cấp nông dân và nhân dân Việt Nam tinh thần đoàn kết và hữu nghị quý báu.

Thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Kể từ khi thành lập và trải qua các thời kỳ cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện luôn đánh giá cao và khẳng định vị trí chiến lược của nông thôn, vai trò chủ lực của giai cấp nông dân mà nòng cốt là Hội Nông dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Gần 20 năm qua, thực hiện đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới trong nông nghiệp, thúc đẩy giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất ở nông thôn, xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp, giao quyền sử dụng đất lâu dài cho nông dân và khẳng định vai trò tự chủ của các hộ nông nghiệp, coi trọng đầu tư, mở rộng hệ thống khuyến nông, xây dựng các thiết chế dân chủ ở cơ sở, tạo những điều kiện thuận lợi để giai cấp nông dân sát cánh cùng giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức khai thác, sử dụng và phát huy có hiệu quả các tiềm năng về lao động, đất đai, tài nguyên rừng, biển và các nguồn lực khác, lập nên những thành tích đáng tự hào trong phát triển nông nghiệp

và xây dựng nông thôn mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trong những năm gần đây, mặc dù phải thường xuyên đối phó với thiên tai và chịu ảnh hưởng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, sản xuất nông nghiệp của nước ta vẫn liên tục tăng trưởng, phát triển toàn diện và từng bước vững chắc. Nhiều phong trào, nhiều mô hình và điển hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi đã xuất hiện ở hầu khắp các địa phương. Sản xuất lương thực có bước tiến lớn, đưa nước ta thoát khỏi tình trạng thiếu lương thực triền miên để gia nhập vào nhóm hàng đầu các nước xuất khẩu gạo. Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ ở nông thôn từng bước phục hồi và phát triển. Cơ cấu kinh tế nông thôn đang chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, hải sản tăng nhanh và ngày càng thâm nhập được nhiều hơn vào các thị trường khu vực và thế giới. Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, hệ thống trường học, trạm y tế ngày càng được mở rộng, nâng cấp và đổi mới. Bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi. Đời sống vật chất và tinh thần của đông đảo nông dân được cải thiện. Phong trào xóa đói, giảm nghèo đạt được những thành tựu rõ rệt. Các hoạt động văn hóa, thông tin không ngừng mở rộng. Hầu hết số xã trong cả nước đã có đường ô tô đến trung tâm xã, đại bộ phận số hộ được sử dụng điện, được chăm sóc y tế, được nghe phát thanh và xem truyền hình. Những thành tựu về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới cùng với những thành tựu chung của đất nước đã góp phần quan trọng vào

việc ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội Nông dân Việt Nam trong những năm qua đã có nhiều cố gắng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, ngày càng làm tốt vai trò nòng cốt, trung tâm trong các phong trào thi đua yêu nước sôi nổi và có hiệu quả của giai cấp nông dân. Hoạt động của các cấp hội đã góp phần tích cực vào việc giáo dục, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; động viên, tập hợp hàng chục triệu hội viên, nông dân hăng hái lao động sản xuất, nâng cao trình độ văn hóa, giữ vững đoàn kết, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt biểu dương những thành tựu to lớn và xuất sắc mà giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam đã đạt được trong thời gian qua. Tôi nhiệt liệt biểu dương giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, các bộ, ban, ngành, các cơ quan khoa học, các nhà doanh nghiệp đã luôn kề vai sát cánh, cùng đảm đương trách nhiệm với giai cấp nông dân làm nên những thành tích vẻ vang trên mặt trận sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ cơ bản của đất nước ta trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI là: “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Trong 10 năm tới, phấn đấu đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đảng ta cũng chỉ rõ rằng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, trước hết là công nghệ sinh học, đưa thiết bị, kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào các khâu sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái; tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp; xây dựng nông thôn dân chủ, công bằng, văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nông dân.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn là một cuộc cách mạng thực sự trong nông nghiệp và nông thôn. Cuộc cách mạng đó giải quyết đồng thời ba vấn đề cơ

bản của một chỉnh thể: nông nghiệp, nông thôn và nông dân; kết hợp một cách chặt chẽ việc phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với việc xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trong nông thôn, vừa tạo lập được một nền nông nghiệp phát triển và một nông thôn mới giàu đẹp, văn minh, hiện đại, vừa xây dựng được giai cấp nông dân vững mạnh và con người nông dân mới, người nông dân làm chủ ruộng đồng, làm chủ văn hóa, khoa học và kỹ thuật để tiến lên.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, là nhiệm vụ trực tiếp của giai cấp nông dân liên minh với giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Tôi rất vui mừng là trong những năm qua, thực hiện các nghị quyết của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giai cấp nông dân nước ta đã cùng các tầng lớp nhân dân hết lòng phấn đấu đạt được những thành tựu có ý nghĩa rất quan trọng. Tôi cũng rất vui mừng là ba phong trào thi đua lớn mà các đồng chí phát động trong nông dân đã đạt được những kết quả thiết thực. Đó là phong trào hộ gia đình nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng; phong trào nông dân xây dựng gia đình văn hóa, tham gia xây dựng làng (ấp, bản), xã văn hóa; phong trào nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng, an ninh. Gần đây, phong trào “Cánh đồng đạt giá trị sản xuất 50 triệu đồng trở lên trên một ha canh tác và hộ thu nhập đạt 50 triệu đồng trên một năm trở lên” đã được sự hưởng ứng rộng rãi. Các đồng chí đã chủ động trong việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa nhà nông,

nhà khoa học, nhà doanh nghiệp với nhà quản lý trong việc đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa.

Chúng ta cần khẳng định mạnh mẽ những thành tựu đạt được, đồng thời cũng cần thấy rõ đó mới chỉ là bước đầu. Cho đến nay, sản xuất nông nghiệp nói riêng cũng như nền sản xuất nói chung của chúng ta tuy đạt mức tăng trưởng khá, nhưng so với tiềm năng và yêu cầu thì vẫn còn một khoảng cách lớn. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch còn chậm. Trình độ khoa học, công nghệ của sản xuất nhiều mặt còn lạc hậu nên năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn thấp. Công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển còn ít; các ngành nghề và dịch vụ chưa thu hút nhiều lao động, lao động còn phổ biến là thủ công, tỷ lệ qua đào tạo thấp; thiếu việc làm ở nông thôn còn nghiêm trọng. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống ở một số vùng, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Quan hệ sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa theo cơ chế mới. Đời sống vật chất, văn hóa ở nhiều vùng nông thôn còn thấp.

Tất cả những mặt yếu kém đó cần được nhận thức đầy đủ và có kế hoạch và biện pháp khắc phục. Những chủ trương và giải pháp lớn đã được nêu trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về “Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010” phải được thấu suốt và thực hiện một cách đồng bộ. Tư tưởng “đẩy nhanh” đòi hỏi chúng ta trong một số năm phải tập trung sức làm chuyển biến tình hình,

tạo nên sự bứt phá mới để đi lên. Cùng với việc ra sức đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, cần tiếp tục xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với nội dung là khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế hộ, kinh tế trang trại và kinh tế tư nhân nói chung phát triển sản xuất hàng hóa với quy mô ngày càng lớn; khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã; tổ chức, sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước và hướng doanh nghiệp nhà nước vào việc làm ăn có hiệu quả, làm nòng cốt trong một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. Cần coi trọng việc phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị hóa nông thôn, xây dựng đời sống văn hóa - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, trong đó chú ý đầu tư thỏa đáng cho các vùng nghèo, nhất là miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đạt được mục tiêu công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị.

Thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Là tổ chức chính trị xã hội rộng lớn của giai cấp nông dân, Hội Nông dân Việt Nam có vai trò ngày càng quan trọng trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Tôi hoan nghênh và ủng hộ mạnh mẽ phương hướng và mục tiêu tổng quát mà các đồng chí nêu lên tại Đại hội lần này: *Xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh về mọi mặt, là trung tâm, nòng cốt trong phong trào nông dân và*

công cuộc xây dựng nông thôn mới; nâng cao vai trò đại diện của giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Trước mắt, Hội cần làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho hội viên, nông dân về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nhất là những chủ trương, chính sách có liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Phải làm cho cán bộ, hội viên, nông dân trong cả nước nêu cao lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, nhận thức rõ hơn về vai trò, nhiệm vụ của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; nêu cao ý chí, truyền thống lao động cần cù, sáng tạo và lòng tự hào của người nông dân Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, không ngừng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, vươn lên làm chủ kỹ thuật hiện đại, quyết không cam chịu đói nghèo, ra sức làm giàu cho gia đình, cho xã hội; tuyệt đối tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng, giữ gìn và bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân - trí thức.

Phải ra sức phát huy nội lực, khai thác những khả năng to lớn còn tiềm tàng trong nông dân, nông nghiệp và nông thôn, động viên đông đảo giai cấp nông dân tham gia các phong trào thi đua và hành động cách mạng, tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả của các phong trào đó, thường xuyên sơ kết, tổng kết kinh nghiệm để đưa phong trào chung và từng phong trào cụ thể tiến lên. Hội làm nòng cốt động

viên nông dân phát huy truyền thống đoàn kết xóm thôn, giữ gìn tình làng nghĩa xóm, tôn trọng luật pháp và hương ước nông thôn, bảo vệ môi trường thiên nhiên và các di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Đồng thời, Hội cần liên kết với các lực lượng xã hội, các doanh nhân, trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo quan tâm đến nông nghiệp và nông dân có những việc làm thiết thực hỗ trợ nông dân, nông thôn nước ta đạt bước phát triển mới.

Về tổ chức, Hội cần tập trung sức củng cố và xây dựng phát triển hội viên cả về số lượng và chất lượng, chú trọng nhiều hơn nữa vào việc xây dựng các cơ sở hội vững mạnh. Đội ngũ cán bộ các cấp của Hội, nhất là cán bộ chủ chốt, cần được quy hoạch tốt và có kế hoạch thường xuyên chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng.

Các cấp hội cần đổi mới hình thức và phương thức hoạt động; kiên quyết khắc phục chủ nghĩa hình thức và bệnh quan liêu, xa dân, xa nông dân, xa hội viên; hướng mọi hoạt động về cơ sở, sâu sát nắm chắc tình hình diễn biến ở cơ sở để kịp thời phản ánh với Đảng và Nhà nước những ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nông dân. Chúng ta hoan nghênh các cấp hội và cán bộ Hội Nông dân am hiểu công việc, nói lên được tiếng nói của nông dân, đồng thời cũng phê phán những cấp hội và cán bộ Hội, nhân danh nông dân nhưng lại không thấu hiểu những suy nghĩ, lo lắng và khúc mắc của nông dân trong sản xuất và đời sống, sống và làm việc xa rời thực tế nông thôn nước ta.

Để Hội Nông dân Việt Nam phát huy tốt hơn nữa vai trò, vị trí của mình và giai cấp nông dân tiếp tục giành được những thành tựu mới trên mặt trận sản xuất nông

ng nghiệp, xây dựng nông thôn, tôi yêu cầu các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, lãnh đạo các bộ, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi về các mặt để Hội Nông dân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các cấp ủy đảng, chính quyền và Mặt trận các cấp cần tiếp tục quán triệt và triển khai đến tận cơ sở Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa VIII) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân...” và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về “Tạo điều kiện cơ sở vật chất, cơ chế tham gia quản lý, giám sát các hoạt động của chính quyền”; về “Hội Nông dân tham gia giải quyết tố cáo, khiếu nại của nông dân...”. Đây là những chủ trương, quan điểm lớn, định hướng quan trọng của Đảng và Nhà nước để Hội Nông dân Việt Nam hoạt động có hiệu quả và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian tới.

Thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Tôi tin tưởng rằng Đại hội lần thứ IV của Hội Nông dân Việt Nam sẽ tổng kết được nhiều vấn đề lý luận mới, nhiều kinh nghiệm quý từ thực tiễn phong phú của phong trào nông dân và hoạt động của Hội Nông dân trong thời kỳ đổi mới, trên cơ sở đó đề ra phương hướng và nhiệm vụ mới, các chương trình và giải pháp hành động đúng đắn; tin tưởng rằng Hội Nông dân Việt Nam sẽ phát huy mạnh mẽ vai trò trung tâm và nòng cốt trong các phong trào nông dân và xây dựng nông thôn mới, góp phần động viên, khơi dậy khí thế thi đua sôi nổi của giai cấp nông dân trong cả nước, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2003 và cả

nhiệm kỳ 5 năm tới, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Xin chúc các đồng chí và các vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội lần thứ IV Hội Nông dân Việt Nam thành công tốt đẹp.

Báo *Nhân Dân*, số 17652,
ngày 25-11-2003.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Lời giới thiệu tập 62</i>	V
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 13 tháng 1 năm 2003	1
- Báo cáo của Bộ Chính trị số 124/TLHN, ngày 20 tháng 1 năm 2003, giải trình tiếp thu ý kiến của Trung ương về Đề án “Tình hình thực hiện và kiến nghị tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”	5
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 22-NQ/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2003	23
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 23-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”	26
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 24-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003, về công tác dân tộc	43

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 25-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003, về công tác tôn giáo 57
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 26-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003, tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 68
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 21 tháng 1 năm 2003 89
- Thông báo Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX 98
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư số 95-TB/TW, ngày 15 tháng 1 năm 2003, về kiện toàn hệ thống tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước 110
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 21-NQ/TW, ngày 20 tháng 1 năm 2003, về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010 112
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 18-CT/TW, ngày 24 tháng 1 năm 2003, về tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về công tác văn học, nghệ thuật trong tình hình mới 124
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 20-CT/TW, ngày 27 tháng 1 năm 2003, về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị trong tình hình mới 135
- Quy định của Bộ Chính trị số 60-QĐ/TW, ngày 11 tháng 2 năm 2003, về tổ chức các chuyến đi công tác cơ sở, tham

dự các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị và tiếp các đoàn đại biểu trong nước của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư	141
- Quyết định của Bộ Chính trị số 62-QĐ/TW, ngày 17 tháng 2 năm 2003, về việc bổ sung Ủy viên Tiểu ban Chỉ đạo soạn thảo văn kiện trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về Chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong tình hình mới	154
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 98-TB/TW, ngày 18 tháng 2 năm 2003, về dự án Pháp lệnh động viên công nghiệp, Pháp lệnh hành nghề y, dược tư nhân và Pháp lệnh trọng tài thương mại	156
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 21-CT/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2003, về lãnh đạo Đại hội Mặt trận các cấp và Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	159
- Quy định của Ban Bí thư số 64-QĐ/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2003, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Đảng ủy khối cơ quan Trung ương	165
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 22-CT/TW, ngày 24 tháng 2 năm 2003, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông	170
- Quyết định của Bộ Chính trị số 65-QĐ/TW, ngày 1 tháng 3 năm 2003, về việc thành lập Tiểu ban Chỉ đạo soạn thảo văn kiện trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về kiểm điểm 2 năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội IX	176
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 100-TB/TW, ngày 21 tháng 3 năm 2003, về tổ chức Đại hội nhiệm kỳ IV (2003 - 2008) của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam	180

- Quyết định của Bộ Chính trị số 67-QĐ/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2003, về việc lập ban cán sự đảng ở một số tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt 184
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị số 101-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2003, về tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới 189
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 23-CT/TW, ngày 27 tháng 3 năm 2003, về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới 192
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị số 102-TB/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2003, về kết quả nghiên cứu bước đầu vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân 200
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 103-TB/TW, ngày 1 tháng 4 năm 2003, về Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ III (nhiệm kỳ 2003 - 2007) 204
- Quyết định của Bộ Chính trị số 68-QĐ/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2003, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật 207
- Quyết định của Bộ Chính trị số 69-QĐ/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2003, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Tạp chí Cộng sản 211
- Quyết định của Bộ Chính trị số 70-QĐ/TW, ngày 3 tháng 4 năm 2003, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Báo Nhân Dân 215
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 104-TB/TW, ngày 16 tháng 4 năm 2003, về việc chuẩn bị tổ chức SEA Games 22 năm 2003 tại Việt Nam 221

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 105-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 2003, về Đề án xử lý một số vấn đề tồn đọng trong quá trình thực hiện các chính sách về nhà, đất do Nhà nước đã quản lý hoặc bố trí sử dụng trước ngày 1-7-1991	224
- Quy định của Ban Bí thư số 71-QĐ/TW, ngày 24 tháng 4 năm 2003, về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam	226
- Quyết định của Bộ Chính trị số 72-QĐ/TW, ngày 28 tháng 4 năm 2003, về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới ở Việt Nam	239
- Quyết định của Ban Bí thư số 73-QĐ/TW, ngày 29 tháng 4 năm 2003, về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	243
- Quy định của Bộ Chính trị số 74-QĐ/TW, ngày 7 tháng 5 năm 2003, tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam	246
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 24-CT/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2003, về tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới	274
- Quy định của Bộ Chính trị số 75-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 2003, về việc thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp	278
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 107-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2003, về kết quả kiểm tra công tác cán bộ	288
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 108-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2003, về việc kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai	292

-
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư số 109-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2003, về kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra năm 2002 của Ban Bí thư 296
 - Chỉ thị của Ban Bí thư số 25-CT/TW, ngày 28 tháng 5 năm 2003, về việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954 – 7-5-2004) 300
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 110-TB/TW, ngày 29 tháng 5 năm 2003, về định hướng nội dung “Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng” trình Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) 306
 - Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 111-TB/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2003, về đổi mới Website Đảng Cộng sản Việt Nam 318
 - Kết luận của Bộ Chính trị số 20-KL/TW, ngày 2 tháng 6 năm 2003, về kết quả sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XV và một số chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2005 và 2010 322
 - Kế hoạch của Ban Bí thư số 03-KH/TW, ngày 6 tháng 6 năm 2003, về kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2002 335
 - Kế hoạch của Ban Bí thư số 04-KH/TW, ngày 6 tháng 6 năm 2003, về việc kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 340
 - Quyết định của Ban Bí thư số 76-QĐ/TW, ngày 6 tháng 6 năm 2003, về việc thành lập Ban Chỉ đạo Website Đảng Cộng sản Việt Nam 345

- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 28-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2003, về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh	348
- Quyết định của Ban Bí thư số 77-QĐ/TW, ngày 19 tháng 6 năm 2003, về việc thành lập Ban Chỉ đạo giúp Ban Bí thư kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2002 và kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	363
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 2 tháng 7 năm 2003	366
- Bản trình bày của Bộ Chính trị số 149/TLHN, ngày 12 tháng 7 năm 2003, về ý kiến thảo luận của Trung ương đối với Đề án “Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công”	372
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 30-NQ/TW, ngày 12 tháng 7 năm 2003	390
- Kết luận của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 21-KL/TW, ngày 7 tháng 8 năm 2003 về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công	393
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 12 tháng 7 năm 2003	404
- Thông báo Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	413
- Quyết định của Bộ Chính trị số 78-QĐ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2003, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Cán sự Đảng Ngoài nước	421

- Quyết định của Bộ Chính trị số 79-QĐ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 2003, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương 425
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 113-TB/TW, ngày 7 tháng 7 năm 2003, về việc tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng (1-5-1904 – 1-5-2004) 429
- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 32-NQ/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2003, về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 431
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 26-CT/TW, ngày 19 tháng 8 năm 2003, về việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới 443
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị số 115-TB/TW, ngày 19 tháng 8 năm 2003, về Đề án phát hành trái phiếu chính phủ để xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Nhà nước 453
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 117-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 2003, về Đại hội IX Công đoàn Việt Nam 456
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị số 118-TB/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2003, về Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 459
- Kế hoạch của Bộ Chính trị số 05-KH/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2003, về việc kiểm tra thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai 468

- Quyết định của Ban Bí thư số 80-QĐ/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2003, thành lập Tiểu ban Chỉ đạo Trung ương kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII)	476
- Quyết định của Ban Bí thư số 81-QĐ/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2003, về thành lập Hội đồng Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật Trung ương	479
- Quyết định của Bộ Chính trị số 83-QĐ/TW, ngày 12 tháng 9 năm 2003, bổ sung Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới ở Việt Nam	485
- Kết luận của Ban Bí thư số 22-KL/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2003, về “Kết quả kiểm tra qua hơn một năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế”	487
- Kết luận của Ban Bí thư số 23-KL/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2003, về việc thực hiện các Nghị quyết số 13, 14 và 15 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX	491
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 28-CT/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2003, về vận động toàn dân tham gia mua trái phiếu chính phủ để xây dựng một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước	495
- Quyết định của Ban Bí thư số 84-QĐ/TW, ngày 1 tháng 10 năm 2003, về ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp	500
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư số 120-TB/TW, ngày 3 tháng 10 năm 2003, về kết quả 2 năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XI, phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2005 và những năm tiếp theo	512

-
- Quyết định của Ban Bí thư số 85-QĐ/TW, ngày 6 tháng 10 năm 2003, ban hành mẫu thẻ đảng viên mới 522
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 121-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2003, về dự án Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) 525
 - Nghị quyết của Bộ Chính trị số 33-NQ/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2003, về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 530
 - Quyết định của Bộ Chính trị số 86-QĐ/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2003, thành lập Ban Chỉ đạo giúp Bộ Chính trị kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai 543
 - Thông báo ý kiến của Ban Bí thư số 122-TB/TW, ngày 16 tháng 10 năm 2003, về Đại hội Hội Sinh viên Việt Nam lần thứ VII và việc lấy tháng 3 hàng năm là Tháng Thanh niên 546
 - Chỉ thị của Ban Bí thư số 29-CT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003, về việc đổi thẻ đảng viên 549
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 123-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003, về Dự án Luật thi đua, khen thưởng 555
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 124-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003, về Dự án Luật đất đai (sửa đổi) 557
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 125-TB/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003, về Dự án Luật tổ chức hội đồng

nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi), Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (sửa đổi)	559
- Kết luận của Bộ Chính trị số 24-KL/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003, về dự án tổng thể đường Hồ Chí Minh	562
- Kết luận của Bộ Chính trị số 25-KL/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2003, về Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam	568
- Kết luận của Bộ Chính trị số 26-KL/TW, ngày 24 tháng 10 năm 2003, về Chiến lược và quy hoạch phát triển ngành điện lực Việt Nam	574
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 126-TB/TW, ngày 5 tháng 11 năm 2003, về Đề án xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới	579
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư số 127-TB/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2003, về Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IV	582
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 30-CT/TW, ngày 26 tháng 11 năm 2003, về kiểm điểm tự phê bình và phê bình giữa nhiệm kỳ đối với cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	585
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 31-CT/TW, ngày 26 tháng 11 năm 2003, về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009	590
- Chỉ thị của Ban Bí thư số 32-CT/TW, ngày 9 tháng 12 năm 2003, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân	596

- Quyết định của Ban Bí thư số 88-QĐ/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2003, về việc thành lập Hội đồng Thẩm định nội dung bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý 601
- Quyết định của Ban Bí thư số 89-QĐ/TW, ngày 11 tháng 12 năm 2003, về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý 604
- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 33-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2003, về lãnh đạo thực hiện chia tách tỉnh và điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh Cần Thơ, Đắk Lắk, Lai Châu và Lào Cai 606
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 131-TB/TW, ngày 26 tháng 12 năm 2003, về lựa chọn địa điểm, dự kiến quy mô và tổ chức thực hiện dự án Trung tâm Hội nghị quốc gia 611
- PHỤ LỤC** 613
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại buổi thăm và làm việc tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2003 615
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ IX, ngày 11 tháng 10 năm 2003 634
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Hội Nông dân Việt Nam, ngày 24 tháng 11 năm 2003 645

Chịu trách nhiệm xuất bản

Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung

PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH

ThS. VŨ THỊ HƯƠNG

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: VŨ THỊ HƯƠNG

670

3VK(060) “2003”

Mã số: _____

CTQG-2016

In... cuốn, khổ 15x22 cm, tại....

Số đăng ký xuất bản: 622-2016/CXBIPH/7-07/CTQG.

Quyết định xuất bản số:...

Mã số ISBN: 978-604-57-2353-1.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2016.